

...NH LONG (Chủ biên)
...CẤN - NGUYỄN VĂN DIỆN

LÍ LUẬN GIÁO DỤC



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHAN THANH LONG (Chủ biên)
TRẦN QUANG CẤN – NGUYỄN VĂN DIỆN

LÍ LUẬN GIÁO DỤC

(In lần thứ tư)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Mã số: 01.01.415/1001 – ĐH 2013

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Lí luận giáo dục (LLGD) nhân cách con người là một chuyên ngành của Giáo dục học. Chuyên ngành này đề cập đến những vấn đề lí luận rất cơ bản trong giáo dục nhằm hình thành và phát triển những phẩm chất nhân cách của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Học phần Lí luận giáo dục I[1] trình bày một cách hệ thống những tri thức về quá trình giáo dục, bản chất, tính quy luật và các nguyên tắc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả quá trình giáo dục nói chung và các quá trình giáo dục bộ phận nói riêng. Cụ thể trong phần này sẽ nghiên cứu những vấn đề về cấu trúc, đặc điểm, bản chất, quy luật, các khâu của quá trình giáo dục, về những nội dung, yêu cầu giáo dục con người mới trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước ta hiện nay, về các phương pháp, con đường giáo dục thế hệ trẻ trong và ngoài nhà trường v.v... Nghiên cứu, tiếp cận và nắm bắt được những tri thức khoa học lí luận giáo dục hiện đại sẽ giúp cho các nhà giáo dục tổ chức, thực hiện có hiệu quả quá trình giáo dục học sinh – một vấn đề rất quan trọng về mặt lí luận giáo dục học và đặc biệt quan trọng trong thực tiễn giáo dục. Chưa bao giờ như thời kì hiện nay, công tác giáo dục thế hệ trẻ trên toàn thế giới và đặc biệt là ở các nước đang phát triển như nước ta lại phải đương đầu với nhiều thách thức lớn lao như vậy. Một trong những thách thức đó là vấn đề phát triển lí luận giáo dục hiện đại như thế nào để có thể vận dụng vào thực tiễn giáo dục xã hội nói chung và nhà trường nói riêng một cách có hiệu quả. Điều đặc biệt phải

---

(1) Chương trình đào tạo của chuyên khoa Tâm lí – Giáo dục học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Phần Lí luận giáo dục bao gồm Lí luận giáo dục I và Lí luận giáo dục II.

lưu ý trong giáo dục hiện nay là phải giáo dục về thế giới quan Mác – Lênin, niềm tin cộng sản chủ nghĩa cho thế hệ trẻ Việt Nam, làm cho họ vừa phát triển phù hợp với xu thế thời đại và đất nước vừa tìm thấy niềm vui và hạnh phúc cá nhân trong quá trình giáo dục.

Hơn 40 mươi năm tồn tại và phát triển, khoa Tâm lí – Giáo dục Trường ĐHSP Hà Nội đã đào tạo ra hàng ngàn cán bộ khoa học về lĩnh vực này (những người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy về tâm lí – giáo dục học) và họ đã có những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp trồng người. Cũng chừng ấy năm, các thế hệ cán bộ giảng dạy của khoa đã nghiên cứu, biên soạn và xuất bản hàng trăm giáo trình, chuyên khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ và sinh viên các trường Sư phạm. Tuy nhiên những giáo trình này cần phải điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, nhất là lĩnh vực lí luận giáo dục.

Chính vì vậy, một số thầy cô giáo trong bộ môn, đặc biệt là nhóm tác giả đã quyết tâm biên soạn cuốn sách này với mong muốn đáp ứng được phần nào sự đòi hỏi của thực tiễn xã hội và sự mong đợi của các bạn sinh viên các trường sư phạm, nhất là sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên khoa Tâm lí – Giáo dục. Mặc dù tập thể tác giả đã hết sức cố gắng để cuốn sách không có sai sót, nhưng chắc chắn là không thể không có những khiếm khuyết nhất định mà chúng tôi chưa nhận ra. Tập thể tác giả rất biết ơn và mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, các bạn đồng nghiệp và anh, chị em sinh viên để cuốn sách ngày một hoàn thiện.

Thay mặt nhóm tác giả

TS. Phan Thanh Long

Chủ nhiệm bộ môn LLGD

Chương 1

QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC

1. KHÁI NIỆM QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC

1.1. Khái niệm quá trình giáo dục

Trong nhà trường và các tổ chức giáo dục khác thường phải tiến hành các hoạt động giáo dục trong những không gian, thời gian nhất định, tạo nên một quá trình giáo dục (có mở đầu, diễn biến và kết thúc với những kết quả nhất định). Trong quá trình giáo dục nhất thiết phải có sự tác động qua lại giữa nhà giáo dục với tập thể và các cá nhân trẻ em. Quá trình này một mặt nhằm thoả mãn nhu cầu phát triển của mỗi cá nhân, vì lợi ích của cá nhân, đưa lại hạnh phúc cho cá nhân, một mặt phải hướng họ phát triển nhân cách theo yêu cầu xã hội. Vậy, chúng ta có thể hiểu quá trình giáo dục như sau:

Quá trình giáo dục là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục nhằm thoả mãn nhu cầu phát triển nhân cách riêng của mỗi học sinh và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội.

Sự tác động của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục là sự tác động có mục đích, có tổ chức. Đó là sự tác động có nội dung, có chương trình, có kế hoạch, có phương pháp, có sự kiểm tra, đánh giá, có sự điều chỉnh, điều khiển cho phù hợp... Tất cả những cái đó nhằm để nói lên hoạt động giáo dục là một hoạt động có tổ chức, có mục đích của con người, không phải là một hoạt động tự phát, tuỳ tiện...

Quá trình tác động của nhà giáo dục nhằm hình thành cho đối tượng giáo dục quan điểm, niềm tin, giá trị, động cơ, thái độ, hành vi thói quen... phù hợp với những chuẩn mực chính trị, đạo đức, pháp luật, thẩm mĩ, văn hóa của một xã hội nhất định, làm phát triển nhân cách học sinh theo mục đích giáo dục của xã hội. Đối với xã hội ta, quá trình giáo dục phải hướng tới việc xây dựng những nhân cách xã hội chủ nghĩa, những con người mới vừa có tri thức hiện đại, vừa có tình cảm, tâm hồn phong phú, vừa có sức khoẻ để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là những con người năng động và sáng tạo, những con người dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của cá nhân và cộng đồng... Đồng thời, quá trình giáo dục cũng phải hướng vào sự phát triển những cái độc đáo riêng của mỗi cá nhân, thoả mãn nhu cầu phát triển và đưa lại hạnh phúc cho họ.

Quá trình giáo dục là quá trình tác động qua lại một cách biện chứng giữa nhà giáo dục và đối tượng giáo dục chứ không phải là quá trình tác động một chiều từ nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục. Trong quá trình tác động này nhà giáo dục giữ vai trò chủ đạo, đối tượng giáo dục giữ vai trò tự giác, tích cực và chủ động. Giáo dục con người là sự thống nhất hữu cơ giữa ba quá trình: giáo dục, tự giáo dục và giáo dục lại. Tuổi càng nhỏ, vai trò của giáo dục càng quan trọng. Càng phát triển vai trò của tự giáo dục càng chiếm ưu thế. Giáo dục lại là quá trình nhằm uốn nắn những sai sót. lệch lạc của hai quá trình trên.

Quá trình giáo dục bao giờ cũng xuất phát từ những yêu cầu của xã hội về con người. Mỗi xã hội đều có một mẫu người lí tưởng đặc trưng cho xã hội của mình. Quá trình giáo

dục phải căn cứ vào hình mẫu con người do xã hội đề ra đó để đào tạo. Chính vì vậy, trong quá trình giáo dục, nhà giáo dục phải nắm vững các yêu cầu của xã hội để tác động giáo dục nhân cách học sinh.

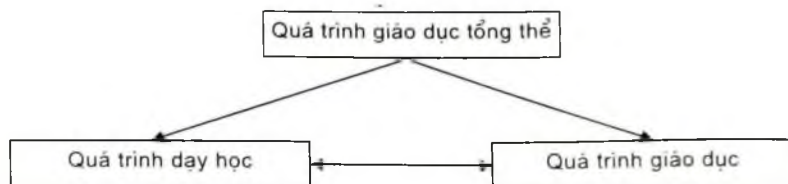
Quá trình giáo dục ở đây được hiểu theo nghĩa hẹp, là một quá trình bộ phận hữu cơ của quá trình giáo dục tổng thể (quá trình sư phạm tổng thể) bao gồm:

– Quá trình dạy học với chức năng trội là truyền thụ tri thức (về tự nhiên, về xã hội và về tư duy) và các kĩ năng, kĩ xảo tương ứng cho học sinh. Nói một cách cụ thể, chức năng trội của dạy học là "dạy chữ" và các kĩ năng, kĩ xảo tương ứng. Tuy vậy, dạy học là con đường quan trọng nhất để giáo dục nhân cách học sinh. Trong nhà trường, người ta thông qua "dạy chữ" để "dạy người".

– Quá trình giáo dục theo nghĩa hẹp với chức năng trội là làm cho học sinh có nhận thức đúng đắn về các yêu cầu, chuẩn mực xã hội, có niềm tin, thái độ phù hợp, có hành vi, thói quen hành động đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của xã hội. Nói cách khác, chức năng trội của giáo dục theo nghĩa hẹp là hình thành các phẩm chất đạo đức, niềm tin, thái độ... cho học sinh.

Giữa hai quá trình này có mối quan hệ khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau để phát triển toàn diện và hài hoà nhân cách cho thế hệ trẻ.

Mối quan hệ giữa quá trình giáo dục tổng thể và hai quá trình giáo dục bộ phận có thể được diễn đạt theo sơ đồ sau:



+ Quá trình giáo dục tổng thể bao gồm hai quá trình giáo dục bộ phận (quá trình dạy học và quá trình giáo dục theo nghĩa hẹp).

+ Quá trình dạy học được xem là một con đường, phương tiện hữu hiệu nhất để thực hiện quá trình giáo dục: trên cơ sở tiếp thu được hệ thống tri thức khoa học về tự nhiên, xã hội và tư duy để hình thành ở học sinh thế giới quan khoa học, quan điểm tư tưởng, chính trị, đạo đức, tình cảm và hành vi đúng đắn.

+ Quá trình dạy học phải dẫn đến quá trình giáo dục, là một trong những kết quả, mục đích quan trọng nhất của hoạt động giáo dục trong nhà trường. Mục đích cuối cùng của dạy học cũng nhằm vào giáo dục nhân cách con người. Đó là kết quả của quá trình thông qua "dạy chữ" để "dạy người".

1.2. Các thành tố của quá trình giáo dục

Quá trình giáo dục tổng thể (quá trình sư phạm tổng thể) cũng như các quá trình giáo dục bộ phận (quá trình giáo dục đạo đức, thẩm mĩ, lao động – kĩ thuật, quá trình dạy học, giáo dục thể chất) đều bao gồm các thành tố cụ thể. Các thành tố trong quá trình giáo dục quan hệ mật thiết với nhau, tương tác lẫn nhau, thống nhất với nhau cùng vận động và phát triển. Sự vận động và phát triển của các thành tố tạo ra sự vận động và phát triển của quá trình giáo dục

Sau đây chúng ta sẽ xem xét cụ thể từng thành tố của quá trình giáo dục.

1.2.1. Mục đích giáo dục

Mục đích giáo dục của nhà trường là một mô hình dự kiến về nhân cách học sinh do xã hội quy định. Mục đích giáo dục của nhà trường chúng ta là đào tạo những người lao động kiểu mới xã hội chủ nghĩa có những phẩm chất và năng lực nhất định để đáp ứng được các yêu cầu khách quan của xã hội, của đất nước trong các giai đoạn phát triển lịch sử. Để thực hiện được mục đích đó, nhiệm vụ giáo dục của nhà trường là phải làm hình thành và phát triển các mặt tư tưởng, chính trị, tình cảm, thái độ, hành vi đạo đức, pháp luật, trí tuệ, thể chất, lao động – kĩ thuật – nghề... góp phần phát triển toàn diện và hài hoà nhân cách học sinh. Mục đích giáo dục được thể hiện ở các tầng bậc khác nhau, cấp độ khác nhau. Đối với toàn xã hội, giáo dục nhằm mục đích nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Mục đích giáo dục còn được thể hiện cụ thể ở từng ngành học, bậc học, cấp học, lớp học, môn học, từng loại hình hoạt động cụ thể...

Có thể nói: Mục đích giáo dục trong bất kì nhà trường nào cũng là thành tố hàng đầu, là phạm trù cơ bản nhất của Giáo dục học. Nó có vai trò định hướng, quy định sự vận động và phát triển của các thành tố khác của quá trình giáo dục (nội dung, phương pháp, phương thức tổ chức, kiểm tra, đánh giá, kết quả giáo dục...) và toàn bộ phương hướng hoạt động giáo dục của nhà trường. Mục đích giáo dục được xem như là "đơn đặt hàng của xã hội" về mẫu người mà quá trình giáo dục phải tạo ra. Mục đích giáo dục là mô hình về kết

quả trong tương lai của quá trình giáo dục. Mục đích giáo dục của xã hội ta nhằm đưa lại hạnh phúc cho cá nhân và tạo ra sự phát triển xã hội.

1.2.2. Nhà giáo dục

Nhà giáo dục là chủ thể của quá trình giáo dục và giữ vai trò chủ đạo trong quá trình giáo dục. *Vai trò đó được thể hiện cụ thể như sau:*

– Nhà giáo dục là người tổ chức, điều khiển toàn bộ quá trình giáo dục. Họ là người lựa chọn nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức giáo dục và tổ chức, hướng dẫn quá trình giáo dục học sinh, đồng thời là người kiểm tra, đánh giá và giúp cho học sinh tự kiểm tra, đánh giá quá trình giáo dục.

– Quán triệt mục đích giáo dục và chuyển tải nó tới học sinh (đối tượng giáo dục).

– Định hướng sự phát triển nhân cách học sinh theo đúng mục đích giáo dục của Đảng, Nhà nước đã đề ra và mục tiêu giáo dục cụ thể của nhà trường.

– Có kế hoạch, phương pháp tổ chức hợp lí, khoa học, hệ thống các hoạt động giáo dục ở trong và ngoài nhà trường.

– Phát huy được ý thức tự giáo dục của học sinh.

– Phối hợp giữa tác động sư phạm của giáo viên với tác động giáo dục đồng bộ, thống nhất của Hội đồng sư phạm nhà trường và các lực lượng, tổ chức giáo dục khác.

Nhà giáo dục ở nhà trường là các thầy cô giáo, tập thể sư phạm, tập thể các tổ chức học sinh, ở gia đình là các bậc cha mẹ, ông bà, người lớn và các mối quan hệ khác.

1.2.3. Học sinh và tập thể học sinh với tư cách vừa là khách thể vừa là chủ thể của quá trình giáo dục

Với tư cách là khách thể, các em nhận sự tác động có định hướng, có kế hoạch, có phương pháp, có tổ chức và có hệ thống của giáo viên, của nhà giáo dục.

Với tư cách là chủ thể, các em tiếp nhận các tác động giáo dục đó một cách có chọn lọc thông qua lăng kính chủ quan của mình và tự vận động, biến các tác động, yêu cầu giáo dục từ bên ngoài thành nhu cầu được giáo dục bên trong của bản thân. Trong quá trình này, đối tượng giáo dục thể hiện vai trò tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo của mình. Tức là họ phải ý thức được nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, phải cố gắng hết sức mình, không bị động, phụ thuộc hoàn toàn vào nhà giáo dục, tự tìm ra những con đường, cách thức phù hợp với bản thân.

Quá trình giáo dục cần có sự tác động qua lại, thống nhất giữa chủ thể giáo dục (giáo viên) và khách thể giáo dục (học sinh). Thống nhất một cách biện chứng giữa vai trò chủ đạo của giáo viên và sự chủ động tự giác, tích cực, sáng tạo của học sinh. Quá trình giáo dục phải "Lấy học sinh làm trung tâm", tức là quá trình giáo dục phải tập trung vào đối tượng, hướng vào đối tượng sao cho phù hợp với các đặc điểm tâm sinh lí, với điều kiện, hoàn cảnh... riêng của họ.

1.2.4. Nội dung giáo dục

Nội dung giáo dục là hệ thống những tri thức về tự nhiên, về xã hội, về tư duy, về khoa học, kĩ thuật, công nghệ, đạo đức, lao động, thẩm mĩ, nghệ thuật... Đó là các mặt giáo dục: đức, trí, thể, mĩ, lao động – kĩ thuật, giới tính, môi

trường, dân số, pháp luật v.v... Giáo dục là làm cho học sinh có nhận thức, thái độ, quan điểm, niềm tin, hành vi,... đúng đắn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong quan hệ giao tiếp, ứng xử với thế giới tự nhiên, với xã hội, với người khác và với bản thân mình. Nói tóm lại, nội dung giáo dục là toàn bộ hệ thống kinh nghiệm lịch sử xã hội của loài người được các nhà sư phạm lựa chọn, chế biến để tổ chức cho đối tượng giáo dục hoạt động chiếm lĩnh nó, biến nó thành cái riêng của mỗi người, nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục của xã hội.

Nội dung giáo dục chịu sự quy định, chi phối, định hướng của mục đích giáo dục và được thể hiện cụ thể trong các chương trình, kế hoạch giáo dục – đào tạo và các hoạt động giáo dục ở trong và ngoài nhà trường với các mục tiêu giáo dục khác nhau. Nội dung giáo dục luôn được thay đổi, cải cách cho phù hợp với các yêu cầu khách quan của sự phát triển của xã hội, phù hợp với từng thời kì lịch sử. Nội dung giáo dục có nhiều thành phần chung cho cả nhân loại nhưng có nhiều thành phần đặc trưng cho từng dân tộc, từng đất nước, nó bị chi phối bởi các yếu tố chính trị, tôn giáo, phong tục tập quán, truyền thống văn hoá... Khi nội dung giáo dục thay đổi thì phương pháp, phương tiện giáo dục cũng phải có sự thay đổi tương ứng. Nội dung giáo dục còn quy định nội dung hoạt động của nhà giáo dục và đối tượng giáo dục.

1.2.5. Phương pháp, phương tiện giáo dục

Phương pháp, phương tiện giáo dục là những thành tố quy định hệ thống những cách thức, biện pháp, phương tiện để tổ chức cho trẻ em tự mình chiếm lĩnh các yêu cầu, nội dung giáo dục, làm hình thành và phát triển ở các em những

phẩm chất và hành vi thói quen đạo đức phù hợp với các chuẩn mực đã được xã hội quy định vừa thoả mãn nhu cầu phát triển những cái riêng độc đáo của mỗi cá nhân. Phương pháp, phương tiện giáo dục càng khoa học, hiện đại, tiên tiến thì càng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giáo dục đạt kết quả cao. Phương pháp giáo dục quy định phương pháp tiến hành hoạt động chung của nhà giáo dục và đối tượng giáo dục. Phương pháp giáo dục chịu sự quy định của nhiều yếu tố khác như mục đích, nội dung, nhà giáo dục, đối tượng giáo dục và các điều kiện, hoàn cảnh nhất định. Tuy vậy, phương pháp giáo dục cũng có tính độc lập tương đối của nó và có tác dụng chi phối ngược lại đối với các thành tố khác.

1.2.6. Kết quả giáo dục

Kết quả quá trình giáo dục là thành tố biểu hiện tập trung sự vận động và phát triển của quá trình giáo dục nói chung và sự vận động, tác động, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau giữa các thành tố của quá trình giáo dục nói riêng. Kết quả giáo dục được thể hiện trong sự hình thành và phát triển nhận thức, tình cảm, thái độ, hành vi, thói quen ở học sinh theo mục đích, nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục của nhà trường. Nếu mục đích giáo dục là dự kiến mô hình kết quả giáo dục – đào tạo mong muốn thì kết quả giáo dục là cái đã đạt được, là sản phẩm thực tế của quá trình giáo dục. Giữa mục đích giáo dục (M) và kết quả giáo dục (Kq) sẽ có các mối tương quan sau:

$$Kq \rightarrow M; Kq \approx M; Kq < M.$$

$Kq \rightarrow M$: Kết quả giáo dục hoàn toàn phù hợp với mục đích giáo dục đã đề ra.

Kq ≈ M: Kết quả giáo dục gần phù hợp với mục đích.

Kq < M: Kết quả trái (lệch hoặc ngược) với mục đích.

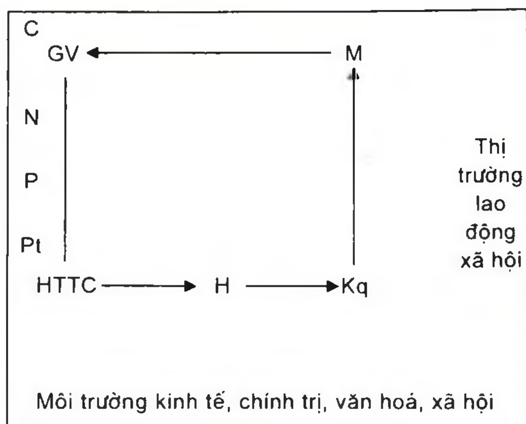
Nếu kết quả giáo dục phù hợp hoàn toàn với mục đích giáo dục đã đề ra thì quá trình giáo dục được đánh giá đạt hiệu quả tối ưu. Kết quả càng gần với mục đích thì quá trình giáo dục càng hiệu quả. Nếu kết quả đạt được không giống với mục đích đề ra thì quá trình giáo dục hoặc là không hiệu quả hoặc đạt được kết quả ngoài dự kiến, kết quả không ngờ (tuy nhiên mục đích giáo dục bao giờ cũng là hình ảnh lí tưởng, rất ít khi kết quả giáo dục lại vượt qua kì vọng của mục đích đề ra).

Các thành tố của quá trình giáo dục nêu trên liên quan mật thiết, thống nhất biện chứng và tác động qua lại, tương hỗ lẫn nhau. Mặt khác chúng lại có quan hệ và bị chi phối bởi môi trường chính trị – kinh tế – văn hóa – khoa học kĩ thuật và quan hệ sản xuất xã hội... Sản phẩm của quá trình giáo dục là nhân cách học sinh được phát triển ở một trình độ nhất định tuỳ theo mục tiêu của mỗi giai đoạn giáo dục. Sản phẩm đó phải thỏa mãn được hai tiêu chí cơ bản:

– Một là phù hợp với các chuẩn mực đã được xã hội quy định mang tính bền vững, phổ biến.

– Hai là phải đáp ứng, phục vụ kịp thời các yêu cầu tồn tại, phát triển không ngừng của xã hội và mỗi cá nhân, tạo ra sự thích ứng cao giữa cá nhân và sự biến đổi nhanh chóng trong thực tế của môi trường kinh tế – chính trị – khoa học – kĩ thuật – văn hóa – xã hội.

Từ sự phân tích các mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố của quá trình giáo dục, ta có thể thiết lập sơ đồ về mối quan hệ đó như sau:



M: Mục đích giáo dục

C: Chủ thể giáo dục (giáo viên)

H: Cá nhân và tập thể học sinh

N: Nội dung, nhiệm vụ giáo dục

P: Phương pháp giáo dục

Pt: Phương tiện giáo dục

HTTC: Hình thức tổ chức giáo dục

Kq: Kết quả giáo dục

K: Khách thể giáo dục (học sinh)

Chúng ta có thể hiểu sơ đồ trên như sau:

Giáo viên căn cứ vào mục đích giáo dục (đó là các yêu cầu về thị trường lao động xã hội) để lựa chọn nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục tác động vào cá nhân và tập thể học sinh. Quá trình tác động đó sẽ cho ra một kết quả nhất định, kết quả là một trình độ phát triển nhân cách mới của học sinh. Từ kết quả giáo dục

thu được. nhà giáo dục so sánh với mục đích giáo dục để điều chỉnh nội dung, phương pháp... tiếp tục tác động đến học sinh theo hướng mục đích. Đồng thời người học sinh cũng căn cứ vào kết quả (nhận xét, đánh giá của giáo viên, của tập thể...) để tự điều chỉnh sự phát triển của mình cho phù hợp. Quá trình giáo dục bao giờ cũng được diễn ra trong một môi trường kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội nhất định (môi trường vĩ mô).

2. BẢN CHẤT VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC

2.1. Bản chất của quá trình giáo dục

2.1.1. Cơ sở xác định bản chất quá trình giáo dục

a. *Quá trình xã hội hình thành và phát triển cá nhân con người (quá trình xã hội hóa cá nhân con người)*

Quá trình giáo dục là quá trình hình thành một kiểu nhân cách trong xã hội. Sự phát triển cá nhân con người được quy định bởi tác động qua lại của các nhân tố xã hội và nhân tố sinh học, trong đó sự ưu tiên hàng đầu thuộc về các nhân tố xã hội. Cá nhân con người được phát triển dưới ảnh hưởng của chương trình có tính chất xã hội và của sự kế thừa có tính chất xã hội. Quá trình xã hội hóa cá nhân con người là quá trình biến một con người với tư chất tự nhiên. sinh học thành một thành viên của xã hội (ứng với các giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể của xã hội) có đầy đủ các giá trị xã hội để tham gia vào các hoạt động của xã hội. Do đó muốn xác định được bản chất của quá trình giáo dục phải xuất phát từ cơ chế có tính xã hội của nó là sự truyền đạt và lĩnh hội các kinh nghiệm lịch sử – xã hội của các thế hệ trước trong các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. nhờ đó cá

nhân chiếm lĩnh được các giá trị văn hóa của loài người, biến nó thành nhân cách.

b. Quan hệ sư phạm

Quá trình giáo dục luôn có mối quan hệ giữa nhà giáo dục và người được giáo dục (hoặc tập thể) gọi là quan hệ sư phạm – một loại quan hệ xã hội. Quan hệ sư phạm này luôn luôn chịu sự chi phối của các quan hệ chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học – kĩ thuật... đặc biệt là những quan hệ chính trị – xã hội. Quan hệ sư phạm là cơ sở để xác định bản chất của quá trình giáo dục là phải thống nhất giữa hai mặt (tác động giáo dục của nhà giáo dục và sự tự giác, tích cực tiếp nhận, tự điều chỉnh của người được giáo dục) của quá trình giáo dục. Quá trình giáo dục phải thiết lập được mối quan hệ sư phạm giữa nhà giáo dục với người được giáo dục (giữa người dạy và người học) mới thực hiện được quan hệ giữa người học với thế giới hiện thực, người học mới chiếm lĩnh được những giá trị của nền văn hóa nhân loại biến nó thành những giá trị (phẩm chất, năng lực) của mỗi cá nhân con người. Chúng ta phải xuất phát từ hai mặt quan hệ, tác động qua lại biện chứng này để xem xét bản chất của quá trình giáo dục.

2.1.2. Bản chất của quá trình giáo dục

a. Quá trình giáo dục – một quá trình xã hội hình thành con người

Quá trình giáo dục nhằm hình thành và phát triển cá nhân con người trở thành những thành viên xã hội. Những thành viên đó phải thỏa mãn được hai mặt: vừa phù hợp (thích ứng) với các yêu cầu của xã hội ở mỗi giai đoạn phát triển vừa có khả năng tác động cải tạo, xây dựng xã hội làm

cho nó tồn tại và phát triển. Những nét bản chất của cá nhân con người chính là do các mối quan hệ xã hội hợp thành. Quá trình giáo dục là quá trình làm cho người được giáo dục (học sinh) ý thức được các quan hệ xã hội và các giá trị của nó để rồi biết vận dụng vào các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, văn hóa – xã hội, đạo đức, tôn giáo, pháp luật, gia đình, ứng xử... nhằm thỏa mãn nhu cầu của cá nhân và yêu cầu của xã hội.

Nét bản chất rất cơ bản của quá trình giáo dục những phẩm chất nhân cách xã hội chủ nghĩa là làm cho học sinh có ý thức đúng đắn, đầy đủ về các quan hệ xã hội (trong đó quan trọng là các quan hệ chính trị – tư tưởng, kinh tế, pháp luật, đạo đức), về các nội dung chuẩn mực, ý nghĩa xã hội của nó và biết vận dụng đúng đắn các yêu cầu, các quy định của xã hội trong các lĩnh vực hoạt động và đời sống xã hội. Quá trình vận dụng, trải nghiệm các quan hệ xã hội đó sẽ giúp học sinh (người được giáo dục) tích lũy được kinh nghiệm xã hội (thực tiễn), có nhu cầu, và biết thể hiện đúng đắn các quan hệ xã hội trong hoạt động, đời sống của cá nhân và vào việc cải tạo xã hội. Chính trong quá trình tham gia vào các quan hệ xã hội như vậy sẽ giúp cho học sinh khẳng định những quan hệ xã hội mới xã hội chủ nghĩa trong mọi lĩnh vực của cuộc sống và biết loại bỏ khỏi bản thân những quan niệm, những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, tàn dư của kiểu nhân cách cũ không còn phù hợp với xã hội đương thời. Quá trình đó lại tạo ra sự phát triển cho mỗi cá nhân và cả xã hội.

b. Quá trình giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống, hoạt động và giao lưu của học sinh

Quá trình giáo dục là quá trình làm hình thành cái bản

chất người – bản chất xã hội trong mỗi cá nhân một cách có ý thức, là quá trình tổ chức để mỗi cá nhân chiếm lĩnh được các lực lượng bản chất xã hội của con người được biểu hiện ở toàn bộ các quan hệ xã hội của họ (cá nhân hóa các loại quan hệ xã hội). Triết học mác-xít đã khẳng định: Bản chất xã hội của con người chỉ có được khi nó tham gia vào đời sống xã hội đích thực thông qua hoạt động và giao lưu ở một môi trường văn hóa (văn hóa vật chất và tinh thần). Do đó việc tiếp cận với bản chất quá trình giáo dục buộc chúng ta phải xem xét quá trình tổ chức đời sống, hoạt động và giao lưu của đối tượng giáo dục như thế nào. Quá trình giáo dục luôn gắn liền với quá trình sống, hoạt động của con người ở ba dạng thức sau:

– Nhà giáo dục và các lực lượng giáo dục tổ chức, thực hiện quá trình giáo dục đối với tập thể và cá nhân trẻ em.

– Quá trình sống, hoạt động và giao lưu của mỗi cá nhân giúp họ tự tích lũy được các giá trị, văn hóa, xã hội.

– Tự rèn luyện, tự giáo dục để khẳng định, cải tạo bản thân mình.

Mỗi cá nhân con người đều sống trong một môi trường lịch sử xã hội cụ thể. Quá trình giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống cho mỗi cá nhân hoặc một nhóm, một tầng lớp xã hội theo các chuẩn mực, các yêu cầu của sự phát triển xã hội, làm cho cá nhân biết sống phù hợp với các quan hệ xã hội. Đó chính là sự thích ứng, thích nghi của cá nhân với xã hội do quá trình giáo dục tạo nên.

Hoạt động và giao lưu là hai mặt cơ bản, thống nhất trong cuộc sống của con người và cũng là điều kiện tất yếu của sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân.

Tâm lí học đã khẳng định: hoạt động và giao lưu vừa là nguồn gốc vừa là động lực của sự hình thành và phát triển nhân cách. Hoạt động và giao lưu cũng là nơi bộc lộ nhân cách. Các thuyết về hoạt động đã chứng tỏ là con người muốn tồn tại và phát triển phải có hoạt động và giao lưu. Nếu các hoạt động và giao lưu của cá nhân (hoặc nhóm người) được tổ chức một cách khoa học với các điều kiện, phương tiện hoạt động tiên tiến, phong phú, cá nhân được tham gia vào các hoạt động và giao lưu đó thì sẽ có nhiều cơ hội tốt cho sự phát triển con người. Sống thì phải hoạt động. Hoạt động thì lại phải giao lưu, vì bất kì một hoạt động nào của con người cũng đều phải đặt vào (có quan hệ) những mối quan hệ xã hội và những hình thái giao lưu nhất định. Ví dụ hoạt động dạy học trong nhà trường là góp phần vào việc giáo dục – đào tạo những con người để phục vụ cho xã hội sau này. Hoạt động dạy học đó rõ ràng là có mối quan hệ gắn bó với các quan hệ xã hội, với mục đích xã hội là phải trả lời được câu hỏi của xã hội đặt ra là dạy cái gì? Dạy như thế nào và dạy để làm gì? Trong hoạt động dạy học lại diễn ra các hình thái giao lưu giữa kho tàng văn hóa nhân loại với thầy và trò, giao lưu giữa hai mặt hoạt động dạy và học, giữa thầy và trò và giữa các người học với nhau... và giữa họ với xã hội.

Chính vì vậy quá trình giáo dục vừa mang tính chất của hoạt động vừa mang tính chất của giao lưu. Con người hoạt động và giao lưu như thế nào thì có bộ mặt nhân cách như thế ấy. Giáo dục là một quá trình tác động qua lại mang tính xã hội giữa nhà giáo dục và người được giáo dục, giữa những người được giáo dục (học sinh) với nhau và với các lực lượng, các quan hệ xã hội trong và ngoài nhà trường.

Thực tiễn giáo dục ở các trường giáo dưỡng (giáo dục trẻ em phạm pháp), các trung tâm giáo dục lao động (các trung tâm cai nghiện bắt buộc). Các trung tâm bảo trợ xã hội (giáo dục, giúp đỡ những trẻ em lang thang cơ nhỡ),... đã khẳng định: do có sự tổ chức tốt đời sống hoạt động và giao lưu của đối tượng giáo dục tại các cơ sở đó và do đã xác lập được các mối quan hệ xã hội tốt đẹp qua nhiều hình thức hoạt động và giao lưu nên đã đạt được hiệu quả giáo dục cao và biến những con người đã mắc rất nhiều sai lầm, tội lỗi, thói hư, tật xấu, tiền án, tiền sự... thành những con người tốt, lương thiện và có ích cho xã hội. Thực tiễn này đã làm sáng tỏ thêm bản chất của quá trình giáo dục là tổ chức đời sống, hoạt động và giao lưu của học sinh (đối tượng giáo dục) nhằm giúp họ có nhận thức đúng, tạo lập được tình cảm, thái độ đúng và hình thành những hành vi, thói quen phù hợp với yêu cầu, chuẩn mực xã hội. Thực tiễn giáo dục học sinh có hành vi lệch chuẩn ở các trường giáo dưỡng ở nước ta còn là minh chứng sinh động cho sự xác định đúng đắn bản chất của quá trình giáo dục là tổ chức đời sống và hoạt động cho trẻ là chuẩn xác.

c. Quá trình giáo dục thực chất là quá trình giúp trẻ biến các yêu cầu khách quan của xã hội thành yêu cầu chủ quan của cá nhân

Các chuẩn mực, các quy tắc... của xã hội vốn tồn tại khách quan bên ngoài đứa trẻ, độc lập với đứa trẻ. Đứa trẻ mới sinh ra, trong bản thân nó không hề có lòng yêu quê hương, tinh thần lao động, ý thức kỉ luật, tình yêu thương con người, lương tâm, nghĩa vụ, trách nhiệm... Nói cách khác, đứa trẻ mới sinh ra ý thức, nhân cách của nó chưa có gì cả. Quá trình đứa trẻ lớn lên trong môi trường văn minh

của xã hội loài người, thẩm thấu những những giá trị văn hoá của loài người để tạo ra nhân cách của chính mình – quá trình đó là quá trình xã hội hoá con người. Giáo dục là quá trình xã hội hoá con người một cách có mục đích, có ý thức, là con đường xã hội hoá con người cơ bản và quan trọng nhất. Đó là quá trình giúp trẻ biến những yêu cầu khách quan của xã hội thành ý thức, thành niềm tin và thái độ, thành những thuộc tính, những phẩm chất nhân cách của cá nhân. Ví dụ, yêu Tổ quốc là một chuẩn mực của xã hội vốn tồn tại bên ngoài đứa trẻ, giáo dục là nhằm biến chuẩn mực này thành một phẩm chất, một thuộc tính nhân cách của đứa trẻ, làm cho đứa trẻ có lòng yêu Tổ quốc... Con người được giáo dục tốt trong xã hội là con người có các phẩm chất, năng lực phù hợp với các chuẩn mực, các quy tắc của xã hội.

Để giúp trẻ biến các yêu cầu khách quan của xã hội thành yêu cầu chủ quan của cá nhân, nhà giáo dục phải thông qua quá trình tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao lưu cho các em theo một nguyên tắc nhất định, do xã hội quy định. Chẳng hạn, đối với xã hội chúng ta, việc tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao lưu cho trẻ phải theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, thông qua đó để đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa. Thực chất giáo dục là quá trình nhà giáo dục thông qua tổ chức các hoạt động để định hướng các giá trị xã hội cho trẻ.

2.2. Đặc điểm quá trình giáo dục

Quá trình giáo dục diễn ra với nhiều đặc điểm đặc trưng khác nhau. Việc hiểu biết các đặc điểm này sẽ giúp cho nhà giáo dục tiến hành giáo dục có hiệu quả cao hơn. Sau đây chúng ta sẽ xem xét một số đặc điểm cơ bản của quá trình giáo dục.

2.2.1. Giáo dục là một quá trình có tính lâu dài

Quá trình giáo dục nhằm hình thành những phẩm chất, những nét tính cách của cá nhân, nên nó đòi hỏi một thời gian lâu dài mới đạt được kết quả. Tính chất lâu dài của quá trình giáo dục được xem xét ở các góc độ sau:

– Quá trình giáo dục được thực hiện trong suốt cả cuộc đời con người, từ lúc sinh ra cho đến khi không còn sống nữa – giáo dục suốt đời. (Thậm chí ngày nay người ta còn nói đến vấn đề *thai giáo*, tức là giáo dục ngay từ trong thai nhi. Có nhiều thí nghiệm chứng tỏ ngay từ trong thai nhi đứa trẻ đã có những tiếp nhận những kích thích từ bên ngoài).

– Ngay cả việc hình thành một phẩm chất nhân cách cũng cần có thời gian lâu dài. Việc hình thành và trở nên bền vững, ổn định của một hành vi, thói quen của cá nhân đòi hỏi một thời gian lâu dài đi từ nhận thức đến niềm tin, thái độ đến hành vi, thói quen. Công việc đó không thể một sớm, một chiều mà có ngay được. Giáo dục – đào tạo sớm, liên tục, kéo dài và có phương pháp, phương tiện khoa học phù hợp cho một hoạt động thì sẽ thành công.

– Quá trình hình thành một phẩm chất nhân cách đòi hỏi một thời gian lâu dài, việc sửa đổi, cải tạo một nét nhân cách lại đòi hỏi lâu dài hơn. Việc sửa chữa, thay đổi những nếp nghĩ; thói quen cũ, lạc hậu, không đúng, nhất là những thói quen – hành vi xấu đã bị tiêm nhiễm từ lâu thường diễn ra dai dẳng, trở đi trở lại mãi trong ý thức, hành vi của mỗi người, nên càng khó khăn và lâu dài (ví dụ cai nghiện ma túy đối với thanh thiếu niên là vô cùng khó khăn, phức tạp và phải có thời gian).

– Những phẩm chất mới của nhân cách (nhận thức, niềm

tin, động cơ đúng, tình cảm mới...) chỉ có được và trở nên vững chắc khi người được giáo dục tiếp nhận và trải qua một thời gian tập luyện, thể nghiệm và thể hiện, đấu tranh bản thân (đấu tranh động cơ) trong cuộc sống thực để trở thành kinh nghiệm sống của chính mình càng đòi hỏi một thời gian lâu dài. Đó là thời gian để trải nghiệm và rút ra bài học, để biến nhận thức trở thành niềm tin...

– Kết quả tác động, giáo dục, nhất là các tác động nhằm hình thành nhận thức mới, niềm tin... thường khó nhận thấy ngay (khó đánh giá, lượng hóa một cách cụ thể) và có khi kết quả đó lại bị biến đổi hoặc mất đi. Do đó công tác giáo dục phải được tiến hành bền bỉ, liên tục theo một kế hoạch ổn định, lâu dài đồng thời trong quá trình giáo dục lại phải phát huy được cao độ tính tự giác, nỗ lực tự giáo dục kéo dài, liên tục "không có giải lao" của người được giáo dục (học sinh) thì mới đạt được hiệu quả giáo dục. Kinh nghiệm thực tiễn giáo dục – cải tạo đã chứng tỏ điều đó.

Chính quá trình giáo dục đòi hỏi phải có thời gian lâu dài nên trong quá trình giáo dục, nhà giáo dục không được nôn nóng, vội vàng đốt cháy giai đoạn. Nhà giáo dục cần phải có đức tính kiên trì, bền bỉ, có tính tự kiềm chế cao.

Cần phải có quá trình lâu dài mới đánh giá được hiệu quả giáo dục. Đặc biệt phải thận trọng khi nhìn nhận đánh giá con người. Một người đang tốt thì không thể xấu ngay được. Ngược lại, một người đang xấu thì cũng không hy vọng tốt ngay được. Giáo dục bao giờ cũng có tính quán tính của nó, tức là phải có thời gian hợp lí mới có sự thay đổi nhất định. Sự lâu dài của giáo dục là do tính quán tính của nó và tính phức tạp của các điều kiện khách quan và chủ quan khác nhau tác động đến đối tượng giáo dục.

2.2.2. Giáo dục là một quá trình có tính phức tạp

Hoạt động giáo dục – đào tạo con người tương lai cho xã hội là một hoạt động đầy khó khăn và phức tạp.

– Tính phức tạp của quá trình giáo dục trước hết nằm ở đối tượng của nó. Đối tượng của quá trình giáo dục là con người, mà thực chất là tâm hồn con người, cái người khác không trực tiếp nhìn thấy được (Tri nhân, tri diện, bất tri tâm). Còn đối tượng của các quá trình hoạt động khác có thể nhìn thấy một cách trực quan, có thể tri giác trực tiếp. Quá trình giáo dục tạo ra sự chuyển biến trong tâm hồn mỗi con người cũng không thể đánh giá ngay được, khó định tính định lượng được một cách rõ ràng. Mỗi cá nhân con người là một thế giới đầy bí ẩn và hết sức phức tạp, đòi hỏi phải có thời gian và điều kiện mới có thể nhận thức được.

– Thứ hai, kết quả quá trình giáo dục chịu sự tác động của rất nhiều nhân tố khách quan, chủ quan, bên trong, bên ngoài... khác nhau.

Các nhân tố khách quan là: các sự kiện, quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng – văn hóa, phong tục, tập quán..., các hoạt động giáo dục ở trong và ngoài nhà trường, các nội dung thông tin – văn hóa – nghệ thuật tuyên truyền qua các phương tiện và các kênh thông tin khác nhau. Các yếu tố khách quan này tác động đến quá trình giáo dục với nhiều mức độ khác nhau và đều có tác động giáo dục đến học sinh. Nó có thể thống nhất hỗ trợ cho quá trình giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao, cũng có thể có mâu thuẫn, làm hạn chế, suy giảm, thậm chí làm vô hiệu hóa kết quả của quá trình giáo dục của nhà trường. Ví dụ, các quan hệ tốt đẹp trong xã hội mới tạo thuận lợi cho quá trình giáo dục các

giá trị nhân văn, lí tưởng cao cả cho học sinh. Ngược lại. các quan hệ phức tạp đầy mâu thuẫn trong xã hội cũ, những tác động tiêu cực của các văn hoá phẩm đồi truỵ. các hiện tượng tiêu cực của xã hội... sẽ làm giảm hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Thậm chí những tác động này còn triệt tiêu ảnh hưởng của giáo dục nhà trường và hình thành những khuynh hướng phát triển nhân cách không có lợi cho xã hội và ảnh hưởng đến hạnh phúc cá nhân.

Các nhân tố chủ quan của quá trình giáo dục như: các thành tố của quá trình giáo dục (mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện, cách tổ chức...) được chủ thể và khách thể quá trình giáo dục (giáo viên và học sinh) tác động để nó vận hành và phát triển nhằm đem lại hiệu quả cho quá trình giáo dục, các yếu tố tâm lí, trình độ được giáo dục, điều kiện, hoàn cảnh riêng tư... của người được giáo dục, các mối quan hệ sư phạm được tạo ra trong quá trình tác động qua lại giữa học sinh với giáo viên, giữa học sinh với các lực lượng giáo dục khác (môi trường sư phạm...). Theo quan điểm triết học mác-xít thì các yếu tố này là nguyên nhân chủ quan giữ vai trò quyết định trực tiếp sự phát triển nhân cách cá nhân.

Vì vậy. trong quá trình tiến hành giáo dục, nhà giáo dục cần quan tâm đến các điều kiện. các yếu tố bên trong. bên ngoài của quá trình giáo dục. Đó là các điều kiện kinh tế, chính trị. tôn giáo. phong tục. tập quán, văn hoá.... đặc điểm tâm sinh lí. hoàn cảnh sống. điều kiện gia đình... của đối tượng. Muốn giáo dục có hiệu quả. nhà giáo dục phải hiểu đối tượng. nắm bắt được đối tượng.

– Thứ ba. kết quả quá trình giáo dục không nhìn thấy

ngay được, không đánh giá ngay được. Kết quả của quá trình giáo dục là sự phát triển nhân cách của đối tượng giáo dục, là những cái rất khó định tính, định lượng một cách chính xác. Kết quả giáo dục phải có thời gian, có điều kiện, hoàn cảnh mới bộc lộ ra ngoài. Vì vậy, việc đánh giá con người, đánh giá kết quả quá trình giáo dục phải hết sức thận trọng, đòi hỏi phải có những phương pháp phù hợp, phải có thời gian và hoàn cảnh. Kết quả của hoạt động giáo dục nhiều khi không tỉ lệ thuận với cường độ lao động, với sự đầu tư... Tất cả những điều đó nói lên tính khó khăn, phức tạp của quá trình giáo dục.

2.2.3. Quá trình giáo dục bao giờ cũng mang tính cụ thể

Quá trình giáo dục được thực hiện trong cuộc sống, hoạt động và giao lưu của mỗi cá nhân con người. Với tư cách là người được giáo dục, tiếp nhận các tác động giáo dục theo những quy luật chung, mang tính khái quát, đồng thời giáo dục lại phải chú ý đến những điểm riêng biệt, cụ thể của đối tượng thì mới có hiệu quả do tránh được những tác động giáo dục một cách cứng nhắc, công thức, giáo điều. Tính cụ thể của quá trình giáo dục được thể hiện như sau:

– Tác động giáo dục theo từng cá nhân người được giáo dục với những tình huống giáo dục cụ thể, riêng biệt.

– Mỗi học sinh đều là một cá nhân có tính độc lập tương đối của nó về trình độ được giáo dục, về kinh nghiệm sống, về thái độ, tình cảm, thói quen... nên quá trình tác động giáo dục phải phù hợp với cái riêng – cụ thể đó của họ. Giáo dục phải sát, phù hợp với đối tượng chính là thể hiện sự nhận thức đúng đắn về đặc điểm này của quá trình giáo dục.

– Công tác giáo dục phải tính đến những đặc điểm của từng loại đối tượng cụ thể: đặc điểm tâm lí lứa tuổi, điều kiện hoàn cảnh sống, những diễn biến phức tạp, éo le của từng tình huống cụ thể để nhà giáo dục có thể nhìn thấy hoặc dự đoán những nguyên nhân (sâu xa và trước mắt) của các biểu hiện (tốt, xấu) của thái độ, hành vi, thói quen... từ đó mới có biện pháp phù hợp – hữu hiệu giống như phác đồ điều trị bệnh của bác sĩ vậy.

– Quá trình giáo dục luôn phải giải quyết các mâu thuẫn xung đột cụ thể giữa yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục và phẩm chất năng lực, tâm lí chủ quan của người được giáo dục. Mâu thuẫn trong quá trình giáo dục thường nảy sinh khi học sinh phải giải quyết một nhiệm vụ giáo dục mới nhưng trình độ được giáo dục hiện có lại chưa đủ.

– Quá trình giáo dục phải đặc biệt chú ý rèn luyện, luyện tập phương thức, thao tác, kĩ năng thể hiện các yêu cầu, nội dung, chuẩn mực xã hội về nhiều mặt, nhiều lĩnh vực trong đời sống của cá nhân, biến những yêu cầu đó từ bên ngoài thành nét tính cách riêng, độc đáo của mỗi con người. Đó cũng chính là kết quả phải đạt được của quá trình giáo dục.

– Quá trình giáo dục được diễn ra trong thời gian, thời điểm, không gian với những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

– Kết quả giáo dục cũng mang tính cụ thể đối với từng loại đối tượng giáo dục, đối với từng mặt, từng yêu cầu giáo dục hoặc tổng quát trọn vẹn của một quá trình giáo dục cho những đối tượng cụ thể. Ví dụ, quá trình giáo dục nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho trẻ em không thể giống như đối với người lớn được.

Vì giáo dục mang tính cá biệt, cụ thể, tức là giáo dục phải phù hợp với từng cá nhân cụ thể, từng điều kiện hoàn cảnh cụ thể mới có hiệu quả nên trong quá trình giáo dục, nhà giáo dục phải thực sự thương yêu học sinh, quan tâm sâu sát học sinh để hiểu tường tận về các em. Để hiểu biết về học sinh, giáo viên có thể thông qua nhiều cách thức khác nhau như thông qua hồ sơ học sinh, thông qua Hội cha mẹ học sinh, thông qua chính quyền địa phương, cơ quan cha mẹ học sinh... Có hiểu học sinh mới có thể cá biệt hoá giáo dục, mới có cách thức tác động phù hợp với từng đối tượng...

2.2.4. Quá trình giáo dục luôn phải giải quyết rất nhiều mâu thuẫn

Giáo dục là một quá trình rất phức tạp và khó khăn vì nó luôn diễn ra với nhiều mâu thuẫn.

– Mâu thuẫn giữa yêu cầu, quy chuẩn chung của xã hội với nguyện vọng, nhu cầu của cá nhân.

Quá trình giáo dục là quá trình làm cho mỗi cá nhân ý thức, chuyển tải các yêu cầu giáo dục từ bên ngoài (yêu cầu của xã hội thành yêu cầu bên trong, thành nhận thức, niềm tin, động cơ, xu hướng...) của cá nhân. Học sinh, trẻ em nói chung có thể tiếp nhận các yêu cầu giáo dục của nhà trường, gia đình... với các mức độ khác nhau: thích thú, bắt buộc, nghĩa vụ, không muốn thực hiện hoặc chống đối lại v.v... Trong thực tế giáo dục có những việc học sinh không thích nhưng vẫn buộc phải làm; hoặc ngược lại có những cái, những việc học sinh mong muốn nhưng lại bị ngăn cấm..., từ đó nảy sinh loại mâu thuẫn rất phổ biến trong quá trình giáo dục là mâu thuẫn giữa yêu cầu chung của xã hội với nguyện vọng, nhu cầu của cá nhân. Ví như giáo dục đạo đức xã hội yêu cầu mỗi cá nhân phải tích cực tham gia đóng góp

công sức vào các công tác xã hội, tập thể; nhưng cơ chế xã hội hiện nay lại có quá nhiều người chỉ tích cực hoạt động vì lợi ích của cá nhân mình, còn tính tích cực xã hội thì lại bị giảm sút thậm chí "đóng băng". Trong giáo dục không phải bao giờ, bất kì lúc nào cái chung, cái yêu cầu phải thực hiện cũng luôn phù hợp, đáp ứng được nguyện vọng của cá nhân. Rất nhiều yêu cầu, quy định của xã hội bắt buộc mỗi người phải thực hiện là vì lợi ích chung, vì quyền lợi của xã hội, của một giai cấp đang thống trị. Nhưng vì cá nhân không được giáo dục, không ý thức được tính tất yếu của các yêu cầu đó nên hoặc là họ bàng quang, hoặc không thực hiện, chống đối. Vấn đề đặt ra là chỉ khi nào những yêu cầu của xã hội (yêu cầu giáo dục) mang tính khách quan, tiến bộ, thực sự vì mọi người thì sẽ được cá nhân tiếp nhận một cách tự giác, tích cực hơn.

– Mâu thuẫn giữa nhu cầu và khả năng thực hiện của mỗi cá nhân.

Cá nhân con người nào cũng luôn luôn có nhiều mong muốn, nhu cầu, nguyện vọng. Giữa cái mong muốn và khả năng có thể đạt được luôn có những mâu thuẫn. Thông thường thì có kiểu mâu thuẫn "lực bất tòng tâm" (muốn làm điều gì đó nhưng sức lực điều kiện không có hoặc không theo kịp, không tương ứng). Trong giáo dục đó chính là mâu thuẫn giữa một bên là yêu cầu giáo dục đang đặt ra mâu thuẫn với trình độ được giáo dục hiện có của cá nhân. Mâu thuẫn này thường biểu hiện, nảy sinh khi:

+ Phải thực hiện một yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục mới, nhưng trình độ được giáo dục (kinh nghiệm) đã có chưa tương ứng, chưa thể giải quyết được.

+ Có nhu cầu muốn thực hiện nhiệm vụ do nhà giáo dục đề ra, nhưng tri thức, kĩ năng, thao tác chưa vững vàng, hoặc chưa có nên làm không được, không đúng, sai so với yêu cầu.

+ Trình độ được giáo dục trước đó không phù hợp với yêu cầu giáo dục mới, nên làm theo kinh nghiệm đã có (tức là thói quen cũ) dẫn đến kết quả lệch chuẩn mực mới.

+ Mâu thuẫn giữa lí thuyết và thực hành, thực tế.

– Mâu thuẫn giữa các thành tố và sự vận hành của nó trong quá trình giáo dục.

Loại mâu thuẫn này nằm bên trong quá trình giáo dục và thường thấy khi thực hiện một quá trình giáo dục nhất định. Ví dụ, trong quá trình giáo dục luôn luôn xuất hiện các mâu thuẫn sau: Mục đích, yêu cầu giáo dục đặt ra thì cao mâu thuẫn với điều kiện, phương tiện còn thấp, lạc hậu. Phương pháp giáo dục mới mâu thuẫn với trình độ nghiệp vụ sư phạm của thầy còn lạc hậu, việc sử dụng các trang thiết bị kĩ thuật hiện đại còn nhiều hạn chế dẫn đến tư tưởng ngại đổi mới phương pháp hoặc nếu có đổi mới thì cũng kém hiệu quả, hình thức chủ nghĩa. Nội dung giáo dục đã đổi mới, hiện đại mâu thuẫn với phương pháp, phương tiện cũ kĩ, lạc hậu. Mâu thuẫn này thường dẫn đến sự hạn chế hiệu quả quá trình giáo dục và phát triển tính tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo của người học sinh.

– Mâu thuẫn giữa cái cũ và cái mới.

Quá trình giáo dục hình thành, phát triển nhân cách mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta diễn ra trong thời kì quá độ từ xã hội phong kiến, thực dân sang một xã hội mới luôn diễn ra việc phải xóa bỏ cái cũ lạc hậu, lỗi thời và xây dựng cái mới tiên tiến hiện đại trong mọi lĩnh vực của đời sống xã

hội. Phẩm chất đạo đức, nhân cách trong mỗi cá nhân con người vì vậy cũng luôn diễn ra sự lựa chọn giằng co giữa những giá trị cũ và giá trị mới: Từ sự mâu thuẫn giữa cái cũ và cái mới tất lại dẫn đến những mâu thuẫn thế hệ. Thế hệ trước do những điều kiện, yêu cầu của lịch sử xã hội lúc đó mà lí tưởng, tình cảm, nhu cầu, thói quen không giống như ở thế hệ sau được. Trong thời đại ngày nay giáo dục còn cần phải giải quyết mâu thuẫn giữa cái mới từ các quốc gia, thế giới tràn vào (xâm nhập vào) tạo ra mâu thuẫn giữa các giá trị quốc gia, dân tộc, truyền thống và hiện đại.

Quá trình giáo dục có rất nhiều mâu thuẫn như trên đã nêu nên muốn đạt được kết quả giáo dục phải xác định được mâu thuẫn và giải quyết nó một cách khoa học trong quá trình giáo dục nói chung và giáo dục học sinh nói riêng. Đồng thời quá trình giáo dục lại luôn diễn ra cuộc đấu tranh không ngừng để xóa bỏ những giá trị cũ kĩ, lạc hậu và khẳng định những giá trị mới đang hình thành. thế hệ trẻ nước ta hiện nay đang đứng trước một khó khăn là nhiều cái cũ không còn giá trị nữa, nhưng lại chưa biết chọn cái mới nào là giá trị đích thực để phấn đấu, nên dễ rơi vào tình trạng dao động về niềm tin, về lối sống v.v...

2.2.5. Học sinh (người được giáo dục – đối tượng giáo dục) vừa là khách thể vừa là chủ thể của quá trình giáo dục

Trong quá trình giáo dục, học sinh luôn nhận các tác động giáo dục từ phía nhà giáo dục và các lực lượng giáo dục. Khi đó, học sinh là khách thể của quá trình giáo dục. Nhưng khi tiếp nhận các tác động giáo dục đó, người học không hoàn toàn thụ động mà là một thực thể xã hội có ý thức, mang tính tích cực. Người học ý thức được mục đích, ý nghĩa

các yêu cầu giáo dục đối với mình, rồi diễn ra quá trình đấu tranh động cơ trong lựa chọn và định hướng giá trị. Tóm lại là khi đứng trước những tác động giáo dục dưới nhiều hình thức khác nhau, người được giáo dục tiếp nhận nó theo nhu cầu và ý thức của mình, nên mọi tác động giáo dục bị khúc xạ theo lăng kính chủ quan của họ, quá trình giáo dục gắn liền với quá trình tự giáo dục. Học sinh với tư cách là chủ thể của quá trình giáo dục khi nó tự giác, chủ động và tích cực thực hiện các yêu cầu giáo dục từ bên ngoài. Hiệu quả của quá trình giáo dục phụ thuộc rất lớn vào tính chủ thể này của người được giáo dục. Thực tiễn giáo dục đã chứng minh tính đúng đắn của kết luận này. Ví dụ như khi có một tác động giáo dục nào đó (lời khuyên, sự răn dạy, một yêu cầu hay một hình thức kỉ luật, trách phạt...) mà học sinh không nghe, không tiếp nhận thì có khác nào "nước đổ lá khoai", "nước đổ đầu vịt".

Để thực hiện tốt quá trình giáo dục, các nhà giáo dục, giáo viên cần nghiên cứu và nắm được những đặc điểm nêu trên của quá trình giáo dục. Ở một số tài liệu và giáo trình giáo dục học, các tác giả thường nêu và phân tích nhiều đặc điểm khác nữa của quá trình giáo dục. Cụ thể như, quá trình giáo dục là quá trình mang tính đồng tâm, quá trình giáo dục là quá trình mang tính đồng thời, quá trình giáo dục là quá trình có tính mục đích, quá trình giáo dục là một quá trình có tính biện chứng... Ta có thể tham khảo thêm các sách sau:

– Hà Thế Ngữ – Đặng Vũ Hoạt, *Giáo dục học*, T_2, Nxb Giáo dục, 1988, tr. 8 – 10.

– Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, tr. 125 – 126.

– Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), *Giáo dục học*, T_2, NXB ĐHSP 2005, tr.15 – tr.18.

3. QUY LUẬT CỦA QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC

"Quy luật là phản ánh cái bản chất trong sự vận động của vũ trụ", "quy luật là một quan hệ bản chất"[1]. Như vậy ta có thể hiểu quy luật (hoặc tính quy luật) là sự phản ánh những mối liên hệ, quan hệ tất yếu, bền vững giữa các hiện tượng, các quá trình. Quá trình giáo dục là một quá trình xã hội đặc biệt có những mối liên hệ tất yếu và có sự vận động phát triển không ngừng của nhiều hiện tượng, nhiều yếu tố. Quy luật của quá trình giáo dục cũng phản ánh những mối liên hệ tất yếu, chủ yếu của quá trình giáo dục với các hiện tượng khác cũng như mối quan hệ giữa các thành tố của nó, phản ánh cái bản chất trong sự vận động của chúng. Sau đây là một số quy luật của quá trình giáo dục.

3.1. Quá trình giáo dục bị chi phối bởi các quá trình xã hội, các quan hệ xã hội

Quá trình giáo dục là quá trình hình thành bản chất con người – bản chất xã hội của con người. Vì vậy quá trình giáo dục phụ thuộc vào toàn bộ các yếu tố khách quan của môi trường xã hội, tư tưởng chính trị, quan điểm được hình thành ở mỗi cá nhân do quá trình giáo dục đem lại hoàn toàn phụ thuộc vào tính chất, thể chế, đường lối, quan điểm chính trị của nhà nước, của xã hội đương thời. Ví dụ giáo dục trong xã hội phong kiến yêu cầu mọi người phải thấm nhuần, thực hiện triệt để ba kỉ cương (tam cương: quân – sư – phụ). Nó

[1] V.I. Lênin. *Bút kí triết học*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1963, tr.169.

đã trở thành đạo lí nòng cốt trong xã hội lúc đó. Quá trình giáo dục những kỉ cương đó trong nhà trường là sự thể hiện ý chí tư tưởng của giai cấp thống trị phong kiến: bắt người dân phải tuyệt đối phục tùng, thực chất là để duy trì trật tự xã hội để tập trung quyền lực trong tay giai cấp thống trị phong kiến đương thời. Đó chính là tính chất giai cấp của giáo dục trong xã hội có giai cấp. Qua ví dụ này đã cho ta thấy: quá trình chính trị – xã hội đã chi phối quá trình giáo dục xã hội nói chung và các thành tố của quá trình giáo dục trong nhà trường nói riêng (như mục đích, nội dung, phương thức, kết quả giáo dục). Khi những điều kiện xã hội thay đổi thì giáo dục cũng phải thay đổi theo, đặc biệt là khi thay đổi thể chế chính trị, giai cấp thống trị xã hội. Ngay cả các quá trình như khoa học, văn hoá, nghệ thuật, tôn giáo, phong tục tập quán... cũng tác động mạnh mẽ đến giáo dục, chi phối giáo dục.

Nói tóm lại, giáo dục luôn luôn chịu sự quy định và chế ước của xã hội, bị các quá trình xã hội, các quan hệ xã hội chi phối. Tuy nhiên, giáo dục cũng tác động tích cực ngược lại đối với sự phát triển xã hội, đến các quá trình và quan hệ xã hội thể hiện qua các chức năng cơ bản của nó đối với xã hội như chức năng kinh tế, chức năng chính trị, chức năng văn hoá.

3.2. Mối liên hệ có tính quy luật giữa các yếu tố của quá trình giáo dục

3.2.1. Hiệu quả, chất lượng của quá trình giáo dục phụ thuộc trước hết vào việc xác định đúng mục đích giáo dục (mục đích đối với toàn xã hội, mục đích đối với thế hệ trẻ) và mục tiêu giáo dục cụ thể (mục tiêu giáo dục của cấp học, của

loại trường, lớp, của từng đối tượng giáo dục, từng hoạt động giáo dục, từng môn học, ngành học...).

Mục đích giáo dục là nhân tố có tính chất quyết định toàn bộ quá trình giáo dục. Nó định hướng cho việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, tiêu chuẩn đánh giá của toàn bộ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3.2.2. Kết quả quá trình giáo dục tùy thuộc vào việc nhận thức và vận dụng đúng đắn mối liên hệ mang tính quy luật giữa nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục. Quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục lại phải tính đến các điều kiện, phương tiện cần thiết để thực hiện có hiệu quả nội dung giáo dục.

3.2.3. Nội dung giáo dục quy định phương pháp giáo dục và tạo ra nội dung hoạt động của nhà giáo dục và đối tượng giáo dục. Tuy nhiên phương pháp giáo dục cũng có tính độc lập tương đối của nó và có tác dụng ngược trở lại đối với mục đích và nội dung...

Nói tóm lại, trong quá trình vận động và phát triển của quá trình giáo dục, các thành tố của chúng có mối quan hệ qua lại khăng khít với nhau, tác động lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau, trong đó mỗi yếu tố đều có chức năng, vai trò đặc trưng riêng của nó. Sự phụ thuộc và chi phối lẫn nhau giữa các yếu của quá trình giáo dục mang tính quy luật nhất định.

3.3. Quy luật thống nhất biện chứng giữa vai trò chủ đạo của nhà giáo dục và vai trò tự giác, tích cực, chủ động của đối tượng giáo dục

Hiệu quả của quá trình giáo dục phụ thuộc vào sự thống nhất, ảnh hưởng qua lại giữa tác động sư phạm của nhà giáo

dục (giữ vai trò chủ đạo) và hoạt động tự giác, tích cực của người được giáo dục (giữ vai trò chủ động, tích cực). Quy luật thống nhất biện chứng giữa hai mặt này của quá trình giáo dục bảo đảm sự chuyển biến các tác động giáo dục từ bên ngoài (từ phía nhà giáo dục) thành nhu cầu bên trong của người được giáo dục và làm cho họ tự giác thực hiện. Sự thống nhất biện chứng thể hiện ở sự tác động qua lại giữa nhà giáo dục và đối tượng giáo dục. Trong sự tác động qua lại này vừa có sự thống nhất với nhau vừa có sự mâu thuẫn. Việc giải quyết các mâu thuẫn sẽ tạo ra động lực của sự vận động và phát triển.

3.4. Những đặc trưng mang tính chất quy luật của quá trình giáo dục nhân cách

Quá trình giáo dục hình thành nhân cách mới xã hội chủ nghĩa cho thế hệ trẻ ở nước ta đang diễn ra trong thời kì quá độ từ xã hội cũ đi lên xã hội mới với những yêu cầu và điều kiện xã hội lịch sử mới. Vì vậy quá trình giáo dục hiện nay cần phải chú ý đến những đặc trưng mang tính quy luật sau:

3.4.1. Quá trình xây dựng những phẩm chất nhân cách mới cho học sinh diễn ra theo sự chọc lọc, đan xen

+ Vừa tiếp thu cái mới, vừa phải không ngừng đấu tranh chống lại, xóa bỏ những nét, những biểu hiện lạc hậu, lỗi thời của kiểu nhân cách cũ (phong kiến, tư sản).

+ Kế thừa có chọn lọc những giá trị văn hóa – tinh thần, những tình cảm, quan hệ, hành vi đạo đức, nếp sống truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

+ Những phẩm chất nhân cách mới xã hội chủ nghĩa đang từng bước đường hình thành, chưa ổn định, nên quá

trình giáo dục phải được tiến hành thường xuyên, liên tục ở mọi nơi, mọi lúc. Có như vậy mới làm cho những yêu cầu, nội dung, chuẩn mực tư tưởng, đạo đức mới xã hội chủ nghĩa được ổn định vững chắc trong thế hệ trẻ và biết thể hiện đúng đắn trong các lĩnh vực của đời sống.

3.4.2. Xu hướng mở cửa, hội nhập mang tính toàn cầu. Các quốc gia, dân tộc trên thế giới đang mở rộng quan hệ trên tất cả các lĩnh vực. Quá trình giáo dục phải hình thành, phát triển những phẩm chất nhân cách mới cho thanh thiếu niên học sinh vừa mang tính quốc gia, dân tộc, vừa mang tính quốc tế, khu vực. Đồng thời trong quá trình giáo dục lại phải luôn đề phòng, chống lại sự xâm nhập của những tư tưởng, lối sống, văn hóa phản động, suy đồi, bế tắc... vào đất nước ta. Do trình độ hiểu biết, nhận thức của lớp trẻ còn nhiều hạn chế, nên rất dễ bị tiêm nhiễm những "độc hại" của sự "xâm lược" về văn hóa này, làm cho thế hệ trẻ khó biết lựa chọn giá trị cho mình, dễ bị mất gốc, lai căng về nhân cách.

4. ĐỘNG LỰC VÀ CÁC KHÂU CỦA QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC

4.1. Động lực của quá trình giáo dục

Theo quan điểm triết học mác-xít, mọi sự vật, hiện tượng đều luôn luôn vận động và phát triển. Nguyên nhân của sự vận động và phát triển là quá trình giải quyết các mâu thuẫn cơ bản, nội tại của chúng. Có hai loại mâu thuẫn là mâu thuẫn bên trong và mâu thuẫn bên ngoài. Mâu thuẫn bên trong là mâu thuẫn giữa các thành tố trong cùng một sự vật hiện tượng với nhau, hoặc mâu thuẫn giữa các thành phần trong một thành tố. Giải quyết mâu thuẫn bên trong sẽ tạo ra động lực thúc đẩy sự vật, hiện tượng vận động và phát

triển. Trong các mâu thuẫn bên trong có một mâu thuẫn tồn tại xuyên suốt sự tồn tại của sự vật, hiện tượng và có tác dụng chi phối tất cả các mâu thuẫn khác được gọi là mâu thuẫn cơ bản. Giải quyết mâu thuẫn cơ bản sẽ tạo ra động lực chủ yếu thúc đẩy sự vật, hiện tượng vận động và phát triển.

Mâu thuẫn bên ngoài là mâu thuẫn giữa các thành tố của sự vật hiện tượng với các điều kiện khách quan bên ngoài. Giải quyết các mâu thuẫn bên ngoài sẽ tạo ra điều kiện cho sự phát triển.

Quá trình giáo dục có rất nhiều mâu thuẫn. Các mâu thuẫn bên trong của quá trình giáo dục như mâu thuẫn giữa mục đích giáo dục đề ra thì cao với nội dung giáo dục còn lạc hậu; Mâu thuẫn giữa mục đích giáo dục mới với phương pháp giáo dục lỗi thời, mâu thuẫn giữa nội dung giáo dục đã được đổi mới với phương pháp giáo dục lạc hậu... Trong đó mâu thuẫn cơ bản của quá trình giáo dục là mâu thuẫn giữa các yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục mới đang đặt ra cho người được giáo dục (học sinh) thì cao với một bên là trình độ được giáo dục và phát triển hiện có của họ còn thấp, chưa thể thực hiện được (giải quyết được) các nhiệm vụ giáo dục đó. Việc giải quyết mâu thuẫn này sẽ tạo ra động lực chủ yếu của quá trình giáo dục. Những yêu cầu khách quan của xã hội học sinh phải ý thức được, rồi chuyển biến thành nhu cầu, mục đích của bản thân và tự giác, tích cực tìm các cách thức, phương tiện khác nhau để thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên. Học sinh sẽ nắm được các yêu cầu giáo dục và biết cách thực hiện yêu cầu thì nhiệm vụ giáo dục mới khác cao hơn, phức tạp hơn được đặt ra lại mâu thuẫn với trình độ được giáo dục đang có, học sinh lại có nhu cầu muốn giải quyết nhiệm vụ giáo dục mới

đó. Cứ như vậy. quá trình giáo dục vận động và phát triển không ngừng ngày một đi lên. Kết quả là mâu thuẫn được giải quyết. quá trình giáo dục được thúc đẩy, nhân cách người học được phát triển. Sự vận động và phát triển của quá trình giáo dục được thể hiện cụ thể ở sự vận động và phát triển của các thành tố của nó. Đó là sự hoàn thiện của mục đích, mục tiêu giáo dục, sự hiện đại hoá nội dung giáo dục, việc đổi mới phương pháp, phương tiện giáo dục...

Các mâu thuẫn bên ngoài của quá trình giáo dục như mâu thuẫn giữa mục đích giáo dục đề ra thì cao với các điều kiện kinh tế, xã hội yếu kém, hoặc mâu thuẫn với đời sống, điều kiện làm việc giáo viên quá thấp... Giải quyết những mâu thuẫn này sẽ tạo ra điều kiện cho quá trình giáo dục vận động và phát triển.

Vấn đề đặt ra là không phải cứ có mâu thuẫn là có động lực. Để các mâu thuẫn nói trên trở thành động của quá trình giáo dục thì phải có các điều kiện cơ bản sau đây:

– Mâu thuẫn đặt ra phải được đối tượng nhận thức và có nhu cầu giải quyết. Việc tạo ra mâu thuẫn chính là quá trình đưa ra các yêu cầu cho đối tượng giáo dục thực hiện. Các yêu cầu đưa ra phải được đối tượng ý thức và có nhu cầu giải quyết mới tạo ra sự phát triển. Nếu đối tượng không nhận thức được yêu cầu hoặc không có nhu cầu giải quyết các nhiệm vụ giáo dục đặt ra thì mâu thuẫn vẫn tồn tại nhưng không trở thành động lực. Bản thân mâu thuẫn chưa phải là động lực (nó chỉ là nguồn gốc tạo ra động lực) mà quá trình giải quyết mâu thuẫn mới tạo ra động lực. Nhiệm vụ của nhà giáo dục không chỉ giúp trẻ giải quyết các mâu thuẫn đặt ra mà điều quan trọng hơn là giúp trẻ nhận thức các mâu thuẫn và có nhu cầu giải quyết chúng.

– Mâu thuẫn đặt ra phải "vừa sức" với đối tượng. Tức là các nhiệm vụ giáo dục đặt ra cho đối tượng không quá dễ cũng không quá khó. Những mâu thuẫn đó dưới sự giúp đỡ của nhà giáo dục thì các em có thể tự mình giải quyết được. Nếu mâu thuẫn quá cao (nhiệm vụ đặt ra quá khó) thì vẫn tồn tại mâu thuẫn nhưng đối tượng không giải quyết được vì thế cũng không trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển. Ngược lại nhiệm vụ đặt ra quá dễ thì không tạo ra mâu thuẫn.

– Mâu thuẫn phải do tiến trình của quá trình giáo dục mang lại. Trong thực tế đối tượng có thể có nhiều mâu thuẫn do các điều kiện bên ngoài đem đến như thực tiễn cuộc sống, phim ảnh, sách báo, các phương tiện thông tin đại chúng... Nhưng động lực của quá trình giáo dục phải là những mâu thuẫn của quá trình giáo dục đưa đến. Những mâu thuẫn do các quá trình khác tạo ra không phải là động lực của quá trình giáo dục.

Thực tế giáo dục không phải chỉ là quá trình nhà giáo dục giúp đối tượng giải quyết mâu thuẫn mà còn là quá trình tạo ra mâu thuẫn mới hay tiếp tục khơi sâu các mâu thuẫn. Đây hoàn toàn không phải là quá trình giúp đối tượng san phẳng các mâu thuẫn. Quá trình giáo dục thực chất là quá trình không ngừng tạo ra mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn.

4.2. Các khâu của quá trình giáo dục

Quá trình giáo dục mang tính toàn vẹn. Để hình thành và phát triển bất kì một phẩm chất nhân cách nào đó, đều phải tác động vào tất cả các mặt của đời sống tâm lí cá nhân: nhận thức, ý chí, tình cảm, kĩ năng hành động... Từ lí luận và thực tiễn giáo dục ta có thể nêu ra các khâu của quá trình giáo dục như sau:

4.2.1. Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức làm cơ sở cho hành động

Quá trình giáo dục trước hết phải làm cho người được giáo dục (học sinh, trẻ em...) nhận thức đúng, đủ, chính xác các nội dung khái niệm giáo dục về tư tưởng, chính trị, đạo đức, văn hóa, thẩm mĩ, quyền lợi, nghĩa vụ, bổn phận, các quy định, chuẩn mực hành vi trong các quan hệ xã hội... Từ nhận thức (hiểu biết, phản ánh) đúng đắn, chính xác học sinh mới có thể biết và nên hành động như thế nào (xử sự như thế nào) trong các tình huống đời sống xã hội khác nhau. Nhận thức là thành phần cơ bản của ý thức cá nhân, làm kim chỉ nam cho hành động của mỗi cá nhân. Nếu có nhận thức đúng sẽ có cơ hội để dẫn đến hành động đúng. Mối quan hệ giữa nhận thức và hành động có thể diễn ra trong các trường hợp sau:

Nhận thức	*Hành động*
+ Đúng	– Đúng
+ Đúng	– Sai
+ Sai	– Sai
+ Chưa	– Đúng hoặc sai

Quá trình giáo dục là quá trình làm cho (giúp) học sinh phát triển về mặt nhận thức từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ biết những điều đơn giản đến phức tạp hơn, cao hơn... để rồi biết vận dụng vào đời sống xã hội.

Quá trình giáo dục làm cho học sinh từ nhận thức đúng đắn (lí trí) mà hình thành lí tưởng, tình cảm, ước mơ, lối sống, hình thành thế giới quan, nhân sinh quan v.v...

Nhận thức đúng là cơ sở để có hành động đúng. Chính

quá trình vận dụng, trải nghiệm những điều đã thu nhận được trong quá trình giáo dục vào hoạt động, thực tiễn lại củng cố nhận thức, xây dựng được ý thức, niềm tin cho cá nhân. Nhận thức là cơ sở, là kim chỉ nam cho sự hình thành và điều chỉnh tình cảm, thái độ và hành vi của mỗi cá nhân.

4.2.2. Bồi dưỡng những tình cảm đúng đắn, trong sáng lành mạnh cho học sinh phù hợp với các quan niệm, chuẩn mực đạo đức, quan hệ – ứng xử xã hội

Quá trình giáo dục, trên cơ sở làm cho cá nhân con người có nhận thức đúng đắn (lí trí) sẽ hình thành thái độ, niềm tin và tình cảm đúng. Thái độ, tình cảm là sự biểu hiện cụ thể của quan điểm sống với những giá trị, chuẩn mực xã hội và của bản thân. Nó có vị trí rất quan trọng để biến nhận thức thành hành động. Từ nhận thức đến hành động phải có sự thúc đẩy (động lực) của tình cảm. Tình cảm – sức mạnh tinh thần to lớn để chuyển hóa nhận thức thành hành động. Với vai trò là động cơ thúc đẩy hành động, trong quá trình giáo dục cần phải bồi dưỡng những tình cảm thái độ tốt đẹp đúng đắn cho học sinh. Thực tiễn đời sống đã cho thấy: có nhận thức đúng, nhưng do tình cảm sai lệch thì chưa chắc đã dẫn đến hành động đúng, có khí còn làm sai lệch, xuyên tạc, bóp méo sự thật. Ví như "yêu nên tốt, ghét nên xấu", "không ưa thì dưa có giòi", "yêu nhau củ ấu thành tròn"... Điều đó nói lên sự chi phối ngược lại của tình cảm đối với nhận thức. Để bồi dưỡng, hình thành được những tình cảm tốt đẹp cho học sinh phải dựa vào cơ chế hình thành của tình cảm: tạo nhiều cơ hội nẩy sinh các xúc cảm đồng loại và được tổng hợp lại. Muốn vậy, trong các quan hệ giáo dục (quan hệ sư phạm) thầy – trò phải tốt đẹp, tạo được nhiều ấn tượng

(dấu ấn) tình cảm ở học sinh. Quá trình giáo dục cũng cần chú ý uốn nắn, sửa chữa, khắc phục những xúc cảm, tình cảm sai lệch, thiếu trong sáng ở học sinh. Khi đã có được tình cảm, thái độ đúng về chính trị, đạo đức, văn hóa, thẩm mĩ... sẽ thúc đẩy mạnh mẽ học sinh vươn tới chiếm lĩnh những giá trị tốt đẹp.

4.2.3. Rèn luyện hình thành hành vi thói quen

Quá trình giáo dục không dừng lại ở chỗ nhận thức như thế nào, mà phải dẫn đến đích là con người phải biết thể hiện nhận thức bằng hành động. Hành vi đạo đức được thể hiện lặp đi lặp lại trong nhiều trường hợp khác nhau và ổn định được xem là bộ mặt đạo đức của cá nhân. Thực tế vẫn còn có sự không thống nhất được nhận thức và hành vi đạo đức như "nói hay, làm dở", "chỉ nói mà không làm", biết là nên phải làm như thế này thế nọ, song lại làm trái hẳn với nhận thức. (Ví dụ "khẩu phật, tâm xà), "nghĩ một đằng, làm một nẻo". Qua đây ta thấy: hình thành hành vi thói quen, tức là hành vi của cá nhân đã vững chắc trong mọi trường hợp. trở thành kĩ xảo là cái đích, là kết quả của quá trình giáo dục. Đó cũng chính là kết quả của việc thực hiện tốt hai khâu bồi dưỡng nhận thức và tình cảm trong quá trình giáo dục. Khâu này có vị trí rất quan trọng trong quá trình giáo dục. Vì "giáo dục mà thiếu thói quen thì không khác nào lâu đài xây trên bãi cát". Chính thói quen tạo nên phẩm chất của mỗi người.

Trong thực tiễn giáo dục. các khâu kể trên được vận dụng như thế nào. mỗi khâu có vị trí và có mối quan hệ biện chứng với các khâu khác trong quá trình giáo dục như thế nào?

– Thứ nhất: Quá trình giáo dục học sinh thường là đi từ nhận thức tình cảm đến rèn luyện hình thành hành vi, thói quen. Từ nắm vững lí thuyết (lí luận), từ hiểu biết đến hình thành tình cảm, hành vi.

– Thứ hai: Căn cứ vào nội dung, yêu cầu giáo dục cụ thể đối với từng đối tượng giáo dục cụ thể mà các khâu của quá trình giáo dục được vận dụng với trình tự và tỉ trọng khác nhau. Ví dụ, để giáo dục cho học sinh ý thức tổ chức, kỉ luật, trật tự, vệ sinh thì chú ý tác động thường xuyên vào khâu rèn luyện thói quen, ý thức tổ chức kỉ luật, trật tự, vệ sinh. Hoặc để nâng cao tình yêu quê hương, đất nước thì vừa bồi dưỡng về nhận thức vừa đặc biệt gây nhiều ấn tượng tốt đẹp về quê hương, đất nước. Như vậy là trong quá trình giáo dục phải tác động đầy đủ vào cả ba khâu (nhận thức, tình cảm, hành vi); nhưng do tính không đồng đều của sự hình thành, phát triển nhân cách của mỗi cá nhân về nhận thức, tình cảm, hành vi thói quen, nên có khi phải tập trung nhiều hơn vào một nhiệm vụ trong một thời gian nhất định để giải quyết dứt điểm một nhiệm vụ đó. Mặt khác khi tác động vào khâu này, đồng thời lại có tác động đến khâu khác trong quá trình giáo dục. Ví dụ khi ta giảng giải về một yêu cầu, một chuẩn mực đạo đức, làm cho học sinh nhận thức được nó thì đồng thời cũng tác động đến việc hình thành tình cảm đạo đức và có phương hướng trong hành vi (định hướng cho hành vi đạo đức). Tóm lại là ba khâu nhận thức, tình cảm, hành vi thói quen có liên quan chặt chẽ với nhau trong quá trình giáo dục. Các khâu đó lại có tác động qua lại biện chứng với nhau, nên không thể thiếu được khâu nào. Tuy nhiên trong khi vận dụng phải linh hoạt tùy theo đối tượng, yêu cầu nhiệm vụ giáo dục cụ thể cho phù hợp.

Quá trình tác động và thực hiện một nhiệm vụ giáo dục nào đó (ví dụ như giáo dục lao động, văn hóa thẩm mĩ...) có thể đi từ nhận thức đến hình thành tình cảm, thái độ, hành vi đúng đắn. Hoặc do rèn luyện hình thành thói quen hành vi đạo đức đúng mà hình thành, củng cố nhận thức, niềm tin, thái độ đúng, loại bỏ, điều chỉnh được nhận thức, thái độ sai lệch. Quá trình thực hiện một khâu nào đó trong quá trình giáo dục luôn đòi hỏi đối tượng giáo dục phải cố gắng vươn lên và luôn biết khắc phục khó khăn (vượt khó) để đạt được mục đích đã định. Quá trình đó đã rèn luyện làm nẩy nở và củng cố ý chí của cá nhân. Như vậy ta thấy là đan xen vào các khâu nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tình cảm, rèn luyện hành vi thói quen đạo đức là khâu hình thành, phát triển ý chí của người được giáo dục, ý chí được xem như một phẩm chất rất cần thiết để cá nhân vươn tới những giá trị, chân lí cao đẹp và sửa chữa được những sai lầm lớn trong cuộc sống. Ví như người có chí mới làm nên sự nghiệp lớn. Thanh niên học sinh muốn từ bỏ, đoạn tuyệt được với các thói hư, tật xấu (như lười biếng, nghiện ma túy...) phải có ý chí, nghị lực cao. Đó chính là yếu tố tự giáo dục của mỗi người.

5. TỰ GIÁO DỤC VÀ GIÁO DỤC LẠI

5.1. Tự giáo dục

Tự giáo dục là một bộ phận của quá trình giáo dục. Tự giáo dục là hoạt động có ý thức, có mục đích của mỗi cá nhân để tự hoàn thiện những phẩm chất nhân cách của bản thân theo những định hướng giá trị nhất định. Ví dụ, tự mình nỗ lực khắc phục khó khăn để vươn lên trong học tập đạt đến

một trình độ học vấn cao hơn. Tự học hỏi những điều hay, điều tốt đẹp trong quan hệ ứng xử v.v...

Nhu cầu tự giáo dục nảy sinh theo từng giai đoạn phát triển của cá nhân. Trẻ em thường bắt chước những gì ở người lớn mà chúng yêu thích, hấp dẫn bởi những biểu hiện bề ngoài. Học sinh trung học có nhu cầu tự giáo dục mạnh mẽ do đã tự ý thức, khao khát những giá trị mà các em cho là hữu ích với cuộc sống. Ví dụ như tự tìm cách tập luyện thể dục, thể thao, rèn luyện thể lực để có cơ thể cường tráng, khỏe mạnh. Tự tu dưỡng theo các mẫu hình nhân cách trong các tác phẩm văn học – nghệ thuật, tự đề ra kế hoạch tập cho mình những thói quen tốt, những phẩm chất ý chí của nhân cách. Tuổi thanh niên các lớp cuối trung học phổ thông luôn tự ý thức về nghề nghiệp, lập nghiệp trong tương lai, tự phấn đấu, nỗ lực học tập để thực hiện được ước mơ hoài bão của mình.

Quá trình tự giáo dục có cấu trúc bởi những yếu tố cơ bản sau:

– Năng lực tự ý thức của học sinh về sự phát triển nhân cách của bản thân, về một phẩm chất hay năng lực nào đó cần được phát triển hơn lên, hoặc cần phải thay đổi, sửa chữa cho phù hợp, đáp ứng được yêu cầu mới cao hơn. Năng lực tự ý thức này được thôi thúc bởi ước nguyện, lí tưởng của cá nhân muốn vươn tới đạt được những mục đích tốt đẹp trong cuộc sống. Tự ý thức thực chất là khả năng cá nhân tự nhận thức, tự phản ánh bản thân.

– Biết phân tích và tự đánh giá những phẩm chất và hành động, thói quen của bản thân.

Trình độ được giáo dục của cá nhân phải được phát triển

đến một mức độ nhất định mới có khả năng tự đánh giá đúng đắn những phẩm chất và năng lực của bản thân. Từ sự tự đánh giá này, học sinh thấy cần phải hướng đích đến những giá trị mong muốn.

– Năng lực tổ chức tự giáo dục.

+ Lập kế hoạch: Tự nêu cho mình yêu cầu, nội dung, mức độ cần và sẽ thực hiện, đạt được về một vấn đề, một hoạt động hay một công việc nhất định, dự định thời gian thực hiện, hoàn thành kế hoạch. Bước lập kế hoạch trong tự giáo dục thường được xem là tự cam kết phấn đấu, rèn luyện bản thân.

+ Lựa chọn các phương pháp, phương tiện để thực hiện các cam kết do bản thân đề ra.

– Sự nỗ lực của bản thân để vượt qua được những khó khăn, trở ngại gặp phải trong quá trình thực hiện kế hoạch tự giáo dục. Tính tự giác, tích cực càng cao để có thể khắc phục vượt lên chính bản thân mình bao nhiêu thì càng hình thành được các phẩm chất ý chí bấy nhiêu. Những trường hợp như vậy được đánh giá là người có ý chí (hay có chí) cao.

– Tự kiểm tra, tự kiểm điểm xem đã đạt được những kết quả tự giáo dục như thế nào? Mặt nào chưa đạt và cần phải phấn đấu tiếp như thế nào để hoàn thiện những điều đã dự kiến trong kế hoạch tự giáo dục. Tự đánh giá và tự rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân.

5.2. Giáo dục lại

Do ảnh hưởng của môi trường xã hội, gia đình, nhà trường và do những thiếu sót, sai lầm trong phương pháp, điều kiện giáo dục, một số, một bộ phận thanh thiếu niên

học sinh đã hình thành những ý nghĩ, tình cảm, thái độ, hành vi, thói quen xấu, trái ngược với những quy định có tính chuẩn mực trong các lĩnh vực, trong các mối quan hệ xã hội và đời sống. Ví dụ: Chưa làm ra đồng tiền nhưng lại đua đòi ăn tiêu hoang phí, bừa bãi, không thích học tập, chơi bời lêu lổng, lang thang, nghiện hút, trộm cắp, đánh nhau, tự do tùy tiện, sống buông thả, liều lĩnh v.v... Những trẻ em, thanh thiếu niên học sinh có những biểu hiện như thế (hành vi lệch chuẩn) cần được giáo dục, uốn nắn, sửa đổi để trở thành người tốt. Quá trình giáo dục uốn nắn những lệch lạc đó gọi là giáo dục lại.

Giáo dục lại là hoạt động tổ chức giáo dục nhằm uốn nắn, sửa chữa, điều chỉnh, làm thay đổi những quan điểm, tình cảm, thái độ, lối sống... đặc biệt là những thói quen, hành vi không đúng, không tốt đã được hình thành ở học sinh trong quá trình sống, hoạt động giao lưu và đã được giáo dục ở những điều kiện phức tạp khác nhau của các em.

Giáo dục lại được xem là một quá trình giáo dục đối với những cá nhân – con người có những biểu hiện lệch chuẩn để họ trở thành những con người có ích cho xã hội, biết sống theo những chuẩn mực, lẽ sống của xã hội đương thời.

Giáo dục lại là một quá trình khó khăn, phức tạp hơn quá trình giáo dục bình thường rất nhiều. Vì khi những sai lệch những tật xấu của hành vi đã trở thành thói quen, động hình mà muốn thay đổi được là rất khó, rất lâu dài (Giang san dị cải, bản tính nan di). Đối với những cá nhân đã bị nhiễm những tư tưởng, quan điểm sai lầm, đạo đức suy thoái, có những hành vi xâm hại đến xã hội và người khác thì phải được giáo dục trong các tổ chức giáo dục lại đặt biệt:

giáo dục – cải tạo. Những tổ chức giáo dục lại đó có những điều kiện, phương tiện và lực lượng những người chuyên làm công tác giáo dục lại. (Như các trung tâm giáo dục cải tạo trẻ em hư, lang thang, phạm pháp, cai nghiện v.v...). Khi tiến hành quá trình giáo dục lại cần chú ý một số yêu cầu sau:

– Xác định đúng, cụ thể hệ thống các nguyên nhân gây ra những sai lệch trong quá trình phát triển nhân cách. Có xác định đúng nguyên nhân mới có biện pháp giáo dục đúng. Quá trình giáo dục lại phải chú ý những nguyên nhân sâu xa được xem như là sự "tiềm ẩn" để dẫn đến những hành vi lệch chuẩn. Ví dụ: Bố mẹ li hôn là nguyên nhân sâu xa làm cho con cái mặc cảm với cuộc đời, thù oán bố mẹ, chán đời rồi dẫn đến "bất cần đời", lang thang, phạm pháp... Nhưng khi xẩy ra tình trạng trẻ bỏ nhà đi lang thang, rượu chè, tụ tập làm những việc bất chính thì lại là do những duyên cớ (nguyên nhân trực tiếp) nào đấy làm bùng phát những nguyên nhân "tiềm ẩn" đã âm ỉ từ lâu trong đời sống của trẻ.

Xác định đúng nguyên nhân gây ra sự sai lệch hoặc hư hỏng, suy thoái nhân cách của mỗi cá nhân thì liệu pháp giáo dục lại mới có hiệu quả. Điều đó giống như bác sĩ khám bệnh. Nếu không tìm đúng nguyên nhân gây bệnh ở bệnh nhân thì việc điều trị sẽ khó khăn, không thể có phác đồ điều trị chính xác.

– Có phương pháp tổ chức, tác động giáo dục khoa học, phù hợp với đối tượng giáo dục lại. Để hiểu thêm và cụ thể hơn về phương pháp tổ chức giáo dục lại, chúng ta cần đến tìm hiểu thực tế, nghiên cứu cách giáo dục lại thành công của các trường giáo dưỡng ở nước ta. Các trường đó đã vận dụng lí luận giáo dục và giáo dục lại thành công và tích lũy được cả kho tàng kinh nghiệm về giáo dục lại.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi ôn tập

1. Quá trình giáo dục là gì? Nêu các chức năng trội của quá trình giáo dục, dạy học?
2. Hiểu quá trình dạy học phải dẫn đến quá trình giáo dục là như thế nào? Lấy ví dụ trong dạy học để minh họa.
3. Các thành tố của quá trình giáo dục và mối quan hệ biện chứng của chúng.
4. Phân tích các cơ sở xác định bản chất quá trình giáo dục.
5. Phân tích bản chất quá trình giáo dục là một quá trình xã hội.
6. Phân tích bản chất quá trình giáo dục là quá trình tổ chức đời sống, hoạt động và giao lưu của học sinh.
7. Phân tích các đặc điểm của quá trình giáo dục và rút ra những kết luận sư phạm cần thiết trong quá trình giáo dục học sinh.
8. Phân tích động lực của quá trình giáo dục.
9. Phân tích các khâu của quá trình giáo dục và mối quan hệ biện chứng của chúng.
10. Thế nào là tự giáo dục? Phân tích các yếu tố cơ bản của quá trình tự giáo dục.
11. Giáo dục lại là gì? Quá trình tiến hành giáo dục lại cần đặc biệt chú ý đến những yêu cầu nào? Tại sao?

Bài tập

1. Đọc các tài liệu về giáo dục lại. Thu hoạch về các nguyên nhân dẫn đến trẻ em hư, lang thang – phạm pháp.

2. Đi thực tế ở trường giáo dưỡng, nghiên cứu một học sinh của trường để viết bài tập về các hiện tượng phạm pháp vị thành niên, nguyên nhân và những biện pháp giáo dục lại của nhà trường đó.

3. Thảo luận nhóm.

a. Tại sao nói bản chất quá trình giáo dục là tổ chức đời sống, hoạt động và giao lưu của học sinh.

b. Quá trình giáo dục học sinh trong trường giáo dưỡng ở nước ta, người ta thường chú trọng nhiều hơn đến khâu nào của quá trình giáo dục? Vì sao? Lấy ví dụ cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt. *Giáo dục học,* Tập 2, NXB Giáo dục, 1987.
2. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức. *Giáo dục học đại cương,* tập 2, NXB Giáo dục, 2002.
3. Phạm Viết Vượng. *Giáo dục học*. NXB ĐHQG Hà Nội, 2000.
4. Trần Thị Tuyết Oanh. *Giáo trình giáo dục học*, NXB ĐHSP, 2005.

Chương 2

NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC

Cũng như mọi sự vật hiện tượng khác, quá trình giáo dục cũng luôn luôn vận động và phát triển không ngừng nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho thế hệ trẻ. Đây là một công việc vừa có tính khoa học, vừa có tính nghệ thuật rất cao, đòi hỏi các nhà giáo dục phải có sự hiểu biết sâu sắc.

Muốn đạt được kết quả cao trong giáo dục, một trong những vấn đề quan trọng có tính chất phương pháp luận và lí luận của Giáo dục học là xác định đúng đắn một hệ thống nguyên tắc giáo dục chỉ đạo việc xây dựng nhiệm vụ giáo dục, lựa chọn nội dung giáo dục và phương pháp giáo dục, phối hợp các hình thức tổ chức giáo dục và các lực lượng giáo dục.

1.1. Các căn cứ để xây dựng nguyên tắc giáo dục

1.1.1. Triết học duy vật biện chứng (Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử)

Quan niệm của chủ nghĩa Mác–Lênin về nguồn gốc và bản chất con người, về vai trò của giáo dục trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người:

Con người không phải do Thượng đế sinh ra, cũng không do một lực lượng siêu nhiên nào sinh ra. Theo quan điểm của chủ nghĩa DVBC thì con người vừa là một thực thể tự nhiên,

vừa là một thực thể xã hội. Con người vừa là sản phẩm của sự tiến hoá tự nhiên vừa là sản phẩm của lịch sử xã hội. Nói cách khác, con người vừa có nguồn gốc tự nhiên vừa có nguồn gốc xã hội. Về mặt sinh học, con người là sản phẩm tiến hoá cao nhất của tự nhiên, cũng là một sản phẩm của tự nhiên.

Nhưng quan trọng hơn, về mặt ý thức, nhân cách của con người là sản phẩm của lịch sử xã hội. Nội dung tâm lí, ý thức của con người là nội dung xã hội mà người đó sinh ra và lớn lên, hoạt động và giao lưu... Thậm chí các cơ quan, bộ phận cơ thể của con người như bộ óc, đôi bàn tay... cũng không đơn thuần là kết quả của sự tiến hoá tự nhiên mà là kết quả của quá trình xã hội hoá, là sản phẩm của lịch sử xã hội.

Xét về bản chất, con người có bản chất xã hội. Con người là một thực thể văn hoá xã hội. Mác đã từng khẳng định: bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội.

Luận điểm cơ bản của lí luận giáo dục mác-xit là tính quy định của xã hội đối với giáo dục, vai trò của xã hội đối với sự hình thành những phẩm chất nhân cách. vai trò chủ đạo của giáo dục trong việc phát triển toàn diện và hài hoà nhân cách con người. Đó là những cơ sở phương pháp luận và tư tưởng lí luận để xác định các nguyên tắc giáo dục.

1.1.2. Các đặc điểm, bản chất và những quy luật của quá trình giáo dục

Ngoài việc căn cứ vào những đặc điểm và bản chất của quá trình giáo dục (xem chương 1) làm cơ sở để xác định và xây dựng các nguyên tắc giáo dục. việc xây dựng các nguyên tắc giáo dục còn xuất phát từ những quy luật của quá trình giáo dục, đó là:

– Quá trình giáo dục nói chung bị quy định bởi các nhu cầu và khả năng ngày càng lớn về việc xây dựng con người mới của xã hội phát triển *(chất lượng người, nguồn lực người).*

– Hiệu quả của quá trình giáo dục phụ thuộc vào những điều kiện: vật chất, vệ sinh, tâm lí, đạo đức, thẩm mĩ, nền văn hoá dân tộc... *(môi trường xã hội, môi trường tự nhiên).*

– Quá trình giáo dục có mối quan hệ qua lại với quá trình tự giáo dục và quá trình giáo dục lại; sự tác động chủ đạo của người giáo dục và sự hoạt động chủ động của người được giáo dục.

– Hoạt động đi lên của quá trình giáo dục phụ thuộc vào sự thống nhất hành động của các chủ thể giáo dục.

– Các nhiệm vụ giáo dục do xã hội quy định phụ thuộc vào các đặc điểm lứa tuổi và các đặc điểm khác nhau của những người được giáo dục, và vào trình độ phát triển của tập thể học sinh, đặc biệt là các yêu cầu của điều kiện lịch sử xã hội cụ thể.

– Các phương pháp và phương tiện giáo dục quy định bởi các nhiệm vụ và nội dung của tình huống giáo dục cụ thể.

– Các hình thức tổ chức của quá trình giáo dục bị quy định bởi các nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và phương tiện giáo dục đã lựa chọn.

– Chỉ có căn cứ đầy đủ vào mọi mối liên hệ qua lại bên trong và bên ngoài của quá trình giáo dục mới đảm bảo đạt tới các kết quả giáo dục tối đa trong điều kiện và thời gian đã cho...

1.1.3. Mục đích giáo dục

Đối với thế hệ trẻ, mục đích giáo dục là làm cho họ trở thành những nhân cách toàn diện, một lớp thanh niên có

văn hoá, có khoa học và kĩ thuật, tích cực, năng động và sáng tạo, có khả năng lao động và lao động có năng suất cao trong nền công nghệ tiên tiến. Đó là một lớp thanh niên có ý chí vươn lên vì sự thành đạt, tiến bộ của bản thân và sự phồn vinh của đất nước.

Những nguyên tắc giáo dục được xây dựng phải xuất phát từ mục đích đó và phải phục vụ cho việc thực hiện tốt những mục đích trên.

1.1.4. Những đặc điểm tâm – sinh lí của trẻ

Quá trình giáo dục là một quá trình tác động vào đời sống nội tâm của học sinh. Đó là quá trình chuyển hoá từ những yêu cầu khách quan của xã hội (cái bên ngoài) thành những phẩm chất của cá nhân (cái bên trong). Do vậy, để tổ chức quá trình giáo dục có hiệu quả, việc xây dựng các nguyên tắc giáo dục phải dựa vào những đặc điểm tâm-sinh lí của học sinh. Mỗi lứa tuổi khác nhau thì có những đặc điểm tâm – sinh lí khác nhau. Đặc điểm tâm sinh lí của trẻ phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như giới tính, điều kiện sống, hoạt động và giao tiếp... Ví dụ: sự phong phú về đời sống tâm lí của trẻ phụ thuộc đời sống tâm lí của những người xung quanh mà đứa trẻ trực tiếp hay gián tiếp giao tiếp. Kết quả nghiên cứu tâm lí của học sinh cho thấy rằng: tuổi trẻ rất thích hoạt động, sự lười biếng, tính ỳ không phải là bản chất của tuổi trẻ. Nếu chúng ta biết định hướng trẻ vào những hoạt động tích cực thì những hoạt động đó có ý nghĩa giáo dục rất lớn. Ngược lại, nếu không có những hoạt động tích cực, trẻ sẽ tham gia vào những hoạt động tiêu cực và sẽ rất khó khăn trong việc chăm sóc giáo dục các em nên người...

1.1.5. Những kinh nghiệm giáo dục

Qua quá trình giáo dục, các nhà trường, các cơ quan quản lí giáo dục đã tích luỹ được ngày càng nhiều kinh nghiệm giáo dục phong phú. Những kinh nghiệm này đã có từ lâu đời, đã được mọi thế hệ nhà giáo dục sử dụng và cải tiến qua hàng năm và nó có những đóng góp quý giá cho sự nghiệp giáo dục đào tạo. Những kinh nghiệm này tiếp tục được kế thừa có lựa chọn để làm cơ sở cho việc xây dựng các nguyên tắc giáo dục.

1.2. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục

Nguyên tắc giáo dục là hệ thống những luận điểm cơ bản có tính quy luật của lí luận giáo dục, có vai trò định hướng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, chỉ dẫn việc lựa chọn nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức nhằm làm cho quá trình giáo dục đạt được mục đích giáo dục đã đề ra.

Từ khái niệm này, chúng ta có thể rút ra những điểm đáng chú ý như sau:

– Nguyên tắc giáo dục là một hệ thống nhiều luận điểm, mỗi luận điểm chỉ dẫn một hay nhiều mặt của hoạt động giáo dục. Nguyên tắc giáo dục là những luận điểm cơ bản vì đó là những tư tưởng chỉ đạo không thể thiếu trong quá trình giáo dục trẻ em. Tuy vậy, ngoài những luận điểm có tính nguyên tắc bất di bất dịch này còn có nhiều luận điểm khác mà trong những điều kiện hoàn cảnh nhất định chúng cũng tham gia chỉ đạo, định hướng quá trình giáo dục.

– Nguyên tắc giáo dục có hai tính chất cơ bản:

+ *Một là tính khái quát*: nó chi phối các bộ phận (các thành tố) quan trọng khác của lí luận giáo dục như quá

trình, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục.

+ *Hai là tính quy luật*: nó phản ánh những mối quan hệ, liên hệ tác động qua lại giữa các thành tố được nảy sinh trong quá trình giáo dục. Tuy vậy, nguyên tắc giáo dục chỉ mang tính quy luật chứ không phải là những quy luật. Tức là, không phải trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, nhất nhất quá trình giáo dục đều diễn ra đầy đủ theo các nguyên tắc giáo dục, mà có lúc, có nơi, có đối tượng... có thể bỏ qua một vài nguyên tắc trong hệ thống các nguyên tắc.

– Nguyên tắc giáo dục có vai trò chỉ đạo toàn bộ tiến trình giáo dục, tức là chỉ đạo toàn bộ hoạt động của người giáo dục và người được giáo dục trong việc lựa chọn và vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, trong việc tổ chức, kiểm tra đánh giá... nhằm tổ chức các hoạt động theo mục đích giáo dục đã đề ra.

– Cuối cùng, nhờ sự chỉ đạo của hệ thống các nguyên tắc giáo dục, quá trình giáo dục sẽ tạo ra những sản phẩm là những con người phù hợp với yêu cầu của một xã hội nhất định. Tức là hình thành ở học sinh những phẩm chất: ý thức, thái độ, hành vi và thói quen phù hợp với những yêu cầu của những chuẩn mực hành vi mà xã hội đã quy định.

Qua phân tích trên ta thấy, nguyên tắc giáo dục là chỗ dựa đáng tin cậy về mặt lí luận để giúp giáo viên phát hiện những mâu thuẫn trong quá trình giáo dục, định hướng đúng đắn cho quá trình giáo dục trong các hoàn cảnh phức tạp, nhận thức được những mối liên hệ giữa các phương tiện và biện pháp với mục đích và nhiệm vụ giáo dục, mục đích và kết quả... của quá trình giáo dục để tổ chức một

cách khoa học quá trình giáo dục nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

Đồng thời, nguyên tắc giáo dục cũng không phải là những đơn thuốc kê sẵn. Nguyên tắc giáo dục chỉ cung cấp những tri thức về các cơ sở khoa học của công tác giáo dục để người giáo viên có thể và cần dựa vào đó tự mình giải quyết các nhiệm vụ giáo dục cụ thể luôn luôn nảy sinh trong các tình huống hết sức đa dạng và phong phú. Nguyên tắc giáo dục không thể thay thế những tri thức chuyên biệt, những kinh nghiệm sinh động, những năng lực và nghị lực của giáo viên. Công tác giáo dục có đặc điểm là phải kết hợp trong đó những hiểu biết về các quy luật và các nguyên tắc chung, với những kinh nghiệm sáng tạo mang tính nghệ thuật của từng giáo viên.

2. HỆ THỐNG CÁC NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC

Hệ thống các nguyên tắc giáo dục là một hệ thống có tính chất động và mở. Vì thế, các tác giả khác nhau có thể đưa ra một hệ thống nguyên tắc giáo dục với số lượng khác nhau. Nhưng về cơ bản, nội dung của một số nguyên tắc là bất di bất dịch không thể thiếu. Hiện nay, trong các sách và tài liệu giáo dục học cũng như trong thực tiễn giáo dục thế hệ trẻ, người ta thường đề cập đến một hệ thống các nguyên tắc giáo dục như sau:

1. Nguyên tắc bảo đảm tính mục đích của hoạt động giáo dục.

2. Nguyên tắc gắn giáo dục với cuộc sống thực tiễn đất nước.

3. Nguyên tắc giáo dục trong lao động và bằng lao động.

4. Nguyên tắc giáo dục trong tập thể và bằng tập thể.

5. Nguyên tắc thống nhất giữa ý thức và hành vi.

6. Nguyên tắc thống nhất giữa tôn trọng nhân cách học sinh và yêu cầu cao hợp lí đối với học sinh.

7. Nguyên tắc phát huy mặt tốt, mặt tích cực để xoá dần mặt xấu, mặt tiêu cực trong con người.

8. Nguyên tắc thống nhất giữa vai trò tổ chức, lãnh đạo sư phạm của giáo viên và sự phát huy tính tự giác, tích cực, độc lập, tự giáo dục của học sinh.

9. Nguyên tắc chú ý đến đặc điểm riêng của từng đối tượng trong quá trình giáo dục.

10. Nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất các lực lượng nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục.

2.1. Nguyên tắc bảo đảm tính mục đích của hoạt động giáo dục

Tính mục đích của hoạt động giáo dục có nghĩa là hoạt động giáo dục trong các nhà trường phải quán triệt được mục đích giáo dục, nhà giáo dục và đối tượng giáo dục phải nhận thức được mục đích giáo dục trong mọi hoạt động giáo dục. Mục đích giáo dục phải trở thành kim chỉ nam cho hoạt động giáo dục, mọi hoạt động giáo dục đều phải xuất phát từ mục đích giáo dục để từ đó vận dụng một cách sáng tạo các nội dung giáo dục, tìm tòi những phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức giáo dục phù hợp nhằm thực hiện tốt nhất mục đích giáo dục đã đề ra.

Tính mục đích của hoạt động giáo dục giúp cho các nhà giáo dục có phương hướng suy nghĩ và hành động đúng đắn. Nó nâng cao tính tư tưởng chỉ đạo trong hoạt động giáo dục, tránh được những hoạt động giáo dục tự phát, tuỳ tiện, vô tổ chức hay lệch chiều, chệch hướng.

Hoạt động giáo dục luôn luôn đảm bảo tính mục đích, bởi vì chúng ta hiểu rất rõ khi bàn đến hoạt động của con người là bàn đến tính năng động của nó. Con người luôn luôn ý thức được việc mình làm: làm để làm gì và làm như thế nào. Mặt khác, con người rất coi trọng những tiến bộ, coi trọng sức mạnh to lớn của con người trong quá trình cải tạo xã hội và chinh phục thiên nhiên. Con người luôn vươn tới cái tốt đẹp hơn, khi làm công việc hôm nay bao giờ con người cũng mong và phấn đấu để đạt được thành quả tốt hơn công việc hôm qua. Đó chính là tính mục đích của hoạt động nói chung và tính mục đích của hoạt động giáo dục nói riêng.

Xét ở góc độ tâm lí học, trong tâm lí con người bao giờ cũng vạch ra xu hướng phát triển lịch sử và định hướng cho con người phấn đấu vươn tới. Tính mục đích của hoạt động giáo dục chính là các nhà giáo dục luôn luôn phấn đấu, hướng tới, cố gắng thực hiện một mong muốn, một lí tưởng về việc đào tạo con người mà xã hội đã hoạch định và giao phó cho sự nghiệp giáo dục.

Như chúng ta đã biết, trong quá trình giáo dục ở nhà trường, chúng ta phải tổ chức nhiều loại hình hoạt động khác nhau: hoạt động học tập, hoạt động lao động, hoạt động xã hội, hoạt động tập thể và hoạt động vui chơi, tham quan... Mỗi loại hoạt động lại bao gồm những hình thức cụ thể. Tính mục đích của hoạt động là nhằm để tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục trên.

Để thực hiện được nguyên tắc này, trong quá trình giáo dục cần lưu ý một số điểm sau:

– Nhà giáo dục, các nhà quản lí giáo dục phải nắm chắc mục

đích giáo dục, nhiệm vụ năm học, nhiệm vụ bộ môn. nhiệm vụ bài dạy, nhiệm vụ của các hoạt động giáo dục để tiến hành giáo dục sao cho đạt được những mục đích giáo dục đã đề ra.

– Xác định được các nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phù hợp với các hoạt động giáo dục. Nội dung của hoạt động giáo dục sẽ tạo nên nội dung hoạt động cụ thể cho nhà giáo dục và đối tượng giáo dục.

Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục sẽ tạo nên cách thức hoạt động của giáo viên và học sinh trong sự thống nhất với nhau.

Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục sẽ tạo nên hình thức hoạt động cụ thể của mỗi loại hình hoạt động.

Nguyên tắc bảo đảm tính mục đích của hoạt động giáo dục có tầm quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục vì nó liên quan đến toàn bộ quá trình giáo dục, đến chất lượng và hiệu quả giáo dục. Do vậy, yêu cầu các nhà giáo dục phải quán triệt tư tưởng nguyên tắc này, cân nhắc, tính toán kĩ trên cơ sở phân tích các tình huống giáo dục trước khi quyết định tổ chức một hoạt động giáo dục cụ thể và lựa chọn phương pháp phù hợp.

2.2. Nguyên tắc gắn giáo dục với thực tiễn cuộc sống đất nước

Tư tưởng chỉ đạo nguyên tắc này là phát triển giáo dục nhằm đào tạo ra những con người mới phục vụ đắc lực cho yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, an ninh, quốc phòng, lấy mục tiêu chuẩn bị nguồn nhân lực cho xã hội làm trung tâm. Giáo dục nhà trường phải gắn với thực tiễn cuộc sống, tức là phải gắn liền với sự nghiệp cách mạng, gắn với đời sống lao động, sản xuất và chiến đấu của nhân dân, của dân tộc...

Trong Luật Giáo dục (1998), Điều 8 đã quy định: phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, tiến bộ khoa học – kĩ thuật, củng cố quốc phòng, an ninh; đảm bảo cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền; mở rộng quy mô trên cơ sở đảm bảo chất lượng và hiệu quả; kết hợp giữa đào tạo và sử dụng.

Quá trình giáo dục học sinh trong nhà trường là quá trình chuyển hoá các quan hệ xã hội tồn tại khách quan thành những quan hệ của cá nhân, những thái độ chủ quan, phản ánh đúng đắn quan hệ khách quan nói trên, có ý nghĩa, giá trị đối với cá nhân và được thể nghiệm trong các hành động, hành vi tương ứng. Chính vì vậy, quá trình giáo dục học sinh theo yêu cầu của cuộc sống, của thực tiễn đất nước là phải giáo dục cho học sinh những chuẩn mực hành vi nhất định. Những phẩm chất, chuẩn mực hành vi nhất định này sẽ định hướng cho học sinh rèn luyện được những hành vi và thói quen tương ứng, từ đó tạo điều kiện cho các em hình thành được cơ sở ban đầu nhưng rất quan trọng của nhân cách người công dân, người lao động có khả năng hoà nhập vào cuộc sống thực tiễn đất nước đang ngày càng đổi mới sâu sắc và toàn diện. Đó là những con người dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm để tham gia một cách tích cực vào quá trình cải tạo cuộc sống theo hướng ngày càng tốt đẹp hơn.

Giáo dục gắn với cuộc sống và thực tiễn đất nước là góp phần tích cực vào việc chuẩn bị bước đầu cho học sinh trở thành những người chủ tương lai của đất nước. Cụ thể trong giai đoạn hiện nay, giáo dục phải chuẩn bị nguồn nhân lực cho những thập kỉ đầu của thế kỉ XXI. Họ không những phải có trình độ chuyên môn sâu rộng, mà điều quan trọng là cần

phải có những phẩm chất như: tính hợp tác, tính sáng tạo, tính cởi mở và yêu nghề nghiệp. Đó là những phẩm chất của con người mà xã hội đang cần khi bước vào thời kì công nghiệp hoá, hiện đại đất nước.

Ngược lại, cuộc sống và thực tiễn đất nước ta đang trên đà phát triển ngày càng mạnh mẽ đòi hỏi phải có nhiều điều kiện. Một trong những điều kiện hàng đầu là cần có nguồn nhân lực được đào tạo chính quy và có chất lượng cao; trong đó, những phẩm chất nhân cách là một yêu cầu rất quan trọng. Chính quá trình giáo dục thế hệ trẻ phải góp phần xứng đáng vào việc thực hiện yêu cầu đó.

Mặt khác, cuộc sống nói chung và thực tiễn nói riêng của đất nước lại tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giáo dục học sinh đạt kết quả. Đó là vì cuộc sống và thực tiễn đất nước với những hoạt động phong phú, đa dạng được coi là môi trường, là phương tiện của quá trình giáo dục học sinh. Chúng tạo cơ hội cho học sinh được rèn luyện hành vi và thói quen hành vi đúng đắn trong các tình huống khác nhau, đồng thời qua đó các em sẽ tránh được những hành vi và thói quen hành vi không đúng đắn.

Chính vì lẽ đó, nguyên tắc gắn giáo dục với cuộc sống, gắn với thực tiễn đất nước là làm cho thực tiễn trở thành vừa là môi trường, vừa là phương tiện của quá trình giáo dục. Thông qua thực tiễn cuộc sống nhằm làm cho những điều học sinh nhận thức được trong nhà trường có điều kiện thể nghiệm và thể hiện trong cuộc sống; nó góp phần phát triển tính tích cực xã hội, tính tự lập và sáng tạo trong hoạt động nhằm đạt tới sự thống nhất giữa ý thức và hành vi, giữa niềm tin và hành động trong con người.

Tư tưởng chỉ đạo của nguyên tắc này cũng nhấn mạnh: công tác giáo dục thế hệ trẻ không chỉ quy vào công việc "khai sáng" học sinh ở các bài lên lớp, hoặc rèn luyện học sinh trong bốn bức tường của nhà trường. Ngày nay chúng ta đều hiểu: không thể có việc giảng dạy, giáo dục và học tập có chất lượng hoàn hảo khi các công tác đó lại tách rời với cuộc sống thực tiễn của xã hội.

Để thực hiện nguyên tắc này, trong quá trình giáo dục cần chú ý một số điều sau:

– Giúp học sinh có những hiểu biết cần thiết về cuộc sống, về thực tiễn đất nước, quê hương, địa phương... thông qua việc tổ chức các hoạt động như: giới thiệu cho học sinh những thành tựu đổi mới của địa phương, của đất nước; tổ chức cho học sinh tham quan du lịch; tổ chức trò chuyện, tiếp xúc với các nhân vật điển hình trong các lĩnh vực hoạt động của xã hội; liên hệ thực tế địa phương và đất nước thông qua các bài dạy, vận dụng tri thức học được vào giải thích các hiện tượng xảy ra, vận dụng tri thức để giải quyết các nhiệm vụ xảy ra trong thực tiễn địa phương...

– Tổ chức và thu hút toàn bộ học sinh vào các hoạt động xã hội một cách vừa sức: đó là tham gia vào công cuộc lao động, sản xuất của nhân dân lao động, tham gia vào các phong trào chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hoá, xã hội của địa phương bằng những hành động thiết thực và có ích cho xã hội để thầy và trò được góp phần vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước.

2.3. Nguyên tắc giáo dục trong lao động và bằng lao động

Mục đích giáo dục của xã hội chúng ta là đào tạo thế hệ trẻ trở thành những con người lao động chân chính. Muốn

thực hiện được mục đích này, trong quá trình giáo dục nhất thiết phải quán triệt nguyên tắc giáo dục trong lao động và bằng lao động.

Giáo dục trong lao động và bằng lao động có nghĩa là nhà giáo tạo ra những điều kiện để thực sự đưa học sinh tham gia vào các loại hình lao động: lao động tự phục vụ, lao động sản xuất, lao động công ích, lao động giúp đỡ gia đình, và thông qua các loại hình lao động này góp phần phát triển tính tích cực xã hội, tính tự lập và sáng tạo cho học sinh, phát triển toàn diện và hài hoà nhân cách cho các em.

Lao động là một loại hình hoạt động cơ bản và những mối quan hệ trong quá trình lao động giữa trẻ em với nhau, giữa trẻ em với người lớn là những loại quan hệ có ý nghĩa giáo dục đặc biệt. Do đó, việc giáo dục con người, việc chuẩn bị nguồn nhân lực cho xã hội phải được thực hiện trong lao động và bằng lao động. Trong quá trình giáo dục học sinh, việc giáo dục lao động có nhiều ý nghĩa quan trọng:

– Lao động sẽ giúp cho học sinh có cơ hội và điều kiện vận dụng những điều đã học vào cuộc sống. Từ đó, ở các em hình thành và phát triển được niềm tin không những đối với những điều đã học mà còn đối với năng lực của bản thân.

– Lao động sẽ giúp cho học sinh làm ra được những sản phẩm vật chất và tinh thần. Tuy nhiên, việc tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần không phải là mục đích chính mà mục đích cuối cùng là thông qua lao động để giáo dục nhân cách cho các em. Nhờ lao động các em sẽ hình thành và phát triển được lòng yêu lao động, yêu sản phẩm lao động, yêu người lao động, lòng tin vào năng lực sáng tạo của mình cũng như ý thức tiết kiệm thời gian, nguyên vật liệu, của cải làm ra và đảm bảo an toàn lao động.

– Lao động sẽ giúp cho các em học sinh có thói quen làm việc có kế hoạch, có kĩ thuật, có kỉ luật, có ý thức tổ chức và có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao...

Với những ý nghĩa trên, việc giáo dục lao động cho học sinh trong nhà trường nhằm chuẩn bị thiết thực và tích cực vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Chính vì thế, lao động vừa là môi trường, vừa là phương tiện để giáo dục nhân cách học sinh:

– *Lao động là môi trường giáo dục*, vì khi nhà trường tổ chức các hoạt động lao động và đưa học sinh vào lao động với tư cách là người thực sự tham gia lao động, là người trực tiếp hoạt động trong môi trường lao động, khi ấy môi trường sẽ tạo ra nhiều điều kiện để học sinh rèn luyện.

– *Là phương tiện giáo dục*, vì thông qua hoạt động lao động sẽ thực sự tác động vào nhân cách của học sinh, làm cho nhân cách của các em được phát triển theo mục đích giáo dục đã được xác định.

Để thực hiện được nguyên tắc giáo dục này, trong quá trình giáo dục cần chú ý đến một số yêu cầu sau:

– *Một là, tổ chức cho học sinh tự giác, tích cực tham gia vào nhiều loại hình lao động*. Mỗi loại hình lao động, bên cạnh việc đạt được những ý nghĩa giáo dục chung còn có những ý nghĩa giáo dục riêng. Trên cơ sở kết hợp hợp lí những loại hình lao động này, chúng ta sẽ có điều kiện giáo dục nhiều mặt, nhiều phẩm chất nhân cách khác nhau cho học sinh.

– *Hai là, kích thích tính tích cực sáng tạo của các em qua lao động*. Bản thân lao động là một hoạt động sáng tạo. Việc giáo dục trong lao động và bằng lao động chính là nhà giáo dục tạo ra một môi trường thuận lợi để có điều kiện vận

dụng sáng tạo những điều đã học được vào những công việc cụ thể hay những loại hình lao động phong phú.

– *Ba là, đảm bảo mang lại hiệu quả lao động cụ thể.* Một hoạt động lao động sẽ có ý nghĩa giáo dục khi hoạt động lao động ấy có mục đích, có tổ chức và có kết quả. Hiệu quả lao động cụ thể có tác dụng giáo dục rất quan trọng vì nó là tác nhân kích thích mạnh mẽ đến học sinh: nó phát triển lòng yêu lao động, yêu sản phẩm lao động do mình tạo ra, nâng cao niềm tự tin vào năng lực sáng tạo của bản thân cũng như lòng tự hào về sự đóng góp nhỏ bé của bản thân vào công việc chung của tập thể.

Kinh nghiệm cho thấy rằng, nếu lao động trong nhà trường không mang lại hiệu quả cụ thể, thiếu thiết thực thì sẽ có tác dụng phản giáo dục: dần dần học sinh sẽ chán nản lao động, lao động một cách hình thức, không tự giác, không sáng tạo, lao động không còn mang lại giá trị thẩm mĩ.

2.4. Nguyên tắc giáo dục trong tập thể và bằng tập thể

Giáo dục trong tập thể là đưa trẻ vào tập thể, lấy ảnh hưởng của tập thể, thông qua các phong trào của tập thể để giáo dục cá nhân. Tập thể là nơi để học sinh sống và học tập, là môi trường trực tiếp để các em hoạt động, giao lưu, sinh hoạt bè bạn.

Giáo dục bằng tập thể nghĩa là dùng tập thể để giáo dục cá nhân, dùng sức mạnh của tập thể để tác động đến mọi thành viên của tập thể: thông qua tính tập thể, thông qua sức mạnh của dư luận tập thể, thông qua việc đề ra những yêu cầu đối với mỗi cá nhân, thông qua người đại biểu của tập thể với tư cách là người lãnh đạo được tập thể bầu ra.

Với cách hiểu như trên. giáo dục trong tập thể và bằng tập thể, chúng ta coi tập thể học sinh trong nhà trường vừa là một môi trường giáo dục, vừa là phương tiện giáo dục.

Tập thể học sinh là môi trường giáo dục vì:

– Nó là tập hợp có tổ chức chặt chẽ của học sinh với bộ máy tự quản riêng, với mục đích thống nhất, với những hoạt động chung, cùng chung quyền lợi và nghĩa vụ, với những kỉ luật tự giác và tất cả các yếu tố đó đều phù hợp lợi ích chung của xã hội.

– Nó tạo nên được một dư luận xã hội lành mạnh: có tác dụng định hướng, điều chỉnh và đánh giá hành vi của các thành viên.

– Nó tạo nên được một phong độ của tập thể: phấn khởi, hoạt bát, hăng hái, tích cực, sẵn sàng hoạt động, cảm giác vui sướng về những phẩm chất do mỗi cá nhân đạt được trong phong trào của tập thể. Mỗi cá nhân tự hào về tập thể của mình, tự hào về những giá trị do tập thể tạo ra...

Tập thể học sinh còn là phương tiện giáo dục vì:

– Nó giúp cho các thành viên biến những yêu cầu giáo dục của xã hội, của nhà trường, của gia đình thành nhu cầu được giáo dục của mỗi tập thể và của mỗi thành viên. Bên cạnh đó. nó còn tự đề ra những yêu cầu giáo dục cho các thành viên của mình.

– Nó tổ chức các hoạt động tập thể theo tinh thần tự quản. theo định hướng của các nhà giáo dục. tạo cơ hội và điều kiện cho các thành viên tự rèn luyện, biến những yêu cầu giáo dục thành những phẩm chất cá nhân, những hành vi và thói quen hành vi tương ứng.

– Nó tiến hành điều chỉnh những nhận thức, thái độ, hành vi và thói quen hành vi chưa đúng hoặc lệch lạc sao cho phù hợp với những yêu cầu giáo dục mà xã hội mong muốn.

– Nó góp phần đánh giá và tạo điều kiện cho mỗi thành viên tự đánh giá kết quả rèn luyện hành vi và thói quen hành vi.

Giáo dục học sinh trong tập thể không chỉ là một nguyên tắc giáo dục mà còn thể hiện mục đích giáo dục của xã hội ta là đào tạo con người làm chủ tập thể, làm chủ quê hương đất nước.

Để thực hiện nguyên tắc giáo dục trong tập thể và bằng tập thể, cần chú ý đến một số yêu cầu sau:

– Giáo dục trong tập thể và bằng tập thể là đi theo đường lối quần chúng trong công tác giáo dục. Điều này có nghĩa là dùng quần chúng để giáo dục quần chúng; dùng người được giáo dục để giáo dục người được giáo dục. Xuất phát từ luận điểm này, nhà sư phạm lỗi lạc của thế kỉ XX, A. X. Macarencô (1888 – 1939) đã đưa ra phương pháp giáo dục "tác động song song", tức là nhà sư phạm phải đồng thời tác động đến tập thể và đến từng cá nhân học sinh. Người học sinh vừa là đối tượng chịu hai tác động giáo dục song song, vừa là chủ thể của tác động giáo dục đến người khác cũng như đến bản thân. Mỗi tác động đến cá nhân phải là tác động đến tập thể, và mỗi tác động đến tập thể phải là tác động đến cá nhân của các thành viên. Do đó sức mạnh tác động giáo dục sẽ được nhân lên. Tuy vậy, việc sử dụng nguyên tắc này cũng cần lưu ý: không phải tập thể học sinh nào cũng sử dụng được phương pháp này mà tập thể đó phải là tập thể vững mạnh, tập thể có đủ sức mạnh để tác động

đến các thành viên, còn nếu chúng ta sử dụng vào tập thể yếu kém thì chẳng khác nào như "gió thổi vào nhà trống".

– Giáo dục thông qua tập thể là nhà sư phạm phải xây dựng tập thể học sinh thành một môi trường sư phạm. Một tập thể trở thành một môi trường sư phạm cần có các điều kiện sau:

+ Tập thể đó phải đoàn kết nhất trí;

+ Tập thể đó phải có dư luận lành mạnh;

+ Tập thể đó phải có cán bộ nòng cốt vững mạnh;

+ Tập thể đó phải tạo ra được các hoạt động tập thể nhằm thu hút được mọi thành viên tham gia vào hoạt động chung.

– Việc xây dựng một tập thể phải làm cho mỗi cá nhân thấy rằng: sự phát triển của tập thể về mọi mặt trong đó có quyền lợi của mỗi cá nhân.

– Để những tác động của nhà giáo dục đến tập thể học sinh có hiệu quả, yêu cầu nhà giáo dục phải nắm được các giai đoạn phát triển của tập thể học sinh. Có như vậy mới tránh được những khuynh hướng:

+ Thiếu tin tưởng đối với lãnh đạo của tập thể dẫn đến thái độ bao biện, áp đặt, làm thay hay độc đoán trong quản lí tập thể học sinh.

+ Tin tưởng quá mức vào khả năng tự quản của tập thể dẫn đến việc buông lỏng quản lí, thả nổi sự phát triển của tập thể học sinh...

2.5. Nguyên tắc thống nhất giữa giáo dục ý thức và hành vi

Như ta đã biết, giáo dục là một quá trình bao gồm ba khâu thống nhất biện chứng với nhau, đó là: giáo dục ý thức,

giáo dục thái độ và hình thành hành vi, thói quen hành vi. Một quá trình giáo dục đạt được hiệu quả khi đối tượng giáo dục vừa có nhận thức đúng, có thái độ đúng và lại có hành vi chuẩn mực được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày.

Thống nhất giữa giáo dục ý thức và hành vi chính là nhằm giải quyết mối quan hệ giữa quá trình giáo dục ý thức và quá trình hành thành hành vi. Trong thực tiễn giáo dục, hai vấn đề này có lúc không thống nhất với nhau hoặc quá coi trọng việc giáo dục ý thức, hoặc giáo dục ý thức nhưng không dẫn đến việc hình thành hành vi...

Nguyên tắc này yêu cầu trong quá trình giáo dục nhân cách người học sinh, nhất thiết phải coi trọng việc xây dựng ý thức cũng như việc tổ chức tập luyện hành động của người học, phải đảm bảo cho ý thức và hành vi cũng như lời nói và việc làm của mỗi cá nhân đều đạt tới sự thống nhất, phù hợp với những chuẩn mực do xã hội yêu cầu.

Ý thức tạo nên tiềm lực tinh thần của nhân cách. Trong ý thức bao gồm toàn bộ khái niệm, phán đoán, đánh giá, niềm tin của con người; bao gồm cả năng lực suy nghĩ sáng tạo và thể nghiệm của con người. Ý thức nảy sinh, hình thành và biểu hiện trong hành động và hành vi đồng thời lại hướng dẫn hành động, hành vi. Chỉ tiêu biểu hiện sự trưởng thành của ý thức trước hết là hành vi thực tế, mà cơ sở của nó là nguyện vọng thực hiện những điều mà cá nhân ý thức được, đã giác ngộ được. Điều quan trọng không phải là con người nghĩ gì và nói gì về bản thân, về những ý định của họ, mà là điều họ đã hành động, đã đối xử như thế nào trong từng trường hợp cụ thể, đối với người khác, với lao động, với tài sản xã hội...

Như vậy, tiêu chí để đánh giá nhân cách của một con người là sự thống nhất giữa ý thức và hành vi. Hành vi là sản phẩm của ý thức, đồng thời là cơ sở để khẳng định trình độ nhận thức và thái độ của con người. Do đó sự thống nhất giữa giáo dục ý thức và hành vi vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động giáo dục.

Để thực hiện được nguyên tắc thống nhất giáo dục ý thức và hành vi, cần chú ý một số điều sau:

– Tổ chức cho học sinh rèn luyện hành vi và thói quen hành vi. Để thực hiện được mục tiêu này, trong quá trình giáo dục nhà giáo dục phải quán triệt đầy đủ các nguyên tắc giáo dục gắn với cuộc sống và gắn với thực tiễn đất nước; giáo dục trong lao động và bằng lao động; giáo dục trong tập thể và bằng tập thể. Thông qua các loại hình giáo dục này sẽ tạo ra được một môi trường giáo dục mà ở đó học sinh có nhiều cơ hội để thể hiện sự thống nhất giáo dục giữa ý thức và hình thành hành vi. Ở đây, có nhiều điều kiện tổ chức các hình thức hoạt động đa dạng, hấp dẫn, tạo điều kiện cho các đối tượng giáo dục luyện tập nhằm hình thành năng lực trí tuệ, phẩm chất đạo đức và hành vi thói quen.

– Nhà giáo dục luôn phải là tấm gương sáng về mọi mặt cho thế hệ trẻ noi theo, nói và làm phải theo một chuẩn mực sư phạm. Mặt khác, nó cũng đòi hỏi nhà sư phạm phải là nhà tổ chức, biết tạo ra những tình huống giáo dục và tổ chức cho trẻ tìm cách giải quyết tình huống, thông qủa đó trẻ hình thành được kinh nghiệm ứng xử trong cuộc sống.

2.6. Nguyên tắc thống nhất giữa tôn trọng nhân cách học sinh và yêu cầu cao hợp lí đối với học sinh

Tôn trọng nhân cách của học sinh là đánh giá đúng ưu nhược điểm của trẻ, đối xử với trẻ một cách dân chủ, bình đẳng, lắng nghe ý kiến và tiếp thu ý kiến của trẻ, trân trọng từng cố gắng và tiến bộ của trẻ, tin vào sự thắng lợi và tiến bộ của trẻ. Tôn trọng nhân cách của học sinh là tin tưởng vào sức lực tài năng, chí hướng cao thượng của trẻ, tỏ lòng tín nhiệm hợp lí đối với trẻ, đánh giá cao nhân phẩm của trẻ, luôn luôn có thái độ lạc quan đối với đối tượng giáo dục.

Yêu cầu cao hợp lí đối với học sinh là luôn luôn đề ra những tiêu chuẩn, những công việc hợp lí, vừa sức ngày càng nâng cao dần và khi đã có yêu cầu hợp lí, yêu cầu trẻ nhất thiết phải thực hiện, nếu trẻ không thực hiện nhà giáo dục phải có thái độ kiên quyết buộc trẻ phải tuân theo.

Tôn trọng nhân cách của học sinh và yêu cầu cao đối với các mối quan hệ mật thiết với nhau. Tôn trọng và yêu cầu cao là hai mặt của một vấn đề: trong phép biện chứng của chúng ta hai cái đó thống nhất với nhau. Trong khi chúng ta yêu cầu ở con người thật nhiều thì bản thân sự yêu cầu đó đã chứa đựng sự tôn kính của chúng ta.

Thống nhất giữa tôn trọng nhân cách học sinh và yêu cầu cao đối với học sinh là quán triệt quan điểm cơ bản về lòng nhân đạo của con người đối với con người, lòng thương yêu và lòng tin tưởng vào bản chất tốt đẹp của con người vào quá trình giáo dục thế hệ trẻ.

Quá trình giáo dục bao giờ cũng đòi hỏi phải thiết lập những mối quan hệ giữa người giáo dục và người được giáo dục, giữa những người được giáo dục với nhau, mà cơ sở là sự

mong muốn những điều tốt đẹp cho nhau, tin cậy lẫn nhau, tôn trọng lẫn nhau và luôn yêu cầu cao ở nhau.

Trong những quan hệ tốt đẹp đó, con người bao giờ cũng muốn vươn tới cái chân, cái thiện, cái mĩ để xứng đáng với lòng tin yêu của người khác, để xứng đáng với sự đánh giá tốt đẹp của tập thể đối với mình. Vì vậy, nhà giáo dục phải đánh giá đối tượng được giáo dục cao hơn một chút so với những khả năng mà họ hiện có. Tôn trọng nên càng đòi hỏi, tin tưởng nên càng yêu cầu cao, yêu thương mà không mềm yếu, mù quáng, nghiêm khắc mà không nghiệt ngã xét nét. Quá trình giáo dục bao giờ cũng phải được bắt đầu bằng những cố gắng của nhà sư phạm tạo các điều kiện thuận lợi để trẻ em đạt được những thành công đầu tiên trong lĩnh vực hoạt động được tham gia, hoặc trong việc được giao và nhờ đó có được niềm tin vào khả năng của mình.

Giáo dục thông nhất giữa tôn trọng nhân cách của học sinh và yêu cầu đối với học sinh, xuất phát từ quan điểm cho rằng: con người là vốn quý nhất. Con người thực sự là vốn quý khi con người đối xử với nhau sao cho đúng nghĩa là con người chứ không phải là lang sói, chà đạp lẫn nhau, mất tính người. Tôn trọng nhân cách, yêu cầu cao lẫn nhau đó là cách đối xử tình người. Cách ứng xử này không phải chỉ cần thiết trong mối quan hệ thầy – trò, nhà giáo dục và đối tượng giáo dục mà nó còn cần thiết cho tất cả các mối quan hệ giữa con người với con người.

Trong quá trình giáo dục luôn luôn diễn ra mối quan hệ thầy – trò và mối quan hệ ấy càng có ý nghĩa giáo dục khi thầy luôn tôn trọng và yêu cầu cao đối với trò thì trong trò xuất hiện lòng tự trọng. Tôn trọng và yêu cầu cao chính là

những yêu cầu từ bên ngoài của xã hội sau một quá trình tác động đã biến thành nhu cầu bên trong (đời sống nội tâm của trẻ) – lòng tự trọng.

Mặt khác một đặc điểm tâm lí của trẻ là thích bắt chước và khéo bắt chước. Thầy giáo càng tôn trọng và yêu cầu cao ở học sinh bao nhiêu thì trẻ càng quý trọng và tin tưởng ở thầy giáo bấy nhiêu. Cũng chính vì lẽ đó mà người ta nói thầy nào trò nấy là như vậy.

Từ những vấn đề trên, một nguyên tắc giáo dục được hình thành: muốn giáo dục con người phải tôn trọng nhân cách con người và phải có những yêu cầu cao đối với con người.

Để thực hiện nguyên tắc giáo dục này cần chú ý một số yêu cầu sau:

– Nhà giáo dục phải có lòng thương yêu học sinh. Trong hoạt động giáo dục từ việc to hay việc nhỏ (từ việc soạn bài, chấm bài...) đều phải xuất phát từ lòng thương yêu học sinh. Nếu không xuất phát từ tình thương yêu học sinh thì chắc chắn hiệu quả của công việc, sản phẩm của quá trình sẽ không được như xã hội mong đợi.

– Nhà giáo dục phải tôn trọng phẩm giá, danh dự, thân thế của học sinh, đồng thời kích thích lòng tự trọng ở các em; phải khắc phục những hiện tượng thiếu tôn trọng học sinh: nói năng thô bạo, coi thường nhân phẩm, doạ nạt, sỉ nhục, đánh đập...; khắc phục những định kiến, đố kị, bi quan thiếu tin tưởng và khả năng phát triển và hoàn thiện nhân cách của trẻ; đồng thời cũng khắc phục những hiện tượng nuông chiều, buông thả, tự do vô kỉ luật.

– Nhà giáo dục phải là người biết đề xuất yêu cầu giáo dục và tổ chức cho học sinh thực hiện được những yêu cầu do

nhà giáo dục đề xuất cũng như những nhu cầu do trẻ đề xuất. Hệ thống yêu cầu do nhà giáo dục đề xuất phải thoả mãn được các tiêu chí sau:

+ Đáp ứng, phù hợp với mục đích và mục tiêu giáo dục;

+ Ngày càng cao và vừa sức với học sinh;

+ Có tác dụng khuyến khích học sinh tự giác, tích cực và chủ động thực hiện;

+ Có tính khả thi;

+ Có khả năng mang lại hiệu quả mong muốn.

– Nhà giáo dục khi nhìn nhận và đánh giá học sinh luôn luôn nhìn vào cái tốt, cái hay mặc dù cái tốt, cái hay đó còn đang rất ốm yếu, mỏng manh; đang bị những cái xấu, cái què quặt về tâm hồn che lấp đi.

2.7. Nguyên tắc thống nhất giữa vai trò tổ chức lãnh đạo sư phạm của giáo viên với sự phát huy tính tự giác, tích cực và độc lập của học sinh

Như ta đã biết giáo dục là một quá trình có tính hai mặt. Hoạt động của nhà giáo dục luôn giữ vai trò chủ đạo. Vai trò chủ đạo thể hiện ở việc đề ra yêu cầu giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, đánh giá kết quả của quá trình giáo dục. Hoạt động của đối tượng luôn giữ vai trò chủ động, thể hiện ở việc luôn lựa chọn, chế biến, tiếp thu những tác động sư phạm, những ảnh hưởng từ bên ngoài (trong đó có các điều kiện tự nhiên); làm chuyển biến từ nhận thức thành niềm tin: biến những yêu cầu đạo đức, phẩm chất, năng lực mà xã hội mong muốn thành những nhu cầu, phẩm chất của cá nhân. Họ tự thể nghiệm.

thực nghiệm những quan điểm, niềm tin đã học vào cuộc sống hàng ngày và làm theo những hiểu biết của mình.

Nguyên tắc thống nhất vai trò chủ đạo của nhà giáo dục với việc phát huy vai trò tích cực, chủ động, tự giáo dục của đối tượng giáo dục chính là cụ thể hoá quy luật giáo dục: hoạt động đi lên của quá trình giáo dục phụ thuộc vào sự thống nhất hành động của các chủ thể giáo dục.

Tư tưởng chỉ đạo của nguyên tắc này là: Trong lĩnh vực giáo dục, sự hoạt động tích cực, chủ động, độc lập và sáng tạo của những người được giáo dục đóng một vai trò to lớn và quyết định đối với việc hình thành những nhân cách của học sinh. Phát huy được tính tự giác, tự nguyện, năng động, sáng tạo của tập thể học sinh cũng như của từng cá nhân học sinh trong việc xác định nhiệm vụ và lựa chọn các biện pháp giáo dục là tiền đề tất yếu đảm bảo sự thành công của công tác giáo dục.

Nguyên tắc giáo dục nói trên yêu cầu những người làm công tác giáo dục trong việc thực hiện mọi nhiệm vụ giáo dục, đối với mọi lứa tuổi học sinh, trên cơ sở tin tưởng và tôn trọng nhân cách của các em, luôn luôn đề cao vai trò làm chủ tập thể của học sinh và các tổ chức của thanh thiếu niên trong quá trình giáo dục, trao đổi, bàn bạc dân chủ với họ về những tình huống giáo dục, lắng nghe và ủng hộ những giải pháp tích cực và những sáng kiến đúng đắn của họ, từng bước xây dựng chế độ tự quản của học sinh trong lớp học cũng như trong toàn trường.

Tôn trọng sáng kiến và tính tự động của học sinh không có nghĩa là giảm nhẹ sự lãnh đạo của nhà sư phạm, càng không có nghĩa là thực hiện tốt giáo dục tự do chủ nghĩa, để

mặc cho học sinh muốn làm gì thì làm theo hứng thú và nhu cầu của họ.

Ngược lại, nguyên tắc nói trên yêu cầu những người làm công tác giáo dục phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm và vai trò lãnh đạo sư phạm của mình, bằng cách theo dõi khéo léo và chặt chẽ quá trình và kết quả hoạt động của tập thể học sinh và của mỗi học sinh, ủng hộ các sáng kiến và biện pháp hay mà các em đã đề ra và thực hiện, thuyết phục họ và biết chờ đợi họ tự giác tự bỏ những cách làm sai và lựa chọn những giải pháp đúng đắn, động viên và cổ vũ ý chí và quyết tâm phấn đấu để đạt mục đích của họ.

Càng tôn trọng sáng kiến và sự tôn trọng của học sinh càng đòi hỏi sự lãnh đạo sư phạm có nhiều suy nghĩ, tính toán, kiên trì, khéo léo. Sự lãnh đạo sư phạm càng thông minh, linh hoạt, tinh tế thì càng phát huy được tính tích cực, độc lập, chủ động và sáng tạo của học sinh và tập thể học sinh.

Khi thực hiện nguyên tắc giáo dục này cần chú ý một số yêu cầu sau:

– Giúp đỡ học sinh tự xây dựng kế hoạch học tập và phấn đấu vươn lên theo từng năm học, xác định đúng mục đích, nội dung và phương pháp học tập, tu dưỡng phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể.

– Thu hút sự tham gia tích cực của học sinh vào các hoạt động chung, thường xuyên theo dõi, động viên uốn nắn những sai lệch một cách kịp thời.

– Phát huy vai trò tự quản của tập thể học sinh, biến những yêu cầu giáo dục thành những yêu cầu tự giáo dục của tập thể và của từng cá nhân.

– Tôn trọng và khuyến khích những ý tưởng tốt, những sáng kiến hay của cá nhân và tập thể học sinh, tin tưởng, động viên để phát huy nhiều hơn nữa tính tích cực, sáng tạo của họ.

– Giúp học sinh tự đánh giá kết quả rèn luyện của bản thân, của tập thể, từ đó đề ra các mục tiêu phấn đấu mới.

2.8. Nguyên tắc phát huy mặt tốt, mặt tích cực để xoá dần mặt xấu, mặt tiêu cực trong con người

Phát huy mặt tốt, mặt tích cực là mở rộng, khắc sâu niềm tin, tình cảm, ý chí thói quen và những phẩm chất tốt đẹp đã có ở học sinh, trên cơ sở đó xoá bỏ những tư tưởng, tình cảm, những nét tiêu cực không phù hợp với cách sống, lối sống, với những yêu cầu đạo đức do xã hội đề ra.

Nguyên tắc này xuất phát từ quan điểm cho rằng: con người luôn luôn mơ ước và vươn tới cái chân, cái thiện, cái mĩ. Phát huy mặt tốt, mặt tích cực đó chính là phát huy các phẩm chất tốt đẹp có trong mỗi con người. Mặt khác, con người là một thực thể xã hội, con người luôn có nhu cầu tự khẳng định mình và có nhu cầu được xã hội khẳng định những hành vi và hành động của mình trong hoạt động xã hội. Phát huy mặt tốt, mặt tích cực, loại trừ mặt xấu, mặt tiêu cực thay cái lạc hậu bằng cái tiên tiến là đi theo quy luật phủ định của phủ định, lượng đổi dẫn đến chất đổi. Nay nghe cái tốt, mai nghe cái tốt, dần dần cái tốt, cái tích cực trong mỗi người tăng lên và từ đó loại bỏ, giảm thiểu cái xấu, cái tiêu cực trong con người. Thực tiễn giáo dục cũng chỉ ra rằng: các điển hình giáo dục tiên tiến đã phát hiện ra, đã tìm thấy những nhân tố, yếu tố tích cực... từ trong những cái khó khăn, thiếu thốn, tiêu cực...

Lấy ưu điểm để khắc phục nhược điểm, để cổ vũ phát triển ý thức, thái độ và hành vi tốt, từ đó xoá bỏ những mặc cảm và những thành kiến về mỗi con người. Đó là một cách làm, một tư tưởng chỉ đạo trong việc giáo dục con người mới trong xã hội chúng ta.

Để thực hiện nguyên tắc này, cần chú ý một số yêu cầu sau đây:

– Nhà giáo dục luôn chú ý phát huy những ưu điểm có trong học sinh, tìm mọi cách vun trồng những phẩm chất tốt đẹp của họ, trên cơ sở đó hạn chế, loại trừ những điểm xấu, những điểm tiêu cực của học sinh.

– Phương châm thực hiện nguyên tắc này nên lấy "xây để mà chống", "tránh chống mà chưa xây". Trong thực tiễn giáo dục đôi lúc ta yêu cầu học sinh làm theo cái mới, nhưng cái mới lại chưa được hoạch định.

– Nhà giáo dục thường xuyên tổ chức tốt các phong trào thi đua, từ đó nhân điển hình người tốt, việc tốt, người thực, việc thực, theo dõi các điển hình gương mẫu, thường xuyên động viên, khen thưởng, khích lệ học sinh.

– Trong phê bình, trách phạt học sinh phải có lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng để nâng đỡ học sinh khi họ vấp ngã, sai lầm, qua đây cảm hoá họ, dẫn dắt họ đi theo cái đúng, cái tiến bộ...

– Thực hiện nguyên tắc này cũng không cho phép nhà giáo dục bao che khuyết điểm, thủ tiêu đấu tranh, từ bỏ vũ khí phê bình và tự phê bình, hay bệnh phô trương thành tích để làm cho học sinh trở thành tự kiêu, tự phụ, không biết được mình là ai...

2.9. Nguyên tắc giáo dục chú ý đến đặc điểm riêng của đối tượng

Nắm vững đặc điểm đối tượng giáo dục là nhà giáo dục phải hiểu rõ những khía cạnh cơ bản của đối tượng giáo dục về cả mặt vật chất và tinh thần.

Đối tượng giáo dục bao gồm: tập thể học sinh, lớp, chi đoàn, chi đội... và cá nhân học sinh; đời sống vật chất: hoàn cảnh kinh tế gia đình, sức khỏe...; đời sống tinh thần: năng lực học tập, nghệ thuật, điều kiện giao tiếp... Tác động thích hợp đến đối tượng là nhà giáo dục tìm ra những biện pháp, những cách thức giáo dục phù hợp với đặc điểm đối tượng, gây ra được sự cộng hưởng bên trong tâm hồn của đối tượng giáo dục.

Xét ở góc độ tâm lí học, như chúng ta đã biết: có hiểu được con người thì mới có những tác động đúng, có nắm được đối tượng thì mới dự đoán được chiều hướng phát triển tâm lí của trẻ. Mặt khác khi bàn đến một con người: giữa cái chung, cái riêng, cái lịch sử, cái giai cấp... đều có trong một con người. Chúng ta có hiểu những cái đó trong một con người thì chúng ta mới lí giải được tại sao đối tượng lại suy nghĩ, hành động như thế và chúng ta cần có những tác động gì cho phù hợp.

Chính vì vậy, nguyên tắc này yêu cầu phải coi trọng việc điều tra trình độ được giáo dục của mỗi học sinh, trình độ trưởng thành về mặt xã hội của họ cũng như trình độ phát triển của tập thể học sinh, lấy đó làm căn cứ để xây dựng kế hoạch tổ chức quá trình giáo dục ở từng lớp.

Nguyên tắc này yêu cầu nhà sư phạm, khi lựa chọn nội dung, phương tiện, phương pháp và hình thức tổ chức quá trình giáo dục, phải tính đến những đặc điểm diễn biến của

các quá trình nhận thức, xúc cảm và ý chí – hành động của từng lứa tuổi học sinh, phải chú ý đến những nhu cầu, động cơ, hứng thú, nguyện vọng, vốn kinh nghiệm của mỗi cá nhân học sinh.

Muốn thực hiện tốt nguyên tắc này cần tuân theo những yêu cầu sau đây:

– Nhà giáo dục phải nghiên cứu và nắm vững đặc điểm của học sinh và tập thể học sinh, có kế hoạch và những biện pháp để tìm hiểu cá nhân và tập thể học sinh, có thói quen điều tra, quan sát, ghi chép...

– Lựa chọn và vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục sao cho phù hợp với lứa tuổi và vừa sức học sinh ở mỗi lớp học và cấp học mà nhà giáo dục phụ trách.

– Muốn hiểu được đối tượng giáo dục, nhà giáo dục phải có lòng yêu nghề, yêu trẻ, chủ động đến với trẻ. Mặt khác cũng phải tạo ra những điều kiện thuận lợi để trẻ có thể đến với nhà giáo dục, nhà giáo dục phải quan tâm đến trẻ và phải nắm được khi nào trẻ cần đến nhà giáo dục.

– Nhà giáo dục phải tham gia tích cực vào các hoạt động của trẻ, chia sẻ với trẻ những việc khó khăn, nặng nhọc, những điều vui, nỗi buồn. Qua đó, nhà giáo dục có thể quan sát một cách tự nhiên và thấy được những tâm tư, tình cảm thực của trẻ.

2.10. Nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất giữa các lực lượng nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục

Thống nhất các lực lượng giáo dục: gia đình, nhà trường và xã hội là nhà giáo dục chủ động đứng ra tổ chức, kết hợp và phát huy sức mạnh của các lực lượng giáo dục, thống nhất

các yêu cầu về nội dung và phương pháp giáo dục để tiến hành giáo dục thế hệ trẻ.

Nguyên tắc trên đòi hỏi phải đảm bảo tính thống nhất và tính toàn vẹn của quá trình giáo dục bằng cách phối hợp chặt chẽ hoạt động của tất cả các chủ thể giáo dục bên trong nhà trường (giáo viên, Đội thiếu niên, Đoàn thanh niên, tập thể học sinh), cũng như phối hợp với bên ngoài nhà trường (các tổ chức xã hội, các cơ quan văn hoá – giáo dục, các cơ sở sản xuất, gia đình), theo một kế hoạch và chương trình giáo dục thống nhất về mục đích, nội dung và phương pháp giáo dục, song đa dạng về biện pháp tác động, hình thức tổ chức và phương tiện giáo dục, phát huy những mặt mạnh của từng lực lượng giáo dục.

Gia đình, nhà trường và xã hội là ba lực lượng giáo dục đều có chung một mục đích là góp phần hình thành nhân cách tốt đẹp cho thế hệ trẻ. Vì vậy, chỉ có thống nhất về mục tiêu mới đem lại kết quả giáo dục. Thống nhất các yêu cầu giáo dục là nhằm làm cho các ảnh hưởng giáo dục tác động đến đối tượng theo cùng một chiều hướng.

Trong tâm lí học, người ta cũng đã chỉ ra: muốn xây dựng được niềm tin phải có sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Thống nhất các lực lượng giáo dục chính là nhằm xây dựng một môi trường giáo dục, tạo điều kiên thuận lợi để giáo dục học sinh được liên tục, thường xuyên ở mọi nơi, mọi lúc. Hơn nữa sự thống nhất các lực lượng sẽ tạo ra được một sức mạnh tổng hợp tác động đến sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh.

Ngược lại, giáo dục phân tán, không đồng bộ theo các khuynh hướng khác nhau có thể phá vỡ sự toàn vẹn, thống

nhất của giáo dục, dẫn đến những hậu quả khó lường trước. Quá trình giáo dục sẽ không có hiệu quả nếu trong các lực lượng giáo dục lại có hiện tượng: "Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Trong sự phối hợp các lực lượng giáo dục, nhà trường phải đóng vai trò chủ đạo và chịu trách nhiệm chính phối hợp với các lực lượng giáo dục khác.

Giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội đều có vai trò chung là góp phần đào tạo thế hệ trẻ, song mỗi lực lượng lại có những sức mạnh giáo dục đặc thù, ở lực lượng giáo dục này có mà ở lực lượng giáo dục khác lại không có. Phối hợp các lực lượng giáo dục chính là khai thác được các sức mạnh giáo dục đặc thù ấy để tạo ra một sức mạnh giáo dục tổng hợp nhằm tác động vào thế hệ trẻ. Ví dụ: mặt mạnh của giáo dục gia đình đó là giáo dục bằng tình thương, một sức mạnh giáo dục tự nhiên có trong mỗi gia đình; sức mạnh giáo dục của nhà trường là giáo dục thế hệ trẻ một cách khoa học: giáo dục có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch... Việc giáo dục con người phát triển toàn diện, tác động một cách có khoa học đến các mặt giáo dục phải nói đến giáo dục của nhà trường; sức mạnh giáo dục của xã hội đó là việc giáo dục thế hệ trẻ bằng các phương tiện thông tin đại chúng, bằng các quyết định hành chính, giáo dục xã hội đã tạo ra một hệ thống giáo dục mở rộng khắp nơi, thu hút được hàng triệu người tham gia vào việc đào tạo đội ngũ nhân lực cho xã hội...

Để thực hiện nguyên tắc thống nhất các lực lượng giáo dục, cần tuân theo các yêu cầu sau đây:

– Thống nhất giữa nhà trường với gia đình và xã hội về mục đích, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục và cách thức liên kết giáo dục.

– Liên kết, phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh ở mọi lúc, mọi nơi theo những mục tiêu đã cùng hoạch định.

– Tạo nên mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường và gia đình, giữa cha mẹ học sinh và thầy cô. Cần trao đổi thông tin hàng tháng, hàng tuần về tất cả những gì đang xẩy ra ở lớp, ở nhà của con em mình.

– Kiện toàn, phát huy hơn nữa vai trò của các hội phụ huynh cũng như tiến tới phải có những quy định rõ ràng trách nhiệm của các tổ chức kinh tế, văn hoá xã hội... Trong việc cùng góp phần đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ.

Tóm lại:

– Quá trình giáo dục thế hệ trẻ được tiến hành bởi nhiều hoạt động giáo dục phong phú. Việc tổ chức các hoạt động giáo dục có thành công hay thất bại, thành công nhiều hay thất bại nhiều lại tuỳ thuộc vào việc nhà giáo dục có khả năng nắm vững và vận dụng được hệ thống các nguyên tắc giáo dục hay không? Như vậy, việc nắm vững và vận dụng được các nguyên tắc giáo dục vào thực tiễn giáo dục là một năng lực sư phạm của nhà giáo dục, năng lực này góp phần chi phối đến hiệu quả giáo dục, đến sản phẩm giáo dục do nhà giáo dục tạo ra trong quá trình giáo dục cụ thể.

– Việc thực hiện các nguyên tắc giáo dục là nhà giáo dục góp phần giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình giáo dục. Ví dụ: mâu thuẫn giữa ý thức với hành vi, mâu thuẫn giữa tôn trọng với yêu cầu cao, mâu thuẫn giữa chỉ đạo của nhà giáo dục với chủ động của đối tượng giáo dục... Việc thực hiện được các nguyên tắc giáo dục chính là nhà giáo dục đó tạo ra sự "thống nhất giữa các mối liên hệ

đa dạng phong phú và phức tạp trong quá trình giáo dục". Việc giải quyết các mâu thuẫn này góp phần tạo ra động lực phát triển của quá trình giáo dục.

– Mỗi nguyên tắc giáo dục đều nhằm giải quyết một mối quan hệ nào đó, một yêu cầu cụ thể nào đó. Ví dụ: nguyên tắc đảm bảo tính mục đích của hoạt động giáo dục. Đây là một nguyên tắc giáo dục cơ bản, vì bất kể nhà trường nào, bất kể đối tượng giáo dục nào, bất kể một hoạt động giáo dục nào... cũng đều phải xuất phát từ mục đích, mục tiêu giáo dục thế hệ trẻ là làm cho họ trở thành những người có ích cho xã hội. Nguyên tắc giáo dục gắn với cuộc sống và thực tiễn đất nước, thực chất đây là việc thực hiện mục đích giáo dục là đào tạo con người cho cuộc sống, vì cuộc sống thực tiễn ngày càng tốt đẹp hơn. Nguyên tắc giáo dục trong lao động và bằng lao động và nguyên tắc giáo dục trong tập thể và bằng tập thể cũng như vậy. Các nguyên tắc trên muốn nhấn mạnh việc giáo dục học sinh không phải chỉ có hoạt động dạy học, không phải chỉ đóng khung trong bốn bức tường của nhà trường. Giáo dục thế hệ trẻ phải thông qua nhiều loại hình hoạt động khác nhau, trong đó phải xem lao động và tập thể như là môi trường và phương tiện giáo dục quan trọng. Còn các nguyên tắc phát huy mặt tốt, mặt tích cực, giáo dục chú ý đến đặc điểm đối tượng, thống nhất các lực lượng giáo dục... đó là các nguyên tắc hỗ trợ giúp các nhà giáo thực hiện tốt mục tiêu giáo dục cũng như tổ chức tốt các loại hình hoạt động giáo dục.

– Để quá trình giáo dục đạt được nhiều kết quả mong muốn, nhà giáo dục phải tuân thủ một hệ thống nguyên tắc giáo dục. Một mặt, mỗi nguyên tắc thường góp phần giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó của quá trình giáo dục. Mặt

khác, việc thực hiện một nguyên tắc giáo dục đó lại có tác động liên quan đến các nguyên tắc giáo dục nào khác trong hệ thống nguyên tắc giáo dục. Điều này cũng cho thấy, trong quá trình giáo dục việc thực hiện các nguyên tắc không có nguyên tắc nào là quan trọng hay không quan trọng. Tuy nhiên, khi giải quyết một nội dung giáo dục cụ thể nào đó, có thể nhà giáo dục có sự chú ý khác nhau đến các nguyên tắc khác nhau. Do vậy, trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, nhà giáo dục phải biết vận dụng linh hoạt, hợp lí vào các tình huống giáo dục cụ thể. Nghệ thuật sư phạm cũng chính là nghệ thuật vận dụng linh hoạt các nguyên tắc giáo dục.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi

1. Thế nào là các nguyên tắc giáo dục? Nêu và phân tích những căn cứ để xây dựng các nguyên tắc giáo dục?
2. Hãy trình bày khái niệm, nội dung và các yêu cầu cho từng nguyên tắc giáo dục. Cho ví dụ minh hoạ.
3. Trong quá trình giáo dục, người ta phải thực hiện các nguyên tắc giáo dục nào? Phân tích mối quan hệ giữa các nguyên tắc giáo dục ấy. Cho ví dụ minh hoạ.
4. Có thể giáo dục học sinh có kết quả chỉ trong khuôn khổ bốn bức tường của nhà trường được không? Vì sao?
5. Tại sao có thể nói việc thực hiện các nguyên tắc giáo dục chính là giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình giáo dục?

Bài tập

1. Anh/ chị dự một hoạt động giáo dục. Từ đó rút ra nhận xét:

   – Những nguyên tắc giáo dục nào đã được vận dụng?

   – Những ưu và nhược điểm cơ bản trong việc vận dụng những nguyên tắc giáo dục đó là gì?

   – Ý kiến đề xuất nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm đó.

2. Hãy xây dựng kế hoạch tổ chức một buổi lao động trồng cây tại nghĩa trang liệt sĩ nhân ngày 27 tháng 7. Nêu và phân tích những nguyên tắc giáo dục nào cần được áp dụng trong buổi lao động trồng cây đó.

3. Anh/ chị hãy sưu tầm một tình huống sư phạm:

   – Phân tích việc vận dụng các nguyên tắc giáo dục để giải quyết tình huống sư phạm trên của nhà giáo dục.

   – Anh/ chị có ý kiến gì khác trong việc giải quyết tình huống sư phạm trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt. *Giáo dục học*, tập 2. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1988 (xem chương XII).
2. Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Hữu Hợp. *Giáo trình giáo dục học*. NXB Đại học Sư phạm, 2004 (xem chương II).
3. Phạm Viết Vượng. *Lí luận giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm, 2005 (xem chương I).
4. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức. *Giáo dục học đại cương*, tập 2, NXB Giáo dục. Hà Nội, 2002.
5. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên). *Giáo trình giáo dục học*, tập 2. NXB Đại học Sư phạm, 2005.

Chương 3
NỘI DUNG GIÁO DỤC

Giáo dục là quá trình tổ chức các loại hình hoạt động phong phú, đa dạng nhằm hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực của con người, đáp ứng được các yêu cầu của xã hội, thời đại. Trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, mục tiêu của các loại hình nhà trường ở nước ta là giáo dục – đào tạo những con người tự chủ, năng động, sáng tạo, có tri thức, có trình độ khoa học – kĩ thuật – công nghệ, có kĩ năng nghề nghiệp, sức khỏe, có tinh thần dân tộc, ý chí vươn lên theo mục đích, lí tưởng cộng sản chủ nghĩa, lí tưởng của Đảng. Để thực hiện được mục tiêu giáo dục – đào tạo đó, trong nhà trường phải giáo dục, chuyển tải các nội dung giáo dục tương ứng đến học sinh, thông qua tổ chức các loại hình hoạt động, làm cho các em chiếm lĩnh được các nội dung giáo dục đó và biến thành nhân cách bản thân.

1. NHỮNG CƠ SỞ XÂY DỰNG NỘI DUNG GIÁO DỤC

Nội dung giáo dục được xây dựng dựa trên các cơ sở sau:

1.1. Nội dung giáo dục – đào tạo chung trong các loại nhà trường phải căn cứ vào mục đích – mục tiêu giáo dục xã hội chủ nghĩa do Đảng ta vạch ra trên cơ sở ý thức được các yêu cầu khách quan của xã hội hiện đại, đặc điểm phát triển và điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1.2. Nội dung giáo dục phải căn cứ vào xu thế phát triển của thời đại và những yêu cầu của nó đối với con người mới

Việt Nam. Từ đó các nội dung giáo dục phải nhằm giúp cho mỗi cá nhân phát triển theo hướng là công dân của một đất nước có những phẩm chất, năng lực hội nhập – là công dân quốc tế. Các nội dung giáo dục phải thoả mãn nhu cầu phát triển của cá nhân, đem lại hạnh phúc cho cá nhân. Cá nhân phải được phát triển toàn diện và phát triển tốt nhất những sắc thái riêng của mình.

1.3. Nội dung giáo dục phải xuất phát từ những yêu cầu khách quan của sự phát triển xã hội là xây dựng một xã hội mới. Trong đó nổi bật lên những yêu cầu của nền sản xuất hiện đại công nghiệp hóa, điện tử, tin học, viễn thông, năng lượng mới, công nghệ vật liệu mới (nền văn minh thứ ba, nền kinh tế tri thức). Thực trạng phát triển đó của xã hội đang đòi hỏi phải xây dựng nội dung giáo dục trong nhà trường tương ứng với trình độ văn minh của xã hội.

1.4. Xã hội hiện đại đang có những biến đổi sâu sắc và rộng khắp trên mọi lĩnh vực. Sự tranh chấp giữa các thế lực, giữa các phe (xã hội chủ nghĩa – tư bản chủ nghĩa – chủ nghĩa đế quốc) vẫn diễn ra có tính toàn cầu. Vì vậy, vấn đề rất quan trọng trong nội dung giáo dục ở tất cả các quốc gia là phải nâng cao giác ngộ chính trị, lí tưởng, đạo đức, ý thức công dân... để trở thành những con người vừa hiện đại vừa đậm đà bản sắc dân tộc, để xây dựng và bảo vệ đất nước trong điều kiện phức tạp hiện nay.

1.5. Từ những cơ sở chung như trên, để xác định nội dung giáo dục, các nhà trường, các cấp học, các loại hình đào tạo lại phải căn cứ vào mục tiêu đào tạo cụ thể của mình để xây dựng các nội dung giáo dục cụ thể, sát hợp, hữu ích cho đối tượng giáo dục và đáp ứng được các yêu cầu chung của xã hội, đất nước.

Những nội dung giáo dục nêu ra trong chương này chỉ là những tri thức, nội dung cơ bản, chung cho giáo dục thế hệ trẻ của nước ta. Nội dung giáo dục cụ thể được nêu rõ trong chương trình và sách giáo khoa của các cấp học. Những nội dung giáo dục đó luôn được bổ sung thêm và được thể hiện sáng tạo trong chương trình giáo dục toàn diện của nhà trường nước ta hiện nay.

2. NHỮNG NỘI DUNG GIÁO DỤC CƠ BẢN

2.1. Giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, pháp luật

2.1.1. Khái niệm

Giáo dục đạo đức là những tác động sư phạm một cách có mục đích, có hệ thống và có kế hoạch của nhà giáo dục tới người được giáo dục (học sinh) để bồi dưỡng cho họ những phẩm chất đạo đức (chuẩn mực hành vi đạo đức) phù hợp với yêu cầu của xã hội. Thực chất của giáo dục đạo đức là sự chuyển hóa ý thức xã hội có liên quan thành phẩm chất đạo đức, tư tưởng cá nhân. Nội dung phẩm chất đạo đức, tư tưởng của con người bao gồm lập trường chính trị, thế giới quan và phẩm chất đạo đức. Do đó, giáo dục đạo đức mà chúng ta nói đến bao gồm giáo dục thế giới quan, nhân sinh quan chủ nghĩa cộng sản, giáo dục tư tưởng chính trị (đường lối chính sách của Đảng, hiến pháp, pháp luật của Nhà nước...) và giáo dục các phẩm chất đạo đức cao đẹp của con người mới cho học sinh.

Quá trình giáo dục đạo đức (đức dục) căn cứ vào yêu cầu xã hội nhất định, căn cứ vào quy luật hình thành phẩm chất tư tưởng, đạo đức để tiến hành chuyển tải các chuẩn mực xã hội đến người được giáo dục một cách có mục đích, có kế

hoạch qua việc phát huy tính năng động chủ quan của người được giáo dục để hình thành những phẩm chất tư tưởng đạo đức mà nhà giáo dục mong muốn. Thầy giáo khi yêu cầu học sinh thực hiện một nhiệm vụ giáo dục theo đúng chỉ dẫn của thầy chính là thực hiện những yêu cầu, quy định của xã hội.

Quá trình giáo dục đạo đức vừa là quá trình nhà giáo dục tác động tới người được giáo dục vừa là quá trình người được giáo dục chủ động, tự giác tiếp thu các tác động, ảnh hưởng đó. Vì vậy, yếu tố cấu thành quá trình giáo dục đạo đức bao gồm nhà giáo dục và hoạt động của họ; người được giáo dục và hoạt động của họ; nội dung, phương pháp và phương tiện giáo dục... Toàn bộ các yếu tố đó lại gắn liền và bị chi phối bởi môi trường văn hóa – xã hội.

Quá trình hình thành phẩm chất đạo đức, tư tưởng lại là qua trình nảy sinh và phát triển từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp đến cao, từ thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất của phẩm chất đạo đức và tư tưởng cá nhân. Con người dưới ảnh hưởng của nhà trường, gia đình và xã hội, thông qua hoạt động tích cực của chủ thể sẽ tiếp thu tư tưởng chính trị, quy phạm đạo đức xã hội rồi chuyển hóa thành đặc trưng cá tính ổn định của bản thân. Người theo thuyết hoàn cảnh luôn đề cao vai trò quyết định một chiều của hoàn cảnh môi trường đối với giáo dục đạo đức. Họ cho rằng đạo đức, tư tưởng của con người chỉ là sản phẩm tiêu cực của hoàn cảnh và giáo dục.

Chủ nghĩa Mác đã nhận thức quá trình này một cách khoa học, biện chứng: Bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Con người có bản chất xã hội lịch sử. Các quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân bên trong và

nguyên nhân bên ngoài đã cung cấp cơ sở lí luận phương pháp luận chính xác cho quá trình giáo dục đạo đức.

Từ nhiều năm nay, những người làm công tác giáo dục ở nước ta đã tiến hành nghiên cứu hệ thống sự phát triển nhận thức đạo đức của các thế hệ thanh thiếu niên, nghiên cứu sự hình thành và điều chỉnh lại hành vi trái với chuẩn mực đạo đức xã hội của học sinh cũng như vai trò của tập thể lớp trong sự hình thành phẩm chất đạo đức; tìm hiểu quá trình hình thành phẩm chất đạo đức trên cơ sở kết hợp giữa lí luận với thực tiễn giáo dục đã nêu ra các bước của quá trình giáo dục đạo đức như sau:

– Quá trình tác động nâng cao nhận thức về tư tưởng, chính trị, đạo đức làm cơ sở cho sự hình thành, phát triển và thể hiện các hành vi đạo đức trong đời sống xã hội, hình thành nên lí tưởng, thế giới quan, nhân sinh quan ở mỗi cá nhân.

– Bồi dưỡng những tình cảm đúng đắn, trong sáng, phù hợp với các quan niệm, chuẩn mực đạo đức, quan hệ ứng xử của xã hội làm hình thành hệ thống thái độ tình cảm đúng đắn, trong sáng trong các quan hệ xã hội.

– Rèn luyện hành vi, thói quen đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Quá trình giáo dục đạo đức không chỉ gắn liền với quá trình giáo dục tư tưởng chính trị mà còn gắn liền mật thiết với quá trình giáo dục pháp luật. Nếu như những giá trị đạo đức thường khiến con người tự nguyện tuân theo thì những yêu cầu luật pháp thường mang tính bắt buộc. Mỗi người sống và làm việc phải tuân theo hiến pháp và pháp luật thì xã hội mới tồn tại, ổn định và phát triển. Hành vi của mỗi người vừa bị chi phối bởi các giá trị đạo đức vừa chịu sự chi phối của hệ thống luật pháp xã hội. Phần lớn những chuẩn

mực pháp luật phù hợp với những chuẩn mực đạo đức, song cũng có những chuẩn mực, trong những tình huống và hoàn cảnh nhất định nếu phù hợp với chuẩn mực đạo đức thì trái pháp luật và ngược lại. Pháp luật xã hội càng văn minh, tiến bộ thì càng phù hợp với các giá trị đạo đức tốt đẹp.

2.1.2. Ý nghĩa của giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật

Trong công cuộc xây dựng đất nước, giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp giáo dục – đào tạo và đối với toàn xã hội. Giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật thực chất là quá trình giáo dục ý thức công dân.

– Giáo dục đạo đức và pháp luật có vai trò tạo dựng sự ổn định trật tự lâu dài của xã hội. Bất kì một xã hội nào cũng cần sự ổn định, nó là tiền đề, là cơ sở để xã hội phát triển bền vững. Giáo dục đạo đức chính là bảo đảm cho sự ổn định lâu dài của xã hội. Xã hội là sự liên kết của nhiều cá nhân. Nếu cá nhân nào cũng có lí tưởng, lối sống phù hợp với xã hội, biết bổn phận của mình, có đạo đức tốt, được hình thành qua công tác giáo dục đạo đức ở trong và ngoài nhà trường thì kỉ cương phép nước sẽ được duy trì tốt hơn, xã hội sẽ phát triển êm đềm, tốt đẹp hơn. Song song với nó là giáo dục pháp luật, vì trong xã hội con người không chỉ phải sống theo chuẩn mực đạo đức mà phải sống theo chuẩn mực pháp luật. Nhờ giáo dục pháp luật mà xã hội sống có kỉ cương, nền nếp, tạo điều kiện cho xã hội ổn định và phát triển.

– Giáo dục đạo đức đảm bảo tính chất và định hướng của nhà trường xã hội chủ nghĩa. Trong nhà trường xã hội chủ nghĩa ở nước ta, lãnh đạo nhà trường, giáo viên và những người làm công tác giáo dục khác đều truyền thụ, giáo dục

hệ thống lập trường chính trị, quan điểm, thế giới quan của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước và các phẩm chất đạo đức xã hội chủ nghĩa cho học sinh; giáo dục đào tạo học sinh trở thành người xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa có đức, vừa có tài, vừa có sức khoẻ (những con người vừa hồng vừa chuyên).

– Đối với sự phát triển của thanh thiếu niên: Giáo dục đạo đức có vị trí hàng đầu và chủ đạo trong giáo dục nhà trường (tiên học lễ, hậu học văn). Giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật trong các chế độ xã hội đều giữ vai trò định hướng cho các nội dung giáo dục khác. Nhà trường thông qua thực hiện công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật có thể thúc đẩy quá trình hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục khác, đồng thời thúc đẩy sự phát triển lành mạnh về tâm sinh lí của thanh thiếu niên. Trước xu thế hội nhập của thế giới hiện đại, giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị trong nhà trường giữ vai trò rất quan trọng trong định hướng cuộc sống và lựa chọn giá trị của thế hệ trẻ. Thực trạng đạo đức, lí tưởng, niềm tin... của thanh thiếu niên hiện nay như thế nào là do có làm tốt công tác đức dục hay không.

Giáo dục đạo đức, giáo dục tư tưởng chính trị và giáo dục pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung, hỗ trợ cho nhau, khi làm tốt mặt này sẽ là điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt mặt kia và ngược lại. Chẳng hạn, nếu giáo dục đạo đức tốt sẽ là điều kiện thuận lợi để giáo dục pháp luật và nếu giáo dục pháp luật tốt sẽ giúp giáo dục đạo đức có hiệu quả hơn. Những người có phẩm chất đạo đức tốt thường là những người biết sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật (sống tuân thủ theo pháp luật của xã hội hiện hành) và

ngược lại những người có ý thức chấp hành pháp luật thông thường cũng là người có hành vi đạo đức phù hợp...

2.1.3. Nhiệm vụ và nội dung của công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật trong nhà trường

Nhiệm vụ của giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật cho học sinh trong nhà trường là làm cho các em có đầy đủ các phẩm chất cơ bản của đạo đức xã hội chủ nghĩa, có ý thức, tình cảm và các hành vi thói quen đạo đức theo những chuẩn mực đạo đức xã hội trong mọi lĩnh vực của đời sống cá nhân và xã hội, đồng thời làm cho các em thấm nhuần các đường lối quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Nhiệm vụ giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, pháp luật trong nhà trường xã hội chủ nghĩa có thể khái quát như sau:

– Hình thành cho học sinh thế giới quan khoa học, thế giới quan của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nắm được những quy luật cơ bản của sự phát triển xã hội, có ý thức thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, từng bước trang bị cho học sinh định hướng chính trị kiên định, rõ ràng, có niềm tin sâu sắc vào chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

– Giúp cho học sinh hiểu và nắm vững những vấn đề cơ bản trong đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có ý thức học tập, làm việc tuân thủ theo hiến pháp và pháp luật.

– Bồi dưỡng cho học sinh năng lực phán đoán, đánh giá đạo đức, hình thành niềm tin đạo đức, yêu cầu học sinh phải thấm nhuần nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức do xã hội quy định, biết tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hoá, đạo đức của nhân loại, kết hợp với đạo đức truyền thống và văn hoá của dân tộc.

– Dẫn dắt học sinh rèn luyện ở những môi trường, hoàn cảnh khác nhau trong thực tế, tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện xấu, tiêu cực, lạc hậu của kiểu đạo đức, nhân cách cũ v.v.... để nhằm hình thành các hành vi, thói quen đạo đức mới, đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật cho học sinh, trong nhà trường cần lưu ý thực hiện những nhiệm vụ – nội dung chủ yếu sau:

– Giáo dục lí luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

– Giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính.

– Giáo dục lí tưởng CSCN.

– Giáo dục tinh thần, ý thức tập thể, tính tích cực xã hội để ngăn ngừa sự phát triển tự phát của chủ nghĩa cá nhân – vị kỉ.

– Giáo dục tinh thần, thái độ lao động mới XHCN.

– Giáo dục dân chủ và pháp chế XHCN.

– Giáo dục ý thức công dân và các nội dung đạo đức mới XHCN.

– Giáo dục, rèn luyện hành vi, thói quen có văn hoá.

Các nhiệm vụ, nội dung đức dục trong nhà trường là do các yêu cầu, đòi hỏi khách quan của sự tiến bộ xã hội, nó phải phù hợp với yêu cầu của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, nhằm thực hiện ý nguyện tốt đẹp và cao cả của Đảng và Nhà nước ta là: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

2.1.4. Các con đường và phương tiện giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật cho học sinh

a. Khái quát về con đường và phương tiện giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật cho học sinh

Đạo đức tồn tại trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống con người. Nó có thể tồn tại ở dạng ý thức xã hội bao gồm các tri thức, khái niệm, chuẩn mực, phẩm chất đạo đức, các xúc cảm, tình cảm và các đánh giá đạo đức. Với tư cách là một mặt hoạt động xã hội, đạo đức bao gồm các hành vi đạo đức. Đó là những hành động do động cơ đạo đức thúc đẩy như làm từ thiện, giúp đỡ người khác... Kết quả của hành vi đạo đức được đánh giá theo các phạm trù đạo đức xã hội như tốt, xấu, thiện, ác v.v... Dù đạo đức tồn tại dưới hình thái nào, nếu được cá nhân ý thức đầy đủ và có định hướng đúng, biết thể hiện, vận dụng vào các quan hệ đạo đức (với xã hội, với người khác và với bản thân) đều có tác động đến sự hình thành mặt đạo đức của con người. Giáo dục đạo đức gắn liền với giáo dục tư tưởng và pháp luật. Từ sự tồn tại của đạo đức như vậy, việc giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật cho học sinh có thể được thực hiện bằng hai con đường cơ bản sau:

– Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức đạo đức, tư tưởng chính trị, pháp luật làm phát triển ý thức công dân ở học sinh thông qua dạy học, nhất là các bộ môn có liên quan như giáo dục công dân, văn học, lịch sử...

– Xây dựng những hành vi, thói quen đạo đức thông qua tổ chức đời sống, các hoạt động và giao lưu để thực hiện các mối quan hệ, tích luỹ kinh nghiệm đạo đức.

Giáo dục đạo đức, tư tưởng và pháp luật cho học sinh bằng hai con đường nêu trên thường sử dụng các phương tiện chủ yếu sau: các thành tựu văn hoá – nghệ thuật, các loại hình hoạt động và giao lưu của học sinh, rèn luyện trong thực tiễn đời sống để hình thành và tích luỹ tri thức, kinh nghiệm đạo đức.

Các con đường và phương tiện giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật cho học sinh khi được sử dụng phải chú ý khai thác như thế nào để làm phát triển nhu cầu đạo đức của học sinh. Có nhu cầu đạo đức học sinh sẽ hứng thú, tích cực tìm hiểu và thể hiện hành vi đạo đức ở mọi nơi, mọi lúc một cách tự nguyện, tự giác.

Trong giáo dục đạo đức cần chú ý việc khai sáng về đạo đức và rèn luyện các hành vi, thói quen đạo đức, không nên dùng các biện pháp "bạo lực" ngăn cấm, răn đe thô bạo để buộc trẻ phải từ bỏ những mong muốn theo cách hiểu của chúng. Giáo dục đạo đức cho trẻ phải hướng vào việc tổ chức các hoạt động và tổ chức đời sống để làm thoả mãn nhu cầu đạo đức của chúng. Sẽ hết sức sai lầm khi nhà giáo dục (cha mẹ, thầy cô...) không biết sử dụng các con đường và phương tiện để giáo dục đạo đức cho con em trong gia đình và nhà trường. Để hiểu rõ hơn về điều này xin xem phần "Những sai lầm về giáo dục đạo đức cho trẻ trong gia đình" ở cuối chương.

b. Các con đường của giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị và pháp luật trong nhà trường

* *Qua giảng dạy các môn học*

– Hệ thống tri thức đạo đức, tư tưởng chính trị, pháp

uật được học sinh tiếp thu thông qua việc học tập tất cả các nôn học trong nhà trường phổ thông. Ví dụ, học sinh sẽ học ;ập được các nét tính cách tốt đẹp của các nhân vật trong ịch sử, văn học, các nhà khoa học, các tấm gương sáng về đức hi sinh dũng cảm trong chiến đấu, lao động, bảo vệ Tổ quốc v.v... Đồng thời các em có thái độ lên án, phê phán những hành vi tiêu cực, phản diện trái với đạo đức xã hội trong lịch sử, trong các tác phẩm văn học...

– Môn giáo dục công dân cung cấp cho học sinh những tri thức về các chuẩn mực đạo đức, các phạm trù đạo đức cơ bản, các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm cho các em có nhận thức đúng đắn về chúng. Cùng với việc khai sáng nhận thức đạo đức, học sinh còn nắm được phương thức hành vi đạo đức và pháp luật, nắm được các yêu cầu ứng xử vừa phù hợp với các quy định đạo đức xã hội vừa phù hợp với các chuẩn mực của luật pháp trong các tình huống khác nhau của đời sống cá nhân.

Giờ dạy giáo dục công dân cần chú ý một số yêu cầu sau:

+ Khai thác vốn kinh nghiệm đạo đức mà học sinh đã biết và thể nghiệm trong cuộc sống ở gia đình và xã hội.

+ Liên hệ, giải thích, chứng minh tính đúng đắn, cao đẹp của các hình tượng giàu xúc cảm, của các tấm gương đạo đức, từ đó làm cho học sinh có ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc và hướng vào các hành vi đạo đức chân chính và quyết tâm rèn luyện, tu dưỡng theo các tấm gương đạo đức cao đẹp.

+ Đối với học sinh, việc giảng dạy đạo đức không chỉ nói về những tấm gương đạo đức cao đẹp mà còn phải biết nêu ra các hành vi, thái độ, tình cảm, quan hệ và sự thể hiện đạo

đức tiêu cực, trái hoặc phản đạo đức trong văn học, đời sống xã hội để các em đánh giá, phê phán, phòng tránh.

* *Tổ chức các loại hình hoạt động và sinh hoạt tập thể để giáo dục đạo đức, tư tưởng và pháp luật cho học sinh*

+ Tập dượt và rèn luyện các hành vi đạo đức chủ yếu thông qua các hoạt động lao động – sản xuất, thể dục – thể thao, văn hoá – văn nghệ, học tập, tham quan... Qua các hoạt động này, học sinh có dịp thể hiện, thể nghiệm và thực hành các tri thức đạo đức đã tiếp thu được vào thực tế đời sống, tích luỹ được kinh nghiệm đạo đức, hình thành nên thói quen đạo đức cá nhân.

+ Tổ chức các sinh hoạt tập thể, giao lưu là những phương tiện đức dục quan trọng để học sinh có nhận thức đúng đắn về các chuẩn mực, giá trị đạo đức, rèn luyện các thói quen đạo đức cần thiết và phát triển các phẩm chất đạo đức tốt đẹp trong môi trường xã hội.

+ Tổ chức các hoạt động chính trị xã hội để nâng cao tư tưởng chính trị và ý thức pháp luật cho học sinh. Chẳng hạn thông qua các hoạt động đền ơn đáp nghĩa để giáo dục đạo lí uống nước nhớ nguồn, cho học sinh tham gia bảo vệ an toàn giao thông...

2.2. Giáo dục trí tuệ (trí dục)

2.2.1. Khái niệm

Trí dục là hoạt động giáo dục trong đó nhà giáo dục tổ chức các hoạt động cho học sinh chiếm lĩnh hệ thống tri thức văn hoá, khoa học kĩ thuật và làm phát triển các kĩ năng, kĩ xảo tương ứng, phát triển trí lực và năng lực hoạt động trí tuệ của học sinh.

Việc giáo dục trí tuệ ngày nay không còn diễn ra theo kiểu truyền thụ một chiều từ giáo viên đến học sinh mà đó là quá trình giáo viên thông qua tổ chức các hoạt động để người học tự mình chiếm lĩnh hệ thống tri thức, kĩ năng, kĩ xảo.

Nguồn tri thức, kĩ năng, kĩ xảo mà người học có được cũng không còn duy nhất từ phía thầy giáo, từ phía nhà trường mà từ rất nhiều nguồn khác nhau do sự phát triển của khoa học kĩ thuật, đặc biệt là sự phát triển của công nghệ thông tin.

2.2.2. Ý nghĩa của giáo dục trí tuệ

Trí dục là bộ phận cấu thành quan trọng của nền giáo dục toàn diện. Trí dục là khâu quan trọng để thực hiện mục đích giáo dục nhằm đào tạo cho xã hội ngày càng nhiều nhân tài có chất lượng. Trí dục không chỉ đơn thuần là truyền thụ tri thức cho học sinh mà lấy đó là trung gian để phát triển trí tuệ và bồi dưỡng năng lực hoạt động trí tuệ cho học sinh.

Trí dục có nhiệm vụ quan trọng là làm phát triển năng lực và phẩm chất trí tuệ, đặc biệt là năng lực tư duy độc lập sáng tạo, trên cơ sở đó hình thành thế giới quan khoa học, góp phần phát triển nhân cách cho học sinh.

Trong điều kiện xã hội ngày nay, khi khoa học kĩ thuật phát triển như vũ bão, việc truyền thụ tri thức, bồi dưỡng trí lực có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của từng cá nhân và xã hội loài người. Trí dục là biện pháp hiệu quả để xã hội phát triển văn minh, nâng cao tố chất dân tộc; là bộ phận cấu thành hạt nhân của nền giáo dục phát triển toàn diện; là nền tảng, cơ sở và là bảo đảm căn bản cho sự phát triển tâm sinh lí và trưởng thành lành mạnh của học sinh.

2.2.3. Nhiệm vụ và nội dung của giáo dục trí tuệ

Trí dục là một trong những yếu tố quan trọng để thực hiện mục đích giáo dục. Giáo dục trí tuệ có vai trò to lớn đối với việc thực hiện đào tạo nhân tài cho đất nước. Nhiệm vụ của giáo dục trí tuệ vừa là xuất phát điểm vừa là yêu cầu cầu cơ bản trong nhà trường. Nhiệm vụ cơ bản của giáo dục trí tuệ là tổ chức các hoạt động để người học chiếm lĩnh hệ thống tri thức văn hoá khoa học cơ bản, hình thành kĩ năng, kĩ xảo tương ứng và phát triển trí lực cho họ.

Việc giáo dục trí tuệ cho học sinh không chỉ diễn ra trong phạm vi nhà trường mà còn diễn ra trong toàn bộ các hoạt động và các mối quan hệ của con người trong cuộc sống. Do đó, nhà trường cần phải bồi dưỡng, thúc đẩy sự phát triển trí tuệ cho học sinh trong mọi môi trường giáo dục.

Giáo dục phổ thông là giai đoạn đặt nền tảng cơ sở, nội dung giáo dục trí tuệ bao gồm một số mặt sau:

– Trang bị cho học sinh tri thức cơ sở của các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học tư duy. Trong nhà trường, việc truyền thụ tri thức khoa học cho học sinh được căn cứ trên đặc điểm lứa tuổi, trình độ tri thức và quy luật nắm vững tri thức của học sinh. Đây cũng là nền tảng để học sinh tiếp tục học lên cao và cho công việc sau này. Tri thức nền tảng mà nhà trường cần truyền thụ tới học sinh chủ yếu thể hiện ở bài giảng, ở giáo trình các môn học, trong đó phản ánh những tri thức cơ bản nhất về tự nhiên, xã hội và tư duy. Nắm vững tri thức văn hoá, khoa học ở trường phổ thông là cơ sở để học tập lên tiếp bậc cao hơn, hoặc chuẩn bị tốt để bước vào đời sống xã hội. Xã hội hiện đại không chỉ yêu cầu về khoa học kĩ thuật mà đòi hỏi về văn hoá tinh thần cũng ngày

càng cao. Vì vậy giảng dạy và học tập bắt buộc tất cả các môn học đối với học sinh là vô cùng quan trọng.

– Hình thành kĩ năng hoạt động trí tuệ cơ bản cho học sinh. Kĩ năng được hình thành thông qua luyện tập, bao gồm: kĩ năng động tác và kĩ năng trí lực. Kĩ năng trí lực là phương thức hoạt động trí lực nhờ vào ngôn ngữ nội bộ trong não, như viết đoạn văn, đọc bài, làm bài tập... đều là phương thức hoạt động trí lực. Bình thường những sách lược mà con người sử dụng khi nhận thức vấn đề hay giải quyết vấn đề cũng là một dạng hình thức biểu hiện của kĩ năng trí lực. Kĩ năng trí lực chủ yếu được thực hiện nhờ vào ngôn ngữ nội bộ. Vì vậy, ngôn ngữ nội bộ có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự hình thành và phát triển của kĩ năng trí lực. Kĩ năng động tác chỉ ra phương thức vận động bất kì phù hợp với quy tắc yêu cầu của các vận động cơ thể ngoài não. Ví dụ viết chữ, đi lại, bơi lội, thể dục, đánh bóng hay trồng trọt, canh tác v.v... Kĩ năng qua luyện tập nhiều lần, có hệ thống sẽ hình thành nên phương thức động tác tự động hoá hay còn gọi là kĩ xảo hoặc thuần thục thành thói quen. Rèn luyện kĩ năng và kĩ xảo là phương thức hành vi không thể thiếu trong học tập và các hoạt động khác của học sinh.

Hình thành kĩ năng và nắm vững tri thức có mối liên hệ mật thiết với nhau. Việc hình thành kĩ năng phải dựa trên nền tảng tri thức nhất định và khi đã nắm vững kĩ năng nhất định lại tạo điều kiện để học tập có hiệu quả cao hơn, chúng thúc đẩy lẫn nhau. Trong giảng dạy tri thức các môn khoa học, song song với việc truyền thụ tri thức cần hướng dẫn học sinh ứng dụng tri thức vào thực tế, tổ chức các kiểu luyện tập, bài tập, tiến hành các kiểu rèn luyện để hình thành kĩ năng cơ bản tương ứng.

– Phát triển trí lực học sinh: là nhiệm vụ quan trọng của giáo dục trí tuệ, điều này chủ yếu thể hiện ở việc bồi dưỡng năng lực quan sát, năng lực ghi nhớ, năng lực tưởng tượng, tư duy và năng lực tự học cho học sinh. Phát triển trí lực học sinh không chỉ là yêu cầu học tập mà còn là yêu cầu cấp thiết làm cho học sinh có thể thích ứng với sự phát triển của khoa học kĩ thuật hiện đại của sản xuất và thích ứng với cuộc sống xã hội đương đại. Ngày nay, tốc độ phát triển khoa học kĩ thuật rất nhanh, luôn có sự thay đổi lớn dẫn tới nền sản xuất hiện đại phát triển nhanh chóng. Công nghệ sản xuất mới, sản phẩm mới không ngừng xuất hiện, nhiều ngành nghề mới xuất hiện, dẫn đến kết quả tất yếu là ngành nghề lao động biến đổi nhanh, đòi hỏi người lao động phải có khả năng thích ứng được với sự biến đổi đó, giáo dục cần phải đào tạo một lớp người mới có năng lực thích ứng cao và năng lực học hỏi cao. Phát triển trí lực là biện pháp quan trọng nâng cao năng lực thích ứng. Vì vậy, trí dục phải hướng vào việc phát triển trí lực học sinh, bồi dưỡng cho học sinh năng lực tự học, thói quen tự học mang đặc trưng và ý nghĩa thời đại.

Để phát triển trí lực cho học sinh chúng ta phải rèn luyện các thao tác trí tuệ cho các em. Các thao tác trí tuệ cần rèn luyện như phân tích, tổng hợp, trừu tượng hoá, khái quát hoá, so sánh... Ngoài ra, chúng ta cũng cần phải hình thành các phẩm chất trí tuệ cho các em như tính mềm dẻo, tính linh hoạt, tính độc lập, tính phê phán, tính sáng tạo, tính nhất quán... Nhờ có tri thức phát triển các thao tác và các phẩm chất trí tuệ, các em sẽ phát triển trí lực của mình.

Tóm lại ba yếu tố: truyền thụ tri thức, bồi dưỡng kĩ năng và phát triển trí lực vừa liên hệ mật thiết với nhau vừa có sự

khác biệt. Học tập, nắm vững tri thức và kĩ năng nhất định là tiền đề cho trí lực phát triển. Trí lực được rèn luyện và phát triển trong quá trình học tập, nắm vững tri thức, kĩ năng, vận dụng tri thức vào thực tế. Tích luỹ và phát triển kĩ năng, tri thức không đồng nghĩa với trí lực, không thể lấy truyền thụ tri thức, bồi dưỡng kĩ năng để thay thế phát triển trí lực. Giáo viên trong quá trình truyền thụ tri thức, bồi dưỡng kĩ năng cần vận dụng có mục đích, có kế hoạch, nguyên tắc, phương pháp dạy học kiểu phát hiện, biến dạy học kiểu tái hiện thành dạy học kiểu sáng tạo để bồi dưỡng, phát triển năng lực quan sát, ghi nhớ, tưởng tượng và tư duy của học sinh. Trong quá trình truyền đạt khái niệm, phân tích nguyên lí, luận chứng, nguyên tắc... cần bồi dưỡng, phát triển có mục đích năng lực phân tích, tổng hợp, trừu tượng hoá, khái quát hoá, phán đoán cho học sinh. Cần rèn luyện cho học sinh biết tự học, biết nâng cao năng lực tự học. Cần giúp cho học sinh nắm vững phương pháp tự học như hướng dẫn cho học sinh sử dụng sách, công cụ học tập, học cách ghi chép, tìm tài liệu tham khảo, thu thập và chỉnh lí tư liệu...

2.2.4. Các con đường giáo dục trí tuệ

Có rất nhiều con đường và phương tiện để giáo dục trí tuệ cho học sinh như thông qua lao động sản xuất, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, tham quan du lịch..., nhưng quan trọng hơn cả là thông qua dạy học. Có thể nói dạy học là con đường hiệu quả và đặc trưng của giáo dục trí tuệ.

Ngày nay, nhờ sự phát triển của khoa học kĩ thuật và công nghệ việc giáo dục trí tuệ cho học sinh có thể diễn ra mọi nơi mọi lúc. Sự ra đời của nhiều phương tiện học tập hiện đại như sách điện tử, các chương trình phần mềm tin

học phục vụ học tập... đã hỗ trợ đắc lực cho công tác giáo dục trí tuệ. Cũng chính nhờ sự hỗ trợ của các phương tiện học tập mà hình thức giáo dục từ xa ngày càng phát triển, tạo ra một xã hội học tập và giúp cho mọi người có thể học liên tục và học suốt đời.

2.3. Giáo dục thể chất (thể dục)

2.3.1. Khái niệm

Thể dục được hiểu theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Thể dục theo nghĩa rộng bao gồm giáo dục rèn luyện thân thể và giáo dục vệ sinh giữ gìn sức khoẻ. Rèn luyện thân thể nghiêng về bồi dưỡng cơ thể, còn giáo dục vệ sinh giữ gìn sức khoẻ lại nghiêng về bảo vệ sức khoẻ. Thể dục theo nghĩa hẹp, chủ yếu chỉ rèn luyện thân thể hoặc giáo dục vận động thể dục thể thao.

Giáo dục thể chất là sự tác động có mục đích, có nội dung, có phương pháp, có tổ chức của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục nhằm nâng cao sức khoẻ, hình thành và phát triển các yếu tố thể chất cho họ.

Việc giáo dục thể chất có thể tiến hành theo nội dung chương trình môn Thể dục ở nhà trường, cũng có thể tiến hành rèn luyện liên tục trong cuộc sống cá nhân. Vì vậy giáo dục thể chất không chỉ chú ý đến việc rèn luyện hay giáo dục giữ gìn sức khoẻ mà phải chú ý đến giáo dục ý thức, thái độ rèn luyện để tạo nên một thói quen, một nếp sống văn minh của con người hiện đại. Việc rèn luyện thể chất, giữ gìn sức khoẻ của mỗi người vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ, nó không chỉ vì lợi ích của cá nhân mà còn vì lợi ích cộng đồng và xã hội.

2.3.2. Ý nghĩa của giáo dục thể chất

Sức khoẻ là vốn quý giá nhất của mỗi con người. Người có sức khoẻ có hàng trăm, hàng ngàn ước mơ, còn người không có sức khoẻ thì chỉ có một ước mơ duy nhất là mình có sức khoẻ. Một tâm hồn lành mạnh chỉ ở trong một cơ thể cường tráng. Muốn có một sức khoẻ tốt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngoài yếu tố tư chất bẩm sinh, vấn đề rèn luyện và giữ gìn sức khoẻ là hết sức quan trọng.

Giáo dục thể chất (thể dục) là bộ phận cấu thành quan trọng của nền giáo dục phát triển toàn diện. Thể dục là biện pháp quan trọng để nâng cao sức khoẻ người dân, tăng cường thể chất nhân dân, làm phong phú đời sống văn hoá xã hội, nâng cao sức sản xuất xã hội. Như trên đã nói, thể dục bao gồm rèn luyện sức khoẻ và giữ gìn vệ sinh, rèn luyện sức khoẻ. Hiện nay giáo dục thể chất trong nhà trường phải chú ý làm tốt cả rèn luyện thể dục và vệ sinh giữ gìn sức khoẻ. Giáo dục thể chất trong nhà trường có ý nghĩa quan trọng:

– Giáo dục thể chất có thể thúc đẩy học sinh phát triển thân thể khoẻ mạnh, tăng cường thể chất cho học sinh. Thanh thiếu niên đang ở thời kì thân thể phát triển, do đó thể dục là hoạt động giáo dục không thể thiếu bảo đảm cho sự phát triển tâm sinh lí lành mạnh của các em. Nhà trường căn cứ vào đặc điểm và quy luật phát triển tâm sinh lí học sinh để tiến hành rèn luyện một cách có hệ thống, có mục đích, có kế hoạch theo phương pháp khoa học nhằm giúp các bộ phận, cơ quan trên cơ thể phát triển khoẻ mạnh, hài hoà và tăng cường thể chất. Thường xuyên vận động thể dục sẽ phát triển thể chất tốt như tăng cường năng lực làm việc của

hệ thần kinh, não, tim, có thể làm tăng hoạt lượng khí của phổi, tăng cường sức mạnh cơ bắp, tăng chiều cao, cân nặng v.v... Thông qua giáo dục thể chất để giáo dục các mặt khác của nhân cách như đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ...

– Giáo dục thể chất là bộ phận không thể thiếu nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của học sinh, là bộ phận hợp thành quan trọng của nền giáo dục phát triển toàn diện. Thân thể khoẻ mạnh là điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện các nhiệm vụ giáo dục khác. Giáo dục thể chất liên hệ mật thiết với đức dục, trí dục, mĩ dục và lao động kĩ thuật. Thông qua vận động thể dục có thể bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất tốt đẹp như: dũng cảm, chăm chỉ lao động, tôn trọng kỉ luật, đoàn kết, nhân ái... Thể dục là bảo đảm quan trọng để học sinh học tập tri thức văn hoá, khoa học. Rèn luyện thân thể có thể duy trì đầu óc tỉnh táo, nâng cao năng lực làm việc của não, khi học tập có thể tập trung sức chú ý cao và kéo dài, quan sát nhanh nhạy, tư duy sắc bén, nâng cao chất lượng học tập. Luyện tập thể dục có thể nâng cao vẻ đẹp cho cơ thể do chúng được phát triển hài hoà, cân đối. Thể dục còn làm cho tình cảm thẩm mĩ của con người trong sáng hơn. Thể dục thể thao cung cấp điều kiện tố chất sức khoẻ cho giáo dục lao động kĩ thuật và tạo cơ sở hình thành thao tác, kĩ năng cho nhiều hoạt động khác.

– Giáo dục thể chất không những có thể bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cho học sinh như tính trung thực, cao thượng... mà còn làm cho tinh thần con người minh mẫn, có cuộc sống lạc quan, vui vẻ, tạo nên hành vi và thói quen văn minh như tôn trọng kỉ luật, trách nhiệm với tập thể, yêu thích tuân theo trật tự công cộng, giữ gìn môi trường sạch đẹp, giữ gìn vệ sinh...

2.3.3. Nhiệm vụ và nội dung của giáo dục thể chất

a. Nhiệm vụ cơ bản của giáo dục thể chất trong nhà trường

Giáo dục thể chất trong nhà trường có một số nhiệm vụ cơ bản sau:

– Tăng cường thể chất, tăng sức khoẻ cho học sinh. Tổ chức cho học sinh rèn luyện thân thể, thúc đẩy cơ thể học sinh phát triển bình thường, tăng cường thể chất và sức khoẻ cho học sinh, phát triển toàn diện năng lực hoạt động cơ bản của cơ thể cũng như nâng cao thể chất: tố chất tốc độ, độ nhạy cảm, sức mạnh, độ dẻo dai,... (các phẩm chất của vận động như nhanh, mạnh, bền, khéo) hay các năng lực vận động cơ bản như chạy, nhảy, leo trèo, mang vác.. nâng cao năng lực thích ứng với môi trường tự nhiên cho học sinh. Nói tóm lại, thể dục trước hết là hình thành các loại hình vận động và các phẩm chất vận động cho học sinh.

– Giúp học sinh dần dần nắm vững tri thức cơ bản và kĩ năng kĩ xảo của vận động thể dục thể thao, tạo nên thói quen tự giác rèn luyện thân thể một cách thường xuyên, khoa học, có hệ thống, trên cơ sở đó hình thành thói quen, ý thức rèn luyện thân thể, tạo ra một lối sống khoa học, hợp lí và lành mạnh.

– Truyền thụ tri thức vệ sinh cần thiết cho học sinh, bồi dưỡng thói quen vệ sinh tốt, hướng dẫn học sinh phòng ngừa bệnh tật, bảo vệ và tăng cường sức khoẻ, phát triển tâm sinh lí tương ứng với các giai đoạn phát triển cơ thể.

– Thông qua thể dục tiến hành giáo dục phẩm chất đạo đức xã hội chủ nghĩa, giúp học sinh tạo nên phong cách đạo đức tốt đẹp, cao thượng.

b. Nội dung của giáo dục thể chất

Nội dung giáo dục thể chất trong nhà trường được xác định theo nhiệm vụ cụ thể của nhà trường và đặc điểm lứa tuổi học sinh. nội dung này bao gồm vận động thể dục thể thao và vệ sinh nhà trường.

– Vận động thể dục thể thao: Đây là nội dung chủ yếu của thể dục nhà trường, là phương pháp chủ yếu bảo đảm sự phát triển khoẻ mạnh của tâm sinh lí học sinh bao gồm vận động điền kinh, thể thao, các loại vận động với bóng, bơi lội, trò chơi, võ thuật... và hoạt động thể dục trong giáo dục quốc phòng, tận dụng điều kiện tự nhiên để rèn luyện thân thể...

Vận động điền kinh: Đây là loại hình hoạt động do các hoạt động trong đời sống sinh hoạt thường xuyên của con người tạo thành như đi, chạy, nhảy, leo trèo, ... Các môn điền kinh có quan hệ mật thiết đối với đời sống con người, với quá trình lao động sản xuất và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Điền kinh lại là nền tảng cho các môn thể dục khác, vì thế vận động thể dục nhà trường có nội dung chủ yếu là vận động điền kinh.

Thể thao có rất nhiều loại: thể thao cơ bản và thể thao thi đấu. Đặc điểm của nó là: nội dung phong phú. khả năng tiếp thu thực hiện tốt bài giảng về vệ sinh sinh lí. vệ sinh học đường, nâng cao tính tự giác giữ gìn vệ sinh cho học sinh.

– Nhà trường cần xây dựng chế độ học tập. sinh hoạt hợp lí, kiểm soát, khống chế chặt chẽ khối lượng hoạt động của học sinh trong nhà trường. bảo đảm thời gian sinh hoạt. nghỉ ngơi và ngủ hợp lí, tạo nên thói quen sinh hoạt tốt. có kỉ luật. Thiết bị sinh hoạt trong nhà trường như bàn ghế. cửa sổ, cửa ra vào. hướng ánh sáng, độ phản quang của bảng.

đèn chiếu sáng... đều đòi hỏi phải phù hợp với mức độ học tập và tình trạng phát triển cơ thể của học sinh.

Cần làm cho học sinh hiểu rõ tri thức vệ sinh học tập, tạo nên thói quen học tập tốt, tạo tư thế ngồi, đi, đứng, viết.. đúng tư thế, đảm bảo cho cơ thể học sinh phát triển bình thường, cân đối, đẹp. Bảo vệ thị lực cho học sinh đang là vấn đề nổi cộm hiện nay, phải kiên trì bảo vệ sức khoẻ đôi mắt, giúp học sinh hiểu về vệ sinh mắt. Khi sắp xếp chỗ ngồi phải chú ý điều tiết thị lực học sinh. Cũng cần làm cho học sinh hiểu về vệ sinh vận động, luyện tập theo khoa học.

Thiết bị thể dục và sân bãi cần phù hợp với yêu cầu luyện tập và bảo đảm an toàn, vệ sinh sạch sẽ. Cần tiến hành kiểm tra sức khoẻ định kì cho học sinh, làm tốt công tác phòng và trị bệnh để đảm bảo cho học sinh phát triển mạnh khoẻ.

Tóm lại, thể dục trong nhà trường bao gồm vận động thể dục và vệ sinh giữ gìn sức khoẻ với tôn chỉ là tăng cường thể chất, giữ gìn sức khoẻ cho học sinh. Thông qua giáo dục thể chất, tăng cường sức khoẻ cho học sinh để giáo dục các phẩm chất đạo đức, phát triển trí tuệ, tăng cường khả năng thẩm mĩ, giáo dục lao động...

2.3.4. Các con đường giáo dục thể chất

Cũng như các nội dung giáo dục khác, giáo dục thể chất cũng có thể thông qua nhiều con đường khác nhau. Trước hết và quan trọng nhất là thông qua dạy học môn giáo dục thể chất trong nhà trường. Sở dĩ xem môn giáo dục thể chất là con đường quan trọng nhất vì đó là hoạt động có nội dung, có phương pháp khoa học, có hệ thống và do những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm nhiệm. Môn giáo dục thể chất không chỉ tiến hành rèn luyện thể chất cho học sinh

mà còn cung cấp những hiểu biết cần thiết để các em rèn luyện có hiệu quả, nâng cao sức khoẻ bản thân.

Có thể giáo dục thể chất cho học sinh thông qua con đường lao động sản xuất. Lao động có thể rèn luyện cho học sinh các kĩ năng vận động cũng như các phẩm chất vận động. Thông qua lao động để tăng cường sức khoẻ cho các em như rèn luyện tính dẻo dai, tính chính xác, tính linh hoạt...

Vui chơi giải trí cũng là một con đường quan trọng để giáo dục thể chất cho học sinh. Vui chơi giải trí vừa tạo ra sự thoải mái, hưng phấn cho học sinh vừa rèn luyện được nhiều kĩ năng vận động cũng như phẩm chất vận động.

Ngày nay khi có rất nhiều phương tiện hỗ trợ tập luyện thì việc khuyến khích học sinh tự giác rèn luyện ở mọi nơi, mọi lúc có thể, đặc biệt là ở gia đình cũng là một con đường quan trọng để rèn luyện thể chất cho các em.

2.4. Giáo dục thẩm mĩ (mĩ dục)

2.4.1. Khái niệm

Giáo dục thẩm mĩ (mĩ dục), là giáo dục về cái đẹp, vận dụng cái đẹp của nghệ thuật, của tự nhiên và nét đẹp của cuộc sống xã hội để bồi dưỡng quan điểm thẩm mĩ và năng lực cảm thụ, thưởng thức, sáng tạo cái đẹp đúng đắn cho học sinh.

Quá trình giáo dục thẩm mĩ trước hết là giúp cho học sinh có khả năng thưởng thức cái đẹp, biết phân biệt cái đẹp, cái xấu, cái cao thượng, cái thấp hèn...

Giáo dục thẩm mĩ còn là quá trình hình thành những tình cảm thẩm mĩ tốt đẹp, giúp cho học sinh biết yêu quý, bảo vệ, gìn giữ cái đẹp.

Cao hơn hết của mục tiêu giáo dục thẩm mĩ là hình thành khả năng sáng tạo cái đẹp cho học sinh. Quá trình giáo dục phải hình thành nhu cầu và hứng thú sáng tạo ra cái đẹp cho học sinh, làm cho học sinh biết sống và làm việc theo quy luật của cái đẹp.

2.4.2. Ý nghĩa của giáo dục thẩm mĩ

Mĩ dục cũng là một bộ phận cấu thành cần thiết của nền giáo dục phát triển toàn diện nhân cách con người.

– Con người là chủ thể của đời sống xã hội, vừa có nhu cầu về đời sống vật chất vừa có nhu cầu về đời sống tinh thần, trong đó bao gồm nhu cầu thẩm mĩ. Bồi dưỡng và hun đúc cái đẹp có hiệu quả nhất bắt đầu từ khi trẻ còn nhỏ, làm tốt mĩ dục nhà trường sẽ nâng cao tố chất văn minh tinh thần cho thế hệ trẻ và toàn dân tộc.

– Giáo dục thẩm mĩ có thể mở rộng tầm nhìn phát triển nhận thức, phát triển trí lực và tinh thần sáng tạo của học sinh.

Con người có thể dùng phương pháp khoa học, cũng có thể dùng phương pháp nghệ thuật để nhận biết thế giới. Là nghệ thuật, đặc điểm của nó là tái hiện đời sống hiện thực thông qua hình tượng nghệ thuật. Tác phẩm nghệ thuật thành công có thể giúp nhận thức thế giới một cách sinh động, mới mẻ, hấp dẫn. Nhất là thông qua các hình tượng nghệ thuật để chuyển tải các giá trị tư tưởng, lối sống, cách sống...

Mĩ dục có thể thúc đẩy trí lực của học sinh phát triển. Học sinh học lí luận khoa học có thể rèn luyện tư duy lôgíc. Còn khi cảm nhận và thể nghiệm tình cảm trước cái đẹp của tự nhiên, xã hội và nghệ thuật sẽ giúp học sinh phát triển năng lực quan sát, năng lực tưởng tượng, năng lực tư duy và năng lực sáng tạo.

– Giáo dục thẩm mĩ giúp làm trong sạch tâm hồn, rèn luyện cảm xúc, hoàn thiện phẩm chất đạo đức cho học sinh, ví dụ như những cái bi, cái hài, cái cao thượng, cái thấp hèn, cái tốt, cái xấu... có giá trị thẩm mĩ là "thanh lọc tâm hồn con người".

Thời cổ đại hay nhấn mạnh sự thống nhất giữa cái đẹp và cái thiện. Trong nền giáo dục toàn diện XHCN, mĩ dục và đức dục tương hỗ cho nhau. Mĩ dục dùng hình tượng đẹp để giáo dục, nâng cao năng lực thẩm mĩ cho học sinh, giúp các em biết phân biệt cái xấu, cái đẹp, cái thiện, cái ác, ...đồng thời tạo ảnh hưởng sâu sắc tới tư tưởng, tình cảm của học sinh, gợi lên từ nội tâm những phẩm chất cao quý, hình thành phẩm chất đạo đức và tình cảm cao thượng cho con người.

– Mĩ dục thúc đẩy học sinh hướng tới, vươn tới cái đẹp, biết thưởng thức cái đẹp, thể hiện cái đẹp trong mọi lĩnh vực của đời sống; tức là biết sáng tạo ra cái đẹp, xây dựng cuộc sống theo quy luật của cái đẹp, biết yêu quý cái đẹp và bảo vệ cái đẹp....

Mĩ dục cùng các nội dung giáo dục khác là điều kiện cho nhau, tương hỗ lẫn nhau cùng thúc đẩy sự phát triển toàn diện của học sinh. Vì vậy, tăng cường giáo dục thẩm mĩ cho các cấp học, các ngành học là xu thế tất yếu hiện nay của một nền giáo dục tiên tiến.

2.4.3. Nhiệm vụ và nội dung của giáo dục thẩm mĩ

a. Nhiệm vụ của giáo dục thẩm mĩ

– Nhiệm vụ trước tiên của giáo dục thẩm mĩ là hình thành hệ thống tri thức thẩm mĩ cho học sinh, thông qua đó giúp học sinh hình thành quan điểm thẩm mĩ đúng đắn,

nâng cao năng lực thẩm mĩ. Quan điểm thẩm mĩ là thái độ và cách nhìn của con người trong hoạt động thẩm mĩ. Mỗi thời đại có tiêu chuẩn thẩm mĩ khác nhau. Trong xã hội có giai cấp mĩ dục mang tính giai cấp. Vì thế, nhiệm vụ của giáo dục thẩm mĩ trong nhà trường trước hết là giáo dục học sinh xây dựng quan điểm thẩm mĩ đúng đắn, nắm vững tiêu chuẩn, phân biệt và đánh giá được cái đẹp, cái xấu, đồng thời phải bồi dưỡng cho học sinh tình cảm thẩm mĩ cao thượng. Muốn nâng cao năng lực cảm thụ, hiểu biết và thưởng thức cái đẹp của học sinh thì phải tăng cường bồi dưỡng, truyền thụ tri thức nghệ thuật cơ bản cần thiết bao gồm: tri thức về mĩ học, về các loại hình nghệ thuật như văn học, âm nhạc, mĩ thuật... hiểu thủ pháp và kĩ xảo biểu hiện của nghệ thuật, nâng cao tri thức nghệ thuật, cảm thụ cái đẹp trong tự nhiên, trong nghệ thuật, phân tích các nét đẹp của đời sống xã hội, nâng cao năng lực thẩm mĩ.

– Bồi dưỡng tình cảm thẩm mĩ lành mạnh, kích thích học sinh yêu thích và vươn tới cái đẹp chân chính. Con người thưởng thức cái đẹp theo sắc thái tình cảm. Tình cảm chi phối khả năng thưởng thức cái đẹp. Con người có tình cảm trong sáng, lành mạnh là điều kiện tốt để thưởng thức và sáng tạo cái đẹp, yêu quý và bảo vệ cái đẹp. Giáo dục thẩm mĩ còn nhằm hướng dẫn học sinh thưởng thức các hình thái của cái đẹp, các sắc thái biểu hiện của nó. Cần kích thích tình cảm vui thích, yêu mến cái đẹp, ghét cái xấu, hình thành tình cảm thẩm mĩ lành mạnh, cao thượng và tinh thần sáng tạo phấn đấu vươn lên để thực hiện ý tưởng tốt đẹp.

– Giáo dục thẩm mĩ còn là quá trình hình thành thị hiếu thẩm mĩ, hình thành lí tưởng thẩm mĩ đúng đắn cho học sinh.

– Giáo dục thẩm mĩ nhằm giúp cho học sinh phát triển năng lực biểu hiện và sáng tạo cái đẹp. Con người ai cũng yêu thích cái đẹp. Điều này không chỉ biểu hiện ở hứng thú, sở thích đối với sự vật đẹp, nghệ thuật đẹp mà còn ra sức biểu hiện và sáng tạo cái đẹp trong thực tiễn xã hội, phát triển nét đẹp ở mọi nơi, mọi lúc trong đời sống xã hội, trong cuộc sống hàng ngày. Chẳng hạn, chú ý làm đẹp môi trường, có hành vi, cử chỉ văn minh, phục trang hợp lí; đối nhân xử thế khiêm nhường, lịch sự... Mặt khác, cần tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động thưởng thức, sáng tạo nghệ thuật, phát triển năng lực biểu hiện và sáng tạo cái đẹp.

Các nhiệm vụ mĩ dục liên hệ với nhau, trong đó bồi dưỡng quan điểm thẩm mĩ đúng đắn là nhiệm vụ hạt nhân. Có quan điểm đúng đắn mới có thể hình thành tình cảm thẩm mĩ lành mạnh và được thể nghiệm trong hoạt động thẩm mĩ và sáng tạo thẩm mĩ.

b. Nội dung của giáo dục thẩm mĩ

– *Giáo dục nghệ thuật:* Giáo dục nghệ thuật chiếm vị trí chủ yếu trong nội dung mĩ dục. Nghệ thuật bắt đầu từ cuộc sống và phản ánh cuộc sống. Nhưng nghệ thuật không phải là cuộc sống, nó khái quát hoá cuộc sống bằng các hình tượng điển hình nên nó cao hơn cuộc sống. Nghệ thuật là sự phản ánh thế giới tự nhiên và xã hội nhưng lại tập trung điển hình và mang tính tiêu biểu hơn. Vì thế nó có sức truyền cảm và có tác dụng giáo dục to lớn. Hình thức nghệ thuật có: văn học, mĩ thuật, âm nhạc, vũ đạo (múa), kịch, điện ảnh, truyền hình với nội dung phong phú, hình thức đa dạng. Tác phẩm nghệ thuật ở hình thức nào cũng có đặc điểm và vai trò riêng, độc đáo. Giáo viên cần dựa vào nội dung và đặc điểm cụ thể của chúng để thực hiện giáo dục thẩm mĩ.

– *Giáo dục cái đẹp trong xã hội:* Xã hội đẹp là cội nguồn quan trọng của giáo dục thẩm mĩ. Cái đẹp trong đời sống xã hội hết sức phong phú và đa dạng. Giáo viên cần vận dụng nguồn tài liệu mĩ dục sống này để giáo dục học sinh, đồng thời tích cực gợi mở, hướng dẫn học sinh thể nghiệm chúng, cảm thụ chúng thì nhất định sẽ phát huy được tác dụng thẩm mĩ của chúng.

– *Giáo dục cái đẹp trong tự nhiên:* Cái đẹp cũng tồn tại trong tự nhiên. Đất nước hùng vĩ, đất đai phì nhiêu, non xanh nước biếc, phong cảnh hữu tình, từng nhánh cây ngọn cỏ đều làm con người say đắm. Đây chính là nguồn tư liệu sống không bao giờ cạn kiệt của mĩ dục. Nước ta có nhiều phong cảnh đẹp, nhiều kì quan thiên nhiên được thế giới xếp hạng như vịnh Hạ Long, động Phong Nha. Nếu có điều kiện cho học sinh tham quan sẽ là cơ sở tốt đẹp để giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, giáo dục thẩm mĩ cho học sinh.

2.4.4. Con đường và phương tiện giáo dục thẩm mĩ

Để giáo dục thẩm mĩ cho học sinh cũng có rất nhiều con đường khác nhau. Con đường quan trọng nhất để giáo dục thẩm mĩ cho học sinh là giáo dục nghệ thuật trong nhà trường.

Con đường giáo dục nghệ thuật trong nhà trường bao gồm: giáo dục nghệ thuật trên lớp như dạy các môn học mĩ thuật, âm nhạc, văn học – nghệ thuật, hoạt động văn học nghệ thuật, văn hoá, văn nghệ ngoại khoá.... Thông qua giảng dạy các bộ môn nghệ thuật này để nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tình cảm thẩm mĩ...

Cũng có thể giáo dục thẩm mĩ cho học sinh thông qua việc tổ chức tham quan du lịch các danh lam thắng cảnh của

quê hương đất nước, từ những cảnh đẹp của thiên nhiên để giáo dục tình cảm, nhu cầu... thẩm mĩ cho học sinh.

Việc tạo điều kiện cho các em tiếp xúc, thưởng thức các loại hình nghệ thuật cũng là một con đường mĩ dục quan trọng. Khi các em được tiếp xúc, được thưởng thức sẽ nâng cao trình độ thẩm mĩ, bồi dưỡng tình cảm thẩm mĩ và nảy sinh nhu cầu thưởng thức và sáng tạo cái đẹp...

Cuối cùng là thông qua cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày (cái đẹp trong giao tiếp, trong ăn mặc, trong lối sống...) để giáo dục thẩm mĩ cho các em sống và làm việc theo quy luật của cái đẹp.

2.5. Giáo dục lao động và hướng nghiệp

2.5.1. Giáo dục lao động

a. Khái niệm

Giáo dục lao động là bồi dưỡng cho học sinh quan niệm đúng đắn về lao động, tiến hành thực tiễn lao động và hình thành kĩ năng và thói quen lao động.

Giáo dục kĩ thuật sản xuất cơ bản hay còn gọi là giáo dục kĩ thuật tổng hợp chủ yếu là bồi dưỡng tri thức và kĩ năng sản xuất cơ bản cho học sinh. Trong giáo dục học, khái niệm giáo dục lao động có nội hàm là giáo dục để lao động (có tri thức, kĩ năng lao động) và giáo dục trong lao động (dùng các hình thức lao động để giáo dục làm hình thành các phẩm chất đạo đức cho học sinh).

Giáo dục lao động kĩ thuật là làm cho học sinh bước đầu nắm được tri thức và kĩ năng kĩ thuật lao động tổng hợp trên diện rộng của nền công nghiệp, nông nghiệp và các ngành nghề khác.

Giáo dục kĩ thuật tổng hợp theo quan điểm của Mác– Ăng ghen là: "Giáo dục kĩ thuật tổng hợp cần làm cho nhi đồng và thiếu niên hiểu nguyên lí cơ bản của các quá trình sản xuất, đồng thời nắm được kĩ năng sử dụng các công cụ đơn giản nhất", (*Mác – Ăng ghen toàn tập,* tập 16). Về sau, Lênin đã cụ thể hoá khái niệm giáo dục kĩ thuật tổng hợp là: "Giáo dục kĩ thuật tổng hợp mà chúng ta nói đến là giáo dục mà qua nó để làm học sinh từ lí luận và thực tiễn hiểu biết hoạt động lao động của con người, hiểu được mối quan hệ qua lại giữa các bộ phận hoạt động này trong hoàn cảnh kinh tế quốc dân; đồng thời từ lí luận và thực tiễn hiểu biết về tổ chức lao động của các ngành nông nghiệp, thủ công nghiệp, đại công nghiệp"[1]. Điều này cho thấy, nội hàm của khái niệm giáo dục kĩ thuật tổng hợp thay đổi theo sự phát triển của khoa học công nghệ và ngành sản xuất, nó cũng không ngừng thay đổi theo tình hình thực tế của điều kiện kinh tế xã hội đương thời.

b. Ý nghĩa

Giáo dục kĩ thuật lao động là bộ phận hợp thành hữu cơ của nền giáo dục phát triển toàn diện trong nhà trường phổ thông hiện nay.

Giáo dục lao động kĩ thuật nói ở đây không đồng nghĩa với giáo dục lao động trong phạm trù đức dục. Giáo dục kĩ thuật có hàm chứa giáo dục lao động, nhưng mục đích chủ yếu là làm cho học sinh có được tri thức và kĩ năng lao động kĩ thuật nhất định.

Trong nhà trường phổ thông, giáo dục lao động là nhằm

---

[1] Giáo trình *Giáo dục học hiện đại*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2004, tr. 199.

mục đích chuẩn bị sẵn sàng về mặt tâm lí và về thực tiễn để học sinh có đủ phẩm chất và năng lực (tri thức, kĩ năng, kĩ xảo lao động) bước vào học tập hoặc một loại lao động nghề nghiệp nhất định trong xã hội.

Giáo dục lao động là một nội dung quan trọng để phân biệt nhà trường xã hội chủ nghĩa với các loại hình nhà trường khác. Có thể nói đây là nội dung giáo dục đặc trưng cho nhà trường mới của chúng ta.

c. Nhiệm vụ của giáo dục lao động

** Giáo dục lao động (nghĩa rộng) bao gồm những nhiệm vụ sau:*

– Giáo dục cho học sinh thái độ XHCN đối với lao động: có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, nghề nghiệp, có thói quen lao động cần cù, bền bỉ, có ý thức tổ chức, có kỉ luật, lao động sáng tạo, có năng suất cao, lao động với lương tâm nghề nghiệp, bổn phận và nghĩa vụ một cách tự giác vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

– Cung cấp cho học sinh vốn học vấn kĩ thuật tổng hợp, phát triển tư duy kĩ thuật hiện đại.

– Tổ chức các hoạt động lao động hướng nghiệp để làm cho học sinh có những hiểu biết cơ bản về các ngành, nghề và thị trường lao động xã hội. Cho học sinh làm quen với các cơ sở, đơn vị kinh tế, sản xuất để có thực tế trong việc lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, nguyện vọng của bản thân và yêu cầu của xã hội.

– Dạy lao động nghề nghiệp để có những kĩ năng, kĩ xảo lao động kĩ thuật nghề nghiệp, tiến tới biết hành nghề trong các khu vực kinh tế – xã hội của địa phương và đất nước.

– Tổ chức cho học sinh trực tiếp tham gia lao động sản xuất và các loại hình lao động khác để góp phần sáng tạo những giá trị vật chất và tinh thần cho bản thân và cho xã hội.

** Giáo dục lao động theo nghĩa hẹp bao gồm các nhiệm vụ:*

– Giáo dục ý thức đúng đắn đối với lao động: Lao động là quyền, là nghĩa vụ và trách nhiệm đồng thời cũng là vinh dự của mỗi người công dân. Lao động trung thực, có năng suất cao vì phúc lợi xã hội và cá nhân. Vinh dự và phẩm giá hạnh phúc được khẳng định trong lao động và thành quả lao động của mỗi người. Giáo dục lao động còn làm cho học sinh biết chống lại và lên án, gạt bỏ những thói quen xấu đối với lao động như lười biếng, ăn bám, giả dối, tha hoá về lao động.

– Tổ chức cho học sinh thường xuyên tham gia các loại hình lao động xã hội, lao động công ích, lao động tự phục vụ... và tạo ra các tình huống giáo dục lao động để học sinh trải nghiệm được niềm vui về tinh thần – đạo đức khi góp phần tạo ra của cải vật chất và tinh thần, đem lại những lợi ích cho xã hội, cho bản thân và cho người khác.

– Rèn luyện cho học sinh những kĩ năng và thói quen lao động có văn hoá: làm việc có kế hoạch, khoa học, biết tiết kiệm, quý trọng của cải và sức lao động, thực hiện công việc được giao chuẩn xác, đúng thời hạn, biết lao động, nghỉ ngơi tái sản xuất sức lao động hợp lí, khoa học v.v...

– Phát triển tiềm năng trí tuệ của học sinh trong hoạt động lao động, làm cho các em biết vận dụng tri thức học vấn phổ thông, kĩ thuật tổng hợp và nghề nghiệp, tri thức về kinh tế, quản lí kinh tế vào tổ chức lao động một cách hợp lí, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất.

– Tổ chức hệ thống công tác hướng nghiệp và định

nghiệp cho học sinh sao cho các em có điều kiện thử sức với nhiều nghề nghiệp để lựa chọn được ngành nghề phù hợp với bản thân.

d. Nội dung của giáo dục lao động trong nhà trường phổ thông

* Nội dung, chương trình giáo dục lao động cho học sinh trong nhà trường phổ thông thể hiện trong chương trình môn Công nghệ được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và được áp dụng trong tất cả các trường phổ thông. Trong chương trình, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có quy định cụ thể về những phần bắt buộc (phần chung) và phần tự chọn (phần riêng). Học phần chung, học sinh sẽ được trang bị tri thức, kĩ năng cần thiết đối với hoạt động kĩ thuật. Học phần riêng (do nhà trường tự chọn), sẽ giúp học sinh hiểu được kĩ thuật công, nông nghiệp, nghề địa phương đang phát triển, nhờ đó học sinh được định hướng cụ thể trước hệ thống nghề của địa phương xung quanh trường, giúp cho việc sử dụng học sinh ra trường hợp lí.

– Dạy kĩ thuật phổ thông và lao động nghề nghiệp:

Nội dung giáo dục lao động hiện nay trong nhà trường cần hướng vào việc trang bị cho học sinh tri thức kĩ thuật – công nghệ, nghề nghiệp, phát triển kĩ năng lao động, chuẩn bị cho các em lựa chọn nghề và sẵn sàng tham gia lao động xã hội.

* Các loại hình lao động trong trường phổ thông

– Lao động học tập

Lao động học tập là hoạt động chủ đạo của học sinh. Giáo dục lao động cho học sinh trong lao động học tập là kích thích được tính tự giác, tích cực học tập của các em, giúp các em tích luỹ tri thức, kĩ năng, nghề nghiệp, v.v... để trở thành người lao động có ích cho xã hội. Học tập là loại hình

lao động buộc học sinh luôn cố gắng, biết vượt khó để hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Do đó lao động học tập sẽ tôi luyện ý chí, giáo dục thái độ và động cơ lao động đúng đắn cho học sinh.

– Lao động công ích

Lao động công ích hay những công tác xã hội là loại lao động không đòi hỏi thù lao đem lại lợi ích cho xã hội. Đặc trưng của lao động công ích là chú ý đến ý nghĩa giáo dục những phẩm chất tốt đẹp cho con người trực tiếp tham gia vào lao động này như hình thành ở họ tính tích cực xã hội, quan tâm đến người khác, tính nhân văn cao cả... qua công tác từ thiện trồng cây, giúp đỡ người tàn tật, cô đơn. Lênin và Bác Hồ của chúng ta rất quan tâm đến loại hình lao động công ích vì ý nghĩa giáo dục to lớn của nó.

– Lao động sản xuất: Trong quá trình tham gia vào lao động sản xuất, học sinh được vận dụng tri thức đã học, được giáo dục về lao động. Lao động sản xuất trong nhà trường được tổ chức khoa học và có hệ thống sẽ tạo điều kiện giáo dục tư tưởng, rèn luyện thói quen lao động và những phẩm chất tốt đẹp của người lao động hiện đại, tiên tiến, lao động sản xuất còn là một phương tiện giáo dục, định hướng nghề nghiệp cho học sinh trong giáo dục hướng nghiệp hiện nay.

– Lao động tự phục vụ

Đối với học sinh, lao động không chỉ nhằm góp phần tạo ra của cải vật chất cho xã hội mà quan trọng hơn là thông qua lao động để giáo dục nhân cách của các em. Lao động trở thành một trong những con đường và phương tiện giáo dục toàn diện nhân cách học sinh quan trọng nhất. Trong các loại hình lao động của học sinh thì lao động tự phục vụ là

loại hình cơ bản nhất. Các công việc cụ thể như: các em phải có nhiệm vụ trực nhật để chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc dạy và học, vệ sinh trường lớp, trồng cây xanh trong khuôn viên trường, giặt giũ, thu dọn phòng ngủ, bàn học của cá nhân trong nhà, chuẩn bị cơm nước cho gia đình...Thông qua hình thức lao động tự phục vụ để giáo dục ý thức trách nhiệm đối với cá nhân và cộng đồng, giáo dục tinh thần và thái độ lao động...

Các nội dung trên đồng thời cũng là những con đường để giáo dục lao động cho học sinh, cụ thể là thông qua dạy học môn công nghệ, thông qua các loại hình lao động...

2.5.2. Công tác hướng nghiệp cho học sinh

a. Khái niệm và ý nghĩa giáo dục hướng nghiệp

Hướng nghiệp là một hoạt động của tập thể sư phạm nhằm giúp học sinh chọn nghề một cách hợp lí, phù hợp với hứng thú, nguyện vọng, năng lực của cá nhân và yêu cầu của xã hội.

Hướng nghiệp được coi là một bộ phận cấu thành trong toàn bộ công tác giáo dục. Việc chọn nghề của học sinh không thể để nó diễn ra một cách ngẫu nhiên, tự phát mà phải là một quá trình giáo dục. Đó là quá trình điều chỉnh hành động chọn nghề làm cho hướng chọn nghề của thanh thiếu niên học sinh tiếp cận với hướng phát triển ngành nghề trong thực tế xã hội. Dưới sự hướng dẫn. ảnh hưởng của thầy giáo. cha mẹ. bạn bè. thông tin. dư luận xã hội v.v... làm cho quá trình chọn nghề của học sinh từ chỗ "định hướng ban đầu" đến chỗ "tự quyết định con đường đi vào nghề nghiệp tương lai" một cách đúng đắn.

b. Nhiệm vụ của công tác hướng nghiệp

Công tác hướng nghiệp ở trường phổ thông có những nhiệm vụ sau:

– *Thứ nhất là định hướng nghề nghiệp*

Công việc chủ yếu của định hướng nghề nghiệp là thông tin về sự phát triển của các nghề trong xã hội, nhất là những nghề đang cần nhiều nhân lực, kể cả những nghề trong khu vực kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế khác ở cả nước nói chung và ở địa phương nói riêng. Những thông tin này không chỉ đơn thuần giới thiệu cho học sinh biết các ngành nghề trong xã hội, các cơ sở, các trường đào tạo nghề tương ứng mà phải làm cho học sinh – những người đang đứng trước ngưỡng cửa của thế giới nghề nghiệp có những hiểu biết về:

+ Yêu cầu tâm – sinh lí của nghề;

+ Tình hình phân công lao động và yêu cầu tuyển chọn;

+ Điều kiện lao động và triển vọng của nghề;

+ Những quan niệm đúng đắn hoặc các quan niệm sai lệch về một số nghề trong xã hội hiện tại. Điều này làm cho học sinh tránh được "kiểu chọn nghề" theo "cảm tính" ban đầu, dẫn đến tình trạng: náo nức, cao hứng đi vào một nghề, nhưng chẳng được bao lâu đã "vỡ mộng' chỉ vì những hấp dẫn giả tạo của nghề, chỉ vì học sinh chưa có những hiểu biết sâu sắc về nghề mình định lựa chọn;

+ Yêu cầu phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ trong những giai đoạn trước mắt và lâu dài của đất nước và địa phương liên quan đến sự phát triển của các ngành nghề;

+ Hệ thống các trường dạy nghề;

+ Các tổng công ti, công ti, nhà máy, xí nghiệp, công – nông trường, hầm mỏ, hợp tác xã v.v... Học sinh có những hiểu biết nhất định về các cơ sở sản xuất như: địa điểm, cơ cấu hoạt động, sản phẩm... để có hướng chọn cho mình một chỗ đứng sau này ở các cơ sở sản xuất đó.

Đối tượng tác động để định hướng nghề nghiệp là học sinh, đặc biệt là những học sinh lớp cuối cấp (lớp 9 trường THCS và lớp 12 trường THPT).

Biện pháp và phương tiện thông tin nghề nghiệp cho học sinh

– Giới thiệu, tuyên truyền về nghề qua buổi sinh hoạt hướng nghiệp. Công việc này có thể do giáo viên làm, có thể mời người sử dụng lao động, người đã từng lao động ở các cơ sở về báo cáo, nói chuyện, trao đổi với học sinh về nghề của mình, về công ti, nhà máy, xí nghiệp, cơ sở nghiên cứu, bệnh viện, trường học...

– Tạo điều kiện cho học sinh được làm quen với một số nghề hiện có trong xã hội. Ví như tổ chức cho các em tham quan sản xuất, tham gia lao động ở một số cơ sở sản xuất, nếu có điều kiện nhận gia công một số chi tiết hoặc một số mặt hàng theo hợp đồng cho nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã; tổ chức lao động sản xuất ở trường... Đây là dịp để học sinh có thể tự thử sức của mình, đồng thời kiểm nghiệm, tăng thêm hứng thú, năng lực của mình đối với "nghề tương lai". Từ đây sẽ giúp học sinh hình thành sơ bộ những kết luận về sự phù hợp nghề của mình, làm cho sự định hướng nghề nghiệp được rõ nét, cụ thể (quyết định đi vào nghề này hay nghề khác, thay đổi hẳn "định hướng ban đầu")...

– Tăng cường và mở rộng các phương tiện thông tin đại

chúng (phát thanh tuyên truyền, báo chí, phim ảnh, quảng cáo...), phối hợp với các lực lượng xã hội để giới thiệu về nghề cho thế hệ trẻ.

Quá trình thông tin nghề nghiệp trong xã hội cho học sinh cần bảo đảm một số yêu cầu như: Giúp học sinh định hướng vào những nghề đang có nhu cầu nhân lực lớn, cần thiết cho nền kinh tế quốc dân, những nghề đòi hỏi năng khiếu đặc biệt để gây hứng thú nghề nghiệp cho học sinh.

– Thứ hai là tư vấn nghề nghiệp

Do vốn tri thức và kinh nghiệm cuộc sống còn hạn chế, các em còn lúng túng, bỡ ngỡ trước khi quyết định chọn một nghề nào đó trong thế giới nghề nghiệp đa dạng và phức tạp. Do vậy nhà trường phải giữ vai trò chủ đạo trong việc phối hợp với gia đình, với các tổ chức xã hội, giáo dục giúp đỡ học sinh trong quá trình chọn nghề nghiệp. Thực chất của công tác này là chẩn đoán và tư vấn nghề nghiệp để giúp học sinh có những hiểu biết đúng khi chọn nghề.

Tư vấn nghề nghiệp là hoạt động giúp các cá nhân, đặc biệt là thanh thiếu niên trong quá trình định hướng, tìm chọn cũng như thay đổi nghề.

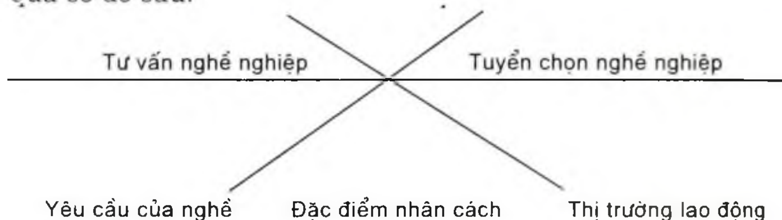
Như vậy, tư vấn nghề nghiệp là hình thức tác động hướng nghiệp thông qua sự góp ý và lời khuyên của những nhà chuyên môn đối với việc lựa chọn nghề.

Người làm công tác tư vấn qua quá trình tiếp xúc với học sinh, với cha mẹ học sinh, với các giáo viên bộ môn... nắm được đặc điểm nhân cách của học sinh, hoặc qua khảo sát, điều tra, đánh giá các môn văn hóa, môn kĩ thuật và lao động sản xuất, nghiên cứu các sản phẩm hoặc kết quả hoạt động... người làm công tác tư vấn lập sổ hướng nghiệp cho

từng học sinh, ghi lại những gì cần thiết và cuối cùng trên cơ sở đó cho học sinh những lời khuyên trong việc chọn nghề.

– *Thứ ba là tuyển chọn nghề* (thích hợp nghề)

Tuyển chọn nghề là công việc của các tổ chức xã hội ngoài nhà trường. Đây là công việc không thuộc trách nhiệm của nhà trường nhưng có quan hệ mật thiết với công tác hướng nghiệp của nhà trường. Các nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp có mối quan hệ biện chứng với nhau và được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ngoài ra, người làm công tác tư vấn nghề nghiệp phải xây dựng một họa đồ nghề nghiệp để giới thiệu cho học sinh, chỉ ra cho học sinh thấy được mức độ phù hợp hay không phù hợp giữa nhận thức, khả năng của cá nhân với giá trị, yêu cầu thực tế khách quan của nghề, tức là mối quan hệ nghề – người. Từ đó học sinh sẽ tự đi đến quyết định chọn nghề.

Tuyển chọn nghề nghiệp không thuộc chức năng của trường phổ thông nhưng lại có liên quan tới việc định hướng và tư vấn nghề nghiệp. Căn cứ vào nhu cầu nhân lực của một nghề cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế để tuyển chọn người, trường phổ thông trong quá trình định hướng, tư vấn nghề ngiệp sẽ cung cấp những tư liệu, hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tuyển chọn nghề sau này. Nghiên cứu, tham khảo sổ hướng nghiệp của học sinh, các

trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, đại học, cao đẳng, nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã... sẽ có những cứ liệu quan trọng để tuyển chọn người phù hợp, làm rõ được mối quan hệ nghề – người trong sắp xếp, bố trí nghề.

c. *Các con đường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông*

Trong trường phổ thông, hướng nghiệp được tiến hành theo bốn tuyến hoặc là bốn con đường sau:

* Hướng nghiệp qua dạy học các môn khoa học cơ bản: Các môn khoa học cơ bản dạy trong nhà trường phổ thông có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh nói chung và khả năng hướng nghiệp cho học sinh nói riêng. Vấn đề đặt ra là phải biết khai thác những tư liệu nói về nghề nghiệp và vận dụng nó vào nội dung bài giảng như thế nào để quán triệt tinh thần hướng nghiệp trong một môn học. Dạy học có nhiệm vụ trước hết là cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản và có hệ thống về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và tư duy. Đó là những khái niệm, quy luật, lí thuyết cơ bản có liên quan đến kĩ thuật và sản xuất. Những môn học này cung cấp những cơ sở khoa học cho việc thực hiện giáo dục kĩ thuật tổng hợp, giúp việc xây dựng và phát triển những năng lực phong phú, đa dạng của học sinh, chuẩn bị cho các em đi vào lao động nghề nghiệp. Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và tác phong của người lao động mới là một trong những nhiệm vụ và kết quả của quá trình dạy học.

* Hướng nghiệp qua hoạt động dạy học môn Kĩ thuật và lao động sản xuất trong trường học: Môn Kĩ thuật dạy trong nhà trường phổ thông hiện nay được thống nhất gọi là môn Kĩ thuật phổ thông. Đây là môn học giúp học sinh tìm hiểu

những kĩ thuật cơ bản của một số ngành nghề phổ biến, thông qua đó bước đầu định hướng nghề nghiệp cho các em.

Lao động sản xuất trong nhà trường cũng là một con đường hướng nghiệp quan trọng. Thông qua lao động để học sinh tự đánh giá về các khả năng tâm sinh lí của bản thân phù hợp với loại hình lao động nào, từ đó lựa chọn cho mình một nghề nghiệp thích hợp.

* Hướng nghiệp qua sinh hoạt hướng nghiệp: Thông tư số 31/TT của Bộ Giáo dục ngày 17/8/1981 về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định 126/CP ngày 19/3/1981 của Hội đồng Chính phủ về công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông đã nêu: "Để giúp học sinh hiểu rõ các ngành nghề, các trường tạm thời sử dụng mỗi tháng một buổi lao động để giới thiệu, tuyên truyền, giải thích về ngành nghề". Đặc biệt hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có chương trình Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông. Chương trình này là điều kiện thuận lợi để giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.

Sinh hoạt hướng nghiệp coi như là một khâu quan trọng, một bộ phận hữu cơ của toàn bộ quá trình hướng nghiệp. Sinh hoạt hướng nghiệp nhằm giúp học sinh có được bước chuẩn bị, sẵn sàng về tâm lí để đi vào lao động sản xuất xã hội. Công tác giáo dục, tuyên truyền nghề nghiệp trong các buổi sinh hoạt hướng nghiệp nhằm hình thành năng lực chọn nghề cho học sinh. Các em có thể căn cứ vào những đặc điểm tâm sinh lí của bản thân (như sự hứng thú với nghề, năng lực làm việc với nghề, đặc điểm về thể lực, giới tính, bệnh lí...) đối chiếu với đặc điểm yêu cầu của các nghề được giới thiệu rồi tự mình quyết định chọn một nghề phù hợp.

Các hình thức và nội dung sinh hoạt hướng nghiệp bao gồm:

1. Giới thiệu những nghề đang cần nhiều nhân lực, nghề địa phương, những yêu cầu về sự phù hợp giữa người và nghề.

2. Giới thiệu hệ thống các trường đào tạo nghề (trung ương và địa phương).

3. Tổ chức cho học sinh tham gia sản xuất ở các nhà máy, xí nghiệp, công – nông trường, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp... nhằm giúp học sinh có biểu tượng rõ hơn về những nghề đang cần tìm hiểu.

Nhiều học sinh sau những buổi sinh hoạt ngoại khóa, tham gia sản xuất hoặc trực tiếp lao động sản xuất đã có quyết định chọn nghề dứt khoát cho mình. Nhiều nước trên thế giới hiện nay rất coi trọng ngoại khóa để hướng nghiệp cho học sinh. Thông tư số 31 – TT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu lên những hình thức ngoại khóa chính như sau:

– Xây dựng các tổ ngoại khóa;

– Xây dựng phòng hướng nghiệp;

– Tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu nghiên cứu tìm hiểu đặc điểm và yêu cầu của các ngành nghề đang phát triển;

4. Giới thiệu, tuyên truyền nghề nghiệp với cha mẹ học sinh.

5. Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Đội thiếu niên tiền phong trong công tác hướng nghiệp.

6.Tổ chức hội thi khéo tay kĩ thuật trong học sinh.

Mỗi hình thức giáo dục hướng nghiệp có vai trò, vị trí nhất định. Khi áp dụng, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mỗi trường để kết hợp chúng một cách có hiệu quả

nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông hiện nay.

Tóm lại, các nội dung giáo dục cơ bản nói trên trong nhà trường hiện nay có mối quan hệ khăng khít với nhau, tương tác và hỗ trợ cho nhau để giáo dục toàn diện nhân cách học sinh. Không thể tiến hành giáo dục một nội dung độc lập mà có hiệu quả được. Thực tiễn giáo dục cho thấy, giáo dục một nội dung cụ thể nhưng đồng thời cũng đã tiến hành giáo dục các nội dung khác. Ví dụ, khi giáo dục trí tuệ không chỉ đơn thuần giáo dục trí tuệ mà trong đó có cả giáo dục đạo đức, thẩm mĩ, lao động... Đó chính là tính đồng thời trong công tác giáo dục nhân cách. Chính vì vậy, trong công tác giáo dục, các nhà giáo dục cần chú ý tiến hành giáo dục đồng bộ các nội dung. Tuy nhiên, tuỳ điều kiện và hoàn cảnh cụ thể mà nhấn mạnh nội dung này hay nội dung khác cho phù hợp.

3. MỘT SỐ NỘI DUNG GIÁO DỤC KHÁC TRONG NHÀ TRƯỜNG HIỆN NAY

Xã hội loài người đang bước vào một nền văn minh mới, nền văn minh của nền kinh tế tri thức, thời kì khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão. Với xu thế mở cửa, hội nhập của thế giới, đời sống xã hội, giáo dục đang phải giải quyết những vấn đề có tính bức thiết và đầy thách thức. Để giáo dục – đào tạo thế hệ trẻ thành những con người mới có khả năng và bản lĩnh thích ứng cao độ với những biến động của xã hội hiện đại, giáo dục trong nhà trường hiện nay đã được bổ sung những nội dung giáo dục mới và có tính cấp thiết.

3.1. Giáo dục định hướng giá trị

3.1.1. Những khái niệm cơ bản

a. Giá trị

Giá trị là phẩm chất tốt hay xấu, tác dụng lớn hay nhỏ của sự vật hay của con người, là cái làm cho vật được thừa nhận là có ích lợi, đáng quý, là tính ý nghĩa tích cực hay tiêu cực của khách thể đối với con người, giai cấp, nhóm xã hội nói chung, là các thuộc tính của vật chất và tinh thần có ý nghĩa đối với cuộc sống con người. Nói một cách ngắn gọn, giá trị là chỉ độ lớn hay nhỏ, nhiều hay ít cái hữu ích của một sự vật hay hiện tượng đối với cuộc sống con người.

Theo James Peoles và Garrick Balley, giá trị là các ý tưởng và các loại mục đích hay các lối sống của một cá thể, được chia sẻ trong một nhóm hay toàn xã hội, mong muốn hoặc coi là có ý nghĩa. Đó là chất lượng cơ bản để đảm bảo con đường sống, các chuẩn tối thượng chỉ đạo mọi hoàn cảnh thực tiễn.

b. Hệ giá trị

Hay còn gọi là hệ thống giá trị, đó là một tổ hợp giá trị khác nhau được sắp xếp, hệ thống lại theo những nguyên tắc nhất định thành một tập hợp mang tính toàn vẹn, hệ thống, thực hiện các chức năng đặc thù trong việc đánh giá con người theo những phương thức vận hành nhất định của giá trị cá nhân con người luôn tiếp cận với hệ thống giá trị.

Trong hệ thống giá trị có chứa đựng các nhân tố của quá khứ, của hiện tại và cả những nhân tố có thể có trong tương lai, các giá trị truyền thống, các giá trị có tính thời đại, các giá trị có tính nhân loại, các giá trị có tính dân tộc, các giá

trị có tính cộng đồng, tính giai cấp, các giá trị có tính lí tưởng và tính hiện thực.

c. *Thang giá trị*

Đó là một tổ hợp giá trị, một hệ thống giá trị được sắp xếp theo một trật tự ưu tiên nhất định. Thang giá trị còn gọi là thước đo giá trị.

d. *Chuẩn giá trị*

Trong hệ thống giá trị được sắp xếp theo một trật tự nhất định, một thứ tự ưu tiên có những giá trị giữ vị trí là những giá trị cốt lõi, chuẩn mực chung cho nhiều người, chiếm vị trí ở bậc cao hoặc vị trí then chốt được coi là giá trị chuẩn.

e. *Định hướng giá trị*

Theo từ điển Bách khoa Xô Viết, định hướng giá trị là:

1. Cơ sở tư tưởng, chính trị, đạo đức, thẩm mĩ giúp chủ thể đánh giá thực tại chung quanh và định hướng trong thực tại đó.

2. Phương pháp phân loại các khách thể của cá nhân theo giá trị của chúng. Định hướng giá trị hình thành thông qua sự chiếm lĩnh kinh nghiệm xã hội và thể hiện trong các mục đích, tư tưởng, chính kiến, ham muốn... của nhân cách. Trong cấu trúc của hoạt động con người, định hướng giá trị gắn liền với các đặc điểm nhận thức và ý chí của nhân cách. Hệ thống định hướng giá trị tạo thành nội dung xu hướng của nhân cách và là cơ sở bên trong các mối quan hệ giữa cá nhân với thực tại.

f. *Giáo dục định hướng giá trị*

Giáo dục định hướng giá trị là một quá trình nhà giáo dục tổ chức, hướng dẫn, điều khiển, định hướng, kích thích

hoạt động tự giác, tích cực và chủ động của người được giáo dục, qua đó giúp họ lĩnh hội được các giá trị xã hội, hình thành nên hệ thống giá trị của cá nhân, phù hợp với mong đợi của xã hội.

3.1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục định hướng giá trị

Giáo dục định hướng giá trị chính là làm cho người được giáo dục:

– Nhận thức được kiến thức văn hóa, khoa học, kĩ năng nghề nghiệp mà họ đang học trong trường là hết sức cần thiết, có ý nghĩa thiết thực với họ để phát triển cũng như ứng dụng trong đời sống...

– Có thái độ trân trọng, yêu quý, cố gắng lĩnh hội và thực hiện được các giá trị nêu trên, đồng thời không tán thành, không chấp nhận những giá trị phản lại các giá trị đó, dám đấu tranh bảo vệ những giá trị chân chính đích thực của xã hội chúng ta.

– Có hành động thực tiễn thể hiện ở việc học tập, nghiên cứu, chiếm lĩnh bằng được kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, văn hóa, khoa học, nghề nghiệp,... thể hiện ở sự quan tâm gắn bó sự nghiệp của cá nhân với trách nhiệm xã hội.

Mục đích và nhiệm vụ của giáo dục giá trị đòi hỏi phải làm cho hệ thống giá trị mà xã hội mong đợi chuyển vào thành hệ giá trị trong mỗi công dân. nhất là đối với học sinh, sinh viên, làm cho nhân cách của họ có giá trị cao trước xã hội, đáp ứng yêu cầu mà xã hội đòi hỏi ở hiện tại và tương lai.

3.1.3. Nội dung giáo dục định hướng giá trị

a. Cơ sở xác định nội dung giáo dục định hướng giá trị ở nước ta

Cơ sở quan trọng để giáo dục định hướng giá trị đó là

chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các tư tưởng tiến bộ và văn minh của thế giới.

Các nghị quyết của Đảng về sự nghiệp giáo dục và đào tạo luôn luôn đề ra:

– Chú trọng giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung nhân văn và bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

– Đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học các môn khoa học, công nghệ, đặc biệt các môn khoa học kinh tế, khoa học quản lí.

– Đẩy mạnh giáo dục pháp luật, đạo đức, thẩm mĩ, môi trường, dân số, rèn luyện thể chất cho học sinh.

– Mở rộng dạy và học ngoại ngữ, tin học, thực hiện tốt chương trình giáo dục quốc phòng. Nội dung giáo dục giá trị cũng chính là cụ thể hóa định hướng chung về nội dung giáo dục nêu trên.

b. Sự thể hiện nội dung giáo dục định hướng giá trị

Nội dung giáo dục định hướng giá trị trước hết được quán triệt trong toàn bộ các môn học và ở mỗi môn học. Trong quá trình giảng dạy, học tập chúng phải làm cho học sinh, sinh viên thấy được giá trị của môn học đó đối với cá nhân và xã hội, giúp họ tìm thấy trong mỗi môn học nội dung làm phát triển cá nhân, phương tiện để tiếp cận chân lí, công cụ để sáng tạo ra giá trị có ích cho bản thân và xã hội. Đồng thời, chương trình giáo dục giá trị có thể được "lồng ghép trong giảng dạy một số môn học", có thể có những chuyên đề riêng được thực hiện dưới nhiều hình thức:

– Một số chuyên đề rộng về giá trị đạo đức, lối sống, giới tính, phẩm chất nhân cách...

– Một số chuyên đề gắn với ngành nghề chuyên môn, đề cập các giá trị thể hiện ở tri thức, kĩ năng, năng khiếu, phẩm chất chuyên biệt của từng nghề nghiệp, chuyên môn cụ thể.

c. *Nội dung những định hướng giá trị chung, cơ bản cần phải giáo dục cho thế hệ trẻ là:*

– Hòa bình, ổn định và an ninh của đất nước;

– Độc lập và thống nhất Tổ quốc;

– Tự do và dân chủ;

– Lòng nhân đạo, sống có tình nghĩa;

– Sức khỏe của bản thân và của cộng đồng;

– Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, trọng hiền tài, trọng học vấn; trọng người đỗ đạt cao;

– Giá trị nghề nghiệp;

– Tình bạn, tình yêu và cuộc sống gia đình;

– Nếp sống văn minh;

– Những giá trị về giới.

d. *Những phương hướng lựa chọn các giá trị*

Có rất nhiều giá trị phải giáo dục định hướng cho học sinh, song cần phải lựa chọn những giá trị cơ bản, tối thiểu vừa đáp ứng yêu cầu xã hội vừa phù hợp với đối tượng giáo dục.

Trong việc lựa chọn các giá trị đó cần quan tâm đến những phương hướng cơ bản sau:

– Phải quán triệt sâu sắc mục đích giáo dục.

– Coi trọng cả những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc lẫn các giá trị hiện đại.

– Phải chú ý tính đặc thù: đặc thù về đối tượng, về lứa tuổi, về nghề nghiệp, về giới...

– Phải xem xét những giá trị đó trong một tổng thể có hệ thống, cân đối, hài hòa.

3.1.4. Các con đường thực hiện giáo dục định hướng giá trị

Cũng như các nội dung giáo dục khác, giáo dục giá trị cần được tiến hành bằng các con đường, hình thức, phương pháp phù hợp với đặc điểm của nó.

a. Thông qua giáo dục gia đình

Việc giáo dục hình thành các giá trị ở con người trước hết từ gia đình. Trẻ thấm nhuần các giá trị cũng như cách trẻ học nói, học cảm nhận, học biểu lộ thái độ và học hành vi của người lớn ở xung quanh trẻ. Từ những biểu hiện của họ, trẻ cảm nhận được cái gì có ý nghĩa được đánh giá là tốt đẹp hay đáng yêu, đáng quý... những cái gì là không có ý nghĩa, không đáng giá, là xấu, đáng ghét... Tóm lại là toàn bộ bầu không khí tâm lí – xã hội trước hết được thể hiện ở cuộc sống của gia đình, ở những người gần gũi, thân thiết nhất của đứa trẻ, thông qua đó để tác động hình thành các giá trị cho trẻ.

b. Môi trường sư phạm

Tác động của môi trường sư phạm có ý nghĩa hết sức to lớn đối với việc hình thành giá trị cho học sinh, sinh viên. Các yếu tố của môi trường giáo dục ở các cấp học từ trường mẫu giáo, trung học phổ thông đến các trường đại học, trung cấp chuyên nghiệp trước hết là:

– Môi trường văn hóa vật chất

Từ trường, lớp, thư viện, nhà ăn, xưởng thực tập, phòng thí nghiệm đến vườn hoa, cây cảnh, nhà vệ sinh, phòng ở, tất cả đều tác động đến nhận thức, thái độ, hành vi của mỗi con người sống trong đó.

– Môi trường tâm lí – xã hội

Trước hết là nội quy, quy chế, cách thức quản lí điều hành, cách xử lí các mối quan hệ giữa người và người trong đời sống ở nhà trường. Không khí tâm lí, dư luận của nhóm, tập thể lớp, phòng ở... đều có tác động mạnh mẽ đến sự lây lan tâm lí trong việc định hướng, đánh giá, thừa nhận... các giá trị. Do đó, việc tổ chức đời sống và mọi sinh hoạt trong tập thể học sinh, sinh viên cần hết sức coi trọng. Thông qua việc tổ chức này để tạo ra một môi trường thuận lợi giáo dục giá trị cho học sinh.

– Quan hệ thầy trò

Tác động của giáo viên đến người học là một nhân tố hết sức đặc biệt trong việc hình thành các giá trị ở người học. Người giáo viên không chỉ là người giúp cho người học lĩnh hội kiến thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo mà còn mang trong mình những giá trị quý báu để tác động đến người học bằng toàn bộ nhân cách của mình.

c. *Môi trường văn hóa – xã hội*

Ngoài việc tiếp thu giá trị trong quá trình lĩnh hội kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo qua học tập ở nhà trường, việc hình thành các giá trị còn chịu ảnh hưởng sâu đậm của nguồn gốc, nền tảng, bản sắc văn hóa, đạo đức của cộng đồng, xã hội.

– Văn hóa, tôn giáo, phong tục, tập quán, nếp sống của

mỗi cộng đồng, dân tộc, nhóm xã hội có ảnh hưởng sâu xa đến sự hình thành những giá trị của mỗi thành viên trong cộng đồng đó. Những nhân tố này tác động thông qua gia đình và tác động trực tiếp thông qua các hoạt động, sinh hoạt trong giao tiếp ứng xử của cộng đồng đến từng thành viên.

– Các phương tiện thông tin đại chúng ngày càng hiện đại, phong phú, chúng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nó tác động đến con người ở mọi nơi, mọi lúc, thấm dần vào con người những quan điểm, cảm xúc, nhu cầu, khát vọng, những phương hướng hoạt động về các mặt tư tưởng, chính trị, đạo đức, thẩm mĩ, khoa học công nghệ mà thực chất đó là hình thành sự định hướng giá trị ở con người một cách rất tự nhiên. Tuổi trẻ, nhất là học sinh, sinh viên hết sức nhạy cảm, tiếp thu nhanh những giá trị mới, hiện đại. Các tác động của phương tiện thông tin đại chúng đó không chỉ trong phạm vi quốc gia mà ngày càng mở rộng giao lưu văn hóa, thông tin hội nhập với thế giới. Những tác động của các phương tiện đó cung cấp những giá trị không phải lúc nào cũng đúng đắn và cũng phù hợp với đặc điểm lứa tuổi nên lại càng phải giúp cho thanh thiếu niên có quan điểm, có bản lĩnh hướng vào những giá trị đúng đắn để tiếp nhận chúng. Nhà nước phải có các biện pháp quản lí các nguồn thông tin trong xã hội, nhất là các thông tin không chính thức xâm nhập qua sách vở báo chí, qua phim ảnh, qua mạng thông tin thế giới.

– Các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hệ thống giá trị, thang, chuẩn mực giá trị của một xã hội một quốc gia luôn thể hiện tập trung, khái quát ở các chủ trương, chính sách luật pháp... của Nhà nước. Chỉ

cần xem chủ trương phát triển nhiều thành phần kinh tế, mở cửa, quản lí xã hội theo cơ chế thị trường, chính sách tiền lương... cũng đủ thấy chúng ta đã, đang tác động quyết định đến sự thay đổi định hướng giá trị của xã hội ta từ năm 1986 đến nay. Những chủ trương chính sách về giáo dục, về việc làm, về khuyến khích tài năng... có ý nghĩa lớn đến định hướng giá trị của học sinh, sinh viên. Vì vậy, nhiều nước đã và đang quan tâm đến những chính sách đồng bộ nhằm tạo nên hệ thống giá trị ổn định, bền vững, làm nền tảng cho sự phát triển đất nước.

Tóm lại, việc nêu lên những con đường hình thành, giáo dục giá trị như trên mới chỉ nhằm định hướng cho việc lựa chọn những biện pháp, hình thức giáo dục giá trị phù hợp với mỗi loại đối tượng trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Tất cả những điều trình bày đã chỉ ra cần phải chú ý đến tính phức hợp, đồng bộ trong quá trình hình thành giá trị của học sinh, sinh viên một cách có định hướng giáo dục.

d. Cá nhân học tập, rèn luyện

– Giá trị cũng được tiếp thu từ con đường dạy học như các tri thức khác, nó cũng cần người học nắm được khái niệm, tri thức, có trình độ để phân tích, nhìn thấy bản chất, tính quy luật, sự phát triển và biểu hiện của giá trị mà mình lĩnh hội. Trong đó, con đường rất quan trọng để lĩnh hội các giá trị là tự học, tự nghiên cứu, tự suy nghĩ, phân tích, thể nghiệm để tự rút ra kinh nghiệm, kết luận cho mình, tức là tự xác định, hình thành nên những giá trị cho mình.

– Hoạt động thực tiễn của cá nhân là con đường cơ bản để tiếp thu, thử nghiệm để hình thành các giá trị và các định hướng giá trị. Trong thực tiễn đời sống, những tri thức quan

niệm, niềm tin, thái độ, hành vi về các giá trị được tiếp nhận và chính chúng được thử thách trong hoạt động, giao tiếp... mới bộc lộ hết giá trị đích thực của nó trong những tình huống cụ thể, mới được kiểm nghiệm cái gì là có ích lợi, được tán đồng, chấp nhận và cái gì bị lên án, khiển trách trái với mong đợi xã hội... Từ đó mới có sự phân tích, sàng lọc, sự điều chỉnh, sự khẳng định các giá trị đó thành giá trị của cá nhân.

3.2. Giáo dục quốc tế

3.2.1. Khái niệm về giáo dục quốc tế

Giáo dục quốc tế: Tên gọi vắn tắt của giáo dục hiểu biết quốc tế, hợp tác và hòa bình mà tổ chức UNESCO tại kì họp lần thứ Nhất ở Luân Đôn năm 1946 đã đề ra, sau đó tại Đại hội đồng UNESCO Paris ngày 16/11/1974 đã nêu lên một cách đầy đủ là giáo dục hiểu biết quốc tế, hợp tác, hòa bình, quyền con người và các quyền tự do cơ bản.

* Thế nào là giáo dục quốc tế?

Từ quan niệm giáo dục quốc tế nêu trong khuyến nghị của Đại hội đồng UNESCO năm 1974 có thể hiểu: Giáo dục quốc tế là quá trình sinh hoạt xã hội nhờ đó mà cá nhân và nhóm xã hội học tập để phát triển toàn bộ năng lực, quan điểm, khuynh hướng và tri thức của cá nhân về những nguyên tắc quan hệ hữu nghị giữa nhân dân và các quốc gia có hệ thống xã hội và chính trị khác nhau, dựa trên sự tôn trọng quyền con người và các quyền tự do cơ bản khác.

Cách hiểu giáo dục quốc tế như của UNESCO là sự biểu đạt một cách khá rõ ràng. Nguyên tắc cơ bản của tổ chức quốc tế này: coi trọng sự hiểu biết và hợp tác lẫn nhau, coi trọng

giáo dục nhân văn, giáo dục văn hóa và giáo dục quốc tế.

Giáo dục quốc tế nhằm các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Có những hiểu biết hệ thống về các nội dung cơ bản của giáo dục quốc tế.

Về thái độ: Thừa nhận và xây dựng cho bản thân những giá trị đúng đắn, có thái độ tích cực tham gia vào việc tuyên truyền vận động thực hiện nội dung của giáo dục quốc tế, có thái độ tích cực trước việc giải quyết những vấn đề của bản thân, của cộng đồng, của quốc gia và thế giới.

Về kĩ năng:

+ Có kĩ năng suy nghĩ có phê phán, kĩ năng tìm kiếm giải pháp phát triển và giải quyết vấn đề.

+ Kĩ năng hành động thể hiện ở năng lực trao đổi, thảo luận, năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

+ Kĩ năng xây dựng các mối quan hệ hoà bình, hữu nghị với mọi người, với các dân tộc và quốc gia khác.

Giáo dục quốc tế cũng như các nội dung giáo dục khác phải được tiến hành trong nhà trường, lấy học sinh và sinh viên làm đối tượng giáo dục.

3.2.2. Ý nghĩa của giáo dục quốc tế

Nhân loại nhìn chung đã đạt được sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng, song cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn, chiến tranh cục bộ ở nhiều vùng trên thế giới, xu hướng đơn cực hóa một vài nước lớn có tiềm năng quân sự và kinh tế, sự bùng nổ dân số làm nảy sinh những nguy cơ khác (chất lượng cuộc sống giảm sút, chi phí quân sự liên tục gia tăng đè nặng lên các nước, đặc biệt là các nước chậm phát triển, các nước nghèo. môi trường sống bị ô nhiễm nặng nề,

nghèo đói, thất học). Nếu không có sự hiểu biết cần thiết và sự nỗ lực góp sức của toàn nhân loại thì khó có thể giải quyết các vấn đề chung có tính toàn cầu.

Ở nước ta, ngoài ý nghĩa chung của giáo dục quốc tế đã nêu trên nó còn có ý nghĩa riêng của mình. Cụ thể là từ khi bước sang giai đoạn đổi mới đến nay, chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước, các khu vực, các tổ chức quốc tế... không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, khuynh hướng phát triển, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Nội dung giáo dục quốc tế cần gắn chặt với nội dung của các mặt giáo dục khác. Qua giáo dục quốc tế sẽ giáo dục cho thế hệ trẻ quyền công dân, quyền con người, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đồng thời cũng giáo dục cho họ nghĩa vụ đối với bản thân, với người xung quanh mình, với xã hội, hình thành lòng tự trọng và tôn trọng người khác, dân tộc khác, nâng cao trách nhiệm đối với cuộc sống xung quanh mình, với đất nước mình, với nhân loại.

Giáo dục quốc tế cũng góp phần giáo dục cho thế hệ trẻ yêu hòa bình, ghét chiến tranh phi nghĩa, ý thức bảo vệ và xây dựng đất nước, trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc, của nhân loại, có những hiểu biết về phát triển hài hòa giữa kinh tế và xã hội, dân số, có thái độ trách nhiệm đối với sự tồn tại và phát triển của cộng đồng.

Điều đó chứng tỏ, tăng cường giáo dục quốc tế chính là tăng cường giáo dục nhân văn, giáo dục ý thức và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với xã hội. Điều đó cũng chính là việc quán triệt các nghị quyết của Đảng về giáo dục là nâng

cao chất lượng đào tạo theo mục tiêu giáo dục đã được quy định, góp phần hoàn thiện nền giáo dục nước ta, đáp ứng kịp thời những yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

3.2.3. Nhiệm vụ và nội dung của giáo dục quốc tế

a. Nhiệm vụ của giáo dục quốc tế

Theo tinh thần trên, giáo dục quốc tế bao gồm những nhiệm vụ sau:

– Làm cho mọi người quan tâm và hiểu biết đầy đủ về những vấn đề chung có tính toàn cầu cũng như ở từng khu vực trên thế giới, những vấn đề đó hiện đang đặt ra cho nhân loại những trách nhiệm, những đòi hỏi cùng tham gia và giải quyết để hướng tới một tương lai tốt đẹp.

– Trong xu thế hòa nhập đòi hỏi con người phải tôn trọng tính đa dạng về chính trị – xã hội, đạo đức, văn hóa, thẩm mĩ, lối sống, từ đó tạo nên sự phối hợp hài hòa của nhân loại trong sự thống nhất của cuộc sống hàng ngày (chung sống hòa bình, khoan dung, chấp nhận đa chủng tộc, đa dạng về văn hóa).

Nguyên tắc tổng quát trong việc tiến hành giáo dục quốc tế.

Theo quan niệm của UNESCO, giáo dục quốc tế cần được thực hiện theo nguyên tắc tổng quát sau:

Việc tiến hành giáo dục cần phải huy động và tập hợp nhiều hướng, nhiều quốc gia, dân tộc trên thế giới cùng tham gia. Vì thế, một mặt phải tôn trọng những phong cách hoạt động có tính "đặc thù" của từng quốc gia, từng dân tộc trong các hoạt động của họ, mặt khác, các lực lượng, thành phần nào khi đã tự nguyện tham gia đều phải tôn trọng lợi ích chung, hướng các hoạt động của mình làm sao cho phù hợp

với mục tiêu chung đã nêu trong khuyến nghị của UNESCO về giáo dục quốc tế.

b. Nội dung giáo dục quốc tế

Theo gợi ý của Hội nghị Braunshweig và sau đó trong văn bản kế hoạch lần thứ ba của Tổng Giám đốc UNESCO (12/4/1988) thì giáo dục quốc tế cần phải hướng vào những nội dung cơ bản sau:

– Quyền bình đẳng giữa các dân tộc;

– Hòa bình và hợp tác quốc tế;

– Quyền con người, quyền trẻ em;

– Dân số, nhu cầu phát triển bền vững cuộc sống;

– Môi trường;

– Di sản văn hóa nhân loại;

– Hệ thống tổ chức Liên hiệp quốc.

3.2.4. Các con đường và phương tiện cơ bản tiến hành giáo dục quốc tế

Có thể nói giáo dục trong nhà trường là con đường và phương tiện cơ bản nhất để tiến hành giáo dục quốc tế cho các em học sinh. Nhà trường là công cụ giáo dục của xã hội, nơi có đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành tất cả các nội dung giáo dục trong đó có giáo dục quốc tế. Việc tiến hành giáo dục quốc tế trong nhà trường trước hết thông qua việc giảng dạy các môn học, nhất là các môn có liên quan như giáo dục công dân, lịch sử, địa lí, văn học... Thông qua các hoạt động khác như ngoại khoá, viết thư, các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, trao đổi, hợp tác... đều có thể lồng ghép để tiến hành giáo dục quốc tế.

Giáo dục quốc tế thông qua giáo dục xã hội, thông qua hệ thống chính trị, các phương tiện thông tin đại chúng. Việc giáo dục quốc tế phải được tiến hành theo quan điểm đường lối của Đảng, dựa trên các văn kiện chính trị của Đảng. Xã hội thông qua bộ máy tuyên truyền thông tin đại chúng (sách, báo, đài, ti vi, internet...) để giáo dục công dân trong đó có các thế hệ học sinh về các vấn đề quốc tế. Ngày nay, khi các phương tiện thông tin hết sức đa dạng, hiện đại, sự phổ biến thông tin hết sức thuận lợi và nhanh chóng là một lợi thế lớn trong công tác giáo dục quốc tế, song đó cũng là một vấn đề cần lưu ý trong công tác giáo dục để chống lại các luận điệu xuyên tạc xâm nhập vào tâm hồn thế hệ trẻ bằng các con đường khác nhau.

3.3. Giáo dục môi trường

Bảo vệ môi trường và việc giáo dục để mọi người có ý thức, tri thức và kĩ năng bảo vệ môi trường là vấn đề có tính toàn cầu, là nội dung giáo dục rất quan trọng trong xã hội hiện đại, trong nhà trường hiện nay.

3.3.1. Khái niệm môi trường và ô nhiễm môi trường

a. Môi trường

– Môi trường là vùng vật lí và sinh học xung quanh con người.

– Môi trường là sinh quyển bao gồm không khí, nước, đất đai và hệ sinh thái có ảnh hưởng đến cuộc sống của con người.

Tóm lại môi trường là tất cả các nhân tố vô sinh và hữu sinh bao quanh trái đất, có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến cuộc sống và sự phát triển của mọi sinh vật sống.

– Hệ sinh thái là khái niệm chỉ mối quan hệ tương hỗ với nhau giữa quần xã sinh vật và môi trường. Hệ sinh thái là

đơn vị tự nhiên của các vật hữu sinh và vô sinh ở trong thế cân bằng cho đến khi bị phá vỡ do tác động của con người (ví dụ con người khai thác tài nguyên đã phá vỡ thế cân bằng của hệ sinh thái mặt đất và hệ sinh thái nước).

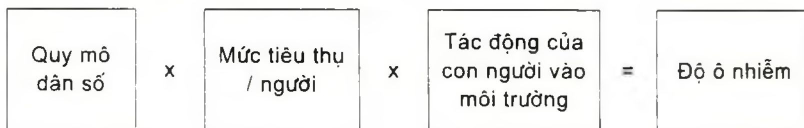
Mô hình hệ sinh thái:



b. Ô nhiễm môi trường

Môi trường bị nhiễm các chất độc hại, nhiễm bẩn do các chất thải cuộc sống, đặc biệt là chất thải công nghiệp hoặc tiếng ồn, nhiệt độ, độ phóng xạ, từ trường... quá giới hạn cho phép, hoặc do sự khai thác của con người làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, phá vỡ sự cân bằng sinh thái... làm ô nhiễm môi trường.

– Ô nhiễm môi trường là kết quả tác động của ba yếu tố: quy mô dân số, mức tiêu thụ tính theo đầu người, tác động của con người vào môi trường.



– Các loại môi trường bị ô nhiễm: môi trường đất, môi trường nước, không khí, môi trường bị ô nhiễm bởi tiếng ồn, ô nhiễm nhiệt độ, ô nhiễm từ trường, ô nhiễm phóng xạ, ô nhiễm các sóng vật lí...

3.3.2. Ý nghĩa của giáo dục môi trường

Xã hội càng phát triển thì công tác giáo dục, bảo vệ môi trường càng có ý nghĩa quan trọng. Khi lao động thủ công

bằng sức người là chủ yếu của các nền sản xuất trước đây chuyển sang lao động bằng sức mạnh của máy móc trong thời đại ngày nay thì sự tàn phá môi trường càng khủng khiếp. Trái Đất đã trở nên quá chật hẹp so với quy mô dân số, tốc độ khai thác tài nguyên... của con người hiện nay. Nếu không có một chiến lược đúng đắn và lâu dài để bảo vệ môi trường trái đất của chúng ta thì chắc chắn loài người sẽ phải trả một giá đắt cho sự tồn tại và phát triển trong tương lai của mình.

Giáo dục môi trường tức là góp phần bảo vệ sự sống trên trái đất nói chung và sự sống của con người nói riêng.

Giáo dục môi trường là bảo đảm sự phát triển lâu dài và bền vững của xã hội loài người, của hành tinh chúng ta.

Bảo vệ môi trường là vì cuộc sống của mỗi người, vì tương lai của con cháu mai sau.

3.3.3. Nội dung giáo dục môi trường

a. Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường

– Bảo vệ nơi sinh sống và phát triển của quần xã sinh vật và tôn trọng sự cân bằng của hệ sinh thái.

– Có ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, đấu tranh chống lại những hành vi làm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, không khai thác bừa bãi tài nguyên, tàn phá thiên nhiên.

– Có ý thức giữ gìn sự trong lành của môi trường sống hàng ngày của con người ở mọi nơi, mọi lúc.

b. Bồi dưỡng kiến thức về môi trường, bảo vệ và chống ô nhiễm môi trường

– Môi trường, hệ sinh thái.

– Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường và tác hại của nó (ô nhiễm đất, bầu khí quyển, "hiệu ứng nhà kính". ô nhiễm nguồn nước, hóa chất, thuốc trừ sâu...).

– Rèn luyện và hình thành thói quen giữ gìn vệ sinh, bảo đảm sự trong lành của môi trường sống xung quanh con người, tham gia tích cực vào các hoạt động giữ gìn và làm sạch môi trường. Đặc biệt là giáo dục ý thức chủ động trong việc cải tạo môi trường sống theo hướng phù hợp với quy luật tự nhiên, không thụ động ngồi chờ sự ưu ái của tự nhiên. Bảo vệ môi trường là gìn giữ môi trường chung, rộng lớn, không bó hẹp trong khuôn viên nhà mình, lớp mình, làng mình... Chống lại những tư tưởng lạc hậu, thiển cận kiểu như vứt rác của nhà ra đường, chỉ cần vệ sinh trong nhà không cần quan tâm đến xung quanh...

3.3.4. Các con đường giáo dục môi trường cho học sinh

– Thông qua giảng dạy các bộ môn khoa học tự nhiên và xã hội, đặc biệt là các môn học có nội dung tri thức có thể khai thác bằng cách lồng ghép, tích hợp hoặc theo môđun để giáo dục môi trường có hiệu quả như môn Sinh học, Địa lí, Đạo đức, Giáo dục công dân v.v...

– Tổ chức trao đổi, tọa đàm, tranh luận trong hoạt động qua các buổi sinh hoạt về môi trường và bảo vệ môi trường.

– Tổ chức cho học sinh tham gia vào việc bảo vệ môi trường: tuyên truyền, cổ động, trồng cây, chăm sóc hoa, chim, cây cảnh, dọn vệ sinh, diệt ruồi, muỗi, bọ gậy...

– Tham quan, du lịch môi trường sinh thái, danh lam thắng cảnh, rừng nguyên sinh, các môi trường tự nhiên và tự nhiên nhân tạo.

3.4. Giáo dục dân số

3.4.1. Khái niệm và ý nghĩa

Khái niệm giáo dục dân số (population education) là thuật ngữ UNESCO dùng để chỉ một chương trình giáo dục nhằm giúp người học hiểu được mối quan hệ qua lại giữa động lực dân số và các nhân tố khác của chất lượng cuộc sống, từ đó hình thành ý thức trách nhiệm của từng cá nhân trước những quyết định về lĩnh vực dân số nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho bản thân, gia đình và xã hội (*Dân số, môi trường, tài nguyên*. NXB Giáo dục, 1998).

Hiện nay có một số người nhầm tưởng giáo dục dân số là nhằm mục đích giảm dân số. Cách hiểu như vậy là hoàn toàn mang tính thiển cận và sai lầm. Giáo dục dân số nhằm tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của mỗi người để họ có sự lựa chọn đúng đắn và có trách nhiệm trong việc đảm bảo sự cân bằng giữa quy mô dân số và sự phát triển kinh tế xã hội, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

Giáo dục dân số có ý nghĩa rất quan trọng, nó là một quá trình giúp cho người học có những hiểu biết về các vấn đề dân số, trên cơ sở đó có nhãn quan đúng đắn về phát triển dân số, quy mô gia đình, kế hoạch hóa gia đình, phát triển và cải thiện chất lượng cuộc sống. Giáo dục dân số trở thành một nội dung giáo dục không thể thiếu được cho học sinh trong nhà trường hiện nay để thế hệ trẻ nâng cao hiểu biết, có ý thức trách nhiệm để chuẩn bị làm cha mẹ sau này.

Theo đánh giá của các nhà hoạt động quốc tế thì loài người đang phải đối mặt với bốn vấn đề lớn có liên quan đến sự tồn tại và phát triển của nhân loại, đó là: sự "bùng nổ" dân số, vấn đề ô nhiễm môi trường, vấn đề chiến tranh và

vấn đề nghèo đói, trong đó dân số là nguyên nhân của mọi nguyên nhân. Tức là, nếu giải quyết được vấn đề dân số thì có thể giải quyết được các vấn đề khác.

3.4.2. Mục tiêu và nội dung giáo dục dân số

a. Mục tiêu của giáo dục dân số

Đối với toàn xã hội, mục tiêu giáo dục dân số góp phần tạo ra sự phát triển lâu dài và bền vững cho nhân loại.

Đối với mỗi cá nhân, giáo dục dân số nhằm:

– Cung cấp những tri thức cơ bản về dân số học, tình hình dân số trên thế giới, trong nước và địa phương, các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

– Nâng cao nhận thức về khả năng điều chỉnh hoạt động sinh đẻ của con người để tạo ra sự cân đối giữa dân số và sản xuất, chất lượng cuộc sống.

– Định hướng những giá trị đạo đức mới, khắc phục những quan niệm cũ không còn phù hợp về hôn nhân, gia đình và hạnh phúc gia đình.

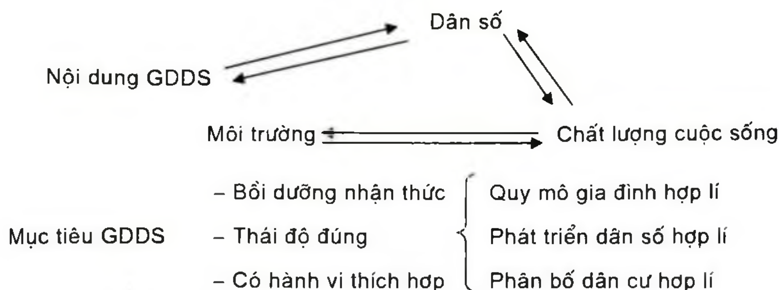
– Giáo dục thái độ, hành vi đúng đắn trước những vấn đề dân số đất nước, phát triển dân số hợp lí, phân bố dân cư và lao động.

– Bồi dưỡng tri thức và kĩ năng thực hiện kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng cuộc sống.

– Biết làm công tác dân số, làm cộng tác viên tuyên truyền về giáo dục dân số và kế hoạch hóa gia đình.

b. Nội dung giáo dục dân số

Về mặt lí thuyết là làm cho học sinh hiểu rõ mối quan hệ giữa dân số, môi trường và chất lượng cuộc sống.



– Nắm vững ba khái niệm cơ bản: dân số, chất lượng cuộc sống và môi trường.

– Nắm vững hai mối quan hệ cơ bản: quan hệ dân số và chất lượng cuộc sống, quan hệ dân số – môi trường và chất lượng cuộc sống.

Về mặt thực tiễn, vận dụng năm chủ điểm giáo dục dân số trong khu vực vào thực tiễn nước ta.

– Quy mô gia đình và chất lượng cuộc sống: chấp nhận gia đình quy mô nhỏ, mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 hoặc 2 con, đẻ cách nhau 5 năm (QĐ 162 HĐBT).

– Tuổi kết hôn hợp lí: nữ đủ 18 tuổi, nam đủ 20 tuổi, vận động kết hôn muộn nữ tuổi 22, nam tuổi 24 – 25.

– Tư cách và trách nhiệm làm cha mẹ: được trang bị những kiến thức tối thiểu về sinh đẻ có kế hoạch, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thai nghén và sinh sản, nuôi con, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm làm cha mẹ.

– Nắm được mối quan hệ dân số – môi trường và chất lượng cuộc sống, từ đó làm nổi bật tính cấp bách của kế hoạch hóa dân số và sinh đẻ – kế hoạch hóa gia đình trong hiện tại và tương lai...

– Xác định và lựa chọn những giá trị xã hội có liên quan đến dân số (như số con, con trai, con gái, hạnh phúc gia đình v.v...).

3.4.3. Các con đường giáo dục dân số

– Thông qua phương pháp lồng ghép – tích hợp nội dung giáo dục dân số vào các môn học tự nhiên – xã hội.

– Thông qua các hoạt động ngoại khóa: nói chuyện về dân số, sinh hoạt câu lạc bộ tìm hiểu về dân số, kế hoạch hóa gia đình, hoạt động nghệ thuật, tuyên truyền về dân số.

– Tổ chức cho học sinh tham gia cuộc tuyên truyền về giáo dục dân số, tư vấn về giáo dục dân số.

– Phổ biến giới thiệu cho học sinh nắm được các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân số (chính sách dân số), các chiến lược phát triển dân số và xây dựng, nâng cao chất lượng cuộc sống.

3.5. Giáo dục giới tính

3.5.1. Khái niệm và ý nghĩa

a. Khái niệm

– Giới tính là những đặc điểm riêng biệt về giải phẫu sinh lí cơ thể và những đặc trưng về tâm lí – xã hội (hứng thú, tình cảm, xúc cảm, tính cách, năng lực, nhận thức v.v...) tạo nên sự khác biệt về giới nam và nữ.

– Giáo dục giới tính là "giáo dục về chức năng làm một con người có giới tính, làm cho họ có nhận thức, thái độ và hành vi đúng đắn đối với người khác giới. Điều quan trọng là đề cập vấn đề giới tính một cách công khai và đầy đủ ở lớp

học từ nhà trẻ đến đại học, giúp cho học sinh cảm thấy an toàn và tự do trong việc biểu lộ cảm xúc liên quan tới đời sống giới tính" (theo từ điển *Bách khoa về giáo dục*). Ta có thể hiểu giáo dục giới tính là một quá trình tác động sư phạm của nhà giáo dục hướng vào việc vạch ra những nét, những phẩm chất, những đặc trưng và những khuynh hướng phát triển của nhân cách học sinh, nhằm xác định thái độ xã hội cần thiết của cá nhân đối với các vấn đề giới tính.

b. Ý nghĩa

– Giáo dục giới tính có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển tâm sinh lí của thanh thiếu niên học sinh.

Xã hội hiện đại đã có những yếu tố và điều kiện dẫn đến sự phát triển sớm về giới tính ở trẻ em. Chất lượng cuộc sống ngày càng cao, sự bùng nổ thông tin với nhiều phương tiện nghe nhìn, phim ảnh về cuộc sống gia đình, tình yêu, quan hệ nam nữ ảnh hưởng rất nhiều và nhanh nhạy tới thế hệ trẻ. Ta có thể tham khảo một số tư liệu thực tế để thấy được xã hội hiện đại cần phải rất quan tâm đến vấn đề giáo dục giới tính.

– Sự thiếu hiểu biết về giới tính có thể dẫn đến quan hệ tình dục sớm ở thanh niên. (Theo số liệu thống kê của liên Bộ Y tế – Giáo dục, hàng năm có khoảng 1,2 đến 1,5 triệu ca nạo phá thai, trong đó có tới 300.000 trường hợp là thanh niên trẻ chưa có gia đình).

– Sự lây lan các bệnh qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS, trong số bệnh nhân nhiễm HIV thì 50% ở tuổi thanh niên, 14% ở tuổi vị thành niên.

– Theo số liệu điều tra dân số 1999 cho thấy 23% (gần

1/4 DS) nước ta ở tuổi vị thành niên chưa được giáo dục giới tính đầy đủ từ gia đình và nhà trường nên dễ dẫn đến những hành vi lệch lạc về giới tính và tình dục, cần phải được uốn nắn kịp thời.

Từ thực tế trên đây, ta thấy việc đưa chương trình giáo dục giới tính vào nhà trường phổ thông các cấp vừa có tính cấp thiết, vừa có ý nghĩa to lớn đối với giáo dục dân số, gia đình, chất lượng cuộc sống... để thực hiện mục đích giáo dục phát triển toàn diện nhân cách học sinh.

– Giáo dục giới tính ảnh hưởng trực tiếp đến giáo dục dân số. Giáo dục giới tính cung cấp những kiến thức khoa học về dân số kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, về hạnh phúc gia đình..., giúp cho học sinh có hiểu biết và ý thức làm chủ trong các quan hệ tình bạn, tình yêu và hôn nhân sau này, thực hiện được mục tiêu và nội dung của giáo dục dân số trong thế hệ trẻ – một bộ phận rất quan trọng trong dân cư.

– Giáo dục giới tính là con đường hữu hiệu ngăn ngừa các bệnh lây nhiễm qua con đường tình dục, đặc biệt là HIV – AIDS.

– Giáo dục giới tính sẽ giúp cho thanh thiếu niên học sinh hình thành thái độ, hành vi đúng đắn trong các mối quan hệ bạn bè khác giới, biết làm chủ trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến tình yêu, hôn nhân, gia đình, xây dựng cuộc sống lành mạnh, có văn hóa, hướng tới cuộc sống hạnh phúc.

3.5.2. Nội dung giáo dục giới tính

Những kiến thức về sự phát triển về giới nam và nữ:

– Về giải phẫu sinh lí;

– Cấu tạo, chức năng của các cơ quan sinh dục nam – nữ;

– Tuổi dậy thì và những biểu hiện, cách nhận biết và giải quyết những "bí ẩn" ở tuổi dậy thì;

– Sinh sản và sức khỏe sinh sản vị thành niên;

– Các kiến thức, hiểu biết về sức khỏe của giới, phòng, tránh và nạo phá thai, phòng tránh các bệnh lây lan qua đường tình dục.

Giáo dục về các mối quan hệ xã hội theo giới của cá nhân mỗi người

– Quan hệ hôn nhân, gia đình;

– Quan hệ, bổn phận của mỗi người là nam, nữ khi trở thành cha mẹ, con cái (trai, gái, dâu, rể) ông bà, anh chị, em v.v...

– Quan hệ bạn bè và bạn khác giới;

– Tình yêu nam – nữ.

Giáo dục, hình thành kĩ năng xác định các giá trị xã hội: lí tưởng, lẽ sống, hạnh phúc gia đình, dân tộc, con cái (trai, gái, tình yêu, cuộc sống, tình bạn v.v...).

3.5.3. Các con đường giáo dục giới tính trong nhà trường phổ thông

– Thông qua giảng dạy, học tập các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội bằng phương pháp lồng ghép hoặc tích hợp những tri thức giới tính vào những phần phù hợp.

– Thông qua các chương trình, hoạt động ngoại khóa.

+ Diễn đàn trao đổi về các chuyên đề tình bạn, tình yêu, hôn nhân, gia đình.

+ Tìm hiểu qua các tài liệu, sách báo, phim, ảnh để hiểu về cấu tạo, chức năng, vệ sinh thường thức, phòng tránh các bệnh của các bộ phận sinh dục, sinh sản của nam – nữ.

+ Triển lãm về phòng tránh thai (phương thức. phương tiện, dụng cụ...).

– Giáo dục giới tính qua tư vấn (tình yêu. hôn nhân, gia đình, các bệnh của mỗi giới, tâm lí và bệnh tâm lí...)

– Qua các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động văn hóa, văn nghệ với các đề tài về giới tính, về hôn nhân, hạnh phúc gia đình, về tình bạn khác giới v.v...

– Qua các hoạt động vui chơi, văn nghệ, thể dục thể thao, qua các hoạt động này giúp cho các em biết lựa chọn hành vi phù hợp với giới tính của mình...

– Qua các môn học tự chọn (nấu ăn, nữ công, du lịch, cắm tỉa hoa, nhạc, họa, kĩ thuật...).

3.6. Giáo dục phòng chống ma túy

3.6.1. Khái niệm

Ma tuý là gì?

Ngày nay có rất nhiều định nghĩa về ma tuý. Có thể hiểu ma tuý ở các nghĩa rộng hẹp khác nhau. Chúng ta có thể hiểu về ma tuý như sau:

Ma túy là những chất như thuốc phiện, hêrôin, côcain, moocphin v.v..., khi vào cơ thể người sẽ gây nghiện và hủy hoại, làm thay đổi các chức năng sinh lí, tâm lí của con người.

– Ma túy có thể được đưa vào cơ thể người qua các con đường:

+ Hút, ví dụ hút thuốc phiện, cần sa...

+ Ngửi, hít bằng cách đốt cháy trực tiếp các chất như hêrôin, côcain... rồi ngửi, hít khói của chúng vào miệng, mũi.

+ Nhai, nuốt, uống, ngậm;

+ Tiêm, chích dưới da, tĩnh mạch các chất như moocphin, dôlacgan, hêrôin dưới dạng thể lỏng.

Nghiện ma túy là gì?

+ Theo nghĩa khoa học thì nghiện ma túy là trạng thái nhiễm độc cơ thể theo chu kì hay mãn tính khi đã sử dụng chất ma túy thành thói quen.

+ Cơ chế gây nghiện ma túy là do chất gây nghiện (như hêrôin, được đưa từ bên ngoài vào cơ thể gây kích thích mạnh ở hệ thần kinh gây hưng phấn, ham mê có cảm giác lâng lâng, sảng khoái, dễ chịu giả tạo. Khi thiếu chất kích thích này từ bên ngoài (gọi là mocphin ngoại sinh) thì cơ thể uể oải, hạ đường huyết, lên cơn co giật, đau đớn từ trong xương tủy đến các bắp cơ, đau đầu, mất ngủ, cơ thể luôn ở trạng thái đờ dẫn, có khi hung hãn gần như mất ý thức, "bất cần đời" và có thể làm bất cứ điều gì để có thuốc dùng cho thỏa mãn cơn nghiện. Người đã dùng các chất gây nghiện sẽ tạo ra động hình trên vỏ não thành thói quen xấu là nếu không dùng thuốc (đưa chất gây nghiện vào cơ thể bằng các con đường) thì không thể cưỡng lại được sự thèm muốn như ở một con vật.

+ Hiện nay người ta có thể dùng phép thử nước tiểu của người nghiện bằng que chỉ thị màu sẽ biết chính xác tình trạng nghiện ma túy của người nghiện một cách nhanh chóng.

Ma túy là hiểm hoạ trong xã hội hiện nay do tác hại cực kì nguy hiểm của nó đối với loài người nói chung và với thanh thiếu niên học sinh nói riêng. Giáo dục phòng chống ma túy là vấn đề có tính cấp bách của thời đại và trở thành nội dung giáo dục không thể thiếu được trong nhà trường hiện nay.

3.6.2. Ý nghĩa của giáo dục phòng chống ma tuý trong nhà trường

Giáo dục phòng chống ma tuý trong nhà trường có ý nghĩa hết sức to lớn đối với đời sống từng cá nhân và toàn xã hội.

Trước hết giáo dục phòng chống ma tuý góp phần bảo đảm trật tự an ninh xã hội, làm cho xã hội ổn định phát triển. Những kẻ buôn bán, tàng trữ, nghiện hút ma tuý đã gây ra sự mất ổn định xã hội như trộm cắp, cướp giật, giết người, lừa đảo, ... gây ra bao cảnh tang thương cho xã hội. Để tránh được tình trạng này trước hết phải làm cho mọi người có ý thức phòng chống ma tuý xâm nhập vào cộng đồng...

Giáo dục phòng chống ma tuý góp phần bảo vệ hạnh phúc gia đình, vì hạnh phúc tương lai của thế hệ trẻ. Nhiều gia đình có con em nghiện ma tuý đã dẫn đến tình trạng khánh kiệt kinh tế, gia đình tan nát, li tán...

Giáo dục phòng chống ma tuý là góp phần bảo vệ và nâng cao chất lượng nòi giống, phòng tránh các bệnh xã hội, đặc biệt là HIV/AIDS...

Có thể nói, giáo dục phòng chống ma tuý có rất nhiều ý nghĩa đối với cuộc sống xã hội, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Ngày nay trong nhà trường, ở tất cả các cấp học đều chú trọng công tác giáo dục phòng chống ma tuý với khẩu hiệu: Tuổi trẻ không để ma tuý xâm nhập học đường.

3.6.3. Mục tiêu và nội dung giáo dục phòng chống ma túy học đường

– Nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ, học sinh về tính chất và tác hại của ma túy – một hiểm họa của xã hội loài người, quốc gia, dân tộc, thời đại. Mọi người, đặc biệt là thanh thiếu niên học sinh phải cảnh giác với kẻ thù nguy hiểm này và hãy tránh xa nó để xây dựng một môi trường học đường trong lành không có ma túy.

– Tuyên truyền, giáo dục cho học sinh biết cách phòng chống ma túy cho bản thân, cho gia đình và xã hội.

– Làm cho học sinh biết tổ chức, xây dựng lối sống lành mạnh, lạc quan, yêu đời, không mắc vào các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, nghiện hút làm cho nhân cách, phẩm chất bị đồi bại, thân thể tàn phế.

– Giáo dục phòng chống ma túy còn có mục đích là làm cho học sinh biết tỏ thái độ kiên quyết chống lại việc sản xuất, buôn bán, tàng trữ và sử dụng trái phép ma túy và những người tiếp tay cho tệ nạn ma túy. Học sinh có thể tham gia vào công tác tuyên truyền phòng chống ma túy trong nhà trường và ở địa phương.

3.6.4. Các hình thức giáo dục phòng chống tệ nạn ma túy trong trường học

– Thông qua dạy học các môn Chính trị, Đạo đức, Giáo dục công dân...

– Qua các buổi sinh hoạt tập thể (sinh hoạt lớp, đoàn, đội, chào cờ, ngoại khóa, diễn đàn).

– Tổ chức cho học sinh tham gia tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Nhà nước, của chính quyền về phòng chống ma túy. Tham gia các phong trào tuyên truyền, vận động bài trừ các tệ nạn xã hội ở địa phương.

– Tổ chức các hoạt động sáng tác thơ ca, nhạc, họa, các tiểu phẩm nghệ thuật và tổ chức biểu diễn văn nghệ của thầy và trò với những nội dung tuyên truyền, vận động, giáo dục thiết thực, cụ thể, hấp dẫn về phòng chống ma túy.

– Cho học sinh (nhất là học sinh các lớp lớn tuổi) trực tiếp được nghe hoặc trao đổi với những thanh niên bị rơi vào con đường ma túy nay đã cai nghiện được nói về nỗi đau khổ,

tan nát gia đình, nhục nhã vì nghiện ngập như thế nào để học sinh lấy đó làm gương mà hãy tránh xa ma túy – một hiểm hoạ của loài người. Cũng có thể cho học sinh trực tiếp tiếp xúc với cha, mẹ, người thân của một số người mắc nghiện ma túy để họ được chứng kiến nỗi cực nhục ê chề của các gia đình có người nghiện như thế nào. Đó chính là bài học để các em không bao giờ mắc vào các tệ nạn xã hội này.

– Tổ chức cho học sinh xem các bộ phim, vở diễn nói về tác hại của nghiện ma túy để các em thấy rõ hình ảnh: cái chết cận kề, gia đình tan nát, tài sản khánh kiệt, bệnh hoạn, đói nghèo, phạm pháp, mất hết nhân cách, nhân phẩm, gánh nặng cho gia đình và xã hội, những kẻ sống thừa, ăn bám và gây hại cho mọi người... Từ đó có thể tổ chức cho các em tọa đàm, trao đổi cụ thể qua các hình tượng nghệ thuật, viết thu hoạch về tác hại của nghiện ma túy mà tự giác xa lánh nó.

– Tổ chức các hội nghị giữa chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh và học sinh của lớp, trường về phòng chống ma túy ở trường và địa phương. Sau đó thực hiện kí cam kết đối với từng gia đình và từng học sinh không mắc vào các tệ nạn xã hội, không nghiện hút, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển chất ma túy.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi

1. Nêu và phân tích khái niệm, ý nghĩa của giáo dục đạo đức trong nhà trường phổ thông.
2. Phân tích các nhiệm vụ của giáo dục đạo đức và nói rõ vì sao giáo dục đạo đức trong nhà trường xã hội chủ nghĩa hiện nay cần phải thực hiện các nhiệm vụ đó.

3. Phân tích các nội dung của giáo dục đạo đức. Theo anh (chị) thì các nội dung đó cần phải được thực hiện như thế nào để đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn giáo dục hiện nay?.
4. Quá trình giáo dục đạo đức diễn ra như thế nào? Lấy dẫn chứng thực tế giáo dục để làm sáng rõ mối quan hệ biện chứng giữa các bước của quá trình giáo dục đạo đức.
5. Phân tích khái niệm và ý nghĩa của trí dục.
6. Phân tích những nhiệm vụ, nội dung cơ bản của trí dục.
7. Bằng lí luận và thực tế, anh (chị) thấy có thể phát triển trí lực cho học sinh bằng những cách nào? Lấy ví dụ cụ thể để minh hoạ.
8. Phân tích các nhiệm vụ và nội dung của thể dục.
9. Phân tích các nhiệm vụ của mĩ dục.
10. Những nội dung cơ bản của mĩ dục trong nhà trường phổ thông hiện nay là gì? Có thể thực hiện các nội dung mĩ dục bằng những con đường nào?
11. Phân tích nhiệm vụ, nội dung của giáo dục lao động – kĩ thuật cho học sinh trong nhà trường phổ thông.
12. Phân tích khái niệm và ý nghĩa của giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong nhà trường phổ thông.
13. Phân tích các nhiệm vụ của công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông và phương hướng thực hiện các nhiệm vụ đó.
14. Nêu và phân tích các hình thức hướng nghiệp ở trường phổ thông hiện nay. Anh (chị) có nhận xét gì về hiệu quả của nó?
15. Phân tích những nội dung và con đường giáo dục môi trường cho học sinh trong nhà trường phổ thông.

16. Nêu khái niệm và những mục tiêu của giáo dục dân số.
17. Phân tích các nội dung cơ bản của giáo dục dân số.
18. Phân tích nội dung và các con đường giáo dục giới tính cho học sinh trong nhà trường phổ thông.
19. Vì sao phải giáo dục phòng chống ma túy cho học sinh trong nhà trường hiện nay?
20. Phân tích các tác hại của tệ nạn nghiện ma túy và các hình thức giáo dục phòng chống ma túy học đường hiện nay.
21. Hãy trình bày các khái niệm cơ bản sau: giá trị, hệ giá trị, thang giá trị và chuẩn giá trị, định hướng giá trị và giáo dục giá trị.
22. Hãy trình bày mục đích và nhiệm vụ giáo dục giá trị.
23. Hãy trình bày nội dung giáo dục giá trị và các con đường giáo dục giá trị.
24. Hãy trình bày sơ lược lịch sử giáo dục quốc tế.
25. Hãy trình bày những nhiệm vụ giáo dục quốc tế.
26. Hãy trình bày những nguyên tắc tổng quát về việc tiến hành giáo dục quốc tế.
27. Giáo dục quốc tế có những nội dung nào?

Bài tập

1. Quan sát và ghi chép lại quá trình tổ chức một buổi sinh hoạt giáo dục đạo đức ở trường phổ thông và đưa ra những đánh giá của bản thân.
2. Quan sát và ghi chép lại tiến trình tổ chức một buổi lao động ở trường phổ thông và nêu lên một số nhận xét, so sánh với lí luận đã học.

3. Tham gia một buổi sinh hoạt hướng nghiệp tại nhà trường phổ thông và viết bài thu hoạch về buổi sinh hoạt đó.
4. Lập kế hoạch chỉ đạo các giáo viên, các chủ nhiệm lớp và cán bộ đoàn, đội tiến hành một nội dung giáo dục định hướng giá trị.
5. Tiến hành điều tra thực trạng nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh về những nội dung giáo dục định hướng giá trị.
6. Tìm hiểu thực trạng tình hình nghiện hút ma tuý tuổi học đường và công tác giáo dục ma tuý ở các nhà trường địa phương mình.
7. Tìm hiểu thực trạng công tác giáo dục giới tính trong các nhà trường ở địa phương và nêu ý kiến nhận xét của cá nhân.
8. Viết một bài luận về mối quan hệ giữa dân số và các mặt của đời sống xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Khắc Chương, Nguyễn Văn Diện. *Làm thế nào để khai sáng và phát triển trí lực cho trẻ trong gia đình*. NXB Thanh niên, Hà Nội, 2003.
2. *Giáo trình giáo dục hướng nghiệp*. Đại học Hùng Dã Mai. NXB Nhân sư – Trung Quốc. Xuất bản lần đầu 1/2002.
3. Phạm Minh Hạc (chủ biên). *Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
4. Hà Thế Ngữ – Đặng Vũ Hoạt. *Giáo dục học, tập 2*. NXB Giáo dục Hà Nội 1987.

5. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên). *Giáo dục học, tập 2*. NXB ĐHSP, Hà Nội, 2005.
6. Vũ Minh Tâm. *Mĩ học và giáo dục thẩm mĩ*. NXB Giáo dục, 1998.
7. *Hoạt động giáo dục lao động – Hướng nghiệp năm học 2000 – 2001 và phương hướng năm học 2001 – 2002*. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2001).
8. Đào Xuân Dũng. *Giáo dục giới tính vì sự phát triển của vị thành niên*. NXB ĐHQG Hà Nội, 2002.
9. Phạm Lăng. *Giáo dục giá trị nhân văn ở trường THCS*, NXB Giáo dục, 1999.
10. Ban chỉ đạo giáo dục phòng chống AIDS và ma tuý (1998). *Giáo dục phòng chống ma tuý trong trường sư phạm*.
11. Dự án VIE/94/P01 (1995). *Một số vấn đề cơ bản về giáo dục dân số*.
12. Trần Quốc Thành, Nguyễn Thị Mùi, Lê Thị Hồng An (2004). *Tài liệu về giáo dục dân số, sức khoẻ sinh sản* (Tài liệu dành cho sinh viên ngành Tâm lí – Giáo dục thuộc các trường đại học sư phạm).
13. A.D. Đmitriep. E.M. Brixôp. *Cơ sở khoa học của việc dạy lao động cho học sinh*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1973.

Chương 4
PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Phương pháp giáo dục là một thành tố rất quan trọng của quá trình giáo dục nhằm thực hiện mục đích và nhiệm vụ giáo dục do xã hội đặt ra. Phương pháp giáo dục là hệ thống những cách thức tác động của nhà giáo dục đến sự phát triển nhân cách của thế hệ trẻ nhằm làm cho nhân cách các em phát triển tối đa những gì mình có thể có theo hướng mô hình nhân cách xã hội mong muốn. Nói cụ thể hơn, phương pháp giáo dục nhằm giúp thế hệ trẻ nắm vững và thực hiện đúng các chuẩn mực xã hội, biến nó thành các phẩm chất, các thuộc tính của nhân cách, để từ đó các em có thể tham gia vào cuộc sống xã hội một cách tự nhiên và hiệu quả.

Phương pháp giáo dục là những tác động cụ thể và trực tiếp của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục. Do đó tất cả những người làm công tác giáo dục cần phải hiểu rõ bản chất, chức năng của phương pháp giáo dục trong nhà trường cũng như các yêu cầu sư phạm khi sử dụng các phương pháp giáo dục cụ thể.

Mỗi loại nhà trường đều có phương pháp giáo dục đặc trưng. Nhà trường XHCN kế thừa các phương pháp giáo dục tốt đẹp trước đây đồng thời phát triển các phương pháp giáo dục mới tiến bộ hơn cho phù hợp với tình hình và điều kiện mới. Sau đây chúng ta chủ yếu xem xét các phương pháp giáo dục trong nhà trường XHCN Việt Nam hiện nay, yêu

cầu những người làm công tác giáo dục cần phải nắm vững chúng để thực hiện tốt nhiệm vụ cao cả của mình.

1. KHÁI NIỆM PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Phương pháp giáo dục trong nhà trường của chúng ta là phương thức hoạt động chung, gắn bó giữa nhà giáo dục với đối tượng giáo dục, giữa tập thể và cá nhân học sinh nhằm hình thành những thuộc tính, những phẩm chất nhân cách XHCN cho các em. Để hiểu rõ hơn khái niệm phương pháp giáo dục, trước hết chúng ta cần phải nắm vững một số đặc điểm cơ bản của phương pháp giáo dục.

1.1. Một số đặc điểm cơ bản của phương pháp giáo dục

Trước hết, phương pháp giáo dục là thành tố phụ thuộc vào mục đích giáo dục. Mục đích giáo dục khác nhau sẽ có phương pháp giáo dục khác nhau. Nói cách khác, mỗi mục đích giáo dục sẽ có một hệ thống phương pháp giáo dục tương ứng, khi mục đích giáo dục thay đổi thì phương pháp giáo dục cũng phải thay đổi theo. Chẳng hạn, mục đích giáo dục phong kiến nhằm đào tạo ra những con người chỉ biết phục tùng vô điều kiện (Quân bức thần tử, thần bất tử bất trung. Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu) thì phương pháp giáo dục chủ yếu là áp đặt, cưỡng bức, nhồi nhét... Ngược lại, mục đích giáo dục của xã hội ta nhằm đào tạo ra những con người sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm thì phương pháp giáo dục cũng phải khác. Phương pháp giáo dục của chúng ta là thuyết phục, là tổ chức hoạt động nhằm tạo mọi điều kiện, mọi cơ hội cho cá nhân phát triển hết tiềm năng của mình, tạo cho mỗi cá nhân đều có bản sắc riêng và phục vụ cho mục đích chung của xã hội...

Phương pháp giáo dục phụ thuộc vào mục đích giáo dục, vì thế khi lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục phải căn cứ vào mục đích giáo dục của một xã hội cụ thể. Ngược lại, phương pháp giáo dục là điều kiện, là cách thức để thực hiện mục đích giáo dục của xã hội đã đề ra.

Phương pháp giáo dục phụ thuộc vào nội dung giáo dục. Nội dung giáo dục khác nhau sẽ phải sử dụng phương pháp giáo dục khác nhau. Giáo dục lao động phải có phương pháp khác với giáo dục thể chất hay giáo dục thẩm mĩ... Mỗi nội dung giáo dục phải có hệ thống phương pháp chuyển tải riêng mới có hiệu quả cao (Phương pháp phải được vận hành trên nền một nội dung cụ thể, nội dung có tác dụng quy định phương pháp). Các nhà giáo dục phải căn cứ vào nội dung giáo dục cụ thể để lựa chọn phương pháp giáo dục cho phù hợp.

Chúng ta biết rằng, quá trình giáo dục được diễn ra theo ba khâu từ nhận thức đến thái độ, niềm tin đến hành vi và thói quen. Phương pháp giáo dục nhằm tác động vào từng khâu hoặc tất cả các khâu của quá trình giáo dục. Mỗi khâu của quá trình giáo dục đòi hỏi phải có phương pháp riêng. Khâu hình thành nhận thức phải sử dụng phương pháp khác với khâu hình thành hành vi và thói quen. Hình thành tri thức về các chuẩn mực xã hội, nhằm xây dựng ý thức cá nhân chủ yếu sử dụng các phương pháp thuyết phục như giảng giải, đàm thoại, nêu gương... Còn hình thành hành vi và thói quen chủ yếu sử dụng các phương pháp luyện tập, rèn luyện...

Phương pháp giáo dục phụ thuộc vào trình độ, năng lực, uy tín, vị thế, vào kinh nghiệm, sở trường, sở đoản... của nhà giáo dục. Đứng trước đối tượng giáo dục như nhau, trong

những điều kiện, hoàn cảnh như nhau nhưng các nhà giáo dục khác nhau sẽ lựa chọn phương pháp giáo dục khác nhau. Thậm chí hai nhà giáo dục cùng sử dụng một biện pháp nhưng hiệu quả giáo dục cũng khác nhau. Nói như vậy, tức là phương pháp giáo dục phụ thuộc vào trình độ và năng lực của nhà giáo dục kể cả việc lựa chọn và hiệu quả sử dụng. Chính vì vậy, trong quá trình tiến hành giáo dục, các nhà giáo dục phải xác định được khả năng, vị thế và uy tín... của mình để lựa chọn phương pháp giáo dục cho phù hợp. Thực tế giáo dục đã chứng minh điều này. Ví dụ, cùng sử dụng phương pháp trách phạt học sinh, yêu cầu học sinh viết bản kiểm điểm nhưng giáo viên chủ nhiệm và hiệu trưởng, giáo viên lâu năm và giáo viên mới ra trường sẽ có tác động khác nhau đến người học sinh.

Phương pháp giáo dục còn phụ thuộc vào đối tượng giáo dục. Với mỗi đối tượng giáo dục, nhà giáo dục phải biết sử dụng các phương pháp giáo dục khác nhau mới có hiệu quả. Có học sinh cần phương pháp nhẹ nhàng thuyết phục, có học sinh phải bằng mệnh lệnh dứt khoát, rõ ràng...

Chúng ta biết rằng, mỗi con người là một thế giới riêng với những nét độc đáo về các đặc điểm tâm sinh lí, về điều kiện hoàn cảnh sống, về kinh nghiệm cá nhân, vì thế phương pháp giáo dục phụ thuộc vào từng đối tượng cụ thể, mỗi đối tượng giáo dục có một cách giáo dục riêng, không có phương pháp giáo dục chung hữu hiệu cho mọi đối tượng. Đây chính là tính nghệ thuật trong công tác giáo dục.

Phương pháp giáo dục liên quan chặt chẽ với phương tiện, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của quá trình giáo dục.

Phương tiện giáo dục được hiểu là các loại hình thức

hoạt động khác nhau của học sinh như học tập, lao động sản xuất, vui chơi giải trí, sinh hoạt tập thể... cũng như các sản phẩm văn hoá vật chất và tinh thần được sử dụng trong quá trình giáo dục như đồ dùng trực quan, các loại sách báo và các phương tiện chuyển tải thông tin... Phương pháp giáo dục sử dụng các phương tiện giáo dục để tác động vào nhân cách học sinh. Phương tiện giáo dục càng đa dạng, càng phong phú càng thuận lợi cho việc lựa chọn phương pháp giáo dục, càng có điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục. Phương pháp giáo dục ngày nay ra sức tận dụng các phương tiện giáo dục hiện đại, thành quả phát triển rực rỡ của khoa học kĩ thuật công nghệ để tác động đồng bộ, sâu sắc đến nhân cách học sinh.

Trong những điều kiện, hoàn cảnh, tình huống khác nhau cũng phải lựa chọn phương pháp giáo dục khác nhau. Chúng ta biết rằng, tiến hành giáo dục trẻ ở thành phố khác với trẻ nông thôn và khác với trẻ miền núi. Không thể tiến hành giáo dục có hiệu quả nếu không biết lựa chọn phương pháp giáo dục sao cho phù hợp với từng tình huống và các điều kiện hoàn cảnh cụ thể. Nhà giáo dục phải căn cứ vào phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa, đặc điểm tôn giáo... của từng vùng, miền, vào khoảng thời gian cho phép, vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể để tiến hành giáo dục.

Như vậy, phương pháp giáo dục phụ thuộc vào phương tiện, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Khi những điều kiện này thay đổi thì nhà giáo dục cũng phải điều chỉnh, thay đổi phương pháp giáo dục thì mới nâng cao được hiệu quả giáo dục.

Phương pháp giáo dục còn liên quan chặt chẽ với hình thức tổ chức giáo dục. Thực tế giáo dục cho thấy phương

pháp giáo dục không thể tách rời hình thức tổ chức giáo dục, nhiều khi chúng hoà quyện vào nhau. Hình thức giáo dục thường được phân loại theo số lượng học sinh tham gia vào các hoạt động giáo dục (toàn trường, lớp học, nhóm, tổ hay cá nhân), hoặc theo tính chất hoạt động chung giữa nhà giáo dục và đối tượng giáo dục. Mỗi hình thức giáo dục phải lựa chọn một phương pháp giáo dục thích ứng. Ví dụ, hình thức tổ chức giáo dục toàn trường thì không nên sử dụng phương pháp khuyên giải hay tranh luận, hình thức tổ chức giáo dục cá nhân không nên sử dụng phương pháp khen thưởng, vì như thế hiệu quả giáo dục sẽ không cao.

Nói tóm lại, phương pháp giáo dục hết sức đa dạng, phong phú và phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác của quá trình giáo dục. Nhà giáo dục phải biết vận dụng linh hoạt, lựa chọn các phương pháp giáo dục sao cho phù hợp với mục đích, với nội dung giáo dục, với trình độ, năng lực... của bản thân, với đối tượng giáo dục cũng như các điều kiện hoàn cảnh cụ thể.

1.2. Khái niệm phương pháp giáo dục

Từ những đặc điểm trên chúng ta thấy phương pháp giáo dục phản ánh cách thức tổ chức các loại hình hoạt động phong phú, đa dạng của nhà giáo dục và tập thể học sinh nhằm chuyển hoá những yêu cầu, chuẩn mực của xã hội thành các phẩm chất và năng lực của cá nhân người học sinh.

Nói một cách cụ thể, *phương pháp giáo dục là phương thức tác động của nhà giáo dục và tập thể học sinh đến đối tượng giáo dục nhằm hình thành cho họ những phẩm chất nhân cách theo yêu cầu của một xã hội cụ thể.*

Phương pháp giáo dục phản ánh mối quan hệ phối hợp,

thống nhất giữa cách thức hoạt động của nhà giáo dục và đối tượng giáo dục, trong đó hoạt động của nhà giáo dục giữ vai trò chủ đạo, còn hoạt động của đối tượng giáo dục là hoạt động tự giác, tích cực, chủ động để tự giáo dục, tự vận động và phát triển theo mục tiêu phát triển nhân cách đã xác định.

Vai trò chủ đạo của nhà giáo dục được thể hiện ở chỗ họ là người tổ chức điều khiển quá trình giáo dục, là người lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục, người kiểm tra, đánh giá quá trình giáo dục...

Vai trò tự giác, tích cực và chủ động của đối tượng giáo dục được thể hiện ở chỗ họ phải hoạt động một cách có ý thức, tham gia với sự cố gắng hết khả năng của mình và không phụ thuộc hoàn toàn vào các tác động của nhà giáo dục. Vai trò này đặc biệt quan trọng trong quá trình tự tu dưỡng, tự giáo dục.

Tuy vậy, vai trò tự giác, tích cực và chủ động của đối tượng giáo dục phải được đặt dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục. Nếu không, quá trình tự giáo dục của đối tượng giáo dục sẽ mất phương hướng và không có hiệu quả. Ngược lại, nếu nhà giáo dục áp đặt, không phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của đối tượng giáo dục sẽ tạo nên những con người rập khuôn, máy móc, những con người thụ động.

Cách thức tác động của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục bao giờ cũng căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu của xã hội về một mẫu người xác định. Thực chất phương pháp giáo dục là cách thức tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao lưu cho học sinh theo mục đích giáo dục của xã hội. Quá trình này nhằm tác động vào nhận thức, thái độ và hình thành hành vi, thói quen cho học sinh.

2. HỆ THỐNG CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

2.1. Phân loại các phương pháp giáo dục

Giáo dục là một hiện tượng xã hội rất phức tạp và đầy những mâu thuẫn. Chính vì vậy, phương pháp giáo dục cũng hết sức đa dạng, phong phú và linh hoạt. Điều này làm cho quá trình phân loại giáo dục hết sức khó khăn và phức tạp. Khó có thể xác định được một cơ sở lôgíc thống nhất để phân loại các phương pháp giáo dục. Mỗi cách phân loại chỉ có thể dựa vào một tiêu chí nào đó, chẳng hạn dựa vào các khâu của quá trình giáo dục hay dựa vào bản chất của quá trình giáo dục... Nếu dựa vào các khâu của quá trình giáo dục thì phương pháp giáo dục có thể chia thành các nhóm như:

– Nhóm các phương pháp tác động vào nhận thức, thái độ;

– Nhóm các phương pháp hình thành hành vi, thói quen;

– Nhóm các phương pháp khuyến khích và điều chỉnh nhằm củng cố kết quả của hai nhóm trên.

Nếu dựa vào bản chất của quá trình giáo dục thì phương pháp giáo dục bao gồm các nhóm như:

– Các phương pháp tổ chức cuộc sống cho học sinh;

– Các phương pháp tổ chức các loại hình hoạt động cho học sinh;

– Các phương pháp tổ chức hoạt động giao lưu cho học sinh.

Nếu căn cứ vào các quá trình tâm lí của cá nhân thì có thể chia phương pháp giáo dục thành các nhóm:

– Các phương pháp hình thành tri thức về các chuẩn mực xã hội;

– Các phương pháp hình thành tình cảm;

– Các phương pháp rèn luyện ý chí.

Ngoài ra, người ta có thể căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung giáo dục, căn cứ vào đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm nhân cách của đối tượng giáo dục để phân loại phương pháp giáo dục.

Chúng ta biết rằng nhân cách của mỗi học sinh là một chỉnh thể thống nhất, toàn vẹn, năng động và hết sức phức tạp. Các thuộc tính, các phẩm chất của nhân cách luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau tạo nên đặc trưng riêng, nét đặc thù của mỗi nhân cách. Mỗi một nét phẩm chất được hình thành có thể mang những nội dung khác nhau, biểu hiện ra ngoài cũng khác nhau tuỳ theo nó nằm trong một cấu trúc nhân cách nào, chúng tương tác như thế nào với những phẩm chất, những đặc điểm khác trong một chủ thể...

Giáo dục vừa làm nảy sinh, hình thành nhân cách vừa biến đổi, cải tạo nhân cách. Giáo dục không chỉ nhằm làm nảy sinh ở nhân cách những nhận thức mới, tình cảm mới, nhu cầu mới... từ đó tạo nên những hành vi và thói quen nhất định của nhân cách mà còn có khả năng làm thay đổi những nhận thức, tình cảm, nhu cầu... đó cho phù hợp với yêu cầu xã hội, cải tạo những nét tính cách không phù hợp...

Để làm được điều này, nhất thiết giáo dục phải tác động để xây dựng ý thức, tình cảm, rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo, thói quen cho học sinh. Mặt khác, giáo dục phải có những biện pháp để kích thích, điều chỉnh nhằm củng cố những mặt tốt hoặc hạn chế, loại trừ những mặt xấu.

Từ những phân tích trên chúng ta có thể phân chia phương pháp giáo dục thành ba nhóm cơ bản sau:

– Nhóm các phương pháp thuyết phục nhằm hình thành ý thức cá nhân;

– Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động nhằm hình thành kĩ năng, kĩ xảo, hành vi và thói quen;

– Nhóm các phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi.

Sau đây chúng ta sẽ phân tích từng nhóm phương pháp giáo dục cụ thể.

2.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục

2.2.1. Các phương pháp thuyết phục

Thuyết phục là phương pháp tác động vào nhận thức, tình cảm của con người để hình thành cho họ ý thức và thái độ đúng đắn phù hợp với các chuẩn mực xã hội. Thuyết phục là dùng các lí lẽ xác đáng, dùng các dẫn chứng sinh động, dùng các tấm gương tiêu biểu trong thực tế để phân tích, chứng minh, khuyên giải... giúp học sinh nhận, hiểu ra và tin, làm theo những giá trị chân, thiện, mĩ của cuộc sống, ủng hộ, bảo vệ lẽ phải, lên án, loại trừ cái xấu, cái không phù hợp.

Ý thức cá nhân là sự thống nhất biện chứng giữa nhận thức, niềm tin, thái độ của cá nhân về những chuẩn mực đã được xã hội quy định và thừa nhận. Trong thực tiễn giáo dục, muốn hình thành ý thức cá nhân nhà giáo dục thường dùng phương pháp thuyết phục.

Chức năng của nhóm phương pháp này chủ yếu nhằm hình thành các tri thức đúng đắn về các chuẩn mực xã hội, hình thành niềm tin, tình cảm cho cá nhân để từ đó xây dựng nền tảng ý thức cho cá nhân.

Nhóm phương pháp thuyết phục bao gồm một số phương pháp như: phương pháp khuyên giải, phương pháp tranh luận, phương pháp nêu gương...

a. *Phương pháp khuyên giải*

Khuyên giải là một phương pháp thuyết phục mà nhà giáo dục chủ yếu dùng lời nói chân tình hoặc bằng các lập luận vững chắc để khuyên bảo, giải thích, minh hoạ, phân tích cho học sinh hiểu những khái niệm về các chuẩn mực xã hội, những quy tắc, những chuẩn mực mà mọi người phải tuân theo.

Khuyên giải có thể tiến hành với từng cá nhân riêng lẻ cũng có thể tiến hành với tập thể, nhóm học sinh.

Khuyên giải bao gồm các yếu tố khuyên răn, khuyên can, khuyên nhủ (khuyên bảo) và giảng giải. Khuyên nhủ là đưa ra những lời khuyên mang tính gợi ý chân tình trên cơ sở phân tích phải trái cho đối tượng hiểu. Khuyên nhủ mang nặng yếu tố tình cảm, thuyết phục bằng tình cảm, bằng mối quan hệ tốt đẹp giữa nhà giáo dục và đối tượng giáo dục. Khuyên răn, khuyên can là đưa ra những lời khuyên mang tính cảnh báo, nhắc nhở đối tượng tránh vấp phải những điều sai lầm. Khuyên răn thường được sử dụng khi đối tượng hiểu đúng nhưng cố tình làm sai, cố tình vi phạm những chuẩn mực, những quy tắc của xã hội. Giảng giải là lập luận, phân tích cho đối tượng hiểu ra một vấn đề, thường được tiến hành khi đối tượng giáo dục do không hiểu mà hành động sai. Để khuyên giải nhà giáo dục phải gặp gỡ, trò chuyện tâm tình với đối tượng giáo dục để làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan, làm cho đối tượng hiểu đúng, nghe theo, tin theo...

- Sự khuyên giải có thể bằng lí lẽ nhưng chủ yếu là bằng con đường tình cảm thông qua mối quan hệ tốt đẹp, thân thiện giữa nhà giáo dục và đối tượng giáo dục để cảm hoá các em, giúp các em nhận thức đúng những giá trị đạo đức, điều chỉnh lại những nhận thức sai lầm, sửa chữa những lệch lạc, hành động theo lẽ phải.

Để khuyên giải có hiệu quả nhà giáo dục cần chú ý các yêu cầu sau:

– Nhà giáo dục phải chuẩn bị trước nội dung vấn đề cần khuyên giải với các đối tượng cụ thể, cần chuẩn bị những lí lẽ thuyết phục, lập luận vững chắc cả về phương diện lí luận và thực tiễn.

– Trước khi tiến hành khuyên giải cần tìm hiểu kĩ đối tượng, hiểu rõ đối tượng để tiếp cận và đưa ra cách khuyên giải phù hợp. Cần có sự thông cảm sâu sắc, dựa trên cơ sở tình thương và sự khoan dung kết hợp với sự nghiêm khắc cần thiết một cách có lí có tình mới khuyên giải có hiệu quả.

– Bản thân nhà giáo dục phải thực sự gương mẫu, thực sự có uy tín với học sinh.

b. Phương pháp tranh luận

Tranh luận là phương pháp thuyết phục trong đó nhà giáo dục khéo léo tổ chức các cuộc trao đổi, thảo luận về một chủ đề nào đó có liên quan đến nội dung giáo dục để từ đó giúp học sinh khẳng định một vấn đề trước đây còn phân vân, để hình thành quan điểm, xoá đi những nhận thức sai lầm trước đây...

Tranh luận có thể diễn ra giữa nhà giáo dục với đối tượng giáo dục, giữa các thành viên trong một nhóm, một tập thể học sinh về các vấn đề mà các em quan tâm đang diễn ra trong cuộc sống, trong sách vở, phim ảnh...

Tranh luận nhằm giúp cho đối tượng bộc lộ quan điểm, chính kiến của mình, thông qua đó để nhà giáo dục nắm được và có hướng tác động giáo dục phù hợp. Thông qua tranh luận để giúp cho học sinh biết diễn đạt quan điểm, ý

kiến của mình cho người khác hiểu, vận dụng sự hiểu biết của bản thân để bảo vệ quan điểm cá nhân mình hoặc ủng hộ hay bác bỏ một quan điểm nào đó. Tranh luận có thể tạo cơ hội cho học sinh phát huy tính tích cực của mỗi cá nhân thông qua việc các em được trực tiếp tham gia giải thích, thảo luận, nhận xét, đánh giá và qua đó tự rút ra kết luận cho bản thân, nhờ đó các em hình thành và phát triển niềm tin, tình cảm, hành vi, thói quen phù hợp.

Để tranh luận có hiệu quả nhà giáo dục phải tổ chức sao cho thật cởi mở, mọi người thoải mái nêu ra quan điểm của mình, nếu có những vướng mắc hoặc bất đồng thì cùng nhau phân tích, tháo gỡ để đi đến lẽ phải với mong muốn cùng đạt tới sự hiểu biết chung vì một mục đích tốt đẹp.

Những vấn đề đưa ra tranh luận phải có ý nghĩa thiết thực, gắn liền với cuộc sống của học sinh, những vấn đề đã và đang làm các em băn khoăn suy nghĩ... Muốn vậy, nhà giáo dục cần phải nghiên cứu, tìm hiểu để lựa chọn các chủ đề cho phù hợp.

Tranh luận với mục đích là cùng học hỏi lẫn nhau, cùng tiến bộ trong không khí vui vẻ, thoải mái, tránh tình trạng cay cú hơn thua, bảo thủ không chấp nhận cái đúng. Vì thế, tranh luận không nên trở thành những cuộc tranh cãi gay gắt nhưng cũng không dừng ở mức độ bàn luận, thảo luận chung chung, mà phải thể hiện chính kiến rõ ràng và đi đến sự thống nhất. Tuy vậy, tranh luận trong giáo dục chủ yếu là nhằm mục đích tạo cơ hội cho cá nhân học sinh bộc lộ quan điểm chứ không phải để đi đến những giải pháp cuối cùng, những kết luận dứt khoát. Tranh luận không nên áp đặt mà nên tạo cơ hội cho mọi người bảo vệ ý kiến của mình, cho

phép bảo lưu ý kiến khi thấy cần thiết, không nên kết luận theo quy luật số đông. Người tham gia tranh luận phải có dũng cảm từ bỏ những quan điểm không đúng và chấp nhận những quan điểm đúng đắn.

Nhà giáo dục phải dùng uy tín và sự hiểu biết của mình để định hướng cho các em tranh luận đúng trọng tâm vấn đề nhưng không nên can thiệp quá sâu vào quá trình tranh luận của các em, càng không nên chỉ trích, dè bỉu, phê phán các ý kiến mà mình cho là chưa phù hợp, không nên vội vàng kết luận mà phải để cho các em tự đi đến thống nhất với nhau và đưa ra kết luận. Nếu thấy chưa phù hợp thì nhà giáo dục chỉ nên đưa ra những gợi ý mà thôi.

c. *Phương pháp nêu gương*

Thuyết phục có thể bằng lời nói, bằng tình cảm nhưng cũng có thể bằng các tấm gương.

Nêu gương là phương pháp thuyết phục thông qua những tấm gương trong cuộc sống thực tiễn, trong sách vở, báo chí, trong các phương tiện thông tin đại chúng hoặc bằng chính sự gương mẫu của nhà giáo dục để kích thích tính tích cực hoạt động tu dưỡng, rèn luyện của đối tượng giáo dục, động viên, khuyến khích họ phấn đấu làm theo những tấm gương đó.

Tuy nhiên trong giáo dục không chỉ biết dùng những tấm gương tốt, những tấm gương chính diện để giáo dục mà còn biết đưa ra những gương xấu để cảnh báo, răn đe, ngăn ngừa những hành vi sai trái của học sinh.

Đặc điểm tâm lí của học sinh là hay bắt chước (bắt chước cả cái tốt và cái không tốt, thực tế cho thấy các em bắt chước cái xấu rất nhanh). Các em hay suy tôn và thần thánh hoá những người mà các em yêu thích. Vì thế phương pháp nêu

gương tốt để các em bắt chước làm theo là một phương pháp giáo dục rất quan trọng trong nhà trường của chúng ta.

Từ những kết quả nghiên cứu của tâm lí học, giáo dục học cho thấy, quá trình bắt chước của các em thường diễn ra như sau:

– Từ bắt chước các hình mẫu gần gũi như cha mẹ, ông bà, anh chị em trong gia đình, bạn bè trong lớp... đến bắt chước những hình mẫu xa như các nhân vật trong truyện, các nhân vật lịch sử, phim ảnh...

– Từ chỗ bắt chước một cách vô ý thức đến bắt chước một cách có chủ định, có ý thức.

– Từ bắt chước một cách nguyên mẫu, máy móc đến bắt chước có sáng tạo.

– Từ bắt chước trong trò chơi đến bắt chước trong cuộc sống...

Tính chất của sự bắt chước tuỳ theo tuổi tác, tuỳ theo kinh nghiệm, trình độ được giáo dục... của cá nhân.

Khi vận dụng phương pháp nêu gương nhà giáo dục cần căn cứ vào mục tiêu, nội dung giáo dục mà lựa chọn những tấm gương thật điển hình để giáo dục. Bản thân nhà giáo dục cũng phải là tấm gương sáng về đạo đức tác phong, về lối sống cho các em noi theo.

Khi đưa ra những tấm gương cho các em học tập cần lựa chọn những tấm gương gần gũi với cuộc sống của các em như bạn bè cùng lớp, cùng trường, những người cùng quê hương,... không nên lựa chọn những tấm gương xa vời thiếu thực tế, những tấm gương quá lí tưởng nhiều khi lại làm nhụt ý chí phấn đấu của các em, nhất là đối với trẻ nhỏ tuổi.

Tóm lại, các phương pháp thuyết phục nhằm hình thành ý thức cho cá nhân học sinh, giúp các em có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực xã hội, những quy tắc, những giá trị đạo đức..., qua đó hình thành tình cảm, niềm tin và động cơ tự giáo dục hoàn thiện bản thân. Con người chỉ có thể hành động đúng khi có nhận thức và tình cảm đúng. Các phương pháp thuyết phục là phương tiện quan trọng nhất giúp cá nhân học sinh có nhận thức và thái độ đúng.

2.2.2. Các phương pháp tổ chức hoạt động nhằm hình thành kĩ năng, kĩ xảo, hành vi và thói quen.

Giá trị đạo đức, nhân cách của con người không chỉ nằm trong nhận thức và thái độ của họ mà nó còn được biểu hiện cụ thể thông qua hành vi cụ thể. Chính hành vi mới là thước đo đạo đức của con người. Điều đó có nghĩa là, những phẩm chất, những nét tính cách của mỗi người suy cho cùng phải được thể hiện bằng hành vi, thói quen, bằng lối sống lành mạnh, có văn hoá trong thực tiễn, nhận thức và hành động, lời nói và việc làm phải thống nhất với nhau. Để các chuẩn mực, các quy tắc của xã hội chuyển thành các phẩm chất nhân cách thì phải được tập luyện thành thói quen của con người. Bản chất của quá trình giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao lưu cho trẻ. Vì thế, phương pháp giáo dục tốt nhất là đưa trẻ vào hoạt động để tập dượt, để rèn luyện các hành vi tương ứng thành thói quen, thành những nét, những phẩm chất của nhân cách.

Chức năng cơ bản của nhóm phương pháp này là hình thành hành vi và thói quen thông qua việc tổ chức các loại hình hoạt động cho học sinh. Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động gồm có các phương pháp cụ thể sau:

– Phương pháp luyện tập;

– Phương pháp rèn luyện.

a. Phương pháp luyện tập

Luyện tập tức là tổ chức cho trẻ thực hiện một cách đều đặn, có kế hoạch, có hệ thống các hành động nhất định nhằm biến chúng thành thói quen, thành những thuộc tính bền vững của nhân cách.

Để luyện tập, nhà giáo dục thường đưa học sinh vào các loại hình hoạt động đa dạng, phong phú một cách có mục đích, có kế hoạch. Có rất nhiều loại hình hoạt động khác nhau như lao động phục vụ cá nhân, lao động sản xuất, vui chơi giải trí, hoạt động xã hội, sinh hoạt tập thể, tham quan du lịch... Thông qua việc tổ chức các hoạt động để nhà giáo dục giao những công việc cụ thể, phù hợp cho từng cá nhân rèn luyện. Trong quá trình thực hiện những công việc được giao, người học sinh sẽ tự mình tích luỹ được những kinh nghiệm ứng xử xã hội. Nhà giáo dục cũng có thể tận dụng hoặc tạo ra các tình huống giáo dục để luyện tập. Các tình huống có thể diễn ra trong quá trình tổ chức các hoạt động cụ thể. Luyện tập nhằm củng cố vững chắc những kĩ năng, kĩ xảo, những hành vi vừa được thiết lập thông qua ôn luyện một cách có hệ thống.

Luyện tập cần được thực hiện càng sớm càng tốt (uốn cây khi còn non, dạy con khi còn nhỏ), quá trình luyện tập phải được tiến hành thường xuyên và có hệ thống. Lúc nhỏ tiến hành trong gia đình, lớn lên trong nhà trường, trong xã hội, ở đâu và lúc nào đứa trẻ cũng phải được luyện tập.

Luyện tập càng phong phú, càng đa dạng, trong mọi tình

huống, mọi hoàn cảnh khác nhau thì giá trị giáo dục càng cao. Luyện tập phải thông qua các loại hình hoạt động phong phú, đa dạng, hấp dẫn, tránh sự đơn điệu tẻ nhạt mới cuốn hút được học sinh tham gia có hiệu quả. Không nên gò ép, bắt buộc học sinh tham gia vào những hoạt động mà các em không thích, không muốn. Tuy nhiên cần giáo dục các em không chỉ làm những cái mình thích mà phải làm cả những cái xã hội, tập thể yêu cầu. Trong quá trình tổ chức hoạt động luyện tập cho học sinh, nhà giáo dục phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra đôn đốc và có sự nhắc nhở hay giúp đỡ các em khi cần thiết. Các hoạt động tổ chức luyện tập cho học sinh phải được tính toán cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí học sinh, với điều kiện hoàn cảnh cụ thể. Không nên để học sinh luyện tập quá sức, luyện tập trong những điều kiện, hoàn cảnh có hại.

Luyện tập bao giờ cũng nên đi từ dễ đến khó, lúc đầu chậm nhưng đúng chính xác, sau đó tập cho đẹp rồi mới tăng nhanh dần tốc độ. Nếu luyện tập vội vàng, khi đứa trẻ đã có những thao tác sai, khi đã thành thói quen thì rất khó sửa. Luyện tập phải có hệ thống, phải có mục tiêu, tiêu chí rõ ràng. Luyện tập không chỉ để hình thành thói quen mà còn nhằm sửa chữa, cải tạo những thói quen không đúng.

Mỗi phương pháp luyện tập đều cho ra một kết quả tối ưu tương ứng. Vì vậy, trong quá trình luyện tập, nhà giáo dục cần thường xuyên thay đổi, tìm kiếm những phương pháp luyện tập mới có hiệu quả cao hơn.

b. Phương pháp rèn luyện

Rèn luyện là phương pháp giáo dục trong đó nhà giáo dục đưa học sinh vào cuộc sống thực tiễn để tham gia vào các

loại hình hoạt động khác nhau nhằm thể nghiệm và thể hiện ý thức, tình cảm, hành vi của mình.

Nếu như tập luyện cho học sinh ứng xử trong các tình huống giả định, những tình huống do giáo viên và bạn bè đặt ra thì rèn luyện đòi hỏi ở mức cao hơn, học sinh phải đối mặt với tình huống thực trong điều kiện thực của cuộc sống, họ phải tự nguyện tham gia giải quyết, qua đó những hành vi và thói quen được hình thành và củng cố vững chắc hơn, các kĩ năng, kĩ xảo thuần thục và bền vững hơn.

Rèn luyện là đưa học sinh vào cuộc sống xã hội, gắn liền cuộc sống của trẻ em với cuộc sống xã hội, từ đó các em trưởng thành theo yêu cầu của xã hội. Con người càng được rèn luyện nhiều càng có điều kiện trưởng thành nhanh. Rèn luyện là phương thuốc hữu hiệu để nâng cao bản lĩnh cá nhân. Con người càng được tôi luyện thì bản lĩnh càng cao. Rèn luyện chủ yếu là rèn luyện động cơ, rèn luyện ý chí cá nhân để vượt qua những trở ngại, để đấu tranh giữa cái cần làm và cái phải làm, giữa cái có thể và cái không thể...

Phương pháp rèn luyện về thực chất cũng nhằm hình thành thói quen, tức là cũng phải làm đi làm lại nhiều lần, phải củng cố, phải hoàn thiện. Thông qua rèn luyện để giúp học sinh tích luỹ kinh nghiệm ứng xử xã hội.

Tuy vậy, việc rèn luyện cũng cần chú ý đến hứng thú, nguyện vọng, đến năng lực, sức khoẻ của học sinh, đồng thời chú ý đến những điều kiện rèn luyện.

Trong quá trình rèn luyện, nhà giáo dục cần chú ý phát hiện ra những thao tác, những thói quen chưa đúng để tiếp tục uốn nắn, luyện tập lại cho các em. Quá trình rèn luyện phải được tiến hành trong các loại hình hoạt động khác

nhau, càng có nhiều hoạt động phong phú. đa dạng thì hoạt động rèn luyện càng có hiệu quả. Thông thường rèn luyện được thực hiện trong đời sống tập thể, trong các hoạt động tập thể, trong lao động sản xuất, trong công tác xã hội, trong chế độ sinh hoạt, trong hệ thống nội quy, kỉ luật...

Giữa tập luyện và rèn luyện có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tập luyện giúp cho rèn luyện được tốt hơn. Ngược lại thông qua rèn luyện để phát hiện ra những sai sót để tiếp tục tập luyện. Tập luyện và rèn luyện là hai phương pháp cơ bản nhất để hình thành hành vi và thói quen cho cá nhân.

2.2.3. Nhóm các phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi

Quá trình giáo dục chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi đối tượng giáo dục tích cực tham gia vào các hoạt động giáo dục, tự giác rèn luyện củng cố những hành vi và thói quen cần thiết. Như vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào để phát huy cao độ tính tích cực hoạt động của học sinh, làm thế nào để khuyến khích động viên, lôi cuốn đông đảo học sinh hứng thú tham gia các hoạt động có hiệu quả, đồng thời khắc phục, ngăn ngừa, uốn nắn những biểu hiện tiêu cực, những hành vi lệch lạc, không phù hợp với các chuẩn mực xã hội. Đó chính là chức năng cơ bản của nhóm phương pháp giáo dục kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi học sinh.

Phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi học sinh là các phương pháp nhằm tác động vào nhận thức và tình cảm của đối tượng giáo dục nhằm tạo ra tâm lí phấn chấn, tin tưởng, lạc quan... cho đối tượng tích cực tham gia vào các hoạt động giáo dục, thông qua đó để nhà giáo dục thực hiện mục đích giáo dục của mình. Đồng thời phương pháp này

nhằm giúp những người mắc sai lầm, thiếu sót nhận ra khuyết điểm của mình để sửa chữa, trên cơ sở tạo ra cho họ tâm lí ăn năn, hối lỗi... vì những sai phạm của bản thân.

Như vậy, phương pháp này vừa có tác dụng thúc đẩy cá nhân tích cực tham gia các hoạt động có ích cho tập thể, cho xã hội, đồng thời hạn chế, kìm hãm những hoạt động, những hành vi không phù hợp.

Nhóm phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi là phương pháp hỗ trợ đắc lực cho các phương pháp giáo dục khác đạt hiệu quả cao hơn, củng cố những kết quả đã đạt được, đồng thời khắc phục, uốn nắn những khiếm khuyết mắc phải trong quá trình giáo dục.

Nhóm phương pháp này có các phương pháp cơ bản sau:

- Phương pháp khen thưởng;
- Phương pháp trách phạt;
- Phương pháp thi đua.

a. Phương pháp khen thưởng

Khen thưởng là phương pháp biểu thị sự đánh giá tích cực, sự hài lòng, sự ủng hộ... của nhà giáo dục, của tập thể, của xã hội đối với những hành vi tốt đẹp của cá nhân hay tập thể học sinh.

Khen thưởng biểu thị sự công nhận, thừa nhận và ghi nhận những hành vi của học sinh đã lựa chọn và thực hiện cũng như các kết quả tốt đẹp của nó nhằm tạo ra cho người được khen trạng thái phấn khởi, tự hào, vui vẻ, phấn chấn... với những hành vi, những đóng góp... của bản thân, để từ đó tạo thêm nghị lực cho họ phấn đấu nhiều hơn, cố gắng nhiều hơn để có thành tích ngày càng cao hơn.

Khen thưởng không chỉ nhằm vào những kết quả của công việc cá nhân đã đạt được mà còn nhằm vào động cơ của hoạt động, tức là xem xét mặt đạo đức của hành vi, xem xét cái gì đã thúc đẩy cá nhân hoạt động đạt kết quả đó. Chính khen thưởng nhằm vào động cơ có tác dụng giáo dục to lớn hơn là chỉ nhằm vào kết quả của hoạt động.

Trong quá trình giáo dục, khen thưởng có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó có tác dụng khẳng định kết quả của quá trình giáo dục hoàn toàn phù hợp với những chuẩn mực và quy tắc của xã hội.

Khen thưởng còn giúp cá nhân tự khẳng định mình, tin tưởng vào những gì bản thân đã làm, củng cố vững chắc các kết quả giáo dục, không ngừng cố gắng vươn lên để tiếp tục hoàn thiện nhân cách.

Như vậy, có thể nói, khen thưởng góp phần rất quan trọng trong việc tạo ra động cơ phấn đấu cho cá nhân, tạo nên nội lực thúc đẩy quá trình giáo dục đạt hiệu quả cao hơn.

Trong thực tiễn giáo dục, khen thưởng được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Có thể khen đơn thuần về mặt tinh thần, có thể kết hợp giữa khen và thưởng vật chất, có thể khen tức thì, có thể khen trong những dịp trịnh trọng, có thể khen trực tiếp, có thể khen gián tiếp thông qua cấp trên... Tuỳ theo tính chất, mức độ, phạm vi ảnh hưởng của những kết quả giáo dục, tuỳ theo điều kiện, hoàn cảnh và cá nhân cụ thể... để lựa chọn hình thức khen thưởng cho phù hợp. Trong nhà trường hiện nay có các hình thức khen thưởng cơ bản sau:

– Tỏ thái độ đồng tình, ủng hộ thông qua thái độ thiện cảm, thông qua ánh mắt, nụ cười hoặc lời nói động viên

khích lệ hoặc có lời khen trực tiếp đối với các hành vi tích cực của học sinh.

– Biểu dương, tuyên dương trước tập thể những cá nhân có thành tích, những việc tốt, những hành vi đẹp...

– Tặng giấy khen, bằng khen, kỉ niệm chương... và các hiện vật kèm theo cho những cá nhân có thành tích xứng đáng.

– Đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức như tặng học bổng, miễn thi vào các cấp học cao hơn, cấp tặng các danh hiệu cao quý đối với những hành vi của học sinh có tầm ảnh hưởng lớn đối với thế hệ trẻ trên phạm vi cả nước hay địa phương...

Khen thưởng mặc dù có vai trò hết sức quan trọng nhưng không nên quá lạm dụng một cách vô nguyên tắc. Để khen thưởng mang lại hiệu quả giáo dục tích cực, các cấp quản lí, các nhà giáo dục cần phải tuân thủ theo một số yêu cầu cơ bản sau:

– Khen thưởng phải đảm bảo tính khách quan, công bằng, hợp lí, trung thực, đúng người, đúng việc. Nếu khen không đúng dễ dẫn đến tình trạng cá nhân được khen trở nên kiêu căng, coi thường...

– Khen thưởng phải đúng lúc, đúng chỗ, kịp thời, phải kết hợp chặt chẽ giữa khen và thưởng, giữa động viên khuyến khích bằng tinh thần và sự khuyến khích bằng vật chất tương ứng với sự đóng góp, cống hiến của đối tượng.

– Khen thưởng phải được đông đảo các thành viên tập thể thừa nhận, được dư luận tập thể hoan nghênh và tán thành.

– Khen thưởng phải cụ thể, tức là khen cái gì, khen mặt gì, vì cái gì..., không nên khen một cách chung chung kiểu

như: em tốt quá, em rất giỏi. Cá nhân được khen phải cảm thấy xứng đáng, tự hào về quá trình phấn đấu của mình và có mong muốn cố gắng nhiều hơn.

– Chú ý khen những học sinh lần đầu đạt được thành tích, ít được khen, những học sinh có tính rụt rè, tự ti. Học sinh càng nhỏ càng nên khuyến khích khen nhiều hơn. Những học sinh đã được khen nhiều thì nên chỉ khen những việc thực sự xứng đáng, nếu không một số em sẽ trở nên chủ quan, thậm chí kiêu ngạo.

b. Phương pháp trách phạt

Trách phạt là phương thức tác động đến nhân cách học sinh bằng cách biểu thị thái độ không đồng tình, không tán thành, sự lên án của nhà giáo dục và của tập thể học sinh đối với những hành vi sai trái, không phù hợp với các chuẩn mực, các quy tắc xã hội quy định của đối tượng, với mong muốn gây cho họ tình cảm hối hận, xấu hổ với những việc mình đã làm, từ đó mà họ thành khẩn nhận lỗi và quyết tâm từ bỏ những ý nghĩ và hành vi sai trái đó.

Mặc dù nhà trường của chúng ta không mong muốn trách phạt học sinh, nhưng trong chừng mực, hoàn cảnh cụ thể nào đó biện pháp trách phạt vẫn phải được sử dụng để giáo dục nhân cách các em. Biện pháp này dùng để uốn nắn, điều chỉnh những hành vi không phù hợp với chuẩn mực xã hội của trẻ, ngăn chặn và răn đe kịp thời những lỗi lầm của cá nhân hoặc tập thể.

Trách phạt sẽ gây cho người có lỗi tâm trạng hổ thẹn, thậm chí là cảm thấy đau khổ về tinh thần, cảm thấy thầy cô giáo, bạn bè không còn tin yêu nữa..., làm cho họ xuất hiện sự cắn rứt lương tâm, sự đấu tranh động cơ, sự ăn năn, sự

hối hận..., nhờ đó giúp họ có thêm ý chí và nghị lực để từ bỏ những thói quen và hành vi sai trái, sửa chữa khuyết điểm.

Trách phạt là một phương pháp cần thiết trong công tác giáo dục nhưng để nó thực sự có hiệu quả đối với việc điều chỉnh, ngăn chặn những hành vi sai trái của học sinh, nhà giáo dục cần phải chú ý và cân nhắc các yêu cầu cơ bản sau:

– Chỉ sử dụng trách phạt khi sử dụng phương pháp thuyết phục và các phương pháp khác không còn tác dụng hoặc ít tác dụng. Đây là phương pháp không thể áp dụng thường xuyên, liên tục, vì nếu thường xuyên trách phạt sẽ gây nên trạng thái căng thẳng, làm cho đối tượng trở nên trơ lì, chai sạn, càng trở nên khó giáo dục.

– Trách phạt phải hoàn toàn khách quan, công bằng, đúng người, đúng tội, đúng lúc, đúng chỗ, phải thận trọng khi đưa ra quyết định, không được định kiến để tránh tình trạng oan sai. Học sinh đáng xử phạt như thế nào thì quyết định như thế, không vì chỗ quen thân mà giảm nhẹ, tiến hành qua loa cho xong hay tăng nặng thêm với những học sinh có định kiến trước đây. Trách phạt là nhằm mục đích để đối tượng ăn năn, hối lỗi mà cố gắng sửa chữa khuyết điểm để tiến bộ. Trách phạt trong nhà trường hoàn toàn không nhằm mục đích trừng phạt hay để thoả mãn cơn giận của giáo viên.

– Nhà giáo dục phải chú ý đến nguyên nhân, hoàn cảnh gây ra sai phạm và động cơ dẫn đến việc sai phạm. Việc trách phạt phải làm cho đối tượng bị trách phạt nhận rõ những khuyết điểm, những sai trái của mình cũng như lí do trách phạt. Trách phát chỉ có tác dụng giáo dục khi đối tượng bị trách phạt thấy mình bị trách phạt là đúng, không bị ép buộc, oan sai, chỉ thấy hối hận, ân hận chứ không ấm ức, không mặc cảm nặng nề.

– Trách phạt phải đảm bảo sự tôn trọng nhân cách học sinh, không được xúc phạm, làm tổn hại đến thể xác và tinh thần học sinh, phải tin tưởng, lạc quan vào sự cố gắng tiến bộ của các em.

– Trách phạt phải được sự đồng tình của tập thể, phải có tác dụng răn đe, phòng ngừa đối với những học sinh khác. Nên tránh trách phạt tập thể, trách phạt số đông.

– Đồng thời với trách phạt, nhà giáo dục phải chỉ ra cách thức phấn đấu sửa chữa khuyết điểm cho học sinh, phải thường xuyên chú ý theo dõi, giúp đỡ các em, trân trọng từng cố gắng dù nhỏ của các em. Nhà giáo dục phải chú ý đến dư luận của tập thể, phải hướng dẫn dư luận, không nên để tập thể xa lánh, bỏ rơi những học sinh bị trách phạt mà ngược lại phải làm cho tập thể học sinh quan tâm đến những học sinh này nhiều hơn.

Một số hình thức trách phạt phổ biến trong nhà trường hiện nay là:

– Biểu thị lời nói hay cử chỉ không tán thành.

– Nhắc nhở phê bình trực tiếp đối với cá nhân.

– Nhắc nhở phê bình trước tập thể lớp.

– Gọi lên văn phòng làm việc với ban giám hiệu, viết bản kiểm điểm.

– Mời phụ huynh đến trường để cùng trao đổi giáo dục và có những cam kết.

– Cảnh cáo trước học sinh toàn trường.

– Buộc lưu ban, thôi học, khai trừ ra khỏi một số tổ chức học sinh, ghi học bạ...

Tuỳ theo mức độ nặng nhẹ của hành vi sai phạm của học

sinh để nhà giáo dục áp dụng hình thức trách phạt cho phù hợp. Tuy nhiên hình thức đuổi học sinh hay khai trừ ra khỏi đoàn thể thì phải rất hạn chế, chỉ áp dụng đối với những trường hợp nếu để lại có thể gây ảnh hưởng xấu nghiêm trọng đến tập thể học sinh mà thôi. Đây là biện pháp bất đắc dĩ, thể hiện sự bất lực của nhà trường, của nhà giáo dục, đẩy học sinh ra ngoài phó mặc cho gia đình và xã hội. Hình thức này có nguy cơ đẩy con người vào bước đường cùng có thể gây hậu quả xấu cho cả gia đình và xã hội. Nhà giáo dục chân chính là phải cứu giúp học sinh đến cùng, phải tìm cách giáo dục các em trở thành con người tốt.

c. Phương pháp thi đua

Thi đua là phương pháp giáo dục nhằm khích lệ, kích thích khuynh hướng tự khẳng định của mỗi cá nhân hay tập thể, tạo điều kiện và cơ hội cho họ cố gắng nhiều hơn, hăng hái đua tài, đua sức để vươn lên cao hơn so với điều kiện bình thường.

Thi đua có vai trò quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động tập thể. Thi đua được tổ chức trong các hoạt động hằng ngày mang tính thường xuyên liên tục, cũng có thể tổ chức thành phong trào từng đợt để chào mừng ngày lễ hay sự kiện nào đó của nhà trường. Thi đua là nhằm mục đích làm cho cá nhân và tập thể hoạt động tích cực hơn. Thi đua có thể áp dụng trong mọi hoạt động của học sinh.

Tuy vậy, để thi đua có ý nghĩa giáo dục, nhà giáo dục cần chú ý không nên quá chú trọng vào kết quả mà điều cơ bản là tạo ra phong trào phấn đấu rèn luyện cho học sinh, tránh tình trạng vì thành tích. bệnh thành tích tạo ra sự ganh đua, hiếu thắng, tìm mọi cách để hơn người khác...

Cần tổ chức các phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, hấp dẫn, lôi kéo được tất cả mọi người tham gia với động cơ tốt, lành mạnh, vì sự phát triển chung. Trong quá trình tổ chức thi đua, nhà giáo dục phải đặt ra mục đích yêu cầu cũng như mục tiêu phấn đấu rõ ràng cho từng cá nhân và tập thể để họ phấn đấu.

Phải thường xuyên và có hệ thống tiến hành sơ kết, tổng kết công tác thi đua, động viên khen thưởng và trách phạt kịp thời, công bằng và khách quan cho các cá nhân và tập thể tham gia.

Nói tóm lại, nhóm phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi là nhóm phương pháp bổ trợ cho các nhóm phương pháp giáo dục khác. Trong đó phương pháp khen thưởng và phương pháp thi đua có chức năng chủ yếu là kích thích, khuyến khích đối tượng tích cực, cố gắng hơn để phát huy những ưu điểm đã đạt được, thông qua đó đối tượng giáo dục dần dần tự hoàn thiện nhân cách của mình theo hướng yêu cầu xã hội. Phương pháp trách phạt có chức năng chủ yếu dùng để điều chỉnh hành vi, để ngăn ngừa sai phạm, giúp học sinh nhận ra lỗi lầm, từ bỏ những hành vi và thói quen không phù hợp.

Giữa các phương pháp có mối quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Thi đua bao giờ cũng gắn liền với khen thưởng và trách phạt mới có tác dụng giáo dục. Để khen thưởng và trách phạt đúng, có ý nghĩa giáo dục phải thông qua việc tổ chức các hoạt động cho học sinh, thông qua các phong trào thi đua. Trong giáo dục đã có khen thì phải có chê, hai phương pháp này bao giờ cũng đi liền nhau. Tuy nhiên đây không phải là mục đích mà chỉ là phương tiện để giáo dục nhằm khuyến khích hoặc điều chỉnh hành vi cá nhân.

3. VẤN ĐỀ LỰA CHỌN VÀ PHỐI HỢP CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Trong thực tiễn giáo dục không một phương pháp giáo dục nào được sử dụng riêng lẻ mà có thể đưa lại thành công. Hầu như các phương pháp giáo dục đan xen vào nhau, tương tác, bổ sung cho nhau để tạo nên sức mạnh tổng hợp tác động đến đối tượng. Tuy nhiên mỗi phương pháp đều có những chức năng riêng, có thế mạnh riêng, phù hợp với từng đối tượng và hoàn cảnh cụ thể. Vì vậy, khi tiến hành giáo dục, nhà giáo dục phải biết lựa chọn và phối hợp các phương pháp giáo dục.

3.1. Tại sao khi tiến hành giáo dục phải lựa chọn các phương pháp giáo dục?

Phần đặc điểm của phương pháp giáo dục cho thấy phương pháp giáo dục bao giờ cũng phụ thuộc vào mục đích, nội dung, hình thức tổ chức giáo dục, phụ thuộc vào trình độ, năng lực, kinh nghiệm của nhà giáo dục, phụ thuộc và đối tượng vào điều kiện hoàn cảnh... Chính vì vậy, khi tiến hành giáo dục nhà giáo dục phải căn cứ vào mục đích, nội dung giáo dục, căn cứ vào năng lực, vị thế... của bản thân, căn cứ vào đối tượng, vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể... để lựa chọn phương pháp giáo dục cho phù hợp. Chẳng hạn, nếu tiến hành hình thành các khái niệm về chuẩn mực đạo đức, hình thành thái độ, niềm tin cho học sinh thì chủ yếu dùng nhóm các phương pháp thuyết phục. Nếu để hình thành hành vi và thói quen thì chủ yếu dùng nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động. Nếu đối tượng có tính nhút nhát, tự ti thì phải dùng phương pháp động viên, khen thưởng nhiều hơn...

Như vậy, lựa chọn phương pháp giáo dục là để cho phù hợp

với mục đích, với nội dung, với bản thân nhà giáo dục, với đối tượng, với điều kiện, hoàn cảnh và thời gian cho phép... Công tác giáo dục chỉ thực sự có hiệu quả khi nhà giáo dục lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp với các yếu tố nói trên.

3.2. Phối hợp các phương pháp giáo dục

Như trên đã nói, mỗi nhóm phương pháp đều có chức năng riêng, mỗi phương pháp đều có những ưu nhược điểm nhất định, không có phương pháp nào là vạn năng. Mỗi phương pháp chỉ phát huy hết sức mạnh khi chúng được phối hợp với các phương pháp khác.

Phối hợp các phương pháp giáo dục nhằm hạn chế nhược điểm của từng phương pháp riêng lẻ và phát huy, tăng cường sức mạnh cho chúng. Sức mạnh của phương pháp được biểu hiện ở tính hệ thống. Các phương pháp giáo dục phải được kết hợp với nhau, bổ sung cho nhau mới thực hiện trọn vẹn các khâu của quá trình giáo dục, thực hiện quá trình giáo dục đầy đủ, trọn vẹn. Các phương pháp không nằm tách biệt nhau, độc lập với nhau mà trong quá trình giáo dục chúng hoà quyện vào nhau, bổ sung cho nhau tạo nên sức mạnh nhiều chiều tác động đến đối tượng. Quá trình tác động này nhằm đảm bảo cho đối tượng thống nhất giữa lời nói và việc làm, giữa ý thức và hành động, giữa suy nghĩ bên trong với biểu hiện hành vi ra bên ngoài...

Trong quá trình phối hợp các phương pháp giáo dục cần đảm bảo sự thống nhất giữa các lực lượng giáo dục, giữa vai trò tổ chức điều khiển của nhà giáo dục với vài trò tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo của đối tượng giáo dục. Nên tránh các xu hướng hoặc là quá chú trọng vai trò chủ đạo

của nhà giáo dục mà xem nhẹ vai trò chủ động của đối tượng giáo dục, hoặc quá đề cao vai trò chủ động của đối tượng giáo dục mà xem nhẹ vai trò tổ chức điều khiển của nhà giáo dục.

Nói tóm lại, việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp giáo dục là biểu hiện của nghệ thuật giáo dục, tạo ra bản sắc riêng của từng nhà giáo dục. Điều này phụ thuộc rất lớn vào năng lực, trình độ vào kinh nghiệm của mỗi nhà giáo dục.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi

1. Hãy nêu và phân tích những đặc điểm cơ bản của phương pháp giáo dục, lấy ví dụ cụ thể để minh hoạ. Việc hiểu biết các đặc điểm của phương pháp giáo dục có ý nghĩa gì trong công tác giáo dục.
2. Qua việc phân tích chức năng, ưu, nhược điểm của từng phương pháp giáo dục để khẳng định: Không có phương pháp giáo dục nào là vạn năng. Trong quá trình giáo dục, muốn đạt hiệu quả phải biết lựa chọn và phối hợp các phương pháp giáo dục.
3. Lấy một số ví dụ cụ thể để minh hoạ cho việc sử dụng các phương pháp giáo dục trong quá trình giáo dục.
4. Mỗi một phương pháp lấy một ví dụ trong thực tế, trong phim ảnh, trong các mẫu chuyện sách vở... để minh hoạ.

Bài tập

1. Dự một buổi sinh hoạt lớp ở trường phổ thông và phân tích các phương pháp giáo dục mà giáo viên chủ nhiệm đã sử dụng để giáo dục học sinh.

2. Thu thập các tình huống giáo dục trong sách vở, báo chí và trong thực tế, phân tích và làm rõ ưu và nhược điểm quá trình sử dụng các phương pháp giáo dục, trên cơ sở đó đề xuất ý kiến riêng của bản thân.
3. Ngoài các phương pháp giáo dục đã nêu trong sách, anh (chị) thử đề xuất một vài phương pháp giáo dục khác mà anh chị biết, phân tích những ưu nhược điểm của nó.
4. Đánh giá ưu, nhược điểm việc sử dụng các phương pháp giáo dục trong nhà trường hiện nay.
5. Sưu tầm các tình huống, các câu chuyện giáo dục và chỉ rõ các phương pháp giáo dục đã sử dụng trong đó như thế nào, tại sao lại sử dụng các phương pháp đó.

Chương 5

NGƯỜI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Trong công tác giáo dục ở các nhà trường, vai trò của người giáo viên chủ nhiệm là hết sức to lớn. Học sinh càng nhỏ tuổi vai trò của người giáo viên chủ nhiệm lớp càng quan trọng. Người giáo viên chủ nhiệm lớp cần phải xác định đúng vị trí, nhiệm vụ, nội dung công tác của mình và biết cách tổ chức giáo dục.

Những đặc điểm tâm lí, trình độ hiểu biết, vốn sống, vốn kinh nghiệm của học sinh dù ở bậc học nào cũng còn có những hạn chế nhất định. Vì vậy, luôn luôn cần một người giáo viên thường xuyên sâu sát, hướng dẫn, giúp đỡ các em, chỉ bảo cho các em thực hiện các yêu cầu giáo dục của nhà trường – đó là người giáo viên chủ nhiệm lớp.

1. CHỨC NĂNG CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1.1. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người thay mặt hiệu trưởng quản lí giáo dục toàn diện tập thể học sinh một lớp học

Trong nhà trường, người hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm chính trước nhà nước và nhân dân về kết quả giáo dục học sinh. Tuy vậy, hiệu trưởng không thể tự mình quản lí, nắm chắc diễn biến quá trình phát triển nhân cách của từng học sinh trong toàn trường. Nếu không hiểu được tường tận, cụ thể đặc điểm tâm lí riêng, những diễn biến trong quá trình giáo dục và tự giáo dục của từng cá nhân học sinh thì

không thể cá biệt hoá giáo dục, không thể định hướng kịp thời cho học sinh rèn luyện, tu dưỡng. Nói cụ thể hơn, nếu không nắm chắc học sinh thì không thể tiến hành giáo dục học sinh có kết quả. Vì lẽ đó, trong nhà trường, học sinh bao giờ cũng được chia thành từng lớp với một số lượng nhất định trên cơ sở căn cứ vào trình độ, đặc điểm nhận thức, khu vực... Ở mỗi lớp có một giáo viên phụ trách chung và chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả giáo dục học sinh trong lớp gọi là giáo viên chủ nhiệm lớp.

Người giáo viên chủ nhiệm là người quản lí giáo dục toàn diện học sinh lớp mình phụ trách. Do vậy, người giáo viên chủ nhiệm cần:

– Nắm vững điều kiện, hoàn cảnh gia đình học sinh, những biến động, những thay đổi và những tác động của gia đình đến các em. Có hiểu biết tường tận hoàn cảnh gia đình học sinh, người giáo viên chủ nhiệm mới đưa ra được các biện pháp giáo dục phù hợp, cụ thể với từng học sinh, làm cho quá trình giáo dục có hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu của nhà trường và xã hội. Ngược lại, nếu người giáo viên chủ nhiệm không hiểu biết điều kiện, hoàn cảnh của học sinh lớp mình thì sẽ dẫn đến tình trạng đưa ra các biện pháp chung chung, kém hiệu quả, thậm chí phản tác dụng, gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho sự phát triển nhân cách của trẻ...

– Hiểu biết cặn kẽ đặc điểm tâm– sinh lí của từng em học sinh như sức khoẻ, sinh lí, trình độ nhận thức, năng lực hoạt động, năng khiếu, sở thích, nguyện vọng, quan hệ với bạn bè, xã hội... Bởi vì có nắm vững đặc điểm tâm – sinh lí của từng em mới giáo dục có hiệu quả. Nắm vững học sinh giúp cho người giáo viên chủ nhiệm có tác động giáo dục vừa

sức, bảo đảm sự cá biệt hoá và thu được hiệu quả cao. Việc nắm vững đặc điểm tâm- sinh lí của các em vừa thể hiện sự quan tâm sâu sát của giáo viên chủ nhiệm đối với các em vừa thể hiện thái độ làm việc nghiêm túc, khoa học. Không hiểu về các em thì không giáo dục được các em, đó là điều hiển nhiên mang tính quy luật trong công tác giáo dục.

– Nắm vững mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục từng cấp học, lớp học và khả năng thực hiện chúng cũng như kết quả đạt được của lớp mình phụ trách so với mục tiêu giáo dục về mọi mặt (đức, trí, thể, mĩ, lao động và các hoạt động thể dục thể thao, văn hoá văn nghệ... khác).

Quản lí toàn diện là chức năng đầu tiên của người giáo viên chủ nhiệm lớp. Quản lí toàn diện giúp cho người giáo viên chủ nhiệm lớp nắm vững học sinh lớp mình để có kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp. Nội dung cơ bản của chức năng này là nắm vững đặc điểm học sinh, nắm vững mục tiêu đào tạo, nắm vững hoàn cảnh của từng em để kết hợp giáo dục. Giáo viên chủ nhiệm chịu trách nhiệm giáo dục toàn diện nhân cách học sinh lớp mình phụ trách.

1.2. Giáo viên chủ nhiệm là cầu nối giữa hiệu trưởng, ban giám hiệu, các tổ chức trong nhà trường, các giáo viên bộ môn với tập thể học sinh lớp mình phụ trách

– Nói một cách cụ thể, người giáo viên chủ nhiệm là cầu nối giữa lực lượng giáo dục và tập thể học sinh. Giáo viên chủ nhiệm là người đại diện cho hai phía, một mặt đại diện cho lực lượng giáo dục của nhà trường, một mặt đại diện cho tập thể học sinh lớp mình phụ trách.

Với tư cách là nhà sư phạm đại diện cho lực lượng giáo dục nhà trường, người giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm

truyền đạt tới học sinh lớp mình tất cả các yêu cầu, kế hoạch giáo dục của nhà trường vừa bằng mệnh lệnh, vừa bằng sự thuyết phục, cảm hoá, bằng sự gương mẫu của bản thân, làm cho học sinh chấp nhận mục tiêu giáo dục một cách tự nguyện tự giác. Giáo viên chủ nhiệm phải biến chủ trương, kế hoạch giáo dục đào tạo của nhà trường thành chương trình hành động của tập thể và cá nhân học sinh lớp mình phụ trách.

Với tư cách là đại diện cho tập thể học sinh, giáo viên chủ nhiệm là người tập hợp ý kiến, nguyện vọng của từng cá nhân học sinh lớp mình phản ánh với hiệu trưởng, với các tổ chức nhà trường, với các giáo viên bộ môn. Giáo viên chủ nhiệm phải thường xuyên tiếp nhận thông tin từ các cá nhân và tập thể học sinh lớp mình, phải đảm bảo tính khách quan và trung thực của các ý kiến và dư luận học sinh. Khi tiếp nhận thông tin người giáo viên chủ nhiệm lớp nên xử lí kịp thời ngay thông tin với tư cách là nhà giáo dục, điều này có ý nghĩa giáo dục rất lớn. Có không ít thông tin, suy nghĩ của học sinh chỉ có thể tâm sự với giáo viên chủ nhiệm. Có những trường hợp học sinh bị oan ức, bị các giáo viên khác hiểu nhầm thì người giáo viên chủ nhiệm phải có trách nhiệm giải toả cho các em.

Ngoài ra, giáo viên chủ nhiệm nên khuyến khích đội ngũ tự quản của tập thể thay mặt tập thể phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các thành viên trong lớp. Tuy vậy, do quan hệ và vị thế người học sinh, nhiều vấn đề các em không thể đứng ra thay mặt tập thể lớp để phản ánh được mà cần phải có giáo viên chủ nhiệm. Người giáo viên chủ nhiệm với tư cách là đại diện cho tập thể học sinh, phải có trách nhiệm

bảo vệ, bênh vực quyền lợi chính đáng về mọi mặt cho học sinh của lớp. Trong thực tế giáo dục, có trường hợp giáo viên chủ nhiệm hoặc quá thờ ơ với quyền lợi và các nguyện vọng chính đáng của học sinh, không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của các em, hoặc quá bênh vực, bao che cho tập thể học sinh lớp mình một cách quá mức. Cả hai khuynh hướng nói trên đều sai lầm và phản giáo dục.

1.3. Giáo viên chủ nhiệm là cố vấn tổ chức hoạt động tự quản của tập thể học sinh

– Tập thể học sinh nhỏ tuổi rất cần có giáo viên chủ nhiệm, vì các em chưa có thể tự quản, tự tổ chức rèn luyện, giáo dục... Đối với các tập thể học sinh lớn tuổi, các em vẫn cần có giáo viên chủ nhiệm, vì các em dù đã có những trưởng thành nhất định nhưng chưa đủ độ chín, dễ bốc đồng, dễ giao động, dễ mắc sai lầm... Do đó, mỗi cấp học, lớp học đều cần có giáo viên chủ nhiệm và chức năng cố vấn của người giáo viên chủ nhiệm ở mỗi cấp học, lớp học khác nhau thì phải khác nhau.

– Chức năng cố vấn của giáo viên chủ nhiệm là điều chỉnh, điều khiển, định hướng quá trình tự giáo dục của từng học sinh và tập thể học sinh, phát huy vai trò chủ thể tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh trong giáo dục.

– Chức năng cố vấn của giáo viên chủ nhiệm còn thể hiện ở việc điều khiển, định hướng các hoạt động tự quản của tập thể học sinh, giáo viên chủ nhiệm không tham gia trực tiếp điều khiển các hoạt động của tập thể lớp, không bao biện, làm thay cho học sinh...

Giáo viên chủ nhiệm bằng nghệ thuật sư phạm của mình kích thích tư duy sáng tạo của học sinh, phát triển tiềm năng trí tuệ vốn có của từng em học sinh trong tập thể, đề xuất nội dung và giải pháp, cách thức tổ chức thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường.

– Cố vấn tức là điều chỉnh, điều khiển tư duy, thái độ, tình cảm, hành vi, hoạt động... của học sinh, góp ý kiến cho các hoạt động, các quyết định của tập thể lớp và cá nhân học sinh cụ thể, điều chỉnh dư luận tập thể cho phù hợp và có tác dụng giáo dục... Đây là nội dung quan trọng nhất của chức năng cố vấn của giáo viên chủ nhiệm lớp đối với tập thể học sinh.

Vai trò cố vấn của giáo viên chủ nhiệm đối với tập thể học sinh phải quán triệt được toàn diện nội dung giáo dục, kế hoạch hoạt động của cá nhân và tập thể học sinh lớp chủ nhiệm bao gồm từ việc học tập, rèn luyện đạo đức, sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt tập thể, hoạt động chính trị xã hội... diễn ra trong nhà trường và ngoài xã hội.

Giáo viên chủ nhiệm cần xác định tầm quan trọng vai trò cố vấn của mình trong quan hệ ứng xử xã hội, trong gia đình, cộng đồng, trong tình bạn, tình yêu, trong định hướng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh...

1.4. Giáo viên chủ nhiệm có chức năng phối hợp với các lực lượng xã hội nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục ở lớp mình phụ trách

– Hiệu quả của việc tổ chức giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm phụ thuộc không nhỏ vào khả năng liên kết các lực lượng xã hội, phát huy tiềm năng của xã hội về mọi mặt vào công tác giáo dục của người giáo viên chủ nhiệm lớp.

Căn cứ vào đặc điểm, điều kiện của lớp, của nhà trường, của cộng đồng nơi gia đình học sinh sinh sống... để giáo viên chủ nhiệm tổ chức phối hợp các lực lượng trong xã hội, tạo ra sự thống nhất trong các tác động giáo dục. Quan trọng nhất là liên kết với gia đình, với địa phương tạo ra môi trường giáo dục thống nhất, phát huy tiềm năng và sức mạnh vốn có riêng của mỗi lực lượng giáo dục.

Liên kết các lực lượng xã hội trong giáo dục thế hệ trẻ là một nguyên tắc nâng cao hiệu quả giáo dục, thực hiện chính sách xã hội hoá giáo dục, coi giáo dục là sự nghiệp của toàn dân. Nguyên tắc này phải được quán triệt đối với mọi hoạt động giáo dục nhà trường. Đối với mỗi lớp học, không ai thực hiện chức năng phối hợp các lực lượng giáo dục tốt bằng giáo viên chủ nhiệm.

Phối hợp các lực lượng xã hội không chỉ dừng ở nhận thức, mà quan trọng hơn cả là xây dựng được chương trình kế hoạch hoạt động nhằm thống nhất, khép kín quá trình hoạt động, không gian, thời gian tác động đến học sinh của lớp chủ nhiệm. Cần khai thác triệt để, hợp lí tiềm năng sự đóng góp của phụ huynh, các đoàn thể xã hội về sức người, sức của, đặc biệt là kinh nghiệm trí tuệ của quần chúng vào thực hiện các nội dung giáo dục.

2. NHIỆM VỤ, NỘI DUNG CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP

2.1. Nhiệm vụ chủ yếu của người giáo viên chủ nhiệm

– Người giáo viên chủ nhiệm trước hết phải thực hiện tốt những nhiệm vụ của một thầy giáo nói chung, đó là mẫu mực về đạo đức, tác phong, lối sống, gương mẫu trong việc chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và chính phủ.

– Nắm vững đường lối quan điểm lí luận giáo dục của Đảng, biết vận dụng sáng tạo vào thực tiễn giáo dục, làm tốt công tác giáo dục, trang bị tri thức khoa học, phát triển trí tuệ cho học sinh, đồng thời giáo dục những phẩm chất đạo đức, rèn luyện, phát triển các năng lực để giúp các em trở thành những công dân tốt sau này. Người giáo viên chủ nhiệm phải tham gia các hoạt động chính trị xã hội với tư cách là lực lượng tri thức trong công cuộc đổi mới, tham gia tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giác ngộ quần chúng từ bỏ những thói hư, tật xấu.

Sự khác nhau trong việc thực hiện những nhiệm vụ trên của người giáo viên chủ nhiệm lớp với người giáo viên bình thường là ở chỗ người giáo viên chủ nhiệm phải thực hiện tốt hơn, đòi hỏi rèn luyện ở mức cao hơn, thường xuyên hơn, có trách nhiệm hơn. Đó là trách nhiệm và nghĩa vụ đồng thời cũng là vinh dự của người giáo viên chủ nhiệm vì họ được học sinh, quần chúng, đồng nghiệp tin yêu, gửi gắm trách nhiệm giáo dục thế hệ trẻ nhiều hơn các thầy cô không làm chủ nhiệm.

– Ngoài nhiệm vụ chung nói trên, giáo viên chủ nhiệm còn có nhiệm vụ nắm vững tình hình học sinh của lớp mình chủ nhiệm về mọi mặt, báo cáo cho hiệu trưởng và ban giám hiệu biết theo định kì hoặc đột xuất nếu có vấn đề cần giải quyết kịp thời. Được sự uỷ quyền của hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm trực tiếp, kịp thời chỉ đạo giải quyết các công việc xảy ra trong tập thể học sinh, tiến hành kiểm tra, đánh giá công bằng, khách quan quá trình rèn luyện, phấn đấu tu dưỡng của từng học sinh trong lớp. Đặc biệt giáo viên chủ nhiệm có nhiệm vụ đánh giá xếp loại các mặt hoạt động của học sinh để ghi vào hồ sơ học bạ.

– Thường xuyên liên hệ với gia đình học sinh, với cộng đồng dân cư nơi gia đình học sinh ở, với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để cùng phối hợp giáo dục, giúp đỡ từng học sinh nâng cao chất lượng học tập, rèn luyện, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của nhân cách.

– Có kế hoạch tổ chức các hoạt động chung cho tập thể học sinh để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường cùng với các tập thể lớp khác, làm cho lớp chủ nhiệm trở thành thành viên tích cực của cộng đồng nhà trường. Thông qua việc tổ chức các hoạt động của tập thể để rèn luyện nhân cách, khả năng vận dụng lí luận vào thực tiễn cuộc sống của học sinh.

Cùng với các giáo viên bộ môn khác, phối hợp với các lực lượng xã hội tổ chức cho học sinh có điều kiện tham gia vào các hoạt động của cộng đồng địa phương và các hoạt động xã hội. Thông qua đó để phát huy vai trò, tác dụng của nhà trường trong xã hội, góp phần vào sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh.

– Giáo viên chủ nhiệm có nhiệm vụ phối hợp với các giáo viên bộ môn tiến hành phụ đạo cho các học sinh yếu kém, phát hiện bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, giáo dục những học sinh cá biệt, tổ chức họp Hội cha mẹ học sinh định kì hoặc đột xuất để thông báo tình hình học tập, rèn luyện của học sinh...

2.2. Nội dung công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp

– Nghiên cứu, nắm vững đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng, lí luận giáo dục để vận dụng vào công tác chủ nhiệm lớp. Đặc biệt giáo viên chủ nhiệm cần nắm vững

phương pháp và nghệ thuật sư phạm vào từng hoàn cảnh cụ thể. Chỉ trên cơ sở nắm vững tri thức khoa học giáo dục người giáo viên chủ nhiệm mới có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác chủ nhiệm lớp một cách sáng tạo. Đó là các lí luận về sự phát triển nhân cách, các yếu tố chi phối sự phát triển nhân cách, vai trò của giáo dục trong sự phát triển nhân cách, các phương pháp giáo dục, các nguyên tắc giáo dục, bản chất của quá trình giáo dục...

– Nắm vững mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu của cấp học, lớp học mình phụ trách nói riêng, kế hoạch, nhiệm vụ giáo dục, dạy học của năm học. Đòi hỏi giáo viên chủ nhiệm phải nghiên cứu và hiểu sâu sắc những yêu cầu giáo dục của nhà trường, trên cơ sở ấy mới biết vận dụng cụ thể vào tình hình của lớp chủ nhiệm.

Việc hiểu và nắm vững toàn bộ kế hoạch của nhà trường trong từng năm học có ý nghĩa rất lớn đối với người giáo viên chủ nhiệm, vì chỉ khi hiểu kế hoạch của nhà trường thì mới chủ động định hướng cho học sinh lớp chủ nhiệm thực hiện chủ động và sáng tạo nhiệm vụ của lớp, đóng góp vào phong trào chung của nhà trường.

– Hiểu sâu sắc chức năng và nhiệm vụ của các tổ chức trong nhà trường, hiểu cán bộ phụ trách các mặt hoạt động và đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn học ở lớp chủ nhiệm. Đồng thời cần tìm hiểu tiềm năng cơ sở vật chất. trang thiết bị của nhà trường phục vụ cho giảng dạy và giáo dục để phát huy tối đa tiềm năng và hiệu quả của chúng.

Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, phân công phụ trách các mặt hoạt động của các tổ chức trong nhà trường (Ban giám hiệu,

Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp thanh niên học sinh, các tổ chức tự quản của học sinh, Hội cha mẹ học sinh...) là để khai thác khả năng liên kết, tập hợp lực lượng trong việc tổ chức các hoạt động thực hiện nội dung giáo dục. Hiểu biết đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn học trong lớp để thường xuyên liên hệ, nắm tình hình học tập, rèn luyện của học sinh, tổ chức việc học tập của tập thể lớp.

Tìm hiểu cán bộ quản lí, giáo viên trong trường là tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ, năng lực, tình cảm, ý thức trách nhiệm, tính cách, năng lực sư phạm... để có phương pháp ứng xử phù hợp, tận dụng, lôi cuốn mọi người vào hoạt động giáo dục của lớp chủ nhiệm.

Tìm hiểu điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường là nhằm khai thác những điều kiện đó một cách hợp lí nhất, phục vụ cho công tác giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm.

– Có kế hoạch nghiên cứu đặc điểm gia đình của học sinh và đặc điểm của từng học sinh trong lớp chủ nhiệm, tiến hành phân loại học sinh theo các đặc điểm để có giải pháp tác động phù hợp.

Việc nghiên cứu đặc điểm gia đình học sinh cũng như đặc điểm tâm sinh lí của từng học sinh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác chủ nhiệm lớp của người giáo viên.

Nghiên cứu gia đình học sinh là để tìm hiểu về trình độ và tâm lí của cha mẹ học sinh, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, điều kiện sinh sống, mức sống, nghề nghiệp, điều kiện học tập, truyền thống gia đình... Điều cơ bản là tìm hiểu quan hệ trong gia đình, đặc biệt là sự quan tâm của các bậc phụ huynh (ông, bà, bố mẹ...) đối với con em trong gia đình, sự giúp đỡ và tình cảm, sự quan tâm lẫn nhau giữa

các thành viên, tính cách, trình độ văn hoá, phương pháp giáo dục con em của các bậc phụ huynh, quan hệ giữa gia đình học sinh với hàng xóm láng giềng, việc thực hiện nghĩa vụ công dân của họ...

Tất cả những công việc nghiên cứu gia cảnh của học sinh nhằm hai mục đích, trước hết là để kết hợp với gia đình giáo dục học sinh trong lớp, mặt khác hiểu thêm nguyên nhân của những yếu tố tích cực và tiêu cực, những thuận lợi và khó khăn tác động đến học sinh để có giải pháp giáo dục phù hợp.

Song nội dung quan trong hơn cả là giáo viên chủ nhiệm phải hiểu đặc điểm của mỗi học sinh về tâm sinh lí như tính cách, năng lực, hứng thú, nguyện vọng, sở thích... Cụ thể là, về sức khoẻ phải chú ý quan tâm những em có bệnh, những em sức khoẻ yếu. Về khả năng học tập, phải có biện pháp đánh giá năng lực phát triển trí tuệ của học sinh (dùng các test để khảo sát trí tuệ của học sinh, nhằm bảo đảm tính khoa học, tính khách quan...), nghiên cứu khả năng chú ý như khả năng phân phối chú ý, sức tập trung chú ý, độ bền của chú ý, nghiên cứu khả năng ghi nhớ, khả năng tưởng tượng, mức độ phát triển của các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, trừu tượng hoá, khái quát hoá, so sánh..., mức độ của các phẩm chất tư duy như tính mềm dẻo, tính linh hoạt, tính sáng tạo, tính phê phán, tính độc lập...

Cần chú ý đến tính cách, đến phẩm chất đạo đức, đến quan hệ, ứng xử của học sinh trong gia đình, trong cộng đồng, trong trường lớp với bạn bè. Học sinh mỗi cấp học giáo viên chủ nhiệm phải có biện pháp quan tâm riêng. Toàn bộ cuộc sống của trẻ, toàn bộ thế giới tâm hồn của học sinh là đối tượng quan trọng của hoạt động chủ nhiệm lớp. Giáo viên

chủ nhiệm phải quan tâm sâu sắc đến sự thay đổi của từng học sinh để có sự định hướng, điều chỉnh giáo dục kịp thời.

Tuổi học sinh chứa đựng nhiều tiềm năng chưa được bộc lộ, trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm là tổ chức các hoạt động phong phú để tạo cơ hội cho các em phát triển các khả năng của mình. Người giáo viên chủ nhiệm sẽ đúc rút được rất nhiều tri thức thực tiễn về công tác giáo dục học sinh.

Để nắm bắt học sinh, người giáo viên chủ nhiệm cần tiến hành điều tra và thống kê những thông tin cần thiết về học sinh lớp mình. Việc thống kê có thể ghi tuần tự tên từng học sinh theo vần a, b, c... và ghi những thông tin chính về học sinh như ngày, tháng, năm sinh, quê quán, nơi sinh, chỗ ở hiện tại, bố mẹ và nghề nghiệp của họ, sơ lược về sức khoẻ, học tập, đạo đức... Nên để mỗi học sinh một trang và liên tục bổ sung thêm. Cũng có thể lập bảng thống kê chia thành các cột tương ứng như họ tên, ngày sinh, quê quán, học tập, đạo đức... Những học sinh đặc biệt được đánh dấu và bổ sung thêm thông tin ở phía dưới. Tất cả thông tin về học sinh phải được điều tra nghiên cứu chính xác, khách quan bằng các phương pháp nghiên cứu tin cậy. Có thể sử dụng điều tra bằng anket, test, quan sát, trò chuyện, phỏng vấn, thực nghiệm, trắc nghiệm... Phải sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp để thu thập thông tin về học sinh, không nên chủ quan, nóng vội, thiếu trách nhiệm. Ví dụ, phải quan sát học sinh trong trường lớp, ngoài cuộc sống, ở cộng đồng vừa có tổ chức bố trí vừa ngẫu nhiên, kết hợp với trao đổi với gia đình, bạn bè học sinh, cộng đồng địa phương, chính quyền sở tại, tạo tình huống giáo dục...

Nghiên cứu học sinh không chỉ nhằm mục đích hiểu học

sinh để có biện pháp giáo dục phù hợp mà còn để phân tổ, phân nhóm học sinh sao cho phù hợp, tạo cơ hội cho các em giúp đỡ nhau, cùng nhau tiến bộ.

Điều đặc biệt quan trọng là người giáo viên chủ nhiệm phải bằng các phương pháp nghiên cứu phân tích được nguyên nhân của thực trạng các đặc điểm của từng học sinh. Ví dụ, đều là học kém nhưng có em do không chú ý, phân tán tư tưởng trong giờ học, có em vì hoàn cảnh gia đình, có em vì ốm đau, bệnh tật... Nói một cách khác, biểu hiện của học sinh có thể như nhau nhưng có nhiều nguyên nhân dẫn đến khác nhau. Chỉ trên cơ sở hiểu được đặc điểm và nguyên nhân dẫn tới đặc điểm đó của học sinh thì giáo viên chủ nhiệm mới có giải pháp tác động giáo dục phù hợp, có hiệu quả.

Để hiểu biết sâu sắc học sinh, giáo viên chủ nhiệm nhất thiết phải có "Sổ nhật ký công tác chủ nhiệm lớp". Sổ nhật ký công tác chủ nhiệm lớp khác với "Sổ công tác chủ nhiệm". Sổ chủ nhiệm dùng để ghi kế hoạch công việc dự kiến của giáo viên chủ nhiệm. Nhật kí công tác chủ nhiệm lớp dùng để ghi những công việc giáo dục diễn ra từng ngày, ghi chép về từng học sinh chủ nhiệm, về ưu, nhược điểm, tính cách của từng em, những biểu hiện hằng ngày và những biểu hiện bất thường cần theo giõi, kiểm tra...Nhật kí chủ nhiệm là tư liệu về từng học sinh một cách có hệ thống, là bức tranh toàn cảnh về quá trình học tập, phấn đấu, rèn luyện của từng học sinh giúp cho giáo viên đánh giá đúng học sinh, có biện pháp tác động phù hợp... Nhật kí chủ nhiệm còn là tư liệu quan trọng cho các nhà tâm lí học, giáo dục học nghiên cứu, cho các giáo viên trao đổi kinh nghiệm...

Việc ghi nhật ký công tác chủ nhiệm và làm sổ chủ

nhiệm là một nội dung quan trọng của công tác chủ nhiệm. Đây còn thể hiện ý thức trách nhiệm, tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học của người giáo viên.

– Tìm hiểu tiềm năng của cộng đồng địa phương, của xã hội đáp ứng cho sự phát triển giáo dục, theo dõi tình hình thời sự trong nước và quốc tế để sử dụng vào công tác chủ nhiệm lớp.

Việc nắm vững tiềm năng của địa phương, của xã hội (tình hình kinh tế, con người, tình hình xã hội, ngành nghề, truyền thông văn hoá...) có ý nghĩa không nhỏ trong công tác chủ nhiệm, nó giúp cho người giáo viên phối hợp giáo dục học sinh có kết quả, phát huy tối đa tiềm năng của địa phương và xã hội.

Nắm vững tình hình của địa phương, đất nước, quốc tế, hiểu biết kịp thời những tiến bộ khoa học kĩ thuật, văn hoá xã hội để liên hệ xây dựng nội dung, hình thức hoạt động của lớp chủ nhiệm làm cho học sinh nhận thức đúng đắn và cập nhật với tình hình thời sự địa phương, đất nước và quốc tế.

– Lập kế hoạch chủ nhiệm lớp cho từng tuần, từng tháng, từng học kì, năm học, khoá học để đảm bảo tính hệ thống, tính kế hoạch trong việc phát triển nhân cách học sinh.

Kế hoạch chủ nhiệm là cụ thể hoá mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung giáo dục vào một tập thể lớp, là chương trình hành động của tập thể lớp phục vụ cho công tác giáo dục trong một giai đoạn cụ thể. Nếu là kế hoạch của khoá học, năm học cần xác định mục đích, mục tiêu, mức độ, nội dung dự kiến sẽ tiến hành, thời điểm thực hiện, các điều kiện để thực hiện...

Kế hoạch chủ nhiệm phải được thể hiện qua kế hoạch

của ban cán sự và tập thể lớp. Đó là sự biến kế hoạch của giáo viên chủ nhiệm thành nhu cầu, quyết tâm thực hiện của tập thể học sinh. Tuy vậy, tuyệt đối không được áp đặt cho tập thể học sinh mà chỉ gợi ý cho tập thể học sinh tự đề ra yêu cầu, nội dung, bàn biện pháp, phân công điều hành tổ chức thực hiện. Kế hoạch chủ nhiệm và kế hoạch hoạt động của tập thể học sinh có quan hệ mật thiết với nhau nhưng không hoàn toàn giống nhau, không phải là một.

Kế hoạch chủ nhiệm lớp cần thể hiện một số nội dung cơ bản sau đây:

+ Khái quát chung về đặc điểm học sinh lớp chủ nhiệm. Phần này cần trình bày những thông tin khái quát về số lượng học sinh, thành phần giới tính, tình hình học lực và đạo đức cũng như các mặt hoạt động khác, hoàn cảnh gia đình học sinh nói chung và các trường hợp đặc biệt, nhận định chung về tập thể học sinh, những học sinh có năng khiếu về từng mặt cụ thể... Danh sách đội ngũ cán bộ tự quản của tập thể. Danh sách giáo viên bộ môn dạy trong lớp...

+ Kế hoạch hoạt động cụ thể của lớp chủ nhiệm, bao gồm nội dung các công việc, thời gian tiến hành, lực lượng tham gia, các phương tiện và kết quả cần phải đạt được... Có thể trình bày kế hoạch hoạt động theo bảng dưới đây.

Thời gian	Nội dung công việc	Lực lượng và phương tiện	Kết quả cần đạt	Ghi chú

Nếu kế hoạch hoạt động trong tuần thì thời gian là các ngày trong tuần, ghi từ thứ Hai đến Chủ nhật. Nếu kế hoạch hoạt động tháng thì thời gian là các tuần, ghi ngày bắt đầu và ngày kết thúc của của từng tuần trong tháng. Nếu kế hoạch hoạt động của học kì hoặc năm học thì thời gian là các tháng.

Nội dung công việc, nếu kế hoạch tuần thì ghi chi tiết, cụ thể các công việc một cách xác định. Kế hoạch tháng, học kì, năm học thì ghi các công việc cơ bản tương ứng với thời gian. Ví dụ, kế hoạch tháng 9, nội dung công việc cơ bản của tuần từ 5 – 11 là..., tuần từ 12 – 18 là... Nếu kế hoạch học kì, năm học thì ghi nội dung công việc cơ bản của từng tháng trong học kì hoặc năm học.

Nội dung công việc phải phong phú, toàn diện. Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh khá giỏi, có kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém, kế hoạch sinh hoạt tập thể, các hoạt động thể dục thể thao, văn hoá văn nghệ, các hoạt động xã hội, lao động sản xuất và lao động tự phục vụ...

Lực lượng tham gia phải xác định số lượng học sinh, người điều khiển, phụ trách, cộng tác viên. Cần thiết phải mô tả chi tiết về đối tượng để chủ động trong việc tổ chức và phối hợp. Các phương tiện và các điều kiện cơ sở vật chất, tài chính phục vụ cho hoạt động phải được xác định cụ thể, chi tiết.

Kết quả đạt được cần ghi rõ mục đích về giáo dục, về an toàn, thời gian bắt đầu và kết thúc... Phần ghi chú dùng để dự kiến những bất trắc có thể xảy ra, cách khắc phục...

Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của học sinh là một nội dung quan trọng của công tác chủ nhiệm nhưng không phải là duy nhất. Chúng ta nên coi đây là một nội

dung tạo ra hoạt động chung để thu hút học sinh và thông qua đó để giáo dục, điều chỉnh sự phát triển của từng học sinh về hành vi, thái độ... Hoạt động tập thể là môi trường, là phương tiện để giáo dục nhân cách học sinh, tạo cơ hội cho cá nhân học sinh phát triển cái riêng của mình chứ không phải làm cho học sinh phát triển theo một khuôn mẫu ép buộc.

Xây dựng kế hoạch nội dung hoạt động cho tập thể lớp chủ nhiệm là một vấn đề khó đòi hỏi giáo viên chủ nhiệm phải nắm vững mục tiêu, yêu cầu giáo dục, nắm vững kế hoạch hoạt động chung của toàn trường cũng như kế hoạch địa phương và đặc điểm học sinh lớp chủ nhiệm, phải có óc tưởng tượng sư phạm phong phú. Có như vậy người giáo viên chủ nhiệm mới thiết kế được một chương trình hoạt động phù hợp cho tập thể học sinh lớp mình phụ trách.

Điều cần lưu ý ở đây là giáo viên chủ nhiệm không được phép áp đặt kế hoạch dự kiến của mình cho tập thể học sinh mà chỉ nêu lên như những mong muốn, yêu cầu để đội ngũ cán bộ tự quản chủ động tích cực, suy nghĩ sáng tạo ra kế hoạch hoạt động, trên cơ sở đó góp ý điều chỉnh, hoàn thiện kế hoạch.

Trong kế hoạch chủ nhiệm, người giáo viên chủ nhiệm cần có phần nội dung phối hợp các lực lượng giáo dục để giáo dục học sinh lớp mình. Việc liên kết, phối hợp các lực lượng giáo dục cần căn cứ vào đặc điểm, tính chất của từng nội dung hoạt động và đặc điểm của tập thể học sinh. Ngoài ra cần căn cứ vào điều kiện thời gian, không gian để đề ra yêu cầu, hình thức, biện pháp phối kết hợp các lực lượng.

Trong việc phối kết hợp với các lực lượng giáo dục cần chú trọng đến lực lượng gia đình học sinh vì đó là lực lượng

quan trọng nhất cần phải quan tâm. Gia đình là nơi đứa trẻ sinh ra và lớn lên, là nơi mà phần lớn thời gian trong ngày đứa trẻ hoạt động và giao lưu ở đó. Gia đình có những thế mạnh mà không một lực lượng nào có được. Thành công của giáo dục nhà trường phụ thuộc rất nhiều vào giáo dục gia đình. Việc phối kết hợp giáo dục với gia đình có thể có nhiều hình thức khác nhau như trực tiếp trao đổi với cha mẹ học sinh, thông qua sổ liên lạc, viết thư, họp phụ huynh học sinh, thông qua cộng đồng nơi ở, cơ quan nơi bố mẹ học sinh công tác... Ngày nay nhiều gia đình học sinh đã có phương tiện trao đổi thông tin hiện đại như điện thoại, thư điện tử..., giáo viên cần triệt để sử dụng các loại phương tiện này để liên lạc với gia đình học sinh nhằm giải quyết kịp thời những vấn đề đột xuất xảy ra.

– Người giáo viên chủ nhiệm phải dạy tốt môn học được phân công dù ở lớp chủ nhiệm hay ở các lớp khác. Để có thể giáo dục được học sinh, người giáo viên chủ nhiệm phải là người thực sự có uy tín. Uy tín của người giáo viên chủ nhiệm trước hết là ở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Nếu người giáo viên chủ nhiệm có trình độ chuyên môn vững vàng, sâu sắc, có phương pháp giảng dạy mẫu mực, có tâm huyết nghề nghiệp thì sẽ nhanh chóng cảm hoá được học sinh, dễ làm cho học sinh tin theo, làm theo...

Để giảng dạy tốt, người giáo viên chủ nhiệm phải có ý thức không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phải giảng dạy học sinh bằng cả bầu nhiệt huyết, cả lương tâm và trách nhiệm của mình theo tinh thần của khẩu hiệu "Tất cả vì học sinh thân yêu".

– Để làm tốt công tác chủ nhiệm, người giáo viên chủ nhiệm phải không ngừng tự hoàn thiện mình về mọi mặt.

Việc hoàn thiện bản thân phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, có hệ thống, có kế hoạch nhằm nâng cao trình độ học vấn chung sao cho vừa có chiều sâu vừa có chiều rộng. Thông qua nền học vấn chung để người giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của mình. Đặc biệt, người giáo viên chủ nhiệm phải không ngừng rèn luyện đạo đức tác phong một cách mẫu mực để làm tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Người giáo viên phải có ý thức trong việc trao đổi kinh nghiệm trong lí luận cũng như thực tiễn để làm giàu tri thức nghề nghiệp. Họ phải mẫu mực trong tác phong, lối sống, trong cung cách giao tiếp với đồng nghiệp, với học sinh, với mọi người. Người giáo viên chủ nhiệm phải có đời sống gia đình mẫu mực, văn minh, hạnh phúc...

Tóm lại, công tác chủ nhiệm lớp có rất nhiều nội dung hết sức đa dạng và phong phú. Trên đây là một số nội dung cơ bản nhất mà người giáo viên chủ nhiệm phải thực hiện tốt mới có thể hoàn thành nhiệm vụ giáo dục của mình.

3. CÁC PHƯƠNG PHÁP TÁC ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Trong công tác chủ nhiệm lớp, người giáo viên chủ nhiệm cần nắm vững và vận dụng sáng tạo một số phương pháp tác động giáo dục sau:

3.1. Phương pháp giáo dục cá biệt

Phương pháp giáo dục cá biệt không phải là phương pháp để giáo dục học sinh đặc biệt. Phương pháp giáo dục cá biệt là phương pháp nhà giáo dục tác động trực tiếp tới từng cá nhân một cách chuyên biệt đảm bảo tính phù hợp với từng cá nhân riêng lẻ về điều kiện tâm sinh lí, điều kiện hoàn

cảnh sống cụ thể..., nhằm đưa ra những yêu cầu, cường độ, cách thức tổ chức giáo dục phù hợp với mỗi người. Ví dụ, cùng một biểu hiện là đi học chậm nhiều lần nhưng có em thì nhẹ nhàng nhắc nhở, có em phải phê bình nghiêm khắc, có em phải gặp gia đình..., nhưng có em lại phải động viên, an ủi. Điều đó phụ thuộc vào nguyên nhân, vào ý thức, vào điều kiện, hoàn cảnh của từng em cụ thể. Nếu học sinh đi muộn vì hay la cà lêu lổng thì nghiêm khắc phê bình, nếu học sinh vì hoàn cảnh khó khăn phải lao động vất vả thì nên động viên, an ủi...

Phương pháp giáo dục cá biệt còn goi là phương pháp tác động tay đôi. Người giáo viên chủ nhiệm trực tiếp tác động vào đối tượng, đối diện với đối tượng để cảm hoá, yêu cầu, mệnh lệnh, thuyết phục hoặc cưỡng bức buộc học sinh phải thực hiện yêu cầu, sửa chữa những lệch lạc, chấp nhận những chuẩn mực hành vi đạo đức do giáo viên chủ nhiệm đưa ra.

Phương pháp tác động tay đôi đem lại hiệu quả giáo dục tức thời thông qua vị thế, uy tín của người giáo viên. Ví dụ, có học sinh làm việc riêng trong lớp, không làm bài tập, qua nhắc nhở của giáo viên buộc các học sinh đó phải thực hiện ngay. Ngược lại, có học sinh có ý thức học tập tốt, có nhiều tiến bộ, có ý tưởng sáng tạo..., người giáo viên chủ nhiệm có thể tuyên dương, động viên khen thưởng... sẽ có tác dụng thúc đẩy những học sinh đó cố gắng nhiều hơn, tự tin hơn.

Tác động trực tiếp thường gây dấu ấn mạnh đến ý thức học sinh, có thể làm chuyển biến thái độ, hành vi, tình cảm tức thời một cách tích cực. Những tác động đó rất tốt, có tác động tích cực nếu tác động kịp thời, đúng lúc, đúng với mức

độ tính chất của hiện tượng biểu hiện của học sinh. Kết quả của sự tác động phụ thuộc vào tình cảm, thái độ của giáo viên chủ nhiệm khi tác động.

Phương pháp tác động tay đôi trực tiếp là phương pháp giáo dục truyền thống được các giáo viên thường sử dụng và nó có những hiệu quả nhất định trong công tác giáo dục. Tuy vậy nếu giáo viên chủ nhiệm không xác định được mức độ của hành vi và tác động không tương ứng thì có khi lại phản tác động giáo dục. Chẳng hạn một việc không đáng khen mà giáo viên lại khen quá lời, một việc chỉ nên nhắc nhở nhẹ nhàng thì lại đem ra phê bình cảnh cáo...sẽ dẫn đến mất tác dụng giáo dục, thậm chí giáo viên vấp phải sự phản ứng của học sinh, làm ảnh hưởng đến quan hệ thầy trò và kết quả giáo dục...

3.2. Phương pháp tác động song song

Ngược lại với phương pháp tác động tay đôi, trực tiếp, phương pháp tác động song song là phương pháp nhà giáo dục không tác động trực tiếp vào từng học sinh cụ thể mà thông qua tập thể để tác động đến cá nhân học sinh. Đây còn gọi là phương pháp giáo dục trong tập thể và bằng tập thể do nhà giáo dục vĩ đại A. S. Macarenco sáng tạo ra. Cũng chính bằng phương pháp này ông đã gặt hái được nhiều thành công trong công tác giáo dục của mình ở hai trại giáo dục trẻ em phạm pháp Gorki và Deczinxki. Chính nơi đây Macarenco đã chứng minh được vai trò của tập thể trẻ em trong công tác giáo dục.

Bản chất của phương pháp tác động song song là xây dựng tập thể học sinh vững mạnh để biến nó thành môi

trường và phương tiện giáo dục cá nhân học sinh. Thông qua dư luận tập thể, qua nội quy, quy chế và hệ thống kỉ luật của tập thể để điều chỉnh, chi phối nhận thức, tình cảm, thái độ và hành vi học sinh. Nói cách khác, thông qua dư luận của tập thể để cá nhân tự điều chỉnh hành vi của mình.

Tác động song song là giáo viên không trực tiếp tác động tới từng đối tượng học sinh mà thông qua các thành viên khác của tập thể như lớp trưởng, tổ trưởng, bí thư chi đoàn, ban cán sự, nhóm bạn bè... để tác động đến mỗi cá nhân, làm cho các thành viên trong tập thể có trách nhiệm nhắc nhở lẫn nhau, tác động lẫn nhau, kiểm tra nhau... Ví dụ, trong lớp có hiện tượng đi học không đúng giờ, giáo viên chủ nhiệm mặc dù biết đích xác là cá nhân nào nhưng không đứng ra phê bình trực tiếp mà yêu cầu lớp trưởng hoặc ban cán sự, chi đoàn... họp tập thể, rút kinh nghiệm và tự tập thể đề ra biện pháp chấm dứt hiện tượng này. Cũng có thể bằng hình thức nhắc chung cả tập thể về hiện tượng đi học muộn và yêu cầu chấm dứt hiện tượng này. Gọi là tác động song song bởi vì cùng một lúc nhà giáo dục vừa tác động đến tập thể học sinh vừa tác động đến cá nhân học sinh.

Cơ sở khoa học của phương pháp tác động song song là ở chỗ dùng dư luận của xã hội, của tập thể, của nhóm để điều chỉnh hành vi cá nhân, phát huy tính tích cực, chủ động của cá nhân học sinh và vai trò tự quản, tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động giáo dục của tập thể học sinh.

Muốn phát huy hiệu quả của phương pháp tác động song song, trước hết người giáo viên chủ nhiệm phải là người có uy tín cao trước tập thể học sinh, có tinh thần trách nhiệm cao và nắm vững đối tượng. Thứ hai, phải xây dựng dư luận

tập thể học sinh lành mạnh dựa trên hệ thống nội quy, quy chế của nhà trường. Thứ ba là phải xây dựng tập thể học sinh vững mạnh có đầy đủ năm đặc điểm sau:

+ Mục đích, mục tiêu của tập thể phù hợp với mục đích của đại đa số thành viên, được mọi người ủng hộ, thực hiện. Mục đích đưa ra phải bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ chung của từng thành viên của lớp.

+ Tập thể phải có các hoạt động chung, cùng nhau, để thực hiện mục đích, mục tiêu mà tập thể đã thống nhất đề ra.

+ Đội ngũ tự quản của tập thể học sinh phải thực sự có uy tín, có tinh thần trách nhiệm cao, có bản lĩnh vững vàng và đặc biệt là phải do tập thể lựa chọn bầu ra.

+ Tập thể phải có hệ thống kỉ luật chặt chẽ, có nội quy, quy định rõ ràng, được mọi người thừa nhận, tôn trọng và tự giác chấp hành.

+ Có dư luận tập thể lành mạnh, phản ánh được tâm tư, nguyện vọng chung của đại đa số thành viên, đồng thời thể hiện sức mạnh và bản lĩnh của một tập thể đoàn kết, nhất trí.

Năm đặc điểm nói trên là những dấu hiệu cơ bản của một tập thể học sinh vững mạnh. Tuỳ theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, khi tập thể đã có đầy đủ các dấu hiệu nói trên thì người giáo viên chủ nhiệm có thể sử dụng phương pháp tác động song song, sử dụng tập thể học sinh như một phương tiện và lực lượng quan trọng tác động đến mọi học sinh trong lớp chủ nhiệm.

3.3. Phương pháp "bùng nổ sư phạm"

Ngoài hai phương pháp nói trên, trong công tác chủ

nhiệm lớp, người giáo viên trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể phải biết sử dụng phương pháp "bùng nổ sư phạm".

Về bản chất, phương pháp bùng nổ sư phạm cũng là phương pháp tác động trực tiếp nhưng được thực hiện trong những tình huống "có vấn đề" đặc biệt, được sử dụng tác động vào học sinh với cường độ mạnh, bất ngờ để làm thay đổi các trạng thái và các quá trình tâm lí của các em như nhận thức, tình cảm, hành vi, thói quen...

Những tác động mạnh, bất ngờ (đối tượng không ngờ tới, không có trong tiềm thức) sẽ ảnh hưởng đến các quá trình hoạt động thần kinh (quá trình hưng phấn và quá trình ức chế) cũng như các quy luật hoạt động của nó, trên cơ sở đó để thay đổi các quá trình, các trạng thái và thuộc tính tâm lí.

Tác động mạnh và bất ngờ nhằm gây nên hiện tượng "sốc" để giúp trẻ xoá bỏ những thói quen không phù hợp trước đây.

Ví dụ, có học sinh nhà nghèo, bình thường không chơi với bất kì bạn nào trong lớp, thường có những mặc cảm tự ti, xa lánh mọi người và cũng thường nghĩ mọi người coi thường xa lánh mình. Em không cho ai biết địa chỉ gia đình mình, kể cả giáo viên chủ nhiệm. Có một lần học sinh này ốm nặng và nghĩ sẽ chẳng có ai biết nhà để đến thăm và chắc cũng chẳng có ai quan tâm... Nhưng giáo viên chủ nhiệm lớp này đã chớp thời cơ sử dụng biện pháp bùng nổ sư phạm để tác động vào học sinh này. Hôm đó giáo viên chủ nhiệm dẫn đầu tập thể lớp đã mua quà và đến tận nhà động viên, thăm hỏi. Trước những cử chỉ ân cần và chân thành của giáo viên chủ nhiệm và tập thể lớp, học sinh đó đã hết sức xúc động không sao cầm được nước mắt. Kể từ đó, khi em lành bệnh trở lại

trường học, em sống chan hoà hơn, gần gũi mọi người và có nhiều tiến bộ trong học tập, tu dưỡng...

Khi sử dụng phương pháp bùng nổ sư phạm vấn đề là phải biết chớp thời cơ để tác động đúng thời điểm và đủ mạnh để làm xoay chuyển hoàn toàn tâm tư, suy nghĩ... không phù hợp của đối tượng. Muốn thế, người giáo viên phải có khả năng phán đoán tốt, có óc tưởng tượng sư phạm phong phú, có kinh nghiệm và trình độ sư phạm cao, có uy tín với học sinh. Mặt khác, những giáo viên giỏi, những giáo viên giàu kinh nghiệm, những giáo viên có tâm huyết nghề nghiệp, họ không chỉ thụ động ngồi chờ thời cơ đến để tiến hành mà họ còn biết tạo ra thời cơ để tác động.

Phương tiện để tiến hành phương pháp bùng nổ là hành vi, ngôn ngữ, các quyết định kịp thời của nhà giáo dục và của tập thể. Ví dụ, một giáo viên bình thường hay nóng nảy, hay nói to, mạnh khi học sinh mắc lỗi..., nhưng bất ngờ một hôm, trước một hành vi sai trái của một học sinh có tiếng nghịch ngợm, các học sinh khác và em học sinh đó cứ nghĩ thế nào thầy cũng quát nạt ầm ĩ... thì thầy giáo lại nói rất nhẹ nhàng, phân tích có tình có lí và làm cho học sinh đó nhận thấy lỗi lầm đứng lên xin lỗi thầy và tập thể, hứa cố gắng sửa chữa khuyết điểm của mình... Chính sự bất ngờ trong cách đối xử của giáo viên đối với học sinh đã tạo ra sự bùng nổ làm cho học sinh nhận ra sai sót.

Lưu ý rằng, phương pháp bùng nổ như con dao hai lưỡi, nếu để đối tượng đoán được ý đồ của nhà giáo dục thì không chỉ quá trình giáo dục không thành mà nhiều khi lại còn có kết quả tiêu cực. Tác động của nhà giáo dục chỉ gây được bất ngờ, gây được ấn tượng và xúc động mạnh khi đối tượng hoàn toàn không biết được ý đồ của nhà sư phạm.

Các phương pháp nói trên không có phương pháp nào là vạn năng, có ưu điểm tuyệt đối. Khi sử dụng để tiến hành giáo dục cần phải có sự phối kết hợp các phương pháp với nhau trong những điều kiện hoàn cảnh cụ thể với những đối tượng cụ thể. Hiệu quả của mỗi phương pháp chính là ở chỗ sử dụng hợp lí, đúng lúc, đúng chỗ, đúng đối tượng, đúng cường độ và trường độ, đặc biệt là phải phối kết hợp nhiều phương pháp trong quá trình giáo dục. Điều này phụ thuộc vào năng lực, trình độ, kinh nghiệm của mỗi người giáo viên. Chính nhà giáo dục lỗi lạc Xô viết A. S. Macarenco từng nói: không có phương pháp, phương tiện nào là duy nhất, không có một nhà sư phạm nào đơn thương độc mã mà có thể giáo dục, đào tạo thành công. Sản phẩm của giáo dục là con người, đó là kết quả của sự kết hợp, phối hợp mọi điều kiện, mọi tác động của toàn xã hội mà nhà sư phạm là người điều chỉnh, phối hợp tất cả những yếu tố đó.

Các phương pháp tác động giáo dục nói trên mang tính khái quát, có thể nói đó là phương tác động của giáo viên chủ nhiệm đến học sinh, mỗi phương pháp đều phải sử dụng các phương pháp giáo dục đã được trình bày ở chương trước.

4. NHỮNG PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC SƯ PHẠM CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM LỚP

Nghề giáo viên là nghề lấy nhân cách để giáo dục nhân cách. Vì thế, để hoàn thành tốt trọng trách của mình, người giáo viên chủ nhiệm vừa phải có những phẩm chất và năng lực chung như những giáo viên bình thường khác nhưng ở mức độ cao hơn, đồng thời đòi hỏi phải có những phẩm chất và năng lực khác. Những phẩm chất và năng lực của người giáo viên chủ nhiệm lớp không phải do ý muốn củ quan của

họ mà chủ yếu là do yêu cầu giáo dục, sự kì vọng của xã hội, sự yêu cầu, đòi hỏi của xã hội. Sau đây là một số phẩm chất và năng lực cơ bản, cần thiết mà người giáo viên chủ nhiệm cần phải có.

4.1. Những phẩm chất chủ yếu của người giáo viên chủ nhiệm

Phẩm chất cơ bản cần có của người giáo viên nói chung và người giáo viên chủ nhiệm nói riêng là lòng yêu nghề, yêu người, có tinh thần trách nhiệm cao với sự phát triển nhân cách của trẻ. Lòng yêu nghề, yêu trẻ là động lực là nguyên nhân của mọi thành công trong công tác giáo dục con người.

Người giáo viên chủ nhiệm phải có phẩm chất chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, có niềm tin sâu sắc vào tương lai phát triển của dân tộc, của đất nước.

Người giáo viên chủ nhiệm phải có lòng nhân ái, có nhận thức, thái độ và hành vi phù hợp với các chuẩn mực xã hội, kế thừa và phát huy được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xứng đáng là một tấm gương sáng cho các em noi theo.

Một trong những phẩm chất quan trọng nữa là người giáo viên chủ nhiệm phải có nghị lực, khiêm tốn, cầu thị, luôn luôn học tập bồi dưỡng để tự hoàn thiện mình, nâng cao năng lực công tác.

Người giáo viên chủ nhiệm phải là người bình tĩnh, có khả năng tự kiềm chế, có lòng tự trọng cao, công bằng, vô tư và khách quan, biết giữ lời hứa, tôn trọng mọi người và học sinh...

Nói tóm lại, bao nhiêu phẩm chất tốt đẹp của con người đều cần thiết có ở người giáo viên chủ nhiệm lớp. Người giáo

viên chủ nhiệm muốn làm tốt công việc của mình phải luôn luôn rèn luyện để có nhiều phẩm chất tốt đẹp, phải có trách nhiệm với học sinh như người cha, người mẹ của các em.

4.2. Những năng lực sư phạm của người giáo viên chủ nhiệm

Người giáo viên chủ nhiệm trước hết phải có tri thức và tầm hiểu biết rộng, trước hết là vốn văn hoá chung về văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, chính trị xã hội, khoa học kĩ thuật... Người giáo viên phải có tinh thần làm giàu vốn tri thức hiểu biết của mình qua việc tự học, tự bồi dưỡng.

Người giáo viên chủ nhiệm phải có năng lực nghiên cứu lí luận sư phạm và vận dụng lí luận vào thực tiễn giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm, phải có ý thức tích luỹ kinh nghiệm qua hoạt động nhận thức thực tế.

Người giáo viên chủ nhiệm phải có tri thức sâu sắc, hiện đại về môn học mình phụ trách và giảng dạy tốt ở lớp chủ nhiệm cũng như các lớp học khác.

Song song với vốn tri thức và tầm hiểu biết, người giáo viên chủ nhiệm phải có hệ thông kĩ năng sư phạm cần thiết như các kĩ năng giao tiếp để tiếp cận với các đối tượng khác nhau như học sinh, phụ huynh học sinh, các đoàn thể xã hội, chính quyền địa phương...

Người giáo viên chủ nhiệm phải có năng lực chẩn đoán về đối tượng, về công việc, về hiệu quả giáo dục...

Người giáo viên chủ nhiệm phải có các kĩ năng lập kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch công tác chủ nhiệm, công tác giáo dục học sinh.

Người giáo viên chủ nhiệm phải có năng lực cảm hoá, năng lực thuyết phục học sinh, biết xây dựng uy tín của mình trước học sinh.

Người giáo viên chủ nhiệm phải có năng lực kiềm chế và biểu lộ tình cảm của mình một cách có chủ định trong những hoàn cảnh khác nhau khi cần thiết.

Người giáo viên chủ nhiệm phải có năng lực sử dụng ngôn ngữ, chẳng hạn Macarenco có thể nói từ "lại đây" với gần hai mươi âm điệu khác nhau trong những hoàn cảnh khác nhau.

Ngoài ra người giáo viên chủ nhiệm cần có một số năng lực khác như:

+ Có nghệ thuật sư phạm cao, giải quyết các tình huống sư phạm bằng tri thức khoa học.

+ Có năng lực tích luỹ tri thức, họ phải là cuốn "từ điển sống" để giúp đỡ các em học sinh.

+ Năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hoá..., có khả năng nhạy cảm với các hiện tượng giáo dục.

+ Sáng tạo trong công việc, nhất là trong công tác giáo dục.

v.v...

Khi xác định được hệ thống tri thức, kĩ năng trên, người giáo viên chủ nhiệm phải tự mình rèn luyện để không ngừng nâng cao năng lực giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thế hệ trẻ.

Nói tóm lại, lao động của người giáo viên có nhiều hoạt động khác nhau và chúng đều mang nặng tính khoa học và nghệ thuật. Trong tất cả các hoạt động của người giáo viên thì hoạt động làm công tác chủ nhiệm lớp là một hoạt động vừa là vinh dự vừa là một nhiệm vụ nặng nề đầy khó khăn vất vả, đòi hỏi người giáo viên phải có nhiều cố gắng vượt bậc. Để có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình người giáo

viên phải thực sự có lòng yêu thương con người, say mê với công việc, có những phẩm chất và năng lực cần thiết. Những phẩm chất và năng lực của người thầy giáo chủ nhiệm lớp một mặt là do yêu cầu chủ quan của người giáo viên, một mặt là do yêu cầu khách quan của xã hội. Xã hội giao phó trách nhiệm giáo dục thế hệ trẻ cho họ, tương lai của thế hệ trẻ phụ thuộc rất nhiều vào họ, vì thế những phẩm chất và năng lực của người giáo viên chủ nhiệm lớp nói trên không chỉ là yêu cầu mà còn là kì vọng của toàn xã hội. Phải có những người thầy tốt mới có những học sinh tốt.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu hỏi

1. Trình bày vai trò và chức năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở nhà trường phổ thông.
2. Hãy phân tích các nội dung cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp, liên hệ với thực tiễn công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.
3. Hãy phân tích các phương pháp tác động giáo dục của người giáo viên chủ nhiệm, lấy ví dụ cụ thể để minh hoạ.
4. Hãy nêu và phân tích các phẩm chất và năng lực của người giáo viên chủ nhiệm lớp.
5. Hãy phân tích mối quan hệ giữa phẩm chất và năng lực của người giáo viên chủ nhiệm lớp trong công tác của họ.

Bài tập

1. Lập một kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp trong một khoảng thời gian nhất định.

2. Dự một buổi sinh hoạt lớp ở trường phổ thông, tập điều khiển một hoạt động tập thể và viết báo cáo thu hoạch về các công việc này.
3. Hãy nêu và phân tích những ưu, nhược điểm của công tác chủ nhiệm lớp hiện nay ở một trường phổ thông mà anh chị biết.
4. Thử lên kế hoạch giáo dục một học sinh cá biệt và phân tích tại sao lại tiến hành như thế?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt. *Giáo dục học*, tập 2, NXB Giáo dục, 1987.
2. Hà Nhật Thăng, Lê Tiến Hùng. *Tổ chức hoạt động giáo dục*, Hà Nội, 1995
3. Nguyễn Dục Quang. *Những tình huống giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2000.

BÀI TẬP VẬN DỤNG LÍ LUẬN GIÁO DỤC VÀO THỰC TIỄN CÔNG TÁC CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN [1]

1. GIỜ SINH HOẠT

Thầy giáo Du bước vào lớp.

Chờ cho cả lớp im lặng, thầy mới bắt đầu nói:

– Hôm nay chúng ta lại sinh hoạt như thường lệ. Lẽ ra chúng ta phải kiểm điểm tất cả các mặt của lớp như các buổi sinh hoạt trước đây. Nhưng – giọng thầy hơi căng thẳng – trong tuần vừa rồi tình hình học tập của lớp ta không tiến lên tí nào mà trái lại càng đi xuống dốc. Vì thế thầy muốn lớp ta hôm nay bàn riêng về chuyện học tập, mà vấn đề chủ yếu là phải tìm ra bằng được biện pháp tốt nhất để giúp đỡ các bạn học kém – ngừng một lát– thầy nói tiếp: Bây giờ em Nga cho lớp sinh hoạt đi.

Em Nga đi lên bảng, vừa giơ sổ tay vừa nói:

– Trong tuần vừa qua, theo đội kiểm tra học tập cho biết thì tổng số điểm của lớp ta là 122, trong đó điểm xấu chiếm 43 và hầu hết là rơi vào các bạn Tâm, Long, Hùng, Quý, Giang...

Tim tôi đập thình thịch: Tại sao tuần này đội bóng của tôi lại nhiều điểm xấu thế nhỉ? Chẳng có gì là lạ cả, tuần này lớp tôi kiểm tra viết và miệng rất nhiều. Tôi ngẩng đầu nghe cái Nga nói tiếp:

– Trừ một hai người ra, còn lại số đông các bạn bị nhiều điểm kém không phải là các bạn học yếu mà chính là các bạn chưa chăm học, nhất là các bạn hay đá bóng...

---

(1) Phỏng theo cuốn: *Bài tập thực hành giáo dục học* của Nguyễn Đình Chỉnh.

– Những ai hay đá bóng và bỏ học ? – Thầy Du hỏi cái Nga.

– Thưa thầy, các bạn: Sang, Quý, Hùng, Giang, Tân, Dũng, Đạt, Tâm, Thức, Thái... Nhìn xuống chỗ bọn tôi, nó nói tiếp: Gần đây được lớp góp ý, các bạn Sang, Tâm và Dũng đã chịu khó học còn các khác thì vẫn lười.

Thằng Tâm nói với tôi, giọng lo lắng:

– Chết rồi, Sang ạ.

Thằng Quý cũng thủ thỉ:

– Tao sợ thầy giáo đến nhà mách thì chết. Mà giải tán đội bóng thì tiếc lắm.

Nghe chúng nó nói tôi cũng đâm lo, bồi hồi, tiêng tiếc. Tôi liếc vội lên bảng xem thầy giáo làm gì. Thầy Du vẫn điềm tĩnh ngồi ở bàn cái Nguyệt. Một lúc thầy mới đi lên bảng nhìn cả lớp rồi hỏi:

– Các em đã xem bộ phim “Sút, sút nữa đi” chưa? Cả lớp nhao nhao:

– Em xem rồi ạ!

– Thưa thầy hôm ấy chiếu cho cả xã xem ạ!

Tại sao lại thế nhỉ? Tự nhiên thầy lại hỏi chuyện phim đó là có ý gì? Tôi chưa trả lời được câu hỏi ấy thì thầy Du lại hỏi tiếp:

– Em nào nhớ kĩ nhất?

– Em ạ!

– Em nhớ lắm ạ!

– Thưa thầy em xem hai lần cơ ạ!

Thầy Du cười nói:

– Em Hạnh đứng lên kể lại cho lớp nghe đi!

Thế là thằng Hạnh – "bộ óc điện tử" của lớp đứng dậy và bắt đầu kể. Qua lời nó kể, từng hình ảnh hiện ra trước mắt tôi rõ mồn một. Càng về cuối giọng nó càng hào hứng:

– Xecgây là một cầu thủ rất giỏi. Nhưng Xecgây không chú ý lắm đến việc học tập ở trường. Thầy dạy Xecgây buộc phải mời bố của Xecgây – là huấn luyện viên đội bóng – đến đề nghị không cho Xecgây ra sân bóng nhiều như trước nữa. Nhờ sự nghiêm khắc của bố, có quyết tâm cao nên cuối cùng Xecgây trở thành một học sinh khá, một cầu thủ xuất sắc được thầy giáo yêu mến...

Nó đang định nói tiếp thì thầy Du đã ra hiệu cho nó ngồi xuống và nói:

– Đấy cũng là điều thầy muốn nói với các em, nhất là những em hay đá bóng, bỏ cả học – Thầy ngước mắt nhìn ra ngoài nhưng giọng vẫn sang sảng – Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, không có việc gì mà không cần đến khoa học, kể cả môn thể dục thể thao. Nếu các em không chịu khó học tập thì không thể phục vụ Tổ quốc được tốt, là các em tước mất quyền học tập của các em...

Sau đó, thầy Du để cái Nga tiếp tục điều khiển lớp thảo luận những biện pháp nâng cao kết quả học tập của lớp. Riêng với đội bóng chúng tôi, cái Nga tổng kết lại rằng, có hai ý kiến. Có ý kiến tạm thời giải tán đội bóng để đảm bảo việc học tập của cá nhân những bạn trong đội cũng như thành tích học tập chung của cả lớp. Khi nào các bạn trong đội bóng chăm học và đạt kết quả khá mới để đội bóng sinh hoạt. Nghe ý kến này mỗi chúng tôi không ai bảo ai, vô cùng lo lắng. Còn ý kiến khác thì vấn đề đội bóng sinh hoạt bình thường, nhưng mỗi thành viên hứa sẽ chăm học, đảm

bảo kết quả học tập, không tái phạm những khuyết điểm của tuần qua.

Trước khi lớp đi tới biểu quyết, tuy đội bóng không cử nhưng tôi đành phải đứng dậy xin hứa thực hiện những điều kiện của lớp đối với chúng tôi. Nhờ vậy hầu như toàn lớp đồng ý với ý kiến sau.

Từ đó trở đi đội bóng chúng tôi thúc giục nhau, giúp đỡ nhau học tập và nhờ thế chúng tôi không bị điểm xấu nữa, và càng ngày càng đạt nhiều điểm tốt đưa thành tích học tập toàn lớp càng ngày càng cao, được nhà trường biểu dương

Câu hỏi

1. Phân tích phương pháp tác động song song trong quá trình giáo dục qua câu truyện trên.
2. Phân tích các khâu của quá trình giáo dục được thể hiện qua câu chuyện trên.
3. Đánh giá những phương pháp giáo dục mà giáo viên và tập thể đã sử dụng.
4. Đánh giá cách tổ chức buổi sinh hoạt lớp đó.

2. VỀ TÌNH BẠN, TÌNH YÊU

Sau giờ giảng văn ở lớp 11A, các em học sinh xúm xít quanh cô giáo để hỏi về tình yêu của anh Trỗi và chị Quyên trong tác phẩm "*Sống như anh*". Chẳng mấy chốc giữa các em và cô giáo đã nảy ra một cuộc tranh luận về tình bạn và tình yêu.

Khi về phòng nghỉ của giáo viên, cô giáo hào hứng kể lại cuộc tranh luận vừa qua. Một số đồng nghiệp đã tỏ ra không đồng tình với cuộc tranh luận về đề tài này:

– Trời ơi, tại sao em lại dám tranh luận với học sinh về đề tài này. Có hại đấy, chúng nó đã biết gì đâu, những lời em nói lại kích thích tính tò mò, làm rung động tình cảm của chúng mất thôi. Lần sau rút kinh nghiệm em nhé.

– Tình yêu với bạn bè thì việc gì phải nói. Đến một lúc nào đó thì người ta khắc biết mà thôi. Có ai dạy được ai yêu đâu mà.

– Không nên khuyến khích học sinh lao sâu vào đề tài này. Trong văn học còn nhiều đề tài khác đấy!

Câu hỏi

1. Cuộc tranh luận của giáo viên với học sinh về đề tài này là đúng hay sai? Những cuộc tranh luận như thế có tác dụng như thế nào?
2. Người giáo viên phải dẫn dắt học sinh như thế nào trong các cuộc tranh luận tương tự để xây dựng được những biểu tượng và khái niệm đúng đắn về thế giới quan, về đạo đức và thẩm mĩ?

3. CHIẾC BÚT MÁY BỊ THẤT LẠC

Giờ ra chơi vào, khi mở cặp để chuẩn bị sách vở đồ dùng cho tiết sau thì Uyên thấy chiếc bút máy mới tinh của mình đã không cánh mà bay. Em vội vàng thưa với cô giáo:

– Thưa cô, em bị mất bút ạ!

– Em yên tâm, chắc có bạn nào mượn, cuối giờ bạn ấy sẽ trả em.

Hết buổi học, chiếc bút vẫn biệt vô âm tín.

Sáng hôm sau,cô giáo lại nói:

– Hôm qua chắc có em nào mượn em Uyên bút mà quên chưa hỏi bạn. Cô mong rằng em đó hôm nay sẽ gửi lại bạn.

Lời nói của cô giáo cũng như bị tan biến đi, chiếc bút vẫn chưa được trả về chủ cũ.

– Có em nào mượn bút của bạn Uyên thì hãy trả lại bạn! – Cô giáo kêu gọi với thái độ thuần khiết hơn – Cô nghĩ rằng cả cô và các bạn đều không nghĩ tới điều xấu nhất là trong lớp có một kẻ lấy cắp.

Hai ngày nữa trôi qua, Uyên vẫn chưa nhận được chiếc bút bị mất. Qua theo dõi thái độ của từng em và dư luận của lớp, hôm ấy, sau khi xem quyển vở bài tập của Việt, cô giáo nói: – Tí nữa Việt ở lại nhé, một bài tập của em còn nhiều chỗ sai lắm.

Sau giờ học, khi chỉ còn lại hai cô trò, cô giáo nói với Việt:

– Việt này, chiếc bút đó chắc là đến một lúc nào đó sẽ được đem lại dùng chứ em nhỉ. Lúc ấy bố mẹ, thầy cô và nhất là các bạn sẽ phát hiện được kẻ lấy cắp. Lúc ấy mọi người sẽ nghĩ về cô, về học trò, về bạn mình thế nào Việt nhỉ. Việt đã nhận khuyết điểm của mình, đem trả lại bút và xin lỗi bạn.

Ngày hôm sau Uyên thông báo với cả lớp là mình đã tìm thấy bút.

Câu hỏi

1. Cô giáo đã làm tốt những khâu nào của quá trình giáo dục?
2. Qua câu chuyện có thể thấy được những đặc điểm nào của quá trình giáo dục?
3. Việc nắm vững quá trình giáo dục sẽ có tác động gì trong quá trình sư phạm của người giáo viên?

4. Gặp trường hợp trên, anh (chị) sẽ giải quyết như thế nào? Phân tích những tác động sư phạm của biện pháp đó.

4. EM ĐÃ THÍCH MÔN TOÁN

Nói chung học sinh sợ môn Toán vì đã khó lại còn nhiều bài tập. Đó là lẽ thường, nhưng đối với Vũ thì điều đó lại càng đặc biệt. Cậu thấy môn đó khô khan quá. Thầy giáo đã nhiều lần nhắc nhở, rồi khuyến khích, rồi lại kỉ luật, rồi lại tuyên dương nhưng trong những giờ Toán đầu óc cậu vẫn để đi đâu ấy. Cậu không nghĩ đến Toán học mà chỉ bày ra những trò nghịch ngợm vô bổ. Giờ Toán và thầy giáo đã trở thành gánh nặng đối với cậu, và cậu, trong giờ Toán cũng là một chướng ngại cho thầy giáo.

Thầy giáo đã trao đổi điều đó với cha mẹ Vũ và thường đến nhà Vũ. Qua những cuộc tiếp xúc như vậy thầy thấy Vũ rất thích làm mộc và rất khéo tay. Từ đó chiều chủ nhật nào thầy cũng đến làm mộc với Vũ, khi thì giúp Vũ đóng giá sách, khi thì Vũ đóng hộ thầy những đồ dùng dạy học, thước, compa... Vừa làm thầy vừa dần dà kể cho Vũ nghe về những nhà toán học, về những công trình sáng tạo của họ, thầy hướng dẫn Vũ những ứng dụng của toán học trong việc làm mộc... Từ đó những sản phẩm do Vũ làm ra mang nhiều nét khoa học hơn và Vũ cũng như xích lại gần hơn môn Toán. Cuối cùng Vũ cũng thấy được cái lợi của việc học giỏi tất cả các môn, kể cả môn Toán.

Bên cạnh đó thầy giáo còn kể cho các bạn nghe xem Vũ đã giải bài tập với thầy, Vũ đã áp dụng Toán học để đóng một cái giá sách, một cái bàn nhỏ... như thế nào cho vừa đẹp vừa tốn ít gỗ. Những lúc như thế Vũ thích và ngượng đỏ cả mặt, trong lòng em dâng lên niềm vui sáng tạo.

Câu hỏi

1. Những nguyên tắc giáo dục nào đã làm cơ sở cho việc tác động đến Vũ? Thầy giáo đã thực hiện những nguyên tắc đó như thế nào?
2. Qua câu chuyện có thể thấy những đặc điểm gì trong quá trình giáo dục Vũ? Những đặc điểm đó đã được thể hiện như thế nào?
3. Hãy nêu lên những ví dụ cụ thể từ việc quan sát những hiện tượng giáo dục tương tự trong thực tế, qua sách báo hay của cá nhân bạn.

5. BẠN HỎI, CHÚNG TÔI XIN TRẢ LỜI

Ở trường tôi có câu lạc bộ giải đáp thắc mắc. Nếu có điều gì băn khoăn về các môn học, về những hiện tượng thực tế, về cuộc sống... xin mời bạn hãy đến câu lạc bộ. Một bạn trực câu lạc bộ sẽ hướng dẫn bạn ghi câu hỏi vào phiếu. Ba ngày sau bạn sẽ tìm được sự chỉ dẫn trên báo bảng. Những câu hỏi của các bạn trường tôi đặt ra trong ngày hôm nay là: "Hãy cho biết những thành tựu nổi bật của ngành du lịch vũ trụ? ", "Khối lượng trái đất là bao nhiêu?", "Hãy cùng giải với tôi một bài tập vừa sưu tầm được", "Thế nào là tình bạn chân chính?", "Chơi thân với một bạn gái có phải là bước mở đầu của tình yêu không?", "Sự giả dối thường hiện diện ở những khía cạnh nào?"...

Xin giới thiệu thêm với bạn, để trả lời được những câu hỏi này là bộ óc tập thể của các thầy cô giáo và nhiều học sinh giỏi trường tôi. Nhiều khi những câu trả lời lại chỉ hướng dẫn cho bạn tự tìm thấy câu trả lời trong các sách báo mà thôi. Câu lạc bộ cũng thường xuyên đặt ra nhiều câu hỏi

cho chúng trả lời và tự làm theo. Những bạn thực hiện tốt sẽ giành được giải thưởng.

Câu hỏi

1. Đánh giá việc tổ chức công tác giáo dục như vậy đối với những học sinh trường PTTH.
2. Những câu lạc bộ loại đó sẽ làm tốt được những khâu nào của quá trình giáo dục? Mối liên hệ giữa các khâu của quá trình giáo dục sẽ thể hiện như thế nào trong nội dung hoạt động của câu lạc bộ đó.

6. BÀI PHÁT BIỂU

Bước vào phòng bí thư chi bộ là một thanh niên tầm thước, khoẻ mạnh. Anh là bí thư Đoàn TNCS nhà trường. Anh nói:

– Thưa thầy, sắp tới có Hội nghị tổng kết công tác Đội toàn tỉnh, trường ta được cử một số đại biểu và đọc tham luận. Theo ý kiến thầy chúng ta nên cử ai đọc tham luận và những ai đi dự hội nghị?

Thầy bí thư chi bộ cười trả lời:

– Việc cử ai là ý kiến của Ban chấp hành Đoàn trường, tôi không can thiệp vào đâu. Anh về tổ chức họp Ban chấp hành tối sẽ xuống dự.

Sau buổi họp, thầy bí thư chi bộ giữ anh bí thư Đoàn và đoàn viên G, là người được cử đọc tham luận tại hội nghị ở lại.

– Việc cử ai đi dự thì chúng ta làm rồi. Thế còn bản tham luận các anh định chuẩn bị thế nào?

– Thưa thầy, em đã viết sẵn cả rồi – Anh bí thư Đoàn

mau mắn rút từ trong cặp ra một tập giấy – G chỉ việc đọc thật hay thôi.

Thầy bí thư chi bộ cười hỏi:

– Thế sao anh không trình bày tham luận đó mà còn cử G làm gì?

Anh bí thư chi đoàn lúng túng:

– Thời gian gấp quá, em sợ G chuẩn bị không kịp.

Quay sang phía G, thầy bí thư hỏi:

– Trong những ngày đầu em đến với chi đội Lê Văn Tám như thế nào? Các em đó có nghe lời em ngay không? Em đã dẫn dắt các em đó trở thành chi đội khá nhất huyện nhà như thế nào? Em hãy kể lại cho thầy nghe đi.

G kể. Ban đầu em còn lúng túng, còn sau đó câu chuyện của em rành mạch và sinh động hẳn lên.

Thầy bí thư chi bộ nghe G kể hết sức chăm chú, đôi khi thầy hỏi em thêm về những chi tiết chưa thật rõ, cuối cùng thầy bảo:

– Em về viết lại những lời kể này nhé. Đó sẽ là bài phát biểu chân thực và hay nhất của em đấy – Quay sang anh bí thư Đoàn thầy dặn – Anh duyệt lại và nhớ là đừng viết hộ.

Câu hỏi

1. Hãy phân tích và đánh giá những biện pháp giải quyết vấn đề nêu trên của thầy bí thư chi bộ và bí thư Đoàn trường.
2. Trong trường hợp này thầy bí thư chi bộ đã sử dụng những nguyên tắc giáo dục nào và đã sử dụng như thế nào?

9. CÔ CẦN SỰ TỰ GIÁC

Cuối buổi học, cô Mạnh hỏi:

– Hôm qua ai đánh gãy ghế của lớp. Cô cần sự tự giác của các em.

Cả lớp cúi đầu im lặng. Bỗng Trần đứng dậy:

– Thưa cô hôm qua bạn...

– Không, em trả lời sai câu hỏi rồi – Cô Mạnh cắt ngang câu trả lời của Trần – Cô muốn bạn nào đánh gãy ghế tự nhận lỗi trước lớp cơ mà.

Đến lúc này Hữu mới nặng nề đứng dậy:

– Thưa cô, hôm qua em mải nghịch nên đánh gãy ghế của lớp, em xin lỗi cô và các bạn.

Cô giáo nhắc nhở Hữu và các bạn phải biết giữ gìn và bảo vệ của công. Cô khen Hữu đã biết tự giác. Trước khi ra khỏi lớp, cô hỏi:

– Giờ sau các em có kiểm tra Sử phải không? Các em sẽ làm bài như thế nào?

Cả lớp 6I ồn ào hẳn lên.

– Thưa cô, tốt ạ.

– Thưa cô, không quay cóp ạ.

– Thưa cô, tự giác làm bài ạ.

Cô Mạnh liền nói:

– Cô tin rằng các em sẽ thực hiện điều mình vừa nói như các em vừa thể hiện.

Câu hỏi

1. Cô giáo đã sử dụng những biện pháp nào để giáo dục tính trung thực cho học sinh?
2. Vì sao cô giáo lại không muốn nghe lời báo cáo của Trần?
3. Những biện pháp giáo dục đó của cô giáo đã thể hiện sự quán triệt các nguyên tắc giáo dục nào?

8. MẤT LÒNG TIN

Giờ học nào cũng thế, cứ vào được mấy phút là Xuân lại xin phép ra ngoài, hay tệ hơn là cậu bỏ luôn ra quán nước ngoài trường ngồi. Mà có ở trong lớp thì Xuân xin phép ra ngoài là các thầy cô phẩy tay mời ra luôn, có cô còn bĩu môi nhìn Xuân bước ra. Một lần Xuân nghịch quá, thầy địa lí rất nhẹ nhàng xuống vỗ vai Xuân:

– Xuân ơi, em ra ngoài kia mà chơi kìa! Giờ của tôi là em cứ ra ngoài kia chơi cho các bạn học nhé. Tôi không mắng đâu!

Bẵng đi một thời gian không thấy Xuân đến trường. Các thầy cô đều thở phào nhẹ nhõm. Hôm nay Xuân đến trường xin lại học bạ. Thầy hiệu phó hỏi em:

– Tại sao không đi học nữa? Em định xin việc ở đâu?

Xuân cười chua chát, trả lời:

– Có ai thích dạy em đâu hả thầy. Mà em bé thế này thì biết xin việc ở đâu. Em là thằng dốt nát, lại hay phá phách – Các thầy cô đều bảo thế. Thôi, thầy cho em bỏ học để khỏi ảnh hưởng tới nhà trường, tới các thầy cô, tới các bạn. Dù sao em cũng là đồ bỏ đi rồi.

Câu hỏi

1. Có ý kiến gì về cách xử sự của thầy cô giáo với Xuân?
2. Hãy xây dựng kế hoạch tác động sư phạm tới Xuân làm cho Xuân có hứng thú học tập. Hãy lí giải xem những biện pháp giáo dục đó phù hợp với các nguyên tắc giáo dục nào?

9. BÁC PHỤ TRÁCH THIẾU NIÊN

Một số em nhỏ thường tụ tập trước cửa nhà tập thể vào các buổi tối. Các em trêu chọc các bạn gái, nói bậy, hút thuốc lá phì phèo. Trong đó có một em đầu trò tóc tai bù xù, có điệu cười mỉa mai, mồm méo xệch.

Một bác đã già, về hưu thường tìm cách lân la chuyện trò với các em. Bác đã biết được hoàn cảnh từng em trong khu nhà. Thông qua em đầu trò bác đã nhờ các em đóng hộ một số thùng rác bằng gỗ tạp. Lúc đóng xong mấy bác cháu liên hoan bằng bánh kẹo. Các em đòi bác mua thêm thuốc lá nhưng bác không đồng ý. Sau đó bác đến trường các em học đề nghị nhà trường tuyên dương các em về việc giúp đỡ vệ sinh ở khu tập thể. Bác cũng đề nghị Ban quản lí khu tập thể nêu gương các em. Một số em rất thích thú và đề nghị bác cho dọn vệ sinh trong khu nhà, làm sân chơi. Bác đồng ý! Thế là từ đó mọi người trong khu tập thể bắt đầu nhìn các em bằng con mắt thiện cảm hơn. Dần dà có rất nhiều em tham gia. Bác chia các em thành từng nhóm. Các em lớn phụ trách các em bé. Đội này thi đua với đội kia. Nền nếp của các em trong khu tập thể đã khá hơn.

Câu hỏi

1. Qua câu chuyện nêu trên có thể rút ra những kết luận gì

về ý nghĩa của sự kết hợp giữa nhà trường với xã hội trong việc giáo dục học sinh?

2. Trong trường hợp này bác về hưu đã vận dụng những nguyên tắc giáo dục nào?
3. Tại sao bác về hưu lại đề nghị khen thưởng các em trước một việc làm chưa thật tự giác?

10. ĐỘI TRINH SÁT PHÁO BINH

Lớp 9E do thầy Đậu Đình Hoà làm chủ nhiệm có một tật xấu chưa khắc phục được, đó là bệnh quay cóp. Phê phán, phân tích, thậm chí thi hành kỉ luật một số em nhưng xem chừng vẫn chưa có kết quả. Sau khi thầy trò đi xem bộ phim "Lá cờ chuẩn" về, thầy chợt nảy ra sáng kiến. Thầy tuyên bố lớp sẽ thành lập một đội trinh sát pháo binh, ai muốn noi gương anh bộ đội trinh sát thì xung phong. Đội trinh sát có nhiệm vụ giống như anh Lục trong phim là thấy địch xuất hiện ở đâu thì cắm cờ cho pháo binh ta tiêu diệt. "Địch" trong lớp ta là hiện tượng quay cóp. Ở đâu có hiện tượng đó thì chiến sĩ trinh sát cầm cờ trắng "Pháo binh ta" xác định toạ độ nổ súng tiêu diệt luôn.

Chỉ sau một thời gian ngắn, nhìn lại sơ đồ lớp học (theo cách gọi của lớp 9E là bản đồ tác chiến), cờ đỏ của ta chiếm lĩnh hết, cờ trắng bị xoá sạch.

Câu hỏi

1. Biện pháp giáo dục mà thầy Hoà cách ra đã được vận dụng dựa trên nguyên tắc nào?
2. Đánh giá biện pháp giáo dục trên của thầy Hoà.
3. Muốn thực hiện được biện pháp đó, tập thể lớp phải có những điều kiện gì? Tại sao?

11. BỨC THƯ CỦA CÔ GIÁO TRẺ

Thưa thầy, thế là em ra trường đã được một năm rồi. Nhà trường đã trang bị cho chúng em biết bao kiến thức, nhưng dường như cả kho hành trang này còn quá ít ỏi so với thực tế thầy ạ.

Suốt một năm qua em giảng dạy và chủ nhiệm ở một lớp 6. Có những lúc em cảm thấy như bất lực trước một số học sinh. Ở lớp em có một học sinh gái. Nó có một tính xấu và một biệt tài là nói điêu và dựng chuyện. Dường như là lừa dối được mọi người và nhất là cô giáo chủ nhiệm là niềm vui của nó. Em đã gặp riêng, chỉ cho nó rõ tác hại của việc nói dối, nó vẫn chứng nào tật ấy. Em đã cho học sinh trong lớp sưu tầm những mẩu chuyện về nói dối để đọc trong các buổi sinh hoạt và người đọc chính là nó, nhưng nó vẫn trơ như đá vậy. Em đã tới gia đình, gặp bố mẹ nó để trao đổi, thế mà nó... vẫn vậy!

Vậy còn biện pháp nào giáo dục cho nó tính trung thực nữa không hả thầy?

Câu hỏi

1. Cô giáo đã sử dụng những biện pháp gì để giáo dục học sinh?
2. Thử nêu lên những nguyên nhân tạo cho cô giáo đó vận dụng không thành công những phương pháp giáo dục.
3. Thử đề xuất những phương pháp giáo dục để giải quyết vấn đề trên.

12. KẺ LƯỜI TRỰC NHẬT

Vừa bước vào lớp, cô Lai đã nhíu mày. Lớp bẩn quá! Cô hỏi cả lớp:

– Hôm nay đến lượt bạn nào trực nhật nhỉ?

– Tại sao em lại không trực nhật?

– Em không thích! – Sau một lúc đứng im. Văn miể cưỡng trả lời.

Mặt cô giáo thoáng đỏ lên. Cô hỏi lại, giọng nghiê khắc hơn:

– Ngày mai em sẽ trực nhật lại chứ? Có thể hôm nay e đến muộn phải không?

– Thưa cô, em không thích trực nhật!

– Tại sao lại "không thích" được? – Cô giáo ôn tồn hỏi Trong tập thể, không thể nói là thích hay không thích. E thử suy nghĩ xem, cả lớp có 40 học sinh thì những ngày qu các bạn đã lần lượt làm cả rồi. Em có gì đặc biệt hơn cá bạn? Cô nhắc lại, đối với nghĩa vụ của mình thì không th nói thích hay không thích mà phải thực hiện. Chắc rằng e cũng muốn ngồi học trong một lớp sạch sẽ. Chắc em khôn muốn trở thành một kẻ ăn bám. Em ngồi xuống suy nghĩ l rồi hãy trả lời cô.

Sáng hôm sau Văn đi sớm trực nhật. Sau đó em chạy tìm cô giáo:

– Thưa cô, em đã trực nhật rồi. Nhưng em không mu trực nhật với bạn Lân, lần sau cô đừng bắt em trực nhật v bạn ấy.

Cô giáo khen ngợi Văn:

– Em đã suy nghĩ đúng rồi đấy. Còn điều em đề nghị, e hãy nói với lớp trưởng. Chính lớp trưởng phân công các c trực nhật đấy chứ.

Câu hỏi

1. Cô giáo đã sử dụng phương pháp nào để tác động tới Văn? Đánh giá hành vi của cô giáo.
2. Vì sao cô lại không chấp thuận lời đề nghị của Văn mà bảo em nói với lớp trưởng?

13. TRUYỀN TIN

Nhiều giáo viên dạy lớp 6C than phiền rằng dạo này lớp quá ồn vì các em mới nghĩ ra một trò chơi mới: viết vào những mẩu giấy rồi ném cho nhau.

Trong giờ ngữ pháp của giáo viên chủ nhiệm, sau khi gọi một học sinh lên bảng ông thấy Vi lúi húi viết gì vào một mẩu giấy rồi ném cho bạn ngồi ở dãy bên cạnh. Mấy bàn tay giơ ra chặn đường bay của viên giấy.

– Em đang làm gì đấy Vi? – Thầy giáo hỏi mắt nhìn thẳng vào cô học trò đang luống cuống. – Em ra khỏi chỗ nhặt tờ giấy mang lên đây cho tôi.

Vi nặng nề rời chỗ nhặt mảnh giấy, bối rối vò nát trong tay. Em không biết nên mang lên cho thầy giáo hay vứt đi.

– Em cứ mang lên đây. Tôi sẽ không đọc những điều bí mật của em đâu.

Vi mang mẩu giấy đặt lên bàn giáo viên.

– Bây giờ, cất hết sách vở đi. Tôi sẽ đáp ứng nguyện vọng của các em. – Thầy giáo nói tiếp. – Chúng ta sẽ viết tất cả những điều bí mật vào giấy và ném cho nhau. Nếu giờ này chưa hết, ta sẽ viết cả trong giờ ra chơi, thậm chí cả những tiết sau nữa.

Vi đứng lên:

– Thưa thầy chẳng có gì bí mật cả đâu. Thầy cứ đọc rồ dạy chúng em học ạ.

Thầy giáo mở mẩu giấy đọc nhẩm: "Lan ơi, có đi xen phim không tớ đợi ở cửa nhà hát nớn nhé?". Sau đó thầy viế lên bảng và gọi các em khác nhận xét về lỗi chính tả và các đặt câu. Thầy gọi tiếp nhiều em khác lên đặt câu và nhậ xét. Cả lớp lại chuyển sang học ngữ pháp lúc nào chẳng rõ.

Câu hỏi

1. Thầy giáo chủ nhiệm đã sử dụng biện pháp gì để ngă chặn trò chơi của học trò trong lớp? Đánh giá những biệ pháp đó của thầy giáo.
2. Trình độ nghiệp vụ sư phạm của thầy giáo đã đóng va trò quan trọng như thế nào trong giờ học.
3. Nếu gặp trường hợp trên sẽ có thể có những biện phá giải quyết nào của giáo viên? Phân tích những tác độn sư phạm của biện pháp đó.

14. BIẾT LỰA CHỌN

Có lần, một em cán bộ lớp tôi mất một số tiền thu củ các bạn. Tôi không tán thành hình thức khám người như mộ số em đề nghị, không phải chỉ vì khả năng tìm thấy tang vậ rất ít do địa hình khu vực lớp và thời gian phát hiện mấ tiền chậm. Cái chính là vì cách làm đó xúc phạm đến lòng t trọng của các em.

Tôi đề nghị mỗi em cho biết ý kiến nhận xét của mìn vào một mảnh giấy, không ai trao đổi với ai. có nói về cả lí d nhận xét.

Tôi quan sát tất cả các em. Khi không có chứng cớ thì phải tin vào trực giác.

Tham khảo nhận xét của các em, kết hợp với nhận xét chủ quan của mình, hôm sau tôi quyết định nói chuyện "riêng" với một em mà không để cho những em khác biết có cuộc nói chuyện ấy.

Ngồi đối diện với em này, qua thái độ, cử chỉ, nhất là cách em nhìn tôi, tôi thấy không lầm. Cái khó là làm thế nào để cho em phải tự nhận khi không "Bắt tận tay day tận trán". Tôi đặt em trước một sự lựa chọn như thế này:

– Tôi không có chứng cớ, nhưng nhìn em và qua ý kiến nhận xét của 17/56 bạn (con số nghi ngờ tập trung cao nhất, những trường hợp khác rất lẻ tẻ), tôi thấy điều mà tôi và các bạn nghi ngờ em là đúng.

Nếu em nhận và trả lại số tiền thì tôi coi đó là một thái độ dũng cảm. Đánh giá cao lòng dũng cảm ấy, tôi sẽ không thi hành kỉ luật. Cũng không công bố điều ấy với các bạn. Chỉ thông báo rằng người lấy đã tự giác nhận với tôi mà thôi. Chỉ có một điều kiện duy nhất: Từ nay cho đến chết, em không lấy bất kì vật gì không phải của mình. Điều cam kết này phải viết thành văn bản. Tôi cũng không trao đổi với bố mẹ em vì tin rằng em sẽ không bao giờ lặp lại một việc làm tương tự. Còn nếu tái phạm thì tất cả mọi việc sẽ được công bố. Kỉ luật sẽ được cộng thêm cả quá khứ lỗi lầm.

Còn nếu em không có được lòng dũng cảm đó, tôi sẽ nói điều nghi ngờ của tôi, của các bạn trong lớp về em. Chắc em cũng biết rằng người ta không thể nào sống được trong không khí nghi ngờ, ghẻ lạnh, xa lánh của những người xung quanh.

Tôi để cho em trả lời sau một đêm suy nghĩ. Nhưng em

đã trả lời sau khi tôi nhắc lại lần thứ hai những điều trên. Con người ta luôn luôn đứng trước một sự lựa chọn. Phải dạy các em biết lựa chọn đúng để hành động đúng ngay cả khi sai lầm.

Câu hỏi

1. Hãy đánh giá về mặt sư phạm của việc làm trên.
2. Cách giải quyết của bạn như thế nào đối với trường hợp trên?

15. SỰ THỐNG NHẤT TRONG GIÁO DỤC

Làn gió nhẹ thổi vào lớp làm bay tung mấy mẩu giấy vụn. Cô giáo gọi:

– Tuân, em nhặt giúp cô mấy mẩu giấy bỏ vào sọt rác. Tuân miễn cưỡng đứng lên:

– Thưa cô, em có xả rác ra đâu mà cô bắt em nhặt ạ? – Nói xong cậu ngồi phịch xuống.

Cô giáo không nói gì, lẳng lặng bước từ trên bục giảng xuống nhặt mẩu giấy bỏ vào sọt.

Cả lớp giật mình, không ngờ cô giáo lại làm như vậy. Các em nghĩ cô sẽ gọi người khác lên nhặt giấy và mắng cho Tuân một trận về tội vô lễ. Những cặp mắt bất bình đổ dồn về phía Tuân rồi cụp xuống. Tất cả như cảm thấy mình có lỗi.

Sau giờ học các bạn đều lao đến chất vấn Tuân. Tất cả đều bắt em phải xin lỗi cô giáo. Hết buổi học Tuân lê bước đến phòng giáo viên. Cô giáo đi ra như không thấy Tuân. Tuân muốn gọi cô giáo lại để xin lỗi nhưng miệng em khô đắng. Xin lỗi cô giáo thật khó quá.

Về đến nhà Tuân không buồn ăn cơm nữa. Mẹ hỏi em, em cũng chẳng buồn trả lời. Hai ba ngày sau Tuân vẫn vậy. Em muốn bạn nào đó nói với mẹ để mẹ quở mắng em và sẽ bày cho em cách xử sự. Nhưng mẹ vẫn không biết gì hết. Mẹ vẫn tưởng Tuân ốm hết lòng săn sóc em.

– Mẹ, mẹ ơi, con có lỗi với cô giáo? – Tuân nói với mẹ rồi bật khóc. – Con buồn lắm.

– Con đã biết khuyết điểm rồi, vậy con đã xin lỗi cô giáo chưa? – Mẹ hỏi sau khi nghe Tuân kể lại câu chuyện.

– Con đã gặp nhưng cô giáo không nói gì cả. Mẹ Tuân nói:

– Cô muốn con suy nghĩ thật sâu sắc đấy. Con đã phạm khuyết điểm với cô giáo và với cả lớp. Con phải xin lỗi cô giáo trước cả lớp. Mẹ mong con trai của mẹ là người dũng cảm.

Câu hỏi

1. Việc cô giáo tự nhặt mấy mẩu giấy đã tác động đến Tuân và cả lớp như thế nào?
2. Giải thích sự tác động của bà mẹ và ảnh hưởng của bà tới những hành vi sau này của Tuân.
3. Giữa bà mẹ và cô giáo có sự thống nhất như thế nào trong việc giáo dục Tuân.

16. Ý KIẾN CỦA BẠN?

Một học sinh lấy cắp của bạn cùng lớp một số tiền. Tập thể lớp hết sức bất bình trước hiện tượng đó nên đã tiến hành điều tra hết sức gay gắt. Trước tình hình đó em học sinh đã tự thú với giáo viên chủ nhiệm về hành động sai trái của mình và tha thiết đề nghị cô giáo giữ kín chuyện này. Cô

giáo nhận lời và đã hành động đúng như vậy.

Trước cách giải quyết trên của cô giáo, có hai luồng ý kiến khác nhau:

1. Đồng ý với cách giải quyết như vậy của cô giáo. Theo họ, cách giải quyết đó là tâm lí giúp em học sinh đó giữ được uy tín trước tập thể, qua đó có thể sửa chữa vươn lên.

2. Không đồng ý vì cho rằng đó là kiểu giáo dục tương tự như con chiên xưng tội trước cha cố, thiếu sự vận dụng sức mạnh của tập thể học sinh trong công tác giáo dục.

Câu hỏi

1. Bạn có ý kiến gì với hai ý kiến nêu trên?
2. Trước trường hợp đó bạn sẽ giải quyết như thế nào? Trên cơ sở nguyên tắc giáo dục, hãy lí giải tính chất đúng đắn trong cách giải quyết của mình.

17. CÂU CHUYỆN CỔ TÍCH

Quái lạ, tại sao hôm nay lớp lại ồn thế nhỉ? – thầy Thuần thoáng nghĩ. Thầy nói:

– Nếu các em trật tự, cuối giờ tôi sẽ tặng cả lớp một câu chuyện cổ tích.

Giờ học nghiêm túc trôi qua một cách nhanh chóng. Thực hiện lời hứa của mình, thầy Thuần bắt đầu kể:

– Ngày xửa, ngày xưa con người sinh ra không phải như thế này. Người ta có những hai cái mồm và chỉ có một cái tai. Dần dần, vài người mới thấy được sự bất tiện. Khi nói thì hai cái mồm cùng tranh nhau nói, chẳng thể nào nghe rõ. Còn một cái tai thì nghe được ít quá. Lúc đó họ mới lên trình bày

với trời. Trời thấy lời tâu của họ cũng có lí và sửa lại cho người có hai cái tai và một mồm như ngày nay. Dụng ý của trời là để loài người nghe nhiều mà nói ít.

Câu hỏi

1. Đánh giá phương pháp sư phạm của thầy Thuần.
2. Câu chuyện của thầy Thuần nêu ra có ý nghĩa như thế nào?

18. NÓI VÀ LÀM

Cô học sinh lớp 12 Nguyễn Hồng Vân rất có khả năng về môn văn, đa số các bài viết của em đều được các thầy cô lưu lại làm hồ sơ giảng dạy. Trong những bài văn của em trích dẫn và nói nhiều đến những nét đẹp trong lối sống về việc xây dựng con người mới Việt Nam XHCN. Nhưng cô giáo chủ nhiệm lại nhận thấy Vân là một kẻ ích kỉ, không thích tham gia các hoạt động tập thể, chưa có uy tín với các bạn trong lớp.

Cần có những biện pháp giáo dục như thế nào để tác động tới Vân?

19. HAI CẬU HỌC SINH

Ở lớp tôi có hai cậu học sinh đặc biệt.

Em thứ nhất là Cương. Cương có khả năng học giỏi về môn Vật lí nhưng đáng tiếc em lại quá say mê nghệ thuật. Gần như tất cả thời gian em dành cho mơ ước làm đạo diễn sân khấu. Tôi đã cố gắng thuyết phục Cương là: “Làm bất kì nghề gì cũng cần một vốn văn hoá tối thiểu. Đặc biệt tại sao em có khả năng về môn vật lí mà lại để cho nó bị mai một đi. Sao em lại không gắng làm một đạo diễn sân khấu mang nhiều dấu ấn khoa học nhỉ...”. Cương tỏ ra thích thú với gợi ý của tôi và em cũng lao

vào học. Những kiến thức toán học bị rơi rụng rất nhiều làm Cương chưa đạt kết quả cao của vật lí học như khả năng mà em vốn có. Tôi phải nhờ thầy cô giáo dạy toán bổ túc thêm cho em. Bây giờ thì Cương đã trở thành một nhà vật lí học trẻ tuổi có nhiều hứa hẹn. Cương luôn cảm ơn tôi về cái đích nghề nghiệp mà tôi đã chỉ ra cho em trong những ngày đi học.

Cậu thứ hai là một học sinh hết sức nghịch ngợm, có nhiều cá tính độc đáo. Em luôn mong muốn mình có một nghị lực kiên cường, lòng dũng cảm vô biên và ý chí mạnh mẽ. Thế nhưng em học rất tồi, không bao giờ làm hết các bài tập và nếu có làm thì hết sức cẩu thả. Đối với cậu tôi rất nghiêm khắc, thậm chí còn gay gắt nữa. Tôi yêu cầu em hết sức cao và có lần đã nói thẳng với em rằng chỉ những người nào không có nghị lực, không có lòng dũng cảm và cũng chẳng có ý chí gì cả mới tự buông thả mình và không phấn đấu được thành học sinh giỏi. Cũng có lần tôi đã chế giễu em đã lùi bước trước một bài học thuộc lòng hay một bài văn. Kết quả là cuối năm học, khả năng và kết quả học tập của em đã có một bước tiến nhảy vọt.

Câu hỏi

1. Có thể giải thích gì về thành công của người thầy giáo trong việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh của mình?
2. Người thầy giáo đã dựa trên những nét tính cách nào của học sinh để sử dụng phương pháp giáo dục phù hợp với từng em?

20. BÀI VĂN KHÔNG NỘP

Hôm ấy trả bài tập làm văn, thầy giáo Trọng rất ngạc nhiên khi thấy cô bé Ngọc không có bài. Ngọc vốn là một học

sinh khá văn. Bài viết của em có cảm xúc tốt và đôi khi có những chi tiết rất tinh tế. Trọng lấy làm lạ; chẳng lẽ Ngọc không làm được bài? Lần trước, khi ra đề bài về làm ở nhà, anh tin rằng em nào cũng làm tốt cả: "Hãy kể lại những kỉ niệm về bố em".

Trọng hỏi:

– Ngọc, sao em không làm bài?.

Ngọc ngập ngừng đứng dậy, nó không dám nhìn vào mắt thầy.

– Thưa thầy... em chưa làm xong ạ.

– Thôi được, em ngồi xuống. Mai em phải nộp bài cho thầy, rõ chưa?

Trọng đợi bài nộp muộn của cô học trò giỏi văn với những ý nghĩ vui vui: Chắc Ngọc muốn viết bài này thật hay đây. Hôm sau vào lớp, Trọng không thấy Ngọc. Lạ thật, hay là Ngọc ốm? Không, đúng là Ngọc chưa làm xong bài nên sợ gặp thầy. Nhưng tại sao với đề văn ấy, Ngọc lại lúng túng nhỉ?.

Khi Ngọc đi học trở lại. Trọng bình tĩnh, cố không hỏi gì đến bài văn. Anh đợi khi Ngọc nộp bài sẽ tự nói ra lí do. Nhưng đến cuối buổi học, Ngọc vẫn không nộp bài. Và lạ chưa, em có vẻ như lảng tránh ánh mắt của thầy. Trọng giữ Ngọc lại. Anh hỏi nghiêm khắc:

– Ngọc, sao đến hôm nay em vẫn không nộp bài?

– Thưa thầy... em không làm được ạ.

– Sao? Em không làm được? Thế chẳng lẽ em không có một tí kỉ niệm nào với bố em hay sao?

– Thưa thầy... em không có bố. Ngọc khóc thành tiếng.

Trọng giật mình, anh không ngờ có chuyện ấy. Anh kêu thầm trong đầu: Tại sao mình không hình dung được tới trường hợp đơn giản như vậy! Cô bé lầm lũi bước, quên cả chào thầy.

Trọng đến nhà Ngọc mới rõ. Bố Ngọc mất từ khi em chưa ra đời... Anh không trách Ngọc nữa, mà lại trách mình chưa thật sự quan tâm đến hoàn cảnh của từng học trò...

Câu hỏi

1. Hãy nêu nhận xét của bạn về sự việc trên.
2. Nếu gặp trường hợp tương tự, anh (chị) sẽ giải quyết như thế nào?.
3. Qua câu chuyện trên, anh (chị) rút ra những kết luận sư phạm gì đối với nghề nghiệp của mình.

21. MỘT CÁCH XỬ TRÍ

Trống vào học đã gióng lên, nhưng học sinh vẫn còn thói quen chưa tốt: cứ đứng lang thang ở cạnh cửa sổ và các bậc cầu thang. Thấy bóng cô giáo Nhung bước tới đầu bậc cấp, các em chạy vụt lên và thông báo vội cho nhau:

– Nhung lên! Nhung lên!

Cô giáo Nhung nghe rõ mồn một nhưng vẫn điềm tĩnh bước vào lớp và nói:

– Một số em vừa chạy từ dưới cầu thang lên còn mệt lắm phải không? Thôi ngồi nghỉ thở một tí cho lại sức rồi cố tập trung nghe cô giảng bài mới. Hôm nay bài hơi khó.

Tiết học diễn ra tốt đẹp.

Cuối buổi hôm ấy, có tiết sinh hoạt lớp. Cô giáo tranh thủ nhắc:

– Nghe trống, các em nên vào lớp ngay chờ thầy, cô vào. Đừng để đến khi thấy giáo viên lên mới chạy vội vào gọi nhau thì không được trật tự. Và khi vội như thế thì dễ có kiểu xưng hô bảo nhau ngắn cụt, không thích hợp. Ví dụ như đầu giờ sáng nay đáng lẽ phải thông báo đủ: "Cô giáo Nhung lên" nhưng vì vội quá có em đã gọi gọn lại là "Nhung lên". – Cô dừng một lát. – Song trong trường hợp này nếu cần phải dùng hai tiếng trong số bốn tiếng đó nên chọn hai tiếng nào các em?

– Cô lên, cô lên!

– Đúng, các em chọn hai tiếng đó vừa gọn, vừa lịch sự. Em nào sáng nay chọn vội, chưa đúng thì rút kinh nghiệm nhé.

Các em nhìn nhau cười, cảm động. Từ đó, hiện tượng như thế không diễn ra nữa.

Câu hỏi

Cô giáo Nhung đã sử dụng biện pháp gì để giáo dục học sinh? Khẳng định tính đúng đắn của biện pháp đó trong trường hợp này.

22. CẬU HỌC TRÒ NHÚT NHÁT

Một học sinh tên là Y thường đạt điểm dưới trung bình trong các môn học. Đi sâu vào tìm hiểu cô giáo chủ nhiệm thấy được Y là một học sinh rất nhút nhát, thiếu tự tin. Em luôn bối rối và sợ sệt mỗi khi bị các thầy cô gọi lên bảng. Những lúc ấy dù có rất thuộc bài em cũng không bao giờ được điểm cao. Trong giờ học, trước câu hỏi của cô giáo không bao giờ em dám giơ tay phát biểu. Em nói rất nhỏ – đó là một điểm yếu nữa của em. Đầu tiên là các thầy cô giáo rồi sau đó là chính em cũng không tin vào khả năng học của em

nữa. Các bài kiểm tra bị điểm kém dần đi. Em ít học bài hơn vì nghĩ đằng nào mình cũng bị điểm kém.

Câu hỏi

Thử suy nghĩ một hệ thống các biện pháp giáo dục để giúp em học sinh nói trên tiến bộ khắc phục dần tính nhút nhát, thiếu tự tin của mình.

25. PHƠI MƯA

Bước vào lớp, thấy bàn ghế xộc xệch, phòng học còn chưa quét dọn, cô Trí – giáo viên chủ nhiệm lớp bực lắm. Mặc dù trời mưa phùn nặng hạt nhưng cô vẫn kiên quyết bắt cả lớp ra sân trường xếp hàng cho nhóm trực nhật vào quét lớp, kê lại bàn ghế. Từ trên hiên cô quát xuống:

– Còn kêu ca nỗi gì? Các anh các chị ngồi trên đống rác con chịu được cơ mà!

Chờ cho nhóm trực nhật làm xong thì nhiều em đã thấm lạnh.

Câu hỏi

1. Phân tích và đánh giá việc sử dụng phương pháp trách phạt của giáo viên.
2. Thử hình dung trong tâm hồn học sinh sẽ diễn ra những tình cảm gì khi phải chịu những hình phạt đó.
3. Gặp phải trường hợp trên bạn sẽ có phương pháp giáo dục học sinh như thế nào?.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: 136 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04.37547735 | **Fax:** 04.37547911
Email: hanhchinh@nxbdhsp.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

LÍ LUẬN GIÁO DỤC

PHAN THANH LONG (Chủ biên)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc ĐINH NGỌC BẢO
Tổng biên tập ĐINH VĂN VANG

Người nhận xét:
PGS.TS. NGUYỄN THANH BÌNH
TS. LÊ TRANG ĐỊNH

Biên tập nội dung:
NGUYỄN NGỌC HÀ

Kĩ thuật vi tính:
TRỊNH CAO KHẢI

Trình bày bìa:
PHẠM VIỆT QUANG

Mã số: 01.01.415/1001 – ĐH 2013
In 1.000 cuốn, khổ 14,5×20,5cm, tại Trung tâm NC&SX Học liệu – Trường ĐHSP Hà Nội
Đăng kí KHXB số: 74-2013/CXB/415-84/ĐHSP ngày 14.1.2013
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2013